

HỒ SƠ ĐỆ TỬ QUỐC TẾ VIỆT NAM
(TẬP 2)

TỦ SÁCH NGHIÊN CỨU
2000

Hồ sơ Đề tứ Quốc tế Việt Nam (tập 2)

In lần thứ nhất

**Tủ sách Nghiên cứu
Boite Postale 246
75224 Paris Cedex 11
France**

mấy lời nói đầu

"*Hồ sơ Đệ tứ*" tập 1 ra đời đã lâu. Nay, chúng tôi mới có điều kiện xuất bản "*Hồ sơ Đệ tứ*" tập 2 để tiếp tục thực hiện một chương trình còn bỏ dở.

Cũng như cuốn "*Hồ sơ Đệ tứ*" tập 1, chúng tôi lựa chọn hai loại bài để đưa vào cuốn tập 2 này. Loại thứ nhất, chiếm đa phần, là các văn kiện của những người trót-kít, có tính chất tiêu biểu cho thái độ và lập trường của tổ chức Đệ tứ. Loại thứ hai là những văn kiện của các tác giả ở ngoài tổ chức Đệ tứ. Trong số những tác giả này, có người chống đối chúng tôi kịch liệt, coi chúng tôi như kẻ thù truyền kiếp. Có người, mặc dù bất đồng ý kiến chính trị với chúng tôi, nhưng vẫn biểu lộ cảm tình cá nhân, trên phương diện tình cảm. Bất luận thái độ của các tác giả nói trên ra sao, một khi họ đã viết và nói về Đệ tứ, chúng tôi nhận thấy cần phải lưu ý đến họ. Cho nên, chúng tôi đã đăng lại một số bài viết của họ.

Đối với những văn kiện loại thứ nhất, chúng tôi có sửa chữa một số câu, chữ, cốt làm sao cho câu văn chính hơn, sáng sủa và mạch lạc hơn. Nhưng tuyệt đối, chúng tôi không sửa chữa nội dung căn bản của các bài viết.

Đối với những văn kiện loại thứ hai, chúng tôi in nguyên văn, không sửa chữa.

Có những bài, vì quá dài, chúng tôi buộc phải lược đi một số đoạn không liên quan trực tiếp đến đề tài. Khi làm việc này, chúng tôi đã thận trọng xin phép các tác giả và thận trọng không làm sai ý kiến của họ.

Xuất bản những tập "*Hồ sơ Đệ tứ*", chúng tôi muốn ôn lại một số tư liệu của Đệ tứ và của các khuynh hướng chính trị khác, trong thời gian vừa qua. Chúng tôi mong rằng những tư liệu của quá khứ sẽ giúp chúng ta - bạn đọc và chúng tôi - rút ra những bài học bổ ích cho hiện tại và tương lai.

Một dân tộc mà quá khứ bị che lấp hay bị giấu kín, là một dân tộc thiếu cơ sở vững chắc để tiến bước.

Paris, tháng Tám 2000
Hoàng Khoa Khởi

BA LÁ THƯ TỪ TRUNG-QUỐC*

(Hồ Chí Minh)

Lá thư thứ nhất.

VỀ CHỦ NGHĨA TỜ-RỐT-XKI

Kweilin, ngày 10 tháng Năm năm 1939

Các bạn thân mến,

Trước kia, chủ nghĩa Tờ-rốt-xki đối với tôi cũng như đối với nhiều người khác, hình như là một vấn đề tranh cãi trong nội bộ giữa các phe phái khác nhau của Đảng Cộng sản Trung-quốc. Bởi vậy, chúng tôi không lưu ý đến nó. Nhưng ít lâu trước khi xảy ra chiến tranh - nói đúng hơn là hồi cuối năm 1936, và nhất là trong thời gian chiến tranh, những sự cố động đầy tội lỗi của bọn tờ-rốt-xkit đã làm cho chúng tôi sáng mắt ra. Thế là chúng tôi bắt đầu nghiên cứu vấn đề. Và việc nghiên cứu đó đã chứng minh cho chúng tôi thấy như sau:

1. Vấn đề chủ nghĩa Tờ-rốt-xki không phải là sự tranh cãi trong nội bộ Đảng Cộng sản Trung-quốc, vì giữa những người cộng sản và bọn tờ-rốt-xkit không có quan hệ, hoàn toàn không có quan hệ gì với nhau cả. Nhưng đây là một vấn đề liên quan đến toàn quốc, toàn dân: một vấn đề chống lại Tổ quốc.

2. Bọn phát-xít Nhật và bọn phát-xít nước ngoài đều biết rõ điều đó, bởi vậy chúng cố ý gây mỗi bất hòa để lừa gạt thiên hạ và làm mất uy tín của những người cộng sản, chúng làm cho người ta tưởng rằng những người cộng sản và bọn tờ-rốt-xkit là cùng một cánh với nhau.

3. Bọn tờ-rốt-xkit Trung-quốc (cũng như bọn tờ-rốt-xkit nước ngoài) không lập thành nhóm, càng không lập thành chính đảng. Chúng chỉ là **những bè lũ bất lương, những con chó săn của chủ nghĩa phát-xít Nhật (và của chủ nghĩa phát-xít quốc tế).**

4. Trong tất cả các nước, bọn tờ-rốt-xkit đều dùng những tên gọi hoa mỹ để che giấu những công việc bẩn thỉu của chúng. Chẳng hạn: ở Tây-ban-nha, chúng gọi là "*Đảng công nhân thống nhất mác-xít*" hoặc "*POUM*". Chắc các bạn cũng biết rằng chính bọn chúng đã tổ chức tất cả những tổ do thám ở Ma-đơ-rít, ở Bắc-xơ-lon và ở các nơi khác để phục vụ cho Phờ-răng-cô. Chính chúng đã tổ chức cái "*đội quân thứ 5*" nổi tiếng để giúp làm nội ứng cho các quân đội phát-xít Ý - Đức. Ở Nhật-bản, chúng gọi là "*MEL*" (Đồng minh Mác, Ăng-ghen, Lê-nin). Bọn tờ-rốt-xkit Nhật dụ dỗ thanh niên vào trong đồng minh rồi tiếp đó chúng đi tố cáo họ với sở cảnh sát. Chúng còn mưu toan chui vào Đảng Cộng sản Nhật-bản cốt để phá hoại nó. Tôi cho rằng bọn tờ-rốt-xkit Pháp hiện giờ cũng đang tập hợp chung quanh nhóm "*Cách mạng vô sản*" và nhiệm vụ của chúng là phá hoại Mặt trận nhân dân. Về việc này, chắc các bạn biết rõ hơn tôi. Ở nước Trung-hoa chúng tôi¹, bọn tờ-rốt-xkit liên kết với nhau chung quanh nhóm "*Tranh đấu*", nhóm "*Chiến tranh chống Nhật và văn hóa*" và nhóm "*Cờ đỏ*".

5. Bọn tờ-rốt-xkit không chỉ là kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản, mà còn là kẻ thù của nền dân chủ và tiến bộ. **Đó là bọn phản bội và mật thám tồi tệ nhất.**

* Ba lá thư này rút từ cuốn "*Hồ Chí Minh toàn tập*" (tập 3, trang 97-98-99-109-113).

Chúng tôi giữ nguyên vẹn cách diễn đạt và cách viết các danh từ riêng của tác giả.

¹ - Xem chú thích 1, cuối trang 60 và chú thích 17, trang 445 ("*Hồ Chí Minh toàn tập*", tập 3).

Chắc các bạn đã đọc bản án xử bọn tở-rớt-xkít ở Liên-xô. Nếu các bạn chưa đọc thì tôi khuyên các bạn nên đọc và làm cho bạn bè mình cũng đọc nó. Đọc bản án này rất bổ ích. Nó sẽ giúp các bạn thấy rõ bộ mặt thật đáng ghê tởm của chủ nghĩa Tở-rớt-xki và bọn tở-rớt-xkít. Ở đây, tôi xin phép các bạn chỉ trích dẫn vài đoạn trong bản án có liên quan trực tiếp đến Trung-quốc thôi.

Trước tòa án, tên tở-rớt-xkít Ra-cốp-xki khai như sau: Năm 1934, khi hắn còn ở Tô-ki-ô (với tư cách là đại diện Hội chữ thập đỏ Liên-xô), một nhân vật cao cấp trong chính phủ Nhật đã nói với hắn:

"Chúng tôi có quyền mong đợi ở những người tở-rớt-xkít một sự thay đổi về sách lược. Tôi không cần đi sâu vào chi tiết. Chỉ cần nói rằng chúng tôi mong đợi ở họ những hành động thuận lợi cho sự can thiệp của chúng tôi vào công việc của Trung-quốc".

Ra-cốp-xki trả lời với tên Nhật: *"Tôi sẽ viết thư cho Tở-rớt-xki về vấn đề này"*. Đến tháng Chạp năm 1935, Tở-rớt-xki ra chỉ thị cho những tên Trung-quốc đồng bọn của hắn, và nhắc đi nhắc lại rằng: *"Đừng gây trở ngại cho cuộc xâm lược của Nhật-bản ở Trung-quốc"*.

Như vậy là bọn tở-rớt-xkít Nga muốn bán cho đế quốc Nhật không chỉ những phần đất của Tổ quốc mình - Xi-bê-ri và những tỉnh ven biển - mà chúng còn muốn bán cho đế quốc Nhật cả Tổ quốc chúng tôi - nước Trung-hoa nữa!

- Thế thì bọn tở-rớt-xkít Trung-quốc đã thành động như thế nào? Rõ ràng các bạn sẽ nôn nóng hỏi tôi như vậy.

- Nhưng, thưa các bạn thân mến, chỉ trong bức thư sau, tôi mới có thể trả lời các bạn được. các bạn há chẳng đã dặn tôi viết những bài ngắn đó sao?

Mong sớm được gặp lại các bạn.

P.C.LINE

In trên báo *"Tiếng nói của chúng ta"*
(Notre voix), ngày 23 tháng 6 năm 1939.

Dịch theo bài in trên báo *"Tiếng nói của chúng ta"*.

*

Lá thư thứ hai.

HOẠT ĐỘNG CỦA BỌN TỜ-RỚT-XKÍT TRUNG-QUỐC

Các bạn thân mến,

Trước khi trả lời câu hỏi của các bạn về hoạt động của bọn tở-rớt-xkít Trung-quốc, trước hết cho phép tôi giới thiệu với các bạn nửa tá những tên đầu sỏ, quá ư phản bội đã từng làm rạng danh *"quốc tế IV"*. Đó là: Trần-Độc-Tú, Bành-Thuận-Chi, La-Hán, Diệp-Thanh, Trương-Mộ-Đào, Hoàng-Công-Lược.

Theo thứ tự thời gian, sau đây là những việc chúng đã làm:

Tháng Chín 1931, trong khi quân đội Nhật xâm chiếm Mãn-châu, sở mật thám Nhật ở Thượng-hải đã bắt liên lạc với ba tên trước. Hai bên đã ký kết với nhau một hiệp định: Nhóm tở-rớt-xkít cam kết không tiến hành một cuộc tuyên truyền nào chống lại cuộc xâm lược của Nhật. Sở mật thám Nhật thì cam kết sẽ trả cho nhóm tở-rớt-xkít mỗi tháng 300 đô-la, cùng những khoản tiền trả thêm cho cân xứng với những *"công việc đã làm được có kết quả"*.

Thế là Trần-Độc-Tú và đồng bọn bắt tay ngay vào công việc. Với tiền bạc của Nhật chúng cho xuất bản những tạp chí và những tập trào phúng để truyền bá những tư tưởng như là: *"Chiếm Mãn-châu, người Nhật chỉ mong giải quyết nhanh chóng những vấn đề còn đang tranh cãi, chứ họ không hề có chút ý đồ nào xâm lược Trung-quốc"*.

Những mục trên các tờ báo tở-rớt-xkít vừa rao thì đến lượt Thượng-hải bị bọn Nhật tấn công, vào tháng Giêng năm 1932.

Lúc đó, bọn tở-rớt-xkít nói như thế nào? Chúng có thừa nhận là chúng phạm sai lầm không? Chúng có thôi làm việc cho kẻ xâm lược không? Hoàn toàn không? Trong khi binh sĩ của

lộ quân thứ 19 hy sinh xương máu của mình để bảo vệ đất nước thì bọn tờ-rốt-xkít, trên lời nói cũng như trong hành động đã phạm hết tội phản bội này đến tội phản bội khác. Một mặt chúng viết:

"Cuộc chiến tranh ở Thượng-hải không có quan hệ đến nhân dân. Đó không phải là một cuộc chiến tranh dân tộc cách mạng. Đó là một cuộc chiến tranh giữa bọn đế quốc với nhau". Và mặt khác, chúng phao tin đồn nhảm, đưa ra những khẩu hiệu có tính chất thất bại chủ nghĩa, làm lộ những kế hoạch phòng thủ, v.v...

Không phải chỉ có thế đâu. Những tên tờ-rốt-xkít khác như Hoa-Văn-Khôi và Cung-Tân-Thư đã chui vào trong cuộc bãi công của công nhân Thượng-hải, chúng bí mật liên lạc với sở cảnh sát và bọn chủ Nhật, và làm đủ mọi cách để phá hoại phong trào. Thậm chí, chúng còn mưu toan bắt đi cả những người cầm đầu giỏi nhất của cuộc bãi công.

Năm 1933, nguyên soái Phùng-Ngọc-Tường và tướng Cát-Hồng-Xương, một đảng viên cộng sản đã tổ chức một đội quân chống Nhật ở Kal-gan. Trong thời kỳ này, Đảng Cộng sản đang còn hoạt động bí mật, việc liên lạc giữa miền Trung và miền Bắc đang khó khăn. Lợi dụng tình hình đó, tên tờ-rốt-xkít Trương-Mộ-Đào, tự xưng là *"đại diện Đảng Cộng sản"* và tìm cách biến sự nghiệp chống Nhật thành một cuộc nội chiến, bằng cách đưa ra khẩu hiệu: *"Đi với Nhật, chống lại Tưởng-Giới-Thạch"*. Hắn bị tướng Cát lột mặt nạ và tổng cổ đi. ít lâu sau đó, tướng Cát nhân có công việc phải đi đến Thiên-tân, Trương-Mộ-Đào liền cho người ám sát ông.

Trong thư sau, tôi sẽ kể để các bạn rõ về việc bọn tờ-rốt-xkít Trung-quốc tiếp tục phản bội Tổ quốc của chúng như thế nào.

Chào thân ái

P.C.LINE

In trên báo *"Tiếng nói của chúng ta"* (Notre voix), ngày 7 tháng 7 năm 1939.

Dịch theo bài in trên báo *"Tiếng nói của chúng ta"*.

*

Lá thư thứ ba.

HOẠT ĐỘNG CỦA BỌN TỜ-RỐT-XKÍT Ở TRUNG-QUỐC

Các bạn thân mến,

Trong những thư trước, tôi đã kể với các bạn về bọn tờ-rốt-xkít ăn lương của tụi Nhật, đã tìm cách phá hoại như thế nào cuộc đấu tranh anh hùng ở Thượng-hải và sự nghiệp yêu nước ở Kal-gan. Hôm nay, tôi lại kể tiếp với các bạn câu chuyện về tội ác của chúng.

Rút lui về Phúc-kiến, lộ quân thứ 19 lại tiếp tục chiến đấu. Nó tổ chức một chính phủ chống Nhật và bắt đầu cuộc vận động thành lập mặt trận duy nhất bằng cách ký kết một hiệp nghị với Hồng quân Trung-quốc. Ít lâu trước đó, lộ quân thứ 19 là một trong những lực lượng đã từng hăng say chống cộng; nhưng trước tình hình Tổ quốc lâm nguy, nó đã quên hết hận thù để theo đuổi một mục đích duy nhất là chống quân xâm lược.

Theo lệnh của Nhật, bọn tờ-rốt-xkít đi ngay vào hoạt động. Một mặt, chúng kêu gọi chủ nghĩa địa phương của dân chúng để chống lại chính phủ mới - lộ quân thứ 19 từ Quảng-dông tới và - mặt khác, chúng tìm cách làm cho Hồng quân suy yếu. Cách chúng tiến hành để thực hiện nhiệm vụ thứ hai là như sau: chúng xin vào Hồng quân với tư cách là những phần tử cách mạng và để gây tin nhiệm, lúc đầu chúng làm việc rất tích cực. Một khi được đề bạt lên những cương vị ít nhiều có trọng trách, chúng bắt đầu làm những công việc tội lỗi. Xin nêu vài ví dụ: Trong chiến đấu, khi cần phải rút lui thì chúng tiến và khi cần tiến thì chúng rút lui. Chúng gửi quân nhu súng đạn đến những nơi không cần, nhưng những chỗ đang cần thì chúng lại không gửi tới. Chúng bôi thuốc độc vào những vết thương của chiến sĩ - nhất là cán bộ quân đội - cốt làm cho tay chân họ

bị cưa cụt đi, v.v... Những hành động tội lỗi đó đã được phát hiện khá sớm, thật may cho những người cộng sản!

Từ năm 1935, những người cộng sản đã bắt đầu một chiến dịch tuyên truyền rộng lớn cho mặt trận dân tộc chống Nhật. Nhân dân, nhất là công nhân và sinh viên, đã tích cực ủng hộ cương lĩnh đó. Trong Quốc dân Đảng, tư tưởng về mặt trận dân tộc đã có tiến bộ. Trong lúc đó người ta thấy bọn tờ-rốt-xkít vẫn đóng vai trò hai mặt. Vừa vu khống, vừa chia rẽ. Chúng nói với quần chúng: *"Đây! Thế là bọn cộng sản đã tự bán mình cho giai cấp tư sản rồi. Quốc dân Đảng sẽ không bao giờ chống Nhật đâu!"* Còn với Quốc dân Đảng thì chúng nói: *"Mặt trận dân tộc ư? Đó chẳng qua chỉ là một thủ đoạn của bọn cộng sản thôi. Nếu muốn đánh Nhật, trước hết phải diệt trừ bọn cộng sản!"*

Cuối năm 1936, trong sự biến Tây-an, chính sách đoàn kết chống Nhật đã thắng. Khi thấy âm mưu gây nội chiến của chúng bị thất bại, bọn tờ-rốt-xkít Trương-Mộ-Đào và Tạ-Duy-Liệt liền tổ chức vụ ám sát tướng Vương-Di-Triết, một trong số những người sốt sắng tán thành chủ trương về mặt trận dân tộc¹.

Bây giờ nói về năm 1937, thời kỳ sắp xảy ra chiến tranh. Toàn dân đều đoàn kết chống xâm lược. Tất cả mọi người, trừ bọn tờ-rốt-xkít. Những tên phản bội này, hợp lên lút với nhau, đã thông qua những "nghị quyết" mà sau đây là một vài đoạn: *"Trong cuộc chiến tranh chống Nhật này, thái độ của chúng tôi đã rõ ràng: những kẻ nào muốn chiến tranh xảy ra và có chút ít ảo tưởng về chính phủ Quốc dân Đảng; những kẻ đó đều là phản bội sự thật. Việc hợp tác giữa Đảng Cộng sản và Quốc dân Đảng chẳng qua chỉ là một sự phản bội có ý thức mà thôi..."* Và những thứ tội tệ khác cùng một loại như thế.

Chiến tranh đã đến gần. Những lời hứa hẹn của sở mật thám Nhật đã được vật chất hóa. Bọn tờ-rốt-xkít ở Thượng-hải được lĩnh mỗi tháng 100.000 đô-la để làm việc tại miền Trung và miền Nam đất nước. Bọn ở Thiên-tân và Bắc-kinh mỗi tháng lĩnh 50.000 đô-la để làm việc tại Hoa Bắc, nhằm chống lại Bát lộ quân và những tổ chức yêu nước khác.

Đến giữa năm 1937, bọn tờ-rốt-xkít đã bị khám phá và bị bắt trong đặc khu. Theo lời Tôn-Nghĩa-Hải thú nhận, chúng có nhiệm vụ: 1) phá hoại Bát lộ quân, 2) gây cản trở cho sự phát triển của mặt trận dân tộc, 3) do thám, và 4) tổ chức ám sát các nhà lãnh đạo.

Trước tòa án nhân dân của Đặc khu, tên tờ-rốt-xkít Hoàng-Phật-Hải, ngoài những điều khác ra, đã khai rằng trong cuộc gặp gỡ lần thứ tư, Trương-Mộ-Đào có dặn hẩn: *"Anh hãy nghiên cứu kỹ phương pháp và hệ thống tổ chức của Hồng quân. Sau đó, anh thành lập những trung tâm thanh niên để dùng vào việc phá hoại... Mục đích của chúng ta là gây rối loạn trong Hồng quân và trừ khử những tên chỉ huy của nó"*. Trương-Mộ-Đào còn dặn hẩn rằng: *"Dụ dỗ một bộ phận cán bộ cơ sở theo chúng ta, kêu gọi lòng nhớ quê hương của họ, khuyến khích họ đào ngũ bằng cách cho họ một ít tiền đi đường. Đó là một trong những phương pháp để làm cho quân đội tan rã"*.

Tên tờ-rốt-xkít Quách-Uẩn-Kinh thú nhận là Tôn-Nghĩa-Hải đã giao cho hẩn nhiệm vụ phải tuyên truyền chủ nghĩa thất bại trong đám chiến sĩ, bằng cách nói với họ rằng Trung-quốc không bao giờ thắng nổi vì *"ngay dù chúng ta có đánh đuổi được người Nhật đi chẳng nữa, thì người Mỹ và người Anh cũng sẽ áp bức chúng ta"*; rằng *"không những chúng ta sẽ không thắng nổi mà sẽ còn bị tiêu diệt nếu chúng ta đấu tranh"*; rằng: *"Trung-quốc quá yếu, không chống lại nổi Nhật-bản, Anh, Mỹ đâu!"* Và Trương-Mộ-Đào bổ sung những chỉ thị đó bằng cách nói thêm rằng: *"Phải lợi dụng chính sách mặt trận dân tộc để vu cáo bọn cộng sản, và để nói rằng chúng đã bán rẻ giai cấp vô sản, cốt để gây bất bình trong đám chiến sĩ..."*. Lấy cớ là để giáo dục, bọn tờ-rốt-xkít tổ chức những phần tử chậm tiến trong quân đội thành những nhóm trung tâm nhỏ, rồi lợi dụng những điều kiện sống gian khổ trong quân đội để khuyến khích họ đào ngũ mang theo cả vũ khí và câu kết với bọn thổ phỉ, gây rối loạn ở hậu phương trong khi Bát lộ quân đang ở ngoài mặt trận...

¹ - Phần tiếp theo in trên báo ngày 11 tháng 8 năm 1939.

Đó là những âm mưu của bọn tồ-rốt-xkít chống lại Bát lộ quân dân tộc cách mạng. Trong thư sau, tôi sẽ nói các bạn rõ về việc bọn phản bội đó đã dùng phương pháp đáng ghê tởm như thế nào để mưu làm tan rã các lực lượng chống Nhật khác.

LINE

In trên báo "*Tiếng nói của chúng ta*" (Notre voix), ngày 28 tháng 7 năm 1939 và ngày 11 tháng 8 năm 1939.

Dịch theo bài in trên báo "*Tiếng nói của chúng ta*".

Lê-nin-nít hay Tô-rôt-skít?*

(Hoàng Trung Thông)

Năm 1956, lợi dụng lúc Đảng ta phát hiện một số sai lầm trong công tác, một số phần tử cơ hội vội vàng níu lấy "*dịp may hiếm có*" ấy để tung ra đủ luận điệu, tấn công điên cuồng vào sự lãnh đạo của Đảng ta trên nhiều mặt đặc biệt là trên mặt văn nghệ. Bọn họ tưởng có thể há mồm thối ra những luồng gió độc là đủ làm khô héo hết cả vườn cây văn nghệ trẻ tuổi mà Đảng và nhân dân ta đã cố công vun trồng. Họ tưởng tung ra cái gậy tà thuật "*tự do vô chính phủ*" thì có thể đẩy giới văn nghệ ít nhiều được cách mạng rèn luyện sẵn sàng đi vào con đường đối lập với Đảng và nhà nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Và nhất là họ tưởng với áp lực của những luận điệu xét lại, tô-rôt-skít và của cái công ty lừa bịp "*ai viết người ấy chịu trách nhiệm*" là Đảng ta sẽ phải thay đổi đường lối văn nghệ, xa rời những nguyên tắc văn nghệ của Lê-nin, tự rút lui cương vị lãnh đạo của mình trên mặt trận văn nghệ nhường chỗ cho giai cấp tư sản và những tên đầy tớ tinh thần của chúng tha hồ hoành hành phá phách. Nhưng bọn họ đã thất bại một cách nhục nhã.

Như uống phải thuốc hùng hoàng, những tư tưởng mác-xít giả hiệu của họ đã hiện nguyên hình là những tư tưởng chống Đảng chống chế độ, chống tổ quốc chống nhân dân, những tư tưởng răn độc nguy hiểm. Có điều đáng lẽ phải từ bỏ những tư tưởng phản động nói trên công khai thừa nhận sai lầm của mình, thì những phần tử đó trước sau vẫn kiên trì những tư tưởng và hoạt động của họ được Mỹ Diệm ở miền Nam hết lời khen ngợi và khuyến khích.

Còn một ngày nào, những tư tưởng phản động chưa chịu hạ khí giới đầu hàng, chúng ta còn phải tiếp tục đấu tranh vạch trần những tư tưởng phản động đó, nâng cao cảnh giác cách mạng và ý chí phấn đấu cho đường lối văn nghệ của Đảng và giai cấp công nhân toàn thắng.

Trong số những người khoác áo Lê-nin-nít để xuyên tạc Lê-nin, phản lại Lê-nin, tuyên bố chịu sự lãnh đạo của Đảng để chống Đảng này, tôi muốn nói đến Trương Tửu (cố nhiên trong khi viết tôi sẽ vạch luôn chân tướng tư tưởng nhiều phần tử khác nữa chẳng hạn Nguyễn hữu Đang và cái công ty mác-xít giả hiệu kẻ hô người húng, kẻ hát người vỗ tay này).

Trương Tửu từ trước đến nay vẫn vỗ ngực tự nhận là một nhà "*lý luận văn học mác-xít*" (và sau này khi Cách mạng thành công thì nhận thêm là nhà "*mác-xít lê-nin-nít*"). Không kể những bài, những sách viết trước cách mạng sặc sụa những lý luận phản mác-xít, những lý luận kiểu tô-rôt-skít, sau Cách mạng tháng Tám, Trương Tửu có viết một quyển "*Tương lai văn nghệ Việt Nam*" (Hàn Thuyên xuất bản) và gần đây một số bài viết trong "*Giai phẩm*" mùa thu mùa đông (Minh Đức xuất bản) đề cập đến những vấn đề đường lối văn nghệ, quan hệ giữa văn nghệ và chính trị.

Cả hai bài này tuy thời gian viết cách nhau hàng mười mấy năm và cố nhiên có những chỗ khác nhau về chi tiết, căn bản là những bài tuyên truyền cho những quan điểm bịp bợm và phản động với dụng ý thần thánh hóa văn nghệ, đem văn nghệ đối lập với chính trị với sự lãnh đạo của Đảng đòi trả chuyên môn về cho chuyên môn, đòi cho văn nghệ có quyền phát hiện những "*sự thực toàn diện*" giúp cho giai cấp tư sản tấn công vào Đảng vào chế độ xã hội chủ nghĩa.

Bộc lộ trắng trợn nhất là trong những bài báo gần đây Trương Tửu lại nấp sau nhiều câu trích dẫn cắt xén của Lê-nin và tự chứng minh đường lối của Trương Tửu là đường lối lê-nin-nít,

* Bài viết này rút từ tập "*Chặng đường mới của văn học nước ta*" (Nhà xuất bản Văn học, 1961, trang 66-97). Trước đó, lần đầu tiên, khi đăng trên "Số đặc biệt thứ nhất chống Nhân văn Giai phẩm" của tạp chí "Văn nghệ" (số 11, tháng 4-1958), tác giả lấy tên là Hồng Vân.

Chúng tôi giữ nguyên vẹn cách diễn đạt và cách viết các danh từ riêng của tác giả.

còn Đảng ta, Đảng lãnh đạo văn nghệ trong bao nhiêu năm nay là *"đã không thực hiện đúng tinh thần của lý thuyết Lê-nin về quan hệ giữa văn nghệ và chính trị"*. (!)

Vậy Trương Tửu là gì? Lê-nin-nít hay là phản Lê-nin? Lê-nin-nít hay thực chất là tư-rốt-skit?

Bài viết này của tôi chỉ nhằm giải quyết vấn đề đó. Cũng vì chỉ nhằm giải quyết vấn đề này, cố nhiên tôi chưa phê phán hết mọi quan điểm lớn nhỏ của Trương Tửu, chỉ tập trung vào những điểm mà Trương Tửu cố tình xuyên tạc Lê-nin và nhai lại hoặc chế biến những luận điệu của bè lũ Tư-rốt-sky trong hoàn cảnh mới mà thôi.

I. Hoàn cảnh Liên-xô trong những năm khôi phục kinh tế và tiến lên xã hội chủ nghĩa

Tại sao tôi chưa đi thẳng ngay vào những *"luận điểm"* của Trương Tửu mà còn dài dòng nói đến những hoàn cảnh chính trị và đấu tranh tư tưởng trong văn học Liên-xô?

Chính là vì, trong bài viết của mình, dưới đề mục *"Tự do tư tưởng của người văn nghệ và sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Bôn-sê-vích"* Trương Tửu cố chứng minh rằng chỉ dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vích trong thời kỳ Lê-nin còn sống mới xác lập được quan hệ đúng đắn giữa văn nghệ và chính trị. Còn những Đảng khác cụ thể là Đảng lao động Việt Nam thì tinh thần lý thuyết của Lê-nin không được thực hiện đúng đắn. Dụng ý thật là thâm độc! Nhưng thâm độc hơn, Trương Tửu ngay khi đưa ra một cái mẫu về *"quan hệ giữa chính trị và văn nghệ"* kiểu Lê-nin (!) đã cố trình bày một cách xuyên tạc những ý kiến của Lê-nin và những quyết nghị của Đảng Bôn-sê-vích thành ra một thứ lý thuyết cơ hội chủ nghĩa, đồng lõa với luận điệu của bè lũ Tư-rốt-sky. Vạch toang cái màn dụng tâm đen tối đó ra, sẽ thấy rõ Trương Tửu là ai? Lê-nin-nít hay tư-rốt-skit?

Tôi muốn đi ngay vào hoàn cảnh Liên-xô trong những năm khôi phục kinh tế, thực hiện chính sách kinh tế mới. Cố nhiên vào khoảng trước Cách mạng tháng Mười, trong những năm 1905-1907 Lê-nin đã phải đấu tranh chống những khuynh hướng tự do vô chính phủ, những khuynh hướng tự do tư sản, vạch mặt những nhà *"mác-xít hợp pháp"* kiểu Strouvé, những nhà *"mác-xít"* nói thay cho giai cấp tư sản, nói những điều mà giai cấp thống trị muốn nói. Giới thiệu được thời kỳ này cũng rất hay vì nó sẽ giúp cho các bạn đọc liên hệ được với các nhà *"mác-xít hợp pháp"* ở nước ta kiểu nhóm Hàn Thuyên trong thời kỳ Pháp Nhật. Nhưng phạm vi bài này không cho phép. Tôi cũng không nói đến hoàn cảnh thời kỳ nội chiến ở Liên-xô mà một số nhà văn *"có tự do nội tâm"* *"có lương tâm nghệ thuật"* đã khom lưng cúi cổ làm tay sai cho bọn Bạch vệ và bọn đế quốc bên ngoài. Giới thiệu thời kỳ này không phải không giúp cho bạn đọc thấy rõ chân tướng của những bọn *"làm văn"* thực chất là những tên *"mật thám cầm bút"* kiểu Thụy An, Phan Khôi chuyên nghề tác động tinh thần nhưng lại luôn mồm nói đến *"nhân phẩm"* và ngang nhiên chửi các nhà văn kháng chiến là *"hèn"* là *"nô lệ cho chính trị"*...

Và thường là bọn dưới bọn trên và những thứ *"lương tâm nghệ thuật"* cặn bã, những *"điều tâm hồn"* phản phúc lại tìm gặp đến nhau: ngu ru tâm ngu ru, mã tâm mã.

Nhưng tôi muốn phân tích hoàn cảnh Liên-xô trong những năm trước sau thời kỳ khôi phục kinh tế và cuộc đấu tranh văn nghệ phức tạp gay go trong thời kỳ này, vì trong những bài viết của họ Trương Tửu và Nguyễn hữu Đang khi nói đến những ý kiến của Lê-nin khi nhắc đến nghị quyết của Đảng về thời kỳ đó thường cố giải thích như Lê-nin và Đảng chỉ chống giáo điều máy móc và để cho văn nghệ *"tự do không giới hạn"* tha hồ tự phát theo con đường nào thì theo. Họ không hề nhắc một chữ đến cuộc đấu tranh gay go chống những khuynh hướng đối lập với Đảng và Chính quyền Xô-viết của những phần tử văn nghệ sĩ tư sản và nhất là của bè lũ Tư-rốt-sky.

Vậy hoàn cảnh Liên-xô trong những năm thực hành kinh tế mới là gì?

Chúng ta đều biết những năm sau Cách mạng tháng Mười qua thời kỳ *"chính sách cộng sản thời chiến"* Lê-nin và Đảng cộng sản (b) đề ra chính sách kinh tế mới (N.E.P.) một chính sách

nhằm xây dựng nền kinh tế mới của đất nước Xô-viết nhằm củng cố khối liên minh kinh tế giữa công nhân và nông dân, nhưng đồng thời có buông lỏng một phần cho sự kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Một "giai cấp tư bản mới" phát sinh. Lê-nin chỉ ra rằng lúc đầu sự tự do thương mại sẽ làm cho chủ nghĩa tư bản phục hồi một phần nào ở trong nước. Nhưng sự phục hồi nhanh chóng của công nghiệp nhà nước sẽ đấu tranh loại trừ dần những vết tích của chủ nghĩa tư bản trong nước. Vì thế xây dựng "Tân kinh tế" là một cuộc đấu tranh giai cấp sống còn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. "Ai sẽ thắng ai" đó là câu hỏi đặt ra.

Bọn tả khuynh cho rằng thực hiện chính sách "Tân kinh tế" là bỏ rơi những thắng lợi của Cách mạng tháng Mười, trở lại chủ nghĩa tư bản, làm cho chính quyền Xô-viết chết. Bọn hoàn toàn đầu hàng như Tơ-rốt-sky, Di-nô-vi-ép, thì không tin ở khả năng phát triển xã hội chủ nghĩa trong một nước, họ "quỳ gối" trước uy lực của chủ nghĩa tư bản và vì muốn làm vững vị trí của chủ nghĩa tư bản trong nước Xô-viết, họ đòi phải có những nhượng bộ quan trọng đối với tư bản tư nhân trong nước cũng như ở ngoài nước. Cả hai bọn cũng đều đi ngược với chủ nghĩa Lê-nin. Đó là về mặt kinh tế.

Về chính trị mặc dầu bọn Men-sê-vích và bè lũ Tơ-rốt-sky đã thất thế, Đảng cộng sản (b) Liên-xô đã nắm vững quyền lãnh đạo cách mạng nhưng những hoạt động đối lập với chính quyền Xô-viết với Lê-nin và Đảng vẫn còn tồn tại. Các nhóm đối lập vẫn còn nằm trong Đảng, chia rẽ phá hoại Đảng. "Trong những ngày Lê-nin lâm bệnh nhất là sau khi Lê-nin mất, bọn Tơ-rốt-sky càng hoạt động già. Trước mắt bọn Tơ-rốt-sky công kích bộ máy của Đảng. Chúng hiểu rằng thiếu một bộ máy rường cột vững vàng thì Đảng không thể tồn tại, không thể làm việc được. Phải đối lập tìm cách lay chuyển phá hoại bộ máy ấy làm cho Đảng viên chống lại bộ máy của Đảng, khích cán bộ mới chống cán bộ cũ của Đảng. Trong thư, Tơ-rốt-sky nhằm vào thanh niên học sinh, nhằm vào các Đảng viên trẻ tuổi trong Đảng vì hai hạng này không biết lịch sử đấu tranh chống chủ nghĩa Tơ-rốt-sky như thế nào. Muốn thu phục thanh niên học sinh, Tơ-rốt-sky phỉnh nịnh họ gọi họ là cái "phong vũ biểu chắc chắn nhất của Đảng" đồng thời Tơ-rốt-sky tuyên bố rằng đội tiên phong cũ của chủ nghĩa Lê-nin đã thoái hóa rồi"¹.

Về văn học nghệ thuật trong thời kỳ này cũng xuất hiện nhiều nhóm văn học mà ở đây tôi thấy cần nhắc lại tên mà các khuynh hướng nghệ thuật, chính trị của nó. Những nhóm đó đã tung ra nhiều quan điểm khác nhau phản ánh rõ rệt cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt thời bấy giờ.

Ta có thể chia ra mấy luồng chính²:

1. Lý luận của Pơ-rô-lê-kun. Pơ-rô-lê-kun là Hội văn hóa vô sản thành lập từ trước Cách mạng tháng Mười. Họ gồm nhiều nhóm khác nhau và ý kiến cũng có những điểm khác nhau. Họ ít nhiều có công trong việc đấu tranh cho nền văn hóa vô sản. Nhưng vì máy móc hẹp hòi họ rơi vào những lý luận sai lầm. Thí dụ: họ cho rằng nền văn hóa tư bản là thối nát cực độ không có giá trị gì, và xây dựng văn hóa vô sản là phải cắt đứt với văn hóa cũ. Họ lẫn lộn văn nghệ và chính trị coi chủ nghĩa duy vật biện chứng với phương pháp sáng tác là một, họ đã kích kịch liệt nhóm "bạn đường" là nhóm mang nặng tư tưởng nghệ thuật tư sản nhưng một bộ phận lớn có khả năng đi với vô sản. Cuối cùng vì một bộ phận trong họ như Bogdanov v.v... là những phần tử trí thức tư sản cho nên họ cũng rơi dần vào lý luận nghệ thuật tư sản, thậm chí họ chủ trương tổ chức văn hóa vô sản độc lập với Đảng và chính quyền Xô-viết. Họ quan niệm rằng: "Hội văn hóa vô sản là tổ chức cao nhất của giai cấp vô sản về văn hóa cũng như Đảng là tổ chức cao nhất về chính trị". Một số trong bọn họ trở thành những phần tử tơ-rốt-skit. Tên tơ-rốt-skit A-véc-bát và công ty sau này lại lũng đoạn Hội RAPP (Hội nhà văn vô sản Liên-xô) đẩy Hội này đi vào con đường "tả" khuynh trở lại con đường của Pơ-rô-lê-kun thuở trước khiến Đảng phải ra nghị quyết cải tổ tổ chức của Hội đó.

2. Lý luận của bè lũ Tơ-rốt-sky. Bị thất thế về chính trị, bọn Tơ-rốt-sky vội vàng tìm cách gây ảnh hưởng của chúng trước tiên trên lĩnh vực văn hóa. Chúng hoạt động rất

¹ - Lịch sử Đảng cộng sản Liên-xô Sự thật xuất bản trang 116.

² - Muốn hiểu rõ tình hình này hơn nên xem quyển "Giới thiệu văn học Xô-viết" Nhà xuất bản Văn hóa xuất bản.

mạnh. Tô-rốt-sky viết khá nhiều về lý luận. Quyển *"Văn học và cách mạng"* của hắn có một ảnh hưởng nhất định trong đám văn nghệ sĩ tư sản. Hắn còn đọc nhiều *"diễn văn"* và *"tham luận"* trong các hội nghị văn nghệ. Ngoài lý luận ra, bọn tô-rốt-skit còn hoạt động bằng sáng tác, nhưng nguy hiểm nhất là chúng đã hoạt động chia rẽ, bè phái, đả kích, vu khống các nhà văn xuất sắc của nền văn học vô sản.

Luận điểm chính của bọn này là phủ nhận việc xây dựng một nền văn hóa vô sản vì chúng quả quyết không thể xây dựng xã hội chủ nghĩa trong một nước được. Chúng chủ trương chỉ có việc *"đồng hóa"* với văn hóa tư sản. Chúng đối lập văn nghệ với sự lãnh đạo của Đảng, đòi *"tự do tuyệt đối"* cho văn nghệ. Chúng đả kích việc Đảng dựa vào những nhà văn trung thành với giai cấp vô sản và đòi phải đoàn kết không điều kiện với nhóm *"bạn đường"* và coi nhóm này như *"trung tâm của văn học"*. Bọn chúng chẳng *"sáng tạo"* được tác phẩm gì ra trò ngoài sự vu khống và kêu rên giả tạo, và cuối cùng cái thuyết *"cách mạng thường trực"* của chúng chỉ còn để bênh vực cho những hành động *"thường trực phản cách mạng"* mà thôi.

3. Lý luận của Lê-nin và những nghị quyết của Đảng Mác-xít Lê-nin-nít. Trước hết, ta phải nói đến bài *"Tổ chức Đảng và văn học Đảng"* của Lê-nin viết năm 1905. Sau này những ý kiến của Lê-nin và các nghị quyết của Đảng cộng sản Liên-xô đều dựa trên cơ sở của bài diễn văn này.

Nội dung của tất cả những văn kiện kể trên đều là đấu tranh bảo vệ những nguyên tắc văn nghệ của Đảng, giữ vững sự liên hệ giữa văn nghệ và chính trị, văn nghệ phải là một bộ phận của sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản do Đảng lãnh đạo, đặt vấn đề tính Đảng của văn nghệ đồng thời cũng đề cập đến đặc điểm văn nghệ và phải dành phạm vi rộng rãi cho việc sáng tác văn nghệ, tính chủ động tích cực của người sáng tác văn nghệ.

Các văn kiện đó đều mang một tính chiến chiến đấu rõ rệt. Nó đấu tranh trên hai mặt: chống giáo điều máy móc và chống chủ nghĩa hữu khuynh cơ hội, chống những quan điểm nghệ thuật tư sản và chủ nghĩa tự do vô chính phủ.

Trong từng thời kỳ, những vấn đề được đặt ra có khác nhau nhưng nội dung cơ bản đều nhất trí¹.

Cả ba luồng luồng lý luận đó đã đấu tranh nhau sôi nổi, gay gắt, đúng như điều thứ 4 trong nghị quyết 1.7.1925 của Trung ương Đảng cộng sản Nga: *"Chính như cuộc đấu tranh giai cấp trong nước ta còn chưa chấm dứt, cuộc đấu tranh giai cấp trên mặt trận văn nghệ cũng còn chưa chấm dứt. Trong xã hội có giai cấp, không có mà cũng không thể có nghệ thuật trung lập tuy rằng tính giai cấp của nghệ thuật nói chung nhất là tính giai cấp của văn học, về hình thức biểu hiện so với chính trị càng nhiều màu nhiều vẻ hơn"*.

Nguyễn hữu Đang, Trương Tửu trong khi trích dẫn nghị quyết này đều không dám nhìn nhận một sự thực hiển nhiên đó mà nghị quyết đã vạch.

II. Lý luận và hoạt động của bè lũ Tô-rốt-sky về văn nghệ

Trong phạm vi bài này, tôi không trở về phân tích những khuynh hướng sai lầm của Pơ-rô-lê-kun (Proletkult) mà nhiều người đã biết, tôi sẽ nói nhiều đến lý luận và hoạt động của bè lũ Tô-rốt-sky mà Trương Tửu và công ty đã chế biến, nhai lại và coi như một *"bửu bối"* để tấn công vào đường lối văn nghệ của ta, tấn công vào sự lãnh đạo của Đảng.

Tôi sẽ không trình bày ra đây toàn bộ lý luận của bè lũ tô-rốt-skit và chỉ tập trung vào những luận điểm chính. Trong các thứ *"chủ nghĩa xét lại"* về văn nghệ có thể nói những luận điểm của bè lũ Tô-rốt-skit là trắng trợn nhất vì nó phủ nhận hoàn toàn việc xây dựng một nền văn hóa vô sản. Chúng lợi dụng lúc phê bình sự hẹp hòi máy móc của Pơ-rô-lê-kun là cắt đứt với di sản văn hóa cũ, *"xây dựng một nền văn hóa vô sản mới từ trên gò rơi xuống"* như Lê-nin đã nói

¹ Về nguyên lý chủ nghĩa Lê-nin về văn nghệ, ở đây tôi chỉ tóm tắt, tôi sẽ nói trong phần cuối cùng.

để đưa cái lý luận cơ hội chủ nghĩa của chúng ra. Trong quyển *"Văn học và cách mạng"* (trang 9) Tơ-rốt-sky đã viết:

"Chỗ khác nhau căn bản giữa giai cấp vô sản và chủ nô quý tộc phong kiến cho đến giai cấp tư sản là ở một điểm: giai cấp vô sản coi thời kỳ chuyên chính của mình là một thời kỳ quá độ rất ngắn. Giai cấp vô sản trong thời kỳ quá độ ngắn ngủi đó có thể sáng tạo ra một nền văn hóa mới không? Đề xuất nghi vấn này là có lý do của nó. Vì rằng thời kỳ cách mạng xã hội là một thời kỳ đấu tranh giai cấp quyết liệt trong đó phá hoại chiếm một vị trí nhiều hơn là xây dựng mới. Vì rằng lúc đó giai cấp vô sản cố nhiên ở trong một sự khẩn trương cao độ đến tính giai cấp toát ra một cách đầy đủ, tất nhiên tính khả năng xây dựng về văn hóa có kế hoạch không thể không bị giới hạn trong một phạm vi hết sức chật hẹp. Cho nên trong thời kỳ chuyên chính, chúng ta tuyệt nhiên không bàn đến sáng tạo văn hóa mới, tức là cơ hội xây dựng những giá trị lịch sử lớn nhất mà chỉ đến lúc không còn ở trong bộ máy bằng sắt mà gọi là chuyên chính thì lúc ấy mới có thể xây dựng được một nền văn hóa xưa nay chưa từng có mà lại là nền văn hóa không có tính giai cấp. Do sự thực đó mà không thể không đi đến kết luận rằng: văn hóa vô sản không những bây giờ không có mà tương lai cũng không thể có được".

Đó là một thứ lý luận cơ hội chủ nghĩa hết sức nguy hiểm. Ai cũng biết rằng từ cái thuyết *"cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể thành công trong một nước"* đi đến *"cách mạng thường trực"* "bộ máy bằng sắt gọi là chuyên chính" tất nhiên bè lũ Tơ-rốt-sky phải phủ nhận việc xây dựng văn hóa vô sản. Những lý do mà Tơ-rốt-sky nêu ra nào là *"đấu tranh giai cấp quá khẩn trương không có thì giờ nghỉ ngơi"* nào là *"phá hoại chiếm địa vị nhiều hơn xây dựng"* v.v... không đủ để bênh vực cho luận điệu cơ hội chủ nghĩa của hắn. Cùng trong quyển sách ấy hắn viết: *"Những danh từ như: văn học vô sản và văn hóa vô sản thật là nguy hiểm bởi vì những danh từ ấy hạn chế văn hóa của tương lai trong khuôn khổ của hiện tại"*.

Tại sao Tơ-rốt-sky kiên quyết chống văn hóa vô sản như vậy?

Chính đúng như trong Đại hội các nhà văn vô sản toàn Liên-xô (1-1925) đã vạch: *"Tơ-rốt-sky đưa ra cái lý do chúng ta đang hướng về xã hội vô sản, phủ nhận khả năng nghệ thuật và văn học của giai cấp vô sản, nhưng cũng cùng với lý do này chủ nghĩa Men-sê-vich phủ nhận sự tất yếu của chuyên chính giai cấp, nhà nước giai cấp, và cũng cùng với lý do này, chủ nghĩa vô chính phủ phủ nhận sự tất yếu của Đảng và nhà nước..."* Vì thế thực chất của lý luận không thể xây dựng văn hóa vô sản là muốn phủ nhận vô sản chuyên chính hay ít nhất cũng là muốn tách rời thậm chí đối lập việc xây dựng chính quyền vô sản với văn hóa vô sản.

Không xây dựng văn hóa vô sản thì xây dựng gì? Đó là chỗ bí của bè lũ Tơ-rốt-skit nhưng cũng là chỗ dụng ý của chúng. Tơ-rốt-sky cho rằng giai cấp vô sản chỉ cần *"đồng hóa với văn hóa tư sản"* nghĩa là đi theo con đường văn hóa tư sản.

Đồng chí Mao Trạch Đông trong bài nói chuyện về văn nghệ ở Diên-an đã nói, đó là một thứ nhị nguyên luận của Tơ-rốt-sky *"về chính trị theo chủ nghĩa Mác, về nghệ thuật theo giai cấp tư sản"*.

Từ lý luận hoàn toàn phản bội Lê-nin này, Tơ-rốt-sky và bè lũ cho rằng Đảng có thể *"can thiệp"* vào văn nghệ, nhưng chỉ *"lãnh đạo về phương hướng"* còn để cho văn nghệ được *"tự do tuyệt đối"*. Bọn chúng phản đối việc xây dựng đội ngũ văn học của giai cấp vô sản; đã kích những nhà văn phục vụ tích cực cho chính quyền Xô-viết và coi nhóm *"bạn đường"* như *"trung tâm của văn học"* trong khi Đảng chủ trương:

"Việc lãnh đạo về phương diện văn học ngay cả trong những phương tiện tư tưởng và vật chất tất cả đều thuộc về giai cấp công nhân. Quyền lãnh đạo của các nhà văn vô sản hiện nay còn chưa có, Đảng phải giúp cho các nhà văn đó tự nắm được cái quyền lợi lịch sử là quyền lãnh đạo này" (điều 9 của nghị quyết 1.7.1925). Và:

"Về quan hệ với nhóm 'bạn đường', phải chú ý: a) sự phân hóa của họ, b) tính chất trọng yếu của những 'chuyên gia' lãnh nghề về kỹ thuật văn học của nhiều người trong bọn họ, c) tình hình động dao của một số nhà văn đó. Ở đây phương châm chung là đặt quan hệ chiến thuật thật trọng đối đãi với họ tức là bằng cách nào cho họ mau chóng chuyển biến đến tư tưởng chủ nghĩa cộng sản. Trong lúc Đảng bài trừ những phản từ phản cách mạng và phản vô sản (hiện

nay ít đến nỗi không cần nói nữa), trong khi Đảng đấu tranh với tư tưởng của giai cấp tư sản mới hình thành trong hàng ngũ những người "bạn đường" thuộc bộ phận "Đổi mới". Đảng cần có thái độ kiên nhẫn đối đãi với hình thái tư tưởng trung gian, phải nhẫn nại giúp đỡ cho rất nhiều hình thái tư tưởng tất nhiên đó, mất dần trong quá trình công tác chặt chẽ với lực lượng văn hóa cộng sản chủ nghĩa" (điều 10 của nghị quyết trên).

Tất nhiên là khi trích dẫn nghị quyết này, Trương Tửu đã không trích dẫn điều 9 nói trên, vì Trương Tửu cũng "lý luận" như Tô-rôt-sky là Đảng không lãnh đạo "bằng tổ chức" và để cho văn nghệ sĩ "hoàn toàn tự do sáng tác". Đối với điểm nghị quyết sau thì Trương Tửu cũng không dám "phát hiện sự thật toàn diện" nốt; Trương Tửu cắt bẻng ngay đi cái khúc giữa nói về việc Đảng bài trừ những phần tử phản cách mạng và phản vô sản, đấu tranh với tư tưởng của giai cấp tư sản mới hình thành, và ghi thay vào đó bằng ba cái chấm (...) vì thực tế Trương Tửu cùng một nhận định với Tô-rôt-sky về nhóm "bạn đường" cũng khẳng định văn nghệ= sự thực, văn nghệ sĩ= phát ngôn nhân của "sự thực toàn diện", làm gì có hạng văn nghệ sĩ phản cách mạng, phản vô sản, làm gì có tư tưởng tư sản trong văn nghệ sĩ. Chỉ có tư tưởng phi vô sản trong Đảng mà thôi (!) Chỗ gặp gỡ thiêng liêng nhất giữa Tô-rôt-sky và Trương Tửu là ở đó.

Chẳng thế mà Trương Tửu đã cắt xén, xuyên tạc hẳn điều 12 trong nghị quyết nhấn mạnh về nhiệm vụ phê bình của Đảng như sau: "*Phê bình, một công cụ giáo dục chủ yếu mà Đảng nắm trong tay, nhiệm vụ nói chung là do tình hình trên quyết định. Phê bình cộng sản chủ nghĩa phải là một phút cũng không bỏ rơi lập trường cộng sản, may mắn cũng không vì phạm tư tưởng vô sản. Phải vạch trần ý nghĩa giai cấp khách quan của các tác phẩm văn học, đấu tranh không nhân nhượng với hiện tượng phản cách mạng trong văn học, bóc trần thủ chủ nghĩa tự do của nhóm "Đổi mới" v.v... Nhưng đồng thời đối với tất cả các nhóm văn học có thể và chắc chắn theo giai cấp vô sản thì phải tỏ ra hết sức chu đáo, thận trọng và nhẫn nại...*"

Cái điểm nghị quyết quan trọng này chỉ được Trương Tửu trích đoạn "*nhưng đồng thời...*". Còn phần trên Trương Tửu phớt đi không hề dám nhắc đến. Vì nếu Tô-rôt-sky đã đề cao nhóm "bạn đường" là "*trung tâm của văn học*" không vạch rõ tư tưởng tư sản trong bọn họ và Trương Tửu đã "*chót đề cao văn nghệ sĩ là siêu nhân, là vô sản*" nhất về tư tưởng là "*yêu sự thực hơn Đảng*" thì làm gì còn dám nói phê bình văn học là một công cụ của đấu tranh giai cấp? Là đấu tranh không nhân nhượng với hiện tượng phản cách mạng trong văn học?

Một điểm đặc biệt của lý luận Tô-rôt-skit về văn học trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa là xóa mờ tính chất giai cấp của văn học, đề cao hết sức đặc tính của văn nghệ và bản chất tiên bộ của văn nghệ sĩ, hạ thấp đến phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng về văn nghệ hoặc cho nó một cái danh không có thực. Các nhà lý luận kiểu đó từ Vô-rôn-sky đến Var-đin, từ Bu-kha-rin đến A-véc-bát lúc đầu tuy cũng có công kích Tô-rôt-sky điểm này hay điểm nọ, nhưng cuối cùng đều "*nói gót dừng cầm*" của nhau đứng về một trận tuyến: phản bội nguyên lý văn học của Lê-nin, đồng lõa với bè lũ Tô-rôt-sky phá hoại sự lãnh đạo về văn nghệ của Đảng và cuối cùng là phản cách mạng.

Bọn chúng đưa ra đủ các thứ lý luận duy tâm về văn nghệ dựa vào các tờ báo như "*Đất đỏ chưa khai hoang*" "*Xuất bản và cách mạng*" các tổ chức như "*Đường núi*" "*Xây dựng*" len lỏi vào các nhà xuất bản, các quỹ văn học, để cổ đẩy cái "*văn học chống cách mạng*" của chúng ra.

Bè lũ Tô-rôt-skit ra sức đả kích Gor-ky mà chúng gọi là nhà văn tiểu tư sản, mạt sát Mai-a-kốp-ski mà chúng gọi là "*nhà thơ cổ động*" nghĩa là phục vụ chính trị kịp thời của Đảng. Chúng cho rằng chính vì Mai-a-kốp-ski thiết tha phục vụ cho đường lối chính trị của Đảng nên trong tác phẩm, tính nghệ thuật càng nghèo nàn đi². Nhưng chính Mai-a-kốp-ski thì lại phê phán lại chúng. Mai-a-kốp-ski đã viết:

¹- Nhóm "Đổi mới" là một phái chính trị tư sản đẻ ra trong số những người tư sản Nga lưu vong ra ngoại quốc năm 1921. Họ ra tờ tạp chí lấy tên là "Đổi mới". Họ phản ánh quan điểm trí thức tư sản mong muốn chính quyền Xô-viết sẽ thoái hóa và đi vào con đường tư sản.

²- Việc Mai-a-kốp-ski bị thành kiến, đả kích là do bè lũ Tô-rôt-skit và Bu-kha-rin-nít, đả kích chủ yếu của chúng là vì Mai-a đã thiết tha phục vụ Đảng chứ không phải vì Mai-a tảo bạo, nói mặt xấu của đời sống Xô-viết mà bị công kích như bài tựa tập thơ Mai-a của Lê Đạt đã nói.

"Trong văn học, thiếu mục đích rõ ràng, thiếu tính khuynh hướng giai cấp, không đem thơ ca làm vũ khí đấu tranh đó là đặc trưng của chủ nghĩa xây dựng" (constructivisme)¹. Bọn tơ-rốt-skit lợi dụng những tác phẩm hoàn toàn vu khống xã hội Xô-viết của Da-mi-a-tin, Pê-ri-loóc, v.v... mà Mai-a-kốp-ski gọi là những tác phẩm "có thể tăng thêm kho thuốc nổ cho quân thù" "Giữa cái ngày hôm nay mây đen còn bao phủ thì đó cũng ngang như sự phản bội ngay giữa mặt trận"². Chúng dùng những tác phẩm kiểu ấy vào mục đích bôi nhọ Đảng và chính quyền Xô-viết để góp sức vào tiếng hô lừa bịp của chúng: "Đảng đã thoái hóa rồi!" "Sự xung đột giữa công nhân và nông dân tất sẽ xảy ra", "Chính quyền Xô-viết sẽ tan vỡ và chế độ xã hội chủ nghĩa không thể đứng vững được!" Chúng hô như vậy và chúng hành động cho đạt được âm mưu như vậy.

Cuối cùng Tơ-rốt-sky và bè lũ chỉ còn là một bọn phản cách mạng ti tiện nữa mà thôi. Cái "công ty chuyên nghề khiêu khích" có âm mưu phá hoại ở Việt Nam cũng đang học mót lấy những thủ đoạn tốt đẹp này. Chẳng thế mà khi Đảng cộng sản Liên-xô phục hồi cho một số đồng chí bị xử trí oan thì cái công ty đó vội truyền ra cái tin bịa đặt: "Tơ-rốt-sky được phục hồi rồi!" Thậm chí có phần tử vô ngực là âm lên rằng: "Trót-kít ở đây chứ ở đâu!" Thật thảm hại cho cái hy vọng mong manh của những phần tử cơ hội, của phường phản bội.

III. Lê-nin-nít hay tơ-rốt-skit?

Giữa chủ nghĩa Mác Lê-nin và luận điệu của bè lũ tơ-rốt-skit là một cái hồ hoàn toàn cách biệt nhau như nước với lửa như nóng với lạnh. Những kẻ muốn đem dung hòa hai lý luận đó đều bị thất bại thảm hại. Những kẻ muốn đem cái chiêu bài chủ nghĩa Mác - Lê-nin để che đậy cho những lý luận cơ hội chủ nghĩa tơ-rốt-skit lại càng thất bại nhục nhã. Vì để bên cạnh những ý kiến của Mác - Lê-nin, các quan điểm tơ-rốt-skit càng lộ nguyên hình như những hình thù xấu xa bị phơi bày ra ánh sáng.

Bọn tơ-rốt-skit trên thế giới cuối cùng đều tự lộ trần cái chân tướng phản bội của chúng và con đường dắt chúng đi đến đều là con đường khuất phục trước thế lực tư bản, chống cách mạng điên cuồng. Ở nước ta, bọn tơ-rốt-skit cũng không thoát ra ngoài cái quy luật nghiệt ngã đó. Hãy lấy ngay bọn Tơ-rốt-skit trong nhóm Hàn Thuyên (Cố nhiên những người cộng tác trong nhóm Hàn Thuyên không phải đều là tơ-rốt-skit cả, và có những người hiện nay tiến bộ). Bọn này chỉ "mác-xít" khi nào được đế quốc cho phép. Chủ nghĩa "mác-xít" đầu miệng của chúng hoàn toàn khác xa cái chủ nghĩa mác-xít của những người cách mạng bị giam cầm và cầm đoán. Mỗi bước ngoặt quan trọng của lịch sử, bọn chúng lại tự bóc trần ra cái chân tướng phản cách mạng phản lại chủ nghĩa Mác. Trong những ngày trước khởi nghĩa 1945, bọn tơ-rốt-skit Lương đức Thiệp, Nguyễn tế Mỹ đã trở thành những tên phản cách mạng hèn mạt. Ngày nay trong giai đoạn đất nước còn chia cắt, bọn tơ-rốt-skit Nguyễn đức Quỳnh, Lê văn Siêu công khai chửi chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa xã hội, chửi thuyết đấu tranh giai cấp, co lưng quỳ gối, ca ngợi, sùng bái chủ nghĩa "cần lao nhân vị" của bè lũ Mỹ - Diệm ở miền Nam. Bộ mặt thực "mác-xít" đẹp đẽ của chúng là như vậy!

Trương Tửu sau bao năm ngoài vùng hậu phương của kháng chiến vẫn chưa từ bỏ được quan điểm tơ-rốt-skit cũ của mình, gần đây lại trở về đường cũ, khoác thêm ngoài một chiếc áo mới: chủ nghĩa Lê-nin. Không thể nhầm lẫn được! Rút đi tất cả những ý kiến của Lê-nin mà Trương Tửu trích dẫn trình bày một cách xuyên tạc cắt xén ta sẽ tìm thấy bản chất tư tưởng của Trương Tửu: tư tưởng tơ-rốt-skit.

Cách mạng thường trực - sự phản kháng thường xuyên đối với thực tại và hiện tại - chỉnh lý quan hệ sản xuất mới

¹ - Toàn tập Maiakovsky quyển 10 trang 360.

² - Toàn tập Maiakovsky quyển 10 trang 318.

Chúng ta không lạ gì cái luận điệu căn bản của chủ nghĩa Tơ-rốt-sky về cách mạng là *"cách mạng thường trực"*. Theo tơ-rốt-skit thì xã hội chủ nghĩa không thể thành công trong một nước. Giai cấp vô sản sau khi làm cách mạng thành công trong một nước, phải tiến lên làm cách mạng thế giới ngay thì mới đánh đổ được giai cấp tư bản. Vì thế giai cấp vô sản phải ở trong tình trạng *"cách mạng thường trực"*. Luận điểm này bị Lê-nin hoàn toàn đập gãy, bị cái thực tế xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô lật nhào ngay từ khi nó mới ra đời. Và từ đó *"cách mạng thường trực"* đối với bè lũ Tơ-rốt-sky chỉ còn có nghĩa là tấn công thường xuyên vào Đảng Bôn-sê-vích và nhà nước xã hội chủ nghĩa, chỉ còn là thường trực chống lại chế độ xã hội, thực tế xã hội do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, nghĩa là *"thường trực phản cách mạng"* mà thôi.

Trương Tửu từ lâu bị tiêm nhiễm nọc độc của lý luận này, nhất là luận điệu của tên văn sĩ phản động André Gide: *"gieo rắc vào tâm trí mọi người chất men phản kháng và bất phục tùng"*, Trương Tửu đề cao André Gide lên hàng những văn nghệ sĩ *"chân chính"* và coi lời y như một phương châm văn nghệ cách mạng. Trong quyển *"Tuơng lai văn nghệ Việt Nam"* xuất bản sau khi chính quyền dân chủ nhân dân đã thành lập, Trương Tửu định nghĩ về văn nghệ: *"Văn nghệ là gì nếu không phải là sự phản kháng thường xuyên đối với thực tại và hiện tại"* và lớn tiếng kêu gọi: *"Trong lúc này, một nền văn nghệ xứng với cái tên của nó phải xô đẩy người đương thời đến một thái độ 'chống hiện tại' 'phá đổ hiện tại'".* Cái *"hiện tại"* trước mắt mà Trương Tửu đòi phá đổ lại chính là cái hiện tại chúng ta đang cần xây dựng. Nhiệm vụ của văn nghệ cố nhiên là phải chống với chế độ áp bức bóc lột, chống với mọi bất công tàn ác. Nhưng nó không phải chỉ là chống đối để mà chống đối. Nó biết chống đối cái gì, ủng hộ cái gì, nó phải đứng về đâu để chống đối đồng thời để mà xây dựng. Văn nghệ là một hình thái ý thức xã hội nhất định là một vũ khí đấu tranh của giai cấp. Vậy thì tại sao ngay sau khi chính quyền dân chủ nhân dân đã thành lập, Đảng của giai cấp công nhân đã nắm chính quyền Trương Tửu lại ném ra cái luận điệu *"chống hiện tại"* *"phá đổ hiện tại"*? Dù Trương Tửu có *"nói theo lối của văn nghệ"* đi nữa (chứ không phải *"lối của người hành động"* như Trương Tửu đã viết) thì người ta cũng biết *"sự phản kháng thường xuyên đối với hiện tại"* nói theo lối văn nghệ của Trương Tửu cũng đồng nghĩa với *"cách mạng thường trực"* nói theo lối chính trị, nói theo lối hành động của Tơ-rốt-sky.

Cái điểm lý luận này hầu như đã trở thành nền tảng cho tư tưởng thái độ của Trương Tửu đối với thực tế chế độ, thực tế xã hội của chúng ta. Sự phân biệt xã hội ta hiện nay với xã hội thực dân, phong kiến đối với Trương Tửu chỉ còn là hình thức. Trương Tửu nhìn sai lầm của ta cũng như những tội ác của giai cấp bóc lột, nhìn bộ máy lãnh đạo của ta cũng như bộ máy thống trị của chúng. *"Cách mạng thường trực"* *"sự phản kháng thường xuyên đối với hiện tại"* *"chỉ chống sùng bái cá nhân trong lãnh đạo"* *"chỉnh lý quan hệ sản xuất mới"* bấy nhiêu danh từ tuy có khác nhau nhưng căn bản vẫn là một: chia mũi nhọn đã kích vào cơ sở chế độ của chúng ta, bộ máy lãnh đạo của chúng ta mà tấn công kịch liệt. Dưới chiêu bài phát hiện sự thực, giúp Đảng sửa chữa sai lầm, Trương Tửu bịa đặt ra cái gọi là *"mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất dân tộc và quan hệ sản xuất mới"* *"tự do văn nghệ sĩ mâu thuẫn với sự lãnh đạo của Đảng"* hòng làm lạc mất cái hướng mâu thuẫn chủ yếu giữa *"quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa"* giữa *"tư tưởng xã hội chủ nghĩa và tư tưởng tư sản"* mà thực tế xã hội miền Bắc chúng ta đang đặt ra một cách gay gắt.

Cùng một luận điểm này, Nguyễn hữu Đang con một tên chánh tổng ở Thái-bình chưa bao giờ là *"người làm văn nghệ"* bỗng nhảy ra trở thành *"một thứ trùm"* cho nhóm văn nghệ sĩ cơ hội chủ nghĩa hay nói đúng hơn một tên *"trùm khiêu khích gian hiểm"*, đồng dặc *"tham luận"* (!): *"Bất cứ phát hiện sự việc gì, hoặc tìm cách giải quyết vấn đề gì. Tổ chúng tôi đều thấy cái nút cuối cùng ở chỗ lãnh đạo!"*

Thế là cùng xướng cùng họa, nối gót nhau, bọn cơ hội chủ nghĩa, bọn khiêu khích hèn mạt trút tất cả mọi lời vu khống vào Đảng ta và chế độ chúng ta. Họ không từ một lời nói hiềm độc, một thủ đoạn hèn hạ nào để có thể hạ sự lãnh đạo của Đảng ta xuống, để *"phá đổ cái hiện tại"* mà chúng ta đang xây dựng, để *"gieo vào tâm trí quần chúng chất men phản kháng và bất phục tùng"*. Trương Tửu cố phân tích một cách khôn khéo và thâm độc cho mọi người có thể hiểu Đảng ta là một *"chính Đảng đã mất tính giai cấp vô sản, không đại diện cho giai cấp vô sản nữa,*

phản bội Mác - Lê-nin phản bội tinh thần cộng sản chủ nghĩa", cố chứng minh, những cán bộ của Đảng chỉ là những phần tử quan liêu mệnh lệnh y hệt như luận điệu của bè lũ to-rôt-skit đã từng vu khống Đảng Bôn-sê-vích là *"đội tiền phong cũ của chủ nghĩa Lê-nin đã thoái hóa rồi"*.

Istvan Kovacs ở Hung-ga-ri khi phê phán tư tưởng và hoạt động của bọn văn sĩ chống Đảng ở đây cũng đã viết trong bài *"Phản đấu cho một nền văn học có tính Đảng"*:

"Chúng ta không lạ gì điều đó, To-rôt-sky và bè lũ to-rôt-skit cũng đã từng gọi Đảng và Ban chấp hành trung ương là "Phòng giấy" và những chiến sĩ của Đảng là "thư lại quan liêu"... Lập trường vô chính phủ, chống Đảng của bọn Tibor Dery thể hiện rõ trong tất cả các tác phẩm của Dery bắt đầu từ việc phiên dịch quyển sách chống Liên-xô của tên to-rôt-skit André Gide cho đến những hoạt động hiện hành của hắn".

Các luận điệu của To-rôt-sky, của Trương Tửu và Nguyễn hữu Đang, dù có trá hình xảo quyệt, dù có nấp sau các ý kiến của Lê-nin vẫn không lừa dối được ai. Thứ luận điệu đó mở rộng ra và hình tượng hóa thì nó sẽ thành *"bất mãn"* của Sĩ Ngọc, *"Không bằng lòng hiện trạng"*, *"Hãy đi mãi"* của Trần Dần *"Dấn vào kho thuốc nổ của đời sống"* của Lê Đạt, *"Người không lò không tim"* của Trần Duy, *"Nội dung xã hội và hình thức tự do"* của Trần đức Thảo, *"Con lợn"* *"Con rùa"* của Phan Khôi v.v... và các thứ luận điệu thành văn hay bằng miệng vu khống chế độ và Đảng của chúng ta. Dù nhóm Nhân văn Giai phẩm có man trá đặt vấn đề *"ai viết người đó chịu trách nhiệm"* chúng ta cũng thừa biết trừ một số rất ít người cộng tác chưa có ý thức rõ rệt, còn hầu hết là cùng hội cùng thuyền, một đồng một cốt, quá khứ và hiện tại thối nát giống nhau, *"lương tâm"* phản phúc và *"điều tâm hồn"* độc địa giống nhau, cùng câu kết chặt chẽ với nhau chung một âm mưu thâm độc với nhau, cùng theo một tư tưởng chính trị thống nhất do bọn *"trùm"* vạch ra: chống Đảng ta, bằng những luận điệu và phương pháp hoạt động mà bè lũ to-rôt-skit xưa nay vẫn quen dùng. Những luận điệu to-rôt-skit đó trước tiên là ở Trương Tửu, Nguyễn hữu Đang, Trần đức Thảo nhưng nó dần dần là luận điệu của cả công ty.

Một công thức bịp bợm và phản động về quan hệ giữa chính trị và văn nghệ

Đối với Trương Tửu tất cả những gì có thể gò vào *"công thức"* là y như họ Trương không ngần ngại vồ lấy cắt đầu cắt đuôi, xén chân xén tay để nhét vào cho vừa cái khuôn công thức đã định sẵn của y. Ta đã biết và nói nhiều đến cái công thức *"văn nghệ hướng dẫn chính trị"* của Trương Tửu. Muốn chứng minh cho cái công thức này, Trương Tửu đã viện đến các quan điểm duy tâm nhất, thần bí nhất về nghệ thuật. Những nào là *"lương tâm nghệ thuật"* *"tự do nội tâm"* những nào là các văn nghệ sĩ cổ điển *"hoàn toàn theo suy nghĩ riêng của bản thân họ. Họ hoàn toàn độc lập tác chiến, độc lập tư tưởng, độc lập sáng tác"* v.v... dù chế độ thống trị có đàn áp bóp nghẹt tư tưởng bao nhiêu đi nữa, *"họ vẫn hoàn toàn tự do tư tưởng"* v.v... Trương Tửu càng cố thần thánh hóa văn nghệ sĩ, đưa họ lên mây bao nhiêu, càng lộ rõ chân tướng phản bội chủ nghĩa Mác, càng tự khắc lên trán mình cái nhãn hiệu duy tâm thần bí đến cực độ bấy nhiêu. Trong bài này tôi không muốn đi sâu vào những vấn đề đó. Tôi muốn nói cái công thức thứ hai, cái công thức mà có thể nói Trương Tửu dồn vào đấy nhiều tâm huyết, nhiều đã tâm nhất đó là vấn đề *"tự do tư tưởng của văn nghệ sĩ và sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vích"* hay cũng có thể nói *"quan hệ giữa chính trị và văn nghệ, giữa Đảng và văn nghệ sĩ"*. Thực ra thì tất cả những cái tiền đề trên kia, những lý luận dài dòng và dốt nát trên kia cuối cùng cũng chỉ là để chứng minh cho cái vấn đề quan trọng đặt ra dưới này. Ta hãy tìm hiểu cái công thức của Trương Tửu, phân tích xem nó là nguyên lý của Lê-nin hay công thức bịp bợm của to-rôt-skit?

Cái công thức của Trương Tửu có thể xếp như sau:

"Yêu cầu cơ bản của giai cấp vô sản cách mạng hoàn toàn thống nhất với yêu cầu cơ bản của tư tưởng của nghệ thuật" tức là *"nhận thức đúng về sự thật toàn diện của xã hội con người"*.

- Không phải một chính Đảng cứ tự mệnh là tham mưu của giai cấp vô sản thì tự nhiên nó mang tính chất vô sản trong mọi chủ trương, chính sách, tác phong lãnh đạo.

Nhưng "tinh túy của nghệ thuật là sự thực". "Văn nghệ sĩ có nhiệm vụ phát hiện sự thực trăm màu nghìn vẻ của con người của xã hội để giúp Đảng nhìn đúng thực tế khách quan. Họ phát hiện những vấn đề do sự thực nêu ra để làm cơ sở cho Đảng vạch chủ trương chính sách. Họ và thực tế nhìn sự thực để kiểm tra chủ trương chính sách của Đảng".

- Vì vậy, "một Đảng cộng sản chân chính phải tạo đầy đủ điều kiện cho văn nghệ sĩ làm tròn nhiệm vụ phát hiện sự thực sâu sắc của cuộc sống" "tuyệt đối không ngăn cản văn nghệ sĩ phát hiện sự thực một cách hoàn toàn tự do".

- Nếu như "sợ sự thực, ngăn cấm nói sự thực, không căn cứ sự thực toàn diện (mà văn nghệ sĩ kiểu nhóm Nhân văn phát hiện) để vạch đường lối chủ trương chính sách..." thì Đảng "đã mất tính chất giai cấp vô sản, không đại diện cho giai cấp vô sản nữa, phản bội Mác - Lê-nin phản bội tinh thần cộng sản chủ nghĩa".

- Và cuối cùng, nếu không được hoàn toàn tự do nói sự thực toàn diện (kiểu Trương Tửu) thì văn nghệ "nó cũng tự tạo cho nó điều kiện đó" vì "văn nghệ sĩ yêu Đảng nhưng họ còn yêu sự thực hơn Đảng" và Trương Tửu dọa dẫm rằng: "Đảng đừng để văn nghệ sĩ vì sự thực mà đối kháng lại Đảng".

Trương Tửu cho đó là cái công thức đúng đắn nhất về "quan hệ giữa văn nghệ và Đảng" "mà các vị lãnh tụ cộng sản vĩ đại đều hiểu như vậy" (!)

Không bị được đâu hồi nhà lý luận phản động Trương Tửu.

Các vị lãnh tụ "cộng sản" (!) mà Trương Tửu nói đây chẳng phải ai xa lạ, chính là các vị lãnh tụ to-rốt-skít và bọn trùm chủ nghĩa xét lại mà Trương Tửu hết lòng sùng bái. Cái công thức mà Trương Tửu dày công bịa đặt ra kia chính là một cái công thức rất bịp bợm và phản động, nó chứng minh rằng: chính trị phụ thuộc vào văn nghệ (như ốc-xy-gien phụ thuộc vào không khí) mà Trương Tửu đã dẫn ra, chính trị phải phục tùng văn nghệ, Đảng phải tuân theo sự hướng dẫn của văn nghệ sĩ và nếu như có sự đối lập thì đó là vì Đảng chứ không phải vì văn nghệ sĩ.

Để cho cái công thức phản động kia có thể lừa dối được những người ngây thơ, non nớt, có thể che đậy được cái dã tâm đẩy văn nghệ sĩ đi vào sự đối lập với Đảng, Trương Tửu, Nguyễn hữu Đảng và cả công ty cũng như bè lũ to-rốt-skít trước kia đã thổi phồng cái gọi là "bản chất tiến bộ của văn nghệ và trí tuệ" "luong tâm nghệ thuật" coi như văn nghệ tự thân là cách mạng, tiến bộ, là sự thực, văn nghệ sĩ cứ tự nhiên hướng về chân thiện mỹ còn Đảng thì trái lại rất có thể "mất tính chất cộng sản".

Bọn họ cố tình không nhìn nhận văn nghệ là một hình thái ý thức xã hội, tước bỏ tính chất giai cấp của văn nghệ. Họ cố tìm cách xóa nhòa ranh giới giữa văn nghệ cách mạng và văn nghệ phản cách mạng hoặc xa rời cách mạng. Họ cố tình không phân biệt những văn nghệ sĩ cách mạng tận tụy vì cách mạng, đem ngòi bút phục vụ cách mạng, đi vào cách mạng mà vẫn vui lòng, chịu sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân mà vẫn thấy tự do tư tưởng với thứ văn nghệ sĩ nhục nhĩ quỳ gối trước thế lực đồng tiền, bán rẻ "luong tâm nghệ thuật" cho bọn đầu cơ văn hóa, thứ văn nghệ sĩ thực tế chỉ là những tên mặt thám cầm bút, những tên tác động tinh thần chính cống. Thứ văn nghệ sĩ này cố nhiên chỉ "phát hiện được những sự thực toàn diện" mà bọn họ thù địch mong muốn nhưng lại bị quần chúng lao động khinh bỉ, lên án. Thứ văn nghệ sĩ này tất nhiên là sẽ thấy "luong tâm nghệ thuật" cận bã của mình đối lập với cách mạng và sự lãnh đạo của Đảng cách mạng.

Văn nghệ cách mạng về bản chất thống nhất với chính trị cách mạng, văn nghệ sĩ cách mạng về bản chất thống nhất với sự lãnh đạo của Đảng cách mạng. Nhưng cái quan hệ chính xác nhất vẫn là chính trị lãnh đạo văn nghệ, Đảng lãnh đạo văn nghệ dù rằng do đặc điểm của văn nghệ, sự lãnh đạo ở khu vực này không thể rập khuôn với các công tác cách mạng khác mà phải giành nhiều phạm vi rộng rãi cho sáng tác, tôn trọng tính chủ động sáng tạo của người văn nghệ sĩ hơn.

Muốn giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng và văn nghệ sĩ không phải như Trương Tửu Nguyễn hữu Đảng và công ty đã nói là Đảng phải để cho văn nghệ sĩ "tự do phát hiện sự thực toàn diện" mà trước tiên Đảng phải giúp đỡ văn nghệ sĩ nhận thức được sự nghiệp văn nghệ phải là một bộ phận của sự nghiệp cách mạng nói chung giúp cho văn nghệ sĩ học tập chủ nghĩa Mác -

Lê-nin và hiểu rõ đường lối chính sách tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ đi vào thực tế đấu tranh của cách mạng, hướng dẫn họ nhìn nhận thực tế và biểu hiện thực tế một cách đúng đắn. Trong đời sống xã hội của chúng ta căn bản là tốt tất nhiên cũng có những mặt chưa tốt thậm chí có cả những mặt xấu, các chủ trương chính sách của Đảng căn bản là đúng nhưng không phải là không có những điểm thiếu sót thậm chí sai lầm. Đảng lãnh đạo tốt văn nghệ sĩ là làm cho văn nghệ sĩ nắm được tất cả những thực tế phức tạp đó và biểu hiện lên một cách đúng đắn. Đảng lãnh đạo tốt là khuyến khích những sáng tác biểu hiện trung thực cuộc sống, phê phán những tác phẩm có nội dung sai lầm thậm chí ngăn chặn lại những tác phẩm có dã tâm bôi nhọ chế độ, có tư tưởng phản cách mạng. Đó chính là yêu cầu cơ bản của sự lãnh đạo của Đảng về văn nghệ và đó cũng chính là yêu cầu cơ bản về tự do tư tưởng của người văn nghệ sĩ chân chính cách mạng nếu như hiểu tự do là nhận thức về quy luật tất yếu của sự vật.

Đâu có phải lãnh đạo tốt là chỉ lãnh đạo cái "*hướng*" còn để cho văn nghệ sĩ hoàn toàn có quyền tự do tung ra đủ các thứ hoa thơm, hoa thối, hoa lành hoa độc, tự do viết những bài chống lại Đảng, chống lại chế độ, phát hiện những sự thực kiêu đó mà không có quyền phê phán hay ngăn cấm. Đâu có phải lãnh đạo tốt là phải tuân theo những "*sự phát hiện*" của văn nghệ sĩ (cách mạng và phản cách mạng) để vạch ra chủ trương chính sách! Có lãnh đạo tốt là "*trả chuyên môn về cho chuyên môn*" như Trương Tửu và nhóm phá hoại Nhân văn Giai phẩm đã luôn miệng kêu gào. Cái lối lãnh đạo bằng "*hướng*" còn để cho văn nghệ sĩ "*hoàn toàn tự do*" "*tự do tuyệt đối*" theo kiểu tư-rốt-skít này thực chất là hạ thấp đến phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, "*Chịu sự lãnh đạo*" chỉ còn là một danh từ trống rỗng, hữu danh vô thực. Cái công thức bịp bợm về "*Đảng lãnh đạo*" văn nghệ của Trương Tửu chẳng có gì khác hơn là Đảng hoàn toàn khoanh tay trước sự tấn công của mọi thứ văn nghệ tư sản, văn nghệ phản động ngay cả trước sự tấn công của các thứ văn nghệ gián điệp tác động tinh thần.

Nhưng đó chỉ là ảo tưởng của Trương Tửu, Nguyễn hữu Đang và công ty. Đảng ta trung thành với chủ nghĩa Lê-nin không thể thừa nhận "*sự lãnh đạo*" kiểu cơ hội chủ nghĩa đó. Những người văn nghệ sĩ chân chính vì sự nghiệp cách mạng vì văn nghệ cách mạng cũng không bao giờ thừa nhận cái "*công thức*" lừa bịp của họ: "*nếu không cho, nó cũng tự tạo điều kiện cho nó*" bằng cách lập ra "*cửa hàng*" làm thuốc độc tinh thần riêng, lập công ty buôn lậu văn hóa riêng thậm chí cúi đầu ngả tay xin phương tiện của giai cấp bóc lột của bọn thù địch để đối lập với cách mạng để chống Đảng, chống chế độ như kiểu Phan Khôi, Nguyễn hữu Đang, Trương Tửu, Trần Duy, Lê Đạt, Trần Dần, Trần đức Thảo và cả nhóm.

IV. Giữ vững nguyên lý văn nghệ của Lê-nin đập tan luận điệu cơ hội và xét lại tư-rốt-kít

Những luận điệu của Trương Tửu và công ty đưa ra dù khéo thêu thùa tô vẽ dưới nhiều màu sắc, dù khoác nhiều thứ áo lòa loẹt tự xưng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin vẫn không thể làm cho người ta nhầm lẫn. Đó là thứ chủ nghĩa tư-rốt-skít thứ chủ nghĩa xét lại đã quá lỗi thời. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin ngày nay đã thắng lợi vẻ vang, đã trở thành một chân lý quần chúng. Chính vì vậy mà bọn bịp không thể vàng thau lẫn lộn, mướp đắng mặt cưa. Thí dụ khi bọn bịp lý luận Nguyễn hữu Đang, Trương Tửu nêu lên không thể "*phục vụ kịp thời*" thì quần chúng ngược lại, lại thấy tại sao những người sáng tác Nhân văn Giai phẩm đã viết ra những tác phẩm chống Đảng, chống chế độ "*kịp thời*" đến thế? À, thì ra "*không kịp thời*" đây có nghĩa là không được "*kịp thời phục vụ cách mạng*".

Khi bọn bịp lý luận nêu ra là trên tờ báo phải "*trăm hoa đua nở*" "*nhiều ý kiến khác nhau*" "*ai viết nấy chịu trách nhiệm*" thì ngược lại quần chúng thấy trên các tờ Nhân văn Giai phẩm không hề có một ý kiến nào khác nhau, các quan điểm chống Đảng hoàn toàn nhất trí, và bấy nhiêu "*hoa*" (!) cũng chỉ được tiết ra một chất độc: chống Đảng, chống chế độ, chống tổ quốc, chống nhân dân. Ai cũng biết rằng khi những phần tử Nhân-văn Giai-phẩm phản đối lập trường tư tưởng trong sáng tác thì họ viết ra lại rất có lập trường: lập trường tư sản phản động. Khi bọn

họ gào thét "*phải giải thể lãnh đạo đi*" thì chính là lúc bọn họ tập hợp lực lượng rất nhanh, chiêu binh mãi mã lập bè phái rất nhanh đòi bầu lại "*ban trừ bị Đại hội văn nghệ*" để cướp lấy quyền lãnh đạo về tay những phần tử phản bội lý tưởng cách mạng của nhân dân ta. Khi bọn họ đòi "*trả chuyên môn về cho chuyên môn*" thì chính là họ muốn giao quyền điều khiển về chuyên môn cho những phần tử không biết gì về chuyên môn như Nguyễn hữu Đang, Trương Tửu, Phan Khôi, Trần Duy, Trần đức Thảo nhưng lại rất phản động về ý thức chính trị.

Vì thế cho nên có thể nói phản động và bịp bợm là "*loại biệt tính*" của lý luận Nhân-văn Giai-phẩm, lý luận tơ-rốt-skít. Chúng ta kiên quyết đập tan thứ luận điệu cơ hội đó, giữ vững nguyên lý văn nghệ của Lê-nin, là nguyên lý đúng đắn nhất mà Đảng ta từ mấy chục năm nay vẫn trung thành thực hiện. Lê-nin đã chỉ cho chúng ta biết rằng: "*Sự nghiệp văn học phải thành một bộ phận trong toàn bộ sự nghiệp của giai cấp vô sản, phải thành "một cái bánh xe nhỏ và một cái đinh ốc" trong bộ máy xã hội chủ nghĩa do đội tiên phong hoàn toàn giác ngộ của toàn bộ giai cấp công nhân mở máy. Sự nghiệp văn học phải khoanh thành một bộ phận khăng khít của công tác Đảng xã-hội dân-chủ thống nhất có kế hoạch có tổ chức*".

Điều đó đặt cho Đảng vấn đề không thể coi nhẹ lãnh đạo văn nghệ, không thể tách rời thậm chí đối lập sự nghiệp văn học đối với sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân do Đảng lãnh đạo được. Đảng ta không thể "*trả chuyên môn*" về cho một ai hết vì "*chuyên môn*" và chính trị là hai bộ phận khăng khít trong sự nghiệp cách mạng nói chung, không thể Đảng ta chỉ lãnh đạo về chính trị còn lãnh đạo văn nghệ thì trả về cho những nhà "*chuyên môn*" (!) dốt đặc cán mai của giai cấp tư sản kiểu Nguyễn hữu Đang, Trương Tửu... được! Cố nhiên do đặc điểm của nó, bộ phận văn nghệ không thể rập khuôn với các bộ phận khác trong sự nghiệp cách mạng, và Đảng ta trong khi lãnh đạo văn nghệ bao giờ cũng giành một phạm vi rộng rãi cho sự sáng tạo nghệ thuật cho tính chủ động của văn nghệ sĩ.

Trương Tửu nhắc đến câu sau này của Lê-nin và đưa lên thành một câu tiêu đề để chứng minh cho quan điểm cơ hội chủ nghĩa của Trương Tửu: "*Không thể chối cãi được rằng sự nghiệp văn học ít nhân nhượng hơn cả với sự bình quân máy móc, đối với việc san bằng, đối với việc số đông thống trị số ít. Không thể chối cãi được rằng trong sự nghiệp đó, phải bảo đảm phạm vi rộng rãi bao la cho sáng kiến cá nhân, cho chiều hướng cá nhân, bảo đảm phạm vi rộng rãi bao la cho tư tưởng và sức tưởng tượng, cho hình thức và nội dung*".

Nhưng Trương Tửu lại không dám trích dẫn câu Lê-nin tiếp sau đó đã nhấn trở lại "*Tất cả những điều đó cũng không lật đổ cái nguyên tắc mà giai cấp tư sản và phái dân chủ của giai cấp tư sản cho là lạ lùng kỳ quái. Sự nghiệp văn học nhất định phải là một bộ phận công tác của Đảng xã hội dân chủ gắn liền chặt chẽ với các bộ phận khác*".

Chúng ta phê phán chủ nghĩa giáo điều máy móc vì chủ nghĩa giáo điều không bao giờ đẩy mạnh được sự nghiệp văn học nghệ thuật, phát triển được sức sáng tạo phong phú của người văn nghệ sĩ thiết tha phục vụ cách mạng, nhưng hi vọng rằng phê phán khuynh hướng giáo điều là Đảng ta mở rộng tay đón lấy chủ nghĩa tơ-rốt-skít để mặc cho mọi thứ chủ nghĩa xét lại tự do hoành hành giương oai tác quái thì hi vọng đó chỉ là ngông cuồng ảo tưởng. Chúng ta nhất định phải đập tan như cám.

Chúng ta - như Lê-nin đã nói - không thể đứng khoanh tay mà để cho sự lộn loạn phát triển nơi nào cũng mặc. Chúng ta phải lãnh đạo quá trình đó một cách hoàn toàn có kế hoạch và tạo nên những thành quả của nó.

Quá trình đấu tranh cho nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa là một quá trình lâu dài và phức tạp. Trước mắt chúng ta đang diễn ra cuộc đấu tranh tư tưởng gay go và quyết liệt. Khuynh hướng tư tưởng phản động Nhân văn Giai phẩm không ngừng tấn công vào tư tưởng xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Chỉ có kiên quyết đứng về phía Đảng, bảo vệ những nguyên lý văn nghệ của Lê-nin, đập tan mọi luận điệu tơ-rốt-skít, mọi thứ chủ nghĩa xét lại, "*chủ nghĩa phản bội*", mới có thể xây dựng được một nền văn nghệ cách mạng chân chính. Chỉ sau khi quét sạch mọi tư tưởng phản động nói trên, lật mặt nạ khiêu khích, chia rẽ, bè phái của những phần tử, của nhóm âm mưu phá hoại, chúng ta mới có thể nói đến việc thảo luận một cách tự do và rộng rãi các vấn đề văn học nghệ thuật, để cho văn nghệ phát triển tốt tươi lành mạnh lên được. Nếu không, các cuộc thảo

luận, các hoạt động văn nghệ sẽ chỉ là những cơ hội cho những tư tưởng phản động những phần tử khiêu khích lợi dụng làm cho lạc hướng, thậm chí lái vào con đường đen tối, chống Đảng chống chế độ mà thôi. Những cuộc đấu tranh tư tưởng vừa qua đã để lại cho chúng ta nhiều kinh nghiệm mà kinh nghiệm lớn nhất là chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, tư tưởng xét lại phản động không một lúc dễ dàng tự hạ khí giới và mỗi lần có cơ hội là nó lại ngóc đầu dậy, tấn công khôn khéo hơn, xảo quyệt hơn.

Trong cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay, chúng ta hãy rút lấy những bài học kinh nghiệm vừa qua phát cao ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đoàn kết nhất trí đấu tranh kiên quyết triệt để, cho đến lúc hoàn toàn thắng lợi.

(1958)

BA MƯƠI CÂU HỎI, BA MƯƠI CÂU TRẢ LỜI VỀ CUỐN

"*LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN XÔ*"*

(Nguyễn Văn Liên)

Trong Đại hội lần thứ XX của đảng Cộng sản Liên Xô, Anastas Mikoyan tuyên bố cuốn "*Lịch sử đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Liên Xô*", do một tiểu ban của Ban Trung ương biên soạn và phát hành lần đầu tiên vào tháng 11-1938, không đầy đủ và không mác-xít. Nữ sử gia Pankrotova còn quả quyết hơn: cuốn sử đảng chứa đầy những nguy tạo lịch sử! Bà đòi phải viết lại cuốn sách đó một cách khoa học. Ngoài ra, trong bản báo cáo "*mật*" đọc tại Đại hội XX, Khrushchev từng phê phán Stalin và tố giác ông ta đã bắt người viết sử phải tán dương và tâng bốc mình trong cuốn sử đảng.

Sau ba năm cố gắng sửa chữa, cuốn lịch sử mới của đảng đã được ra mắt quần chúng. Đó là công trình tập thể của các viện sĩ Ponomarev (chủ biên), Mints, các tiến sĩ sử học Slepov, Timofeyevsky, Zaitsev, Volin, Kuchkin, Khotov, Shiateghin, tiến sĩ triết học Sobolev và giáo sư Volkov. Phần đông họ là những tác giả quen biết, riêng Ponomarev còn là ủy viên Ban Trung ương đảng. Cuốn lịch sử mới này đã được Nhà xuất bản Réunite dịch sang tiếng Ý lần đầu tiên và gồm 812 trang. Chúng tôi dựa vào bản dịch tiếng Ý này để bình luận.

Cuốn lịch sử mới này khác với cuốn cũ về ba phương diện chính, trong đó có hai đề mục rất minh bạch và chính xác. Cuốn sách phân tích một số hiện tượng khách quan và nhiều công trình lý luận của Lenin. Ngoài ra, nó còn trình bày chi tiết tiền sử của phong trào lao động Nga. Sách ghi chép lịch sử liên tục của nước Nga từ năm 1883 (tức là khi nhóm mác-xít Nga đầu tiên mang tên "*Giải phóng sức lao động*" được Plekhanov và các đồng sự sáng lập ở Geneva, Thụy Sĩ) đến 1959 (thời điểm diễn ra Đại hội lần thứ XXI của đảng Cộng sản Liên Xô).

Bộ sử mới này sửa đổi và đảo ngược một phần những nhận định, phân tích theo kiểu xta-lin-nít về các vấn đề chính trị và kinh tế, xảy ra trong nhà nước Nga-Xô-viết và đảng Cộng sản Nga-Liên Xô từ năm 1918 đến 1938. Nó gạch bỏ những đoạn nguy tạo quá đáng theo của bè lũ xta-lin-nít và chỉ lướt qua các vụ án nguy tạo Moscow mà cuốn sử cũ viết năm 1938 đã dùng cả một đề mục để nguy luận và lên án. Đó là phần tiền bộ của cuốn lịch sử mới.

Nhưng người ta vẫn không phục hồi danh dự cho những chiến sĩ bôn-sê-vích, những nhà lãnh đạo đảng, những ủy viên Ban Trung ương lê-nin-nít và những người sáng lập nhà nước Nga-Xô-viết; tóm lại, những người đã bị vu cáo và bị hành hạ hoặc sát hại một cách hèn hạ. Họ cũng không giải thích các vụ án Moscow là những tấn tuồng vu khống, dựng đứng, đã được dàn cảnh sẵn sàng. Họ cố làm cho công luận hiện thời hiểu rằng những thảm trạng đó chỉ xuất phát từ quan niệm sai lầm về sự "*sùng bái cá nhân*" mà thôi. Điều đó là sự thật, nhưng chỉ là một phần nhỏ sự thật! Tất nhiên, Stalin là một quái thai của lịch sử. Ông ta là một tên ác quỷ không ngần ngại tàn sát tất cả những ai bất đồng chính kiến với mình. Nhưng nếu không có bọn hung thần, tức là bộ máy quan liêu khủng khiếp, thì ác quỷ đâu có tàn bạo đến đâu cũng không thể gây nên được những hiện tượng quá ghê tởm như đã xảy ra trong lịch sử hiện đại Liên Xô. Bởi vậy, muốn lên án Stalin, phải lên án cả bộ máy quan liêu khủng khiếp, vì sau khi Stalin chết, chủ nghĩa xta-lin-nít bị đả kích, nhưng bộ máy quan liêu vẫn tồn tại, các vụ án dựng đứng vẫn diễn ra liên tục, chỉ khác là nó kém phần tàn bạo và khủng khiếp so với thời kỳ Stalin.

* Tạp chí "*Nghiên cứu*", số 6, tháng 6-1981 (phỏng theo bản tiếng Pháp của Mandel).

Bộ sử mới đã xóa bỏ một nguy tạo lịch sử quá khủng khiếp, nhưng lại tạo ra một nguy tạo lịch sử khác, tuy ít khủng khiếp hơn nhưng vẫn là nguy tạo. Một cách có ý thức, nó "bỏ quên" những hiện tượng lịch sử quan trọng, rồi đi đến những mâu thuẫn hỗn độn không lối thoát.

Tóm lại, bộ lịch sử cũ viết dựa theo giáo lý chia lịch sử làm hai thái cực "Thiện" và "Ác". Stalin là những đồng sự của ông ta đứng về phe "Thiện" (tất nhiên, người ta để Lenin đứng trong phe này bởi vì họ không dám vu cáo Lenin, nếu vu cáo Lenin tức là "gậy ông đập lưng ông" và hơn nữa, khi cuộc đấu tranh xu hướng trong đảng Cộng sản Liên Xô trở nên gay go thì Lenin đã mất). Những ai không đồng ý với Stalin thì thuộc về phe "Ác". Nói cách khác, dễ hiểu hơn, phe "Tốt" và phe "Xấu". Phe "Xấu" gồm những tên "gián điệp", "phản bội", đã "bán mình cho tư bản và phục vụ tư bản để khôi phục tư bản chủ nghĩa" ngay từ năm 1918.

Trái lại, bộ sử mới gạt bỏ hoàn toàn giáo lý "Thiện", "Ác", nhưng vẫn giữ nguyên vẹn các tệ hại giấu giếm, cắt xén sự thật lịch sử.

Đọc bộ sử cũ, người ta có thể tin những điều khếp án của phái xta-lin-nít là đúng sự thật, bởi vì nó được viết có hệ thống, dựa theo một giáo lý "Thiện" và "Ác", có gốc ngọn phân minh. Cho nên các sự việc ăn khớp với nhau, người đọc dễ tưởng đó là sự thật, chỉ trừ một số rất ít thông hiểu chính trị, có nghiên cứu lịch sử sâu xa mới thấy được những nguy tạo.

Bộ sử mới gạt bỏ huyền thoại "Thiện" và "Ác", nhưng chưa hệ thống hóa sự nhận thức, chưa có đường lối viết sử rõ rệt, cho nên chỉ chồng chất một số tài liệu mâu thuẫn không thể giải quyết. Tỉ như, họ giải thích rằng "người anh hùng của lịch sử Liên Xô không phải là Stalin mà là Ban Trung ương lê-nin-nít". Họ giấu đầu hở đuôi! Tại sao lại không nói Ban Trung ương lê-nin-nít hồi đó (1917-1920 và 1923-1927) gồm có những ai? Phải chăng đại đa số các ủy viên Ban Trung ương lê-nin-nít hồi đó chẳng phải ai khác, ngoài những phần tử tả phái, đã bị phái xta-lin-nít ám hại? Bộ sử mới nói phe đối lập không phải là gián điệp, không phải là tay sai đế quốc, như trong bộ sử cũ đã nói, mà là đại diện cho các trào lưu tư tưởng. Nhưng tại sao lại không nói rõ "các trào lưu tư tưởng" đó là thế nào? Tại sao không nêu ra những tài liệu, sách báo của tả phái đã nói gì để quần chúng có thể so sánh tư tưởng của tả phái với tư tưởng của phái xta-lin-nít?

Thật là giấu đầu hở đuôi! Trong Đại hội lần thứ XX, bản báo cáo mật của Khrushchev đã đưa ra ánh sáng một phần hành động sát nhân tệ hại của phái xta-lin-nít và của Stalin.

Phải cực lực tố cáo nhóm tác giả bộ sử mới khi họ giải thích một sự kiện lịch sử cực kỳ quan trọng là sự thất bại của chính sách ruộng đất - đã làm cho đời sống hàng chục triệu nông dân Liên Xô bị đảo lộn, đã hi sinh không biết bao nhiêu người và của, đã thủ tiêu đại đa số các ủy viên Ban Trung ương lê-nin-nít, những người đã sáng lập nhà nước Xô-viết - là chỉ do những sai lầm của tệ "sùng bái cá nhân"! Tự nhận là người mác-xít viết sử mà lại không căn cứ vào cuộc đấu tranh giai cấp, không căn cứ vào các cuộc đấu tranh của các đoàn thể đại diện cho những quyền lợi xã hội khác nhau, không căn cứ vào các vấn đề chính trị, kinh tế và xã hội trong nước và trên thế giới, mà chỉ căn cứ vào việc nghiên cứu bệnh loạn óc của Stalin. Stalin điên rồ hay không điên rồ, lịch sử không cần bàn tới, bởi thảm trạng của lịch sử Liên Xô là hậu quả của chính sách thực nghiệm của Stalin, và là hậu quả của bộ máy quan liêu Xô-viết, một bộ máy ăn bám vào lao động để hưởng thụ đặc quyền đặc lợi thông qua chế độ độc tài.

Tám màn lịch sử bí mật dần dần đã hé mở về giai đoạn đầu của nền dân chủ Xô-viết. Những tờ biên bản các phiên họp Ban Trung ương năm 1917 đã được phát hành. Những văn kiện khác của năm 1918 cũng đang được in lại. Cuốn sách "Mười ngày rung chuyển thế giới" của nhà báo xã hội John Reed và tập "Hồi ức" của lãnh tụ cộng sản Antonov-Ovseyenko được tái bản; tác giả của chúng là những nhân vật đã chứng kiến tại chỗ cách mạng tháng Mười. Tờ di chúc, những tập thư từ và ghi chép của Lenin, bị Stalin giấu kín và không đưa vào "Lenin toàn tập" xuất bản lần thứ nhất, nay cũng được ra đời. Trong những điều kiện đó, các sử gia, các nhà kinh tế học trẻ, ngay cả các đảng viên cộng sản ở Liên Xô và trên thế giới sẽ có điều kiện so sánh các nguyên bản với sự trình bày của tập thể tác giả bộ sử mới. Những người tự mệnh danh là "sử gia" sẽ bị bất quả tang là đã làm biến dạng và nguy tạo lịch sử.

Trở về với sự thật lịch sử ở Liên Xô phải đi đôi với sự bãi bỏ chế độ quan liêu Xô-viết. Tới nay, do sự thúc ép của quần chúng Liên Xô, và do các điều kiện khách quan, mặc dầu còn dè

dặt nhưng bọn quan liêu Nga đã bắt buộc phải từ bỏ những thủ đoạn cực kỳ ghê tởm của nền độc tài xta-lin-nít. Tuy vậy, xã hội Nga vẫn còn những đặc tính căn bản của sự thoái hóa quan liêu. Ví dụ: trước đây, họ nguy hiểm rằng muốn bảo vệ nhà nước Xô-viết để bảo đảm tương lai cho nhân loại và bảo vệ lợi quyền cho hàng triệu vô sản, đôi khi bắt buộc phải nguy tạo lịch sử. Ngày nay, họ vẫn chưa hoàn toàn rời bỏ cái quan niệm tệ hại đó.

Người mác-xít chân chính khẳng định sự thật lịch sử là một khí giới cho cuộc đấu tranh của giai cấp tiên bộ. Những đoàn thể thoái hóa, thủ cựu, phản động, có đặc quyền phải bảo vệ và có nhiều tội xấu phải che đậy, mới cần giấu giếm và làm biến dạng sự thật.

Tất nhiên, trong cuộc đấu tranh giai cấp, đảng lãnh đạo quần chúng không bắt buộc phải nói sự thật với kẻ thù. Không một bộ tham mưu quân sự nào lại cho kẻ thù biết rõ lực lượng của mình ra sao. Cũng như không một lãnh tụ nghiệp đoàn có ý thức nào lại cho chủ công biết trước cuộc đình công, các dự định chiến lược và chiến thuật của mình, hoặc cho biết quỹ dự trữ ủng hộ đình công của mình, v.v... Nhưng đứng về khoa học và lịch sử thì lại khác. Biến dạng lịch sử, giấu giếm sự thật lịch sử với giai cấp mình, với thành viên của đảng mình, tức là làm sai lệch học thuyết đấu tranh cho sự toàn thắng hiện tại và tương lai. Đối trá đối với giai cấp mình, tức là hạ thấp trình độ ý thức của họ. Trong cuốn *"Bệnh ấu trĩ tả khuynh của chủ nghĩa cộng sản"*, Lenin nhấn mạnh: phải áp dụng bất kỳ chiến thuật nào *"để nâng cao - chứ không phải để hạ thấp - ý thức chung của giai cấp vô sản, ý chí cách mạng, khả năng chiến đấu và khả năng chiến thắng của họ"*.

Khi người ta nguy tạo lịch sử, nói dối giai cấp thì rồi thế nào, trước hoặc sau, cũng bị bại lộ. Làm như vậy chỉ reo rắc hoang mang cho quần chúng, reo rắc sự hoài nghi đảng cách mạng và hoài nghi cả chủ nghĩa mác-xít nói chung. Nếu phương pháp mác-xít, công cụ để phân tích và phê bình các thực tế khách quan, đã biến thành một công cụ để tán dương các vị lãnh tụ *"thiên tài"*, *"không bao giờ phạm sai lầm"*, và để cải dạng thực tế một cách vụng về, thì nó sẽ mất khả năng để khởi thảo chiến lược và chiến thuật đúng với thực tế.

Muốn hiểu rõ vì sao bộ sử mới, hữu ý hay vô tình (hữu ý thì đúng hơn), vẫn bỏ quên và cắt xén sự thật lịch sử, thiết tưởng không gì bằng chúng ta tự đặt một số câu hỏi căn bản và tìm lời giải đáp cho chúng.

I- NHỮNG KINH NGHIỆM CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI.

Câu hỏi 1: Trong cuốn sử mới *"Lịch sử đảng Cộng sản Liên Xô"*, từ đầu chí cuối, người ta đề xướng Ban Trung ương lê-nin-nít là cơ quan sáng lập, tổ chức và bảo đảm sự toàn thắng của cuộc Đại cách mạng tháng Mười. Nhưng người ta giấu giếm, không nói tới thành phần của Ban Trung ương này. Những ai là thành viên Ban Trung ương lê-nin-nít trong và sau thắng lợi của cách mạng tháng Mười? Số phận của họ về sau ra sao?

Trả lời: Tháng 8-1917, Ban Trung ương gồm 21 thành viên bên-sê-vích. Trong số này, có 7 người chết vì tuổi tác hoặc bệnh tật là: Sverdlov, Lenin, Noghin, Dzerzhinsky, Artem, Kollontai và Stalin. Hai người bị bọn phản cách mạng ám hại là Uritsky và Shaumyan. Mười người trở thành nạn nhân của chế độ xta-lin-nít, bị tù đầy nhiều năm rồi bị xử tử là Zinoviev, Kamenev, Rykov, Bukharin, Milyutin, Krestinsky, Sokolnikov, Smilga và Berzin. Một người bị cơ quan mật vụ chính trị GPU ám sát ở ngoại quốc (Mexico) vào năm 1940 là Trotsky và người thứ 21, Muranov mất tích; dường như ông cũng bị triệt hạ năm 1938.

Từ năm 1918 đến 1921, Ban Trung ương gồm 31 thành viên. Trong số đó, có 8 người chết vì tuổi tác hoặc bệnh tật là: Sverdlov, Lenin, Noghin, Dzerzhinsky, Artem, Kollontai, Stalin và Stushka. Một người bị bọn phản cách mạng ám hại là Uritsky. Một người bị Stalin đẩy đến tự sát là Tomsky. Mười tám người bị xử tử hay bị ám sát do sự khủng bố xta-lin-nít là Zinoviev, Kamenev, Eudokimov, Smirnov, Trotsky, Radek, Serebryakov, Rakovsky, Byelogorodov, Rudzutak, Bubnov, Preobrazhensky, Rykov, Bukharin, Milyutin, Krestinsky, Sokolnikov, Smilga

và Berzin. Một người bị phái xta-lin-nít khủng bố nhưng sống sót là Stasova. Một người mất tích, không để lại dấu vết là Muranov và một người còn sống, đang tại vị ở Ban Trung ương hiện tại, là Andreyev.

Năm 1917, Bộ Chính trị đầu tiên gồm 7 ủy viên: Lenin, Trotsky, Zinoviev, Kamenev, Sokolnikov, Bubnov và Stalin. Hai người chết cái chết tự nhiên là Lenin và Stalin. Còn lại 5 ủy viên bị phái xta-lin-nít giết.

Năm 1923, Bộ Chính trị gồm có Lenin, Trotsky, Zinoviev, Kamenev, Bukharin, Stalin, Preobrazhensky, Serebryakov, Tomsy và Rykov. Trong số 10 ủy viên đó, 8 người bị phái xta-lin-nít giết hại.

Như vậy, kết luận rất rõ ràng: đại đa số các ủy viên Ban Trung ương lê-nin-nít đều bị tàn sát dưới nhiệm kỳ của Stalin.

Cuốn sử cũ trình bày rằng những người bị giết là "*phản cách mạng*", là "*gián điệp*", "*tay sai đế quốc*", "*phát-xít Hitler*"... Nếu quả thực như vậy thì danh dự của Lenin còn gì? Người lãnh đạo tối cao của cuộc đại cách mạng tháng Mười mà lại chọn những "*gián điệp*", "*tay sai đế quốc*", "*phát-xít Hitler*"... làm cộng tác viên trung thành cho mình ư?!

Bộ sử mới phục hồi danh dự cho Lenin, nhưng lại bỏ quên Ban Trung ương lê-nin-nít và giải thích hiện tượng lịch sử bằng phương pháp lẩn tránh sự thật. Người ta giải thích: tai họa đáng tiếc đó xảy ra là do bệnh loạn óc của Stalin và do sự sùng bái cá nhân!

Tại sao người ta không giải thích rằng giữa thời kỳ Lenin và thời kỳ toàn thắng của Stalin, đã có một chuyển biến chính trị rất quan trọng ở Liên Xô? Phái xta-lin-nít chuyển sang đường lối xu thời thực nghiệm hữu phái và bộ máy quan liêu độc tài, khủng bố được hoàn bị, đã thẳng tay mở cuộc diệt trừ cực kỳ dã man bất kỳ những ai bất đồng ý kiến đối với họ. Nghĩa là có ***một cuộc phản cách mạng chính trị***. (Chúng tôi sẽ giải thích khái niệm này ở đoạn sau)

Câu hỏi 2: Trong bộ sử mới "*Lịch sử đảng Cộng sản Liên Xô*", người ta có nói tới vai trò của những ủy viên Ban Trung ương lê-nin-nít từng có nhiều công lao trong lịch sử phong trào lao động Nga trước năm 1917 không?

Trả lời: Người ta có nói tới... nhưng chỉ để nói xấu họ. Người ta nhắc đến tên tuổi các ủy viên này để rồi chỉ trích họ một cách thâm độc. Người ta chủ tâm "*quên*" tất cả những sự thật của lịch sử.

Người ta "*quên*" rằng năm 1914, Ban Trung ương bên-sê-vích cử Kamenev về Nga điều khiển tờ báo "*Pravda*" (Sự thật), cơ quan ngôn luận của đảng, và để lãnh đạo nhóm đại biểu bên-sê-vích ở Hạ nghị viện (Duma Quốc gia). "*Quên*" rằng chủ tịch Đại hội sáng lập (Đệ tam) Quốc tế Cộng sản và chủ tịch Quốc tế Cộng sản cho tới năm 1926 là Zinoviev, và đoàn đại biểu Liên Xô tham dự Đại hội này gồm Lenin, Trotsky, Zinoviev, Bukharin, Radek. "*Quên*" rằng Trotsky là đại biểu bên-sê-vích duy nhất - trong phân bộ bên-sê-vích tham gia Tiền Quốc hội - đã tuyên bố tẩy chay cơ quan này. "*Quên*" rằng Trotsky là chủ tịch của Xô-viết Petrograd, đồng thời cũng là chủ tịch Ủy ban Quân sự Cách mạng, cơ quan chuẩn bị và chỉ đạo cuộc khởi nghĩa. "*Quên*" rằng chính phủ đầu tiên của nước Nga-Xô-viết gồm các thành viên Lenin, Rykov, Milyutin, Shlyapnikov, Antonov-Ovseyenko, Krylenko, Dybenko, Noghin, Lunacharsky, Stepanov, Trotsky, Lomov, Teodorovich, Avilov và Stalin.

Nhờ cuốn sách "*Mười ngày rung chuyển thế giới*" của John Reed phát hành ở Liên Xô, ngày nay quần chúng Liên Xô mới được biết những điều này.

Câu hỏi 3: Những nhiệm vụ phải giải quyết của cách mạng Nga 1917 là gì?

Trả lời: Cách mạng Nga lật đổ chính quyền tư sản và đại địa chủ, thiết lập nền chuyên chính vô sản, mở đường cho sự quốc hữu hóa các công cụ sản xuất và bãi bỏ chế độ tư bản. Đồng thời, cách mạng Nga 1917 cũng giải quyết những nhiệm vụ chính của cách mạng dân chủ tư sản mà giai cấp tư sản không có khả năng thi hành, như cải cách điền địa, vấn đề độc lập quốc gia và vấn đề thống nhất nước Nga.

Bộ sử mới "*Lịch sử đảng Cộng sản Liên Xô*" chứa đựng nhiều lẫn lộn về lý thuyết bởi vì các tác giả cố tình bỏ quên không nói tới cuộc Hội đàm tháng Tư và Luận đề tháng Tư, Lenin và một số lãnh tụ bên-sê-vích thay đổi chiến lược chủ trương từ năm 1905 cho đến khi đó. Nghĩa là Lenin và đảng đề cập cụ thể vấn đề giai cấp vô sản giành chính quyền, đẩy cuộc cách mạng tiến vào con đường "*cách mạng thường trực*" mà Trotsky đã chủ trương từ trước.

Các tác giả cố tránh cụm từ "*cách mạng thường trực*" và giấu quần chúng, không cho quần chúng biết thế nào là cách mạng thường trực. Cách mạng thường trực đâu phải như nhiều người hiểu lầm là vác súng đánh giặc không ngừng, suốt cả 12 tháng trong một năm! "*Cách mạng thường trực*" là một cuộc cách mạng không ngừng bước ở giai đoạn tư sản, thiết lập nhà nước tư sản với các qui chế tư sản, mà còn tiến tới giai đoạn thiết lập nhà nước lao động, phá bỏ quyền tư hữu công cụ sản xuất, dưới nền chuyên chính vô sản. Một số ví dụ: cách mạng tháng Mười là cách mạng thường trực. Cách mạng Nam Tư, cách mạng Trung Hoa, cách mạng Việt Nam, cách mạng Cuba đã đi một bước dài trên con đường cách mạng thường trực.

Hãy trở lại vấn đề chiến lược trong cuộc cách mạng tháng Mười Nga. Chiến lược này không giống chiến lược trong cách mạng 1905. Thời kỳ 1905, khi thảo luận về tính chất của cuộc cách mạng Nga trong tương lai, trong đảng Xã hội Dân chủ Nga (tiền thân của đảng Cộng sản bên-sê-vích) có ba xu hướng:

1. Phái men-sê-vích cho rằng nước Nga chưa bước qua cuộc cách mạng tư sản toàn thắng. Cuộc cách mạng sắp tới phải lật đổ chế độ Nga hoàng, bãi bỏ nền kinh tế bán phong kiến. Giai cấp vô sản không chủ trương giành chính quyền mà chỉ có nhiệm vụ ủng hộ giai cấp tư sản tự do, đồng thời phê phán, thúc giục họ thi hành cách mạng một cách tiến bộ hơn. Đồng thời, phải đấu tranh cho các yêu sách trực tiếp như quyền đình công, phổ thông đầu phiếu, làm việc 8 tiếng mỗi ngày...

2. Phái bên-sê-vích nhận định rằng trong thời đại này và đứng trước một giai cấp vô sản làm việc trong các xưởng kỹ nghệ tập trung, có tổ chức trong các đảng mác-xít, giai cấp tư sản bất lực trong việc thi hành các nhiệm vụ "kinh điển" của cách mạng dân chủ tư sản, vì họ sợ những hành động cách mạng của quần chúng. Mặt khác, theo Lenin, số lượng vô sản còn rất ít trong xã hội Nga và hạ tầng cơ sở của tư bản còn rất yếu ớt, đảng vô sản chưa có khả năng và điều kiện nắm chính quyền một mình. Do đó, phải thiết lập một nền *chuyên chính dân chủ công nông* (dictature démocratique du prolétariat et de la paysannerie). Đảng vô sản có thể tham gia chính phủ liên hiệp cùng các chính đảng của nông dân. Tựu trung, Lenin cho rằng cuộc cách mạng đó là cách mạng dân chủ tư sản tiến bộ, và chưa tiến ngay đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

3. Quan niệm của Trotsky. Cũng như Lenin và phái men-sê-vích, Trotsky nhận định vấn đề ruộng đất là vấn đề then chốt. Nhưng, khác với phái men-sê-vích (tin rằng tư sản có thể cải cách một cách cấp tiến vấn đề điền địa) và cũng khác với Lenin (cho rằng chính phủ liên hiệp công nông sẽ giải quyết vấn đề cải cách ruộng đất), Trotsky khẳng định chỉ có một nền *chuyên chính vô sản* mới có khả năng đem lại một cách tiến bộ ruộng đất cho nông dân. Trotsky nhấn mạnh: lịch sử từ xưa đến nay đã chứng tỏ nông dân bất lực thiết lập các đảng nông dân lớn mạnh, họ luôn có chiều hướng chạy theo các đảng tư sản hoặc vô sản.

Đây là một bất đồng ý kiến cũ giữa Lenin và Trotsky. Trong cuộc Hội đàm tháng Tư (4-1917), Lenin đã từ bỏ quan niệm cũ của mình bằng cách chủ trương thiết lập ngay nền chuyên chính vô sản và nhà nước Xô-viết. Nghĩa là, với thời gian, Lenin và Trotsky đã tiến tới chỗ đồng ý với nhau trong một vấn đề căn bản và lịch sử cuộc cách mạng tháng Mười đã chứng minh cho sự đúng đắn của quan điểm đó.

Tuy nhiên, về sau, nhất là khi Lenin đã qua đời, phái xta-lin-nít lại nêu ra bất đồng cũ giữa Lenin và Trotsky, không phải để chứng thực Trotsky đã có lý và đã được lịch sử chứng minh, mà để nói rằng Trotsky "*chủ trương chia rẽ, coi nhẹ vấn đề nông dân, phá hoại sự đoàn kết công nông, làm yếu lực lượng cách mạng*". Sự vu khống dựng đứng đó đã xuyên tạc hẳn sự thật lịch sử!

Hãy xem bộ sử mới viết như sao về chuyện này?

Các tác giả bộ sử mới không nguy tạo, dựng đứng một cách quá trắng trợn, nhưng họ tìm đủ mọi cách để che giấu sự thật lịch sử. Chẳng hạn, bộ sử này viết: "*Nghị quyết của Hội đàm tháng Tư được xem như là cuộc đấu tranh để bước từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa*".

Nói như vậy, chủ tâm những người viết sử là hướng cho độc giả hiểu rằng cách mạng tháng Hai là "*cách mạng tư sản đã thành công*", đã làm xong sứ mạng của tư sản. Từ tháng Tư trở đi, lại là một cuộc cách mạng khác, cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là hai cuộc cách mạng riêng biệt, khác hẳn nhau.

Kỳ thực, cách mạng tháng Hai và cách mạng tháng Mười sau đó vẫn chỉ là một *cuộc cách mạng liên tục* của quần chúng chứ không bị đứt đoạn. Quần chúng lật đổ chế độ Nga hoàng, nhưng khi thấy đảng bôn-sê-vích ở Nga chưa có đường lối rõ rệt để chỉ đạo, quần chúng trao chính quyền cho giai cấp tư sản Nga. Chứ không phải tư sản Nga điều khiển cách mạng và khi nắm chính quyền, giai cấp tư sản Nga cũng không thi hành một nhiệm vụ lịch sử nào của cuộc cách mạng tư sản, như chia ruộng đất cho nông dân, thực hiện các quyền tự do dân chủ cơ bản, bảo vệ nền độc lập quốc gia, v.v... Sau khi họp Hội đàm tháng Tư, đảng bôn-sê-vích chuyển hướng chính trị, thay đổi chiến lược, chủ trương giành chính quyền, thiết lập nền chuyên chính vô sản và nhà nước Xô-viết, khi ấy đảng nắm vai trò chỉ đạo cuộc cách mạng của quần chúng. Những danh từ "*hai cuộc cách mạng riêng biệt*" và "*một cuộc cách mạng liên tục*", mới nghe bề ngoài tưởng chừng không có gì quan trọng, nhưng đứng trên địa hạt chính trị lại vô cùng quan trọng.

Rất nhiều văn kiện chính trị của Lenin và Trotsky đều khẳng định: kể từ thế kỷ XX, giai cấp tư sản không còn đủ sức thi hành nhiệm vụ lịch sử của nó, tức là cải cách điền địa một cách tích cực, thi hành các quyền dân chủ cơ bản, v.v... Chỉ có giai cấp vô sản và cách mạng vô sản mới có khả năng giải quyết những vấn đề trên đây. Đó là bài học kinh nghiệm của cách mạng Nga để lại cho các phong trào giải phóng dân tộc và cho các cuộc cách mạng ở các xứ thuộc địa và bán thuộc địa.

Trái lại, nếu theo quan niệm "*hai cuộc cách mạng riêng biệt*" thì phải trao quyền lãnh đạo cách mạng cho giai cấp tư sản để họ thi hành nhiệm vụ lịch sử của họ xong đã, rồi cách mạng vô sản mới khởi đầu giai đoạn sau. Chính sách đó đã được áp dụng ở Trung Hoa năm 1927, đưa đến kết quả tai hại là phe Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch đã dè bẹp cuộc cách mạng vô sản và giai cấp tư sản Trung Hoa đã không thi hành một nhiệm vụ lịch sử nào hết. Họ đã thiết lập một nền độc tài tư sản.

Mặc dù muốn giấu giếm sự thật một cách khôn khéo, nhưng bộ sử mới cũng phải công nhận (tập 1, trang 92): "*Nền dân chủ công nông do Lenin nhận định năm 1905 không phải là nền chuyên chính xã hội chủ nghĩa mà chỉ là nền chuyên chính dân chủ mà thôi*".

Và năm 1925, trong một bài viết nhan đề "*Lenin và đảng trong giai đoạn cách mạng tháng Hai*", trợ thủ đắc lực bậc nhất của Stalin là Molotov cũng phải công nhận: "*Nhưng phải nói trắng ra rằng [trong cách mạng tháng Hai] đảng chưa có nhận thức rõ rệt và chưa có quyết định kịp thời theo đòi hỏi của phong trào cách mạng. Sở dĩ đảng chưa có quyết định kể trên vì đảng chưa có thái độ rõ rệt về chiều hướng tiến tới một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nói chung, sự vận động và việc thực hành của một đảng cách mạng còn thiếu cơ sở vững chắc. Bởi vì tư tưởng chưa tiến đến một kết luận "gan góc" là sự cần thiết tức thời của một cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và cho cách mạng xã hội chủ nghĩa*".

Tư tưởng "*gan góc*" ấy, Trotsky đã đề xướng và phân tích từ năm 1905, trong văn kiện "*Tổng kê và viễn đồ*" (Bilan et Perspective). Nó cũng đã được Lenin chấp nhận từ tháng 2-1917.

Ba mươi năm sau, các tác giả bộ sử mới cũng nhìn rõ sự cần thiết của tư tưởng "*gan góc*" đó, nhưng họ lại cố ý che giấu không nói hết sự thật. Nhưng sự thật vẫn được tiết lộ, vì nó đã được ghi trong lịch sử.

Câu hỏi 4: Về vấn đề này, bài học chính của cách mạng tháng Mười là gì?

Trả lời: Ở những xứ chưa có cuộc cách mạng tư sản thành công, lực lượng chủ động của cách mạng là liên minh công - nông, do giai cấp lao động lãnh đạo dưới hình thức chuyên chính vô sản, nhằm giành lấy chính quyền về tay vô sản. Chỉ có phương hướng đó mới thi hành được nhiệm vụ lịch sử: cải cách ruộng đất một cách tiến bộ.

Bài học kinh nghiệm kể trên đã được lịch sử chứng minh trong cuộc cách mạng Nga, và phần nào trong cách mạng Nam Tư, cách mạng Trung Hoa, cách mạng Việt Nam. Trong 40 năm vừa qua, chưa có một xứ nào thi hành được nhiệm vụ cổ điển của cách mạng tư sản mà không thông qua sự giành chính quyền của vô sản.

Có nhiều cuộc cách mạng không chủ trương giành chính quyền về tay vô sản, đều dừng chân ở mức giành nền độc lập chính trị như: Ấn Độ, Ai Cập, Maroc, Tunisia, v.v... hoặc Iraq và Venezuela. Nhưng không xứ nào giải quyết được vấn đề điền địa, chưa nói đến vấn đề công nghiệp hóa.

Câu hỏi 5: Các tác giả bộ sử mới *"Lịch sử đảng Cộng sản Liên Xô"* có giải thích bài học kinh nghiệm này không?

Trả lời: Tất nhiên không! Mặc dù họ có trong tay đầy đủ tài liệu của Quốc tế Cộng sản và của Lenin. Ví dụ: bài diễn văn của Lenin đọc trước Đại hội của công nhân ngành vận tải tháng 3-1921 (*"Lenin tuyển tập"*, tập 2, trang 838-839): *"Lịch trình tiến hóa của tất cả các cuộc cách mạng trên thế giới trong giai đoạn 150 năm gần đây đã dạy chúng ta bài học kinh nghiệm: tất cả những mưu toan của giai cấp tiểu tư sản nói chung, nông dân nói riêng, dựa vào ý thức và lực lượng giai cấp họ, theo phương pháp riêng của họ, để điều khiển nền kinh tế và chính trị, đều bị thất bại. Họ đều phải tự đặt dưới quyền lãnh đạo hoặc của tư bản, hoặc của vô sản. Không có con đường trung gian. Những ai mơ tưởng đường lối trung gian đều là ảo mộng"*.

Cũng về vấn đề trên, năm 1905, Trotsky viết trong cuốn *"Cách mạng thường trực"* như sau: *"Cách mạng Nga ngăn cản sự thành lập một chế độ lập hiến tư sản để giải quyết các nhiệm vụ sơ đẳng của nền dân chủ. Vì lẽ đó, tương lai lợi ích sơ đẳng nhất của giai cấp nông dân - và kể cả lợi ích toàn thể các tầng lớp nông dân - phải dính liền với số phận chung của cách mạng, nghĩa là dính liền với lợi ích của vô sản. Trước mắt nông dân, giai cấp vô sản sẽ được coi là đội quân giải phóng cho họ. Giả sử ta đặt câu hỏi: nếu nông dân từ chối không chịu gắn bó với vô sản mà tự mình đứng ra thay thế vai trò của vô sản, thì sao? Điều này không thể có được. Kinh nghiệm lịch sử chứng tỏ giai cấp nông dân bất lực đóng vai trò chính trị độc lập"*.

Giai cấp tư sản Nga để lại tất cả những vị trí cách mạng cho vô sản. Họ cũng bắt buộc phải để lại cho giai cấp vô sản vai trò lãnh đạo giai cấp nông dân".

Các tác giả bộ sử mới đã không giải thích kinh nghiệm lịch sử một cách đúng đắn mà họ còn lặp lại những lời vu cáo theo kiểu xta-lin-nít. Chẳng hạn (tập 1, trang 95): *"Trotsky muốn nhảy vọt qua cách mạng dân chủ tư sản và không thừa nhận vai trò cách mạng của nông dân. Như thế là cô lập vô sản với nông dân"*.

Chỉ cần so sánh sự phân tích của Trotsky trong đoạn văn trích trên đây cũng đủ rõ các tác giả của bộ sử mới đã biến dạng sự thật, nếu không nói là ngụy tạo lịch sử!

Câu hỏi 6: Trên mặt lý thuyết, phái xta-lin-nít và Khrushchev đã không biết rút các bài học kinh nghiệm, nhưng trong thực hành họ có áp dụng hay không?

Trả lời: Khó thay là trong thực hành, họ cũng không áp dụng. Các đảng Cộng sản ở các xứ thuộc địa và bán thuộc địa phần đông đã có thái độ chống lại phong trào cách mạng của quần chúng. Bằng chính sách liên kết lâu dài với tư sản quốc gia, giao phó vai trò lãnh đạo phong trào cho tư sản, họ đã khiến phong trào cách mạng của quần chúng bị phụ thuộc vào phong trào giải phóng quốc gia tư sản. Rốt cục, phong trào quần chúng cách mạng bị tư sản bóp nghẹt.

Kinh nghiệm thảm hại bắt đầu với Tướng Giới Thạch ở Trung Hoa năm 1925-1927. Rồi liên tục với Mossadegh ở Iran, với Arbenz ở Guatemala, với Nasser ở Ai Cập, với Frondizi ở

Argentina, với Mohamed ở Maroc. Và gần đây, với Kassem ở Iraq, với Neru ở Ấn Độ và Sucarno ở Indonesia. Những kinh nghiệm đó chẳng về vang gì!

Tất nhiên, đứng trên mặt thực hành, không phải lúc nào người cộng sản cũng từ chối bắt tay với tư sản quốc gia. Khi tư sản quốc gia thực sự điều khiển phong trào quần chúng cách mạng và thực sự chống đế quốc, đảng Cộng sản có thể liên minh với họ, nhưng luôn luôn giữ quyền phê bình, chỉ trích.

Nhưng các trường hợp kể trên lại khác. Dưới thời Stalin cũng như dưới thời Khrushchev, các đảng Cộng sản đã bỏ mất nhiều cơ hội để biến đổi tương quan lực lượng, chuyển ưu thế về phong trào quần chúng cách mạng. Chỉ trừ một vài trường hợp đặc biệt như Nam Tư và Trung Hoa, và gần đây là Cuba và Việt Nam. Những xứ này đã thiết lập nền chuyên chính vô sản, không ngừng ở giai đoạn kiến thiết nền kinh tế tư sản, mà chuyển sang *nền kinh tế công cộng* (collectivismes), như Trotsky đã nhận rõ ngay từ năm 1905.

Câu hỏi 7: *Tính chất của cuộc cách mạng tháng Hai 1905 là thế nào?*

Trả lời: Bộ sử mới nhận định: "*Cách mạng tháng Hai là cách mạng dân chủ tư sản, cần phải được biến chuyển thành cách mạng vô sản... Chính phủ Lâm thời do cách mạng tháng Hai đưa lên không thể và không muốn trao ruộng đất cho nông dân....*"

Đoạn sau, sách lại khẳng định: "*Cách mạng tư sản tháng Hai đã thi hành mục tiêu thứ nhất của đảng là lật đổ Nga hoàng và mở đường cho khả năng bãi bỏ tư bản chủ nghĩa, thiết lập chủ nghĩa xã hội*".

Sự trình bày đó không sai, nhưng chứa đầy ẩn ý. Tại sao lại không nói rõ tính chất của cách mạng tháng Hai là tính chất của cách mạng tư sản? Nhưng tư sản ở thời đại này bất lực thi hành nhiệm vụ cách mạng tư sản, chỉ có cách mạng vô sản toàn thắng mới có khả năng trao ruộng đất cho dân cày. Cho nên, cách mạng tháng Hai phải được chuyển hướng, thay đổi chiến lược, áp dụng thuyết "*cách mạng thường trực*". Đó là sự che giấu sự thật lịch sử của tập thể tác giả bộ sử: họ cố tránh cụm từ "*cách mạng thường trực*" (chúng tôi đã nói tới ở phần trên).

Câu hỏi 8: *Ai điều khiển cách mạng tháng Mười? Cách mạng toàn thắng khi nào và như thế nào?*

Trả lời: Bộ sử cũ không ngần ngại viết những đoạn nguy tạo, dựng đứng. Ví dụ, sách viết: trong phiên họp của Ban Trung ương ngày 10-10-1917 để quyết định khởi nghĩa, "*cho dù Trotsky không trực tiếp bỏ phiếu chống nghị quyết, nhưng yêu cầu bổ khuyết nghị quyết theo chiều hướng khiến cuộc khởi nghĩa phải thất bại. Trotsky đề nghị không nên bắt đầu cuộc khởi nghĩa trước ngày khai mạc Đại hội Xô-viết lần thứ II, điều này có nghĩa là trì hoãn cuộc khởi nghĩa, tiết lộ ngày khởi nghĩa cho Chính phủ Lâm thời biết trước*".

Độc giả hãy coi cuốn sách "*Mười ngày rung chuyển thế giới*", phóng sự xác thực về cách mạng tháng Mười của John Reed, để xem sự thật trong vấn đề này. Và trước khi đọc, nên xem lời tựa (kỳ xuất bản ở Mỹ) của Lenin, để cân nhắc giá trị lịch sử của tác phẩm.

Lenin viết: "*Tôi nhiệt liệt giới thiệu cuốn sách này cho vô sản toàn thế giới. Tôi ước mong cuốn sách được phát hành hàng triệu bản và được dịch ra tất cả các thứ tiếng, vì nó trình bày rất linh hoạt và trung thực những sự kiện trọng đại, rất cần thiết cho sự hiểu biết cơ bản về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản*".

Sách của John Reed viết như sau về phiên họp nói trên của Ban Trung ương (trang 42, ấn bản tiếng Đức năm 1927): "*Trong phiên họp này, Lenin và Trotsky bênh vực ý kiến khởi nghĩa. Ngày hôm sau, Lenin viết trên tờ "Pravda" một bài đề nghị phải khởi nghĩa tức khắc. Chính phủ Lâm thời biết rõ điều này nên họ đã sẵn sàng chuẩn bị để đối phó. Cuối cùng, cuộc khởi nghĩa bắt đầu đúng vào ngày mà Trotsky đã đề nghị, tức là vào lễ khai mạc Đại hội Xô-viết lần thứ hai ở Petrograd*".

So với cuốn sử cũ, quyển sử mới đã sửa chữa đôi chút, nhưng việc xuyên tạc sự thật vẫn còn khá nhiều. Sách này viết: "*Trong phiên họp của Ban Trung ương, Trotsky không bỏ phiếu*

chống lại nghị quyết khởi nghĩa, nhưng lại đề nghị lùi ngày khởi nghĩa tới phiên họp Đại hội Xô-viết lần thứ II. Như thế, đứng về mặt thực hành là muốn cho cuộc khởi nghĩa thất bại. Bởi vì phái xã hội cách mạng và men-sê-vích có thể trì hoãn việc triệu tập Đại hội Xô-viết, Chính phủ Lâm thời sẽ có đủ khả năng tập trung lực lượng để đánh bại cuộc khởi nghĩa cho tới khi Đại hội Xô-viết được triệu tập".

Các tác giả bộ sử mới cố tình vu khống là Trotsky muốn cho cuộc khởi nghĩa bị thất bại. Song, cuộc khởi nghĩa đã thắng. Họ sẽ giải thích thế nào? Tại sao họ không nói đúng sự thật? Sự thật là Trotsky đã tiên liệu trước việc Chính phủ Lâm thời không còn lực lượng quân đội để đè bẹp cuộc khởi nghĩa. Quân đội đã từng bước chuyển sang phía cách mạng dưới quyền điều khiển của Xô-viết Petrograd mà Trotsky là chủ tịch. Đồng thời, Trotsky cũng là chủ tịch Ủy ban Quân sự Cách mạng, cơ quan binh bị lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của Xô-viết Petrograd. Để "danh chính ngôn thuận", Trotsky muốn "hợp thức hóa" ngày khởi nghĩa với mục tiêu điều khiển toàn bộ cuộc khởi nghĩa.

Sự nguy tạo này quá trắng trợn, nên đã được bộ sử mới "chỉnh lý" đôi chút như sau: "Ngày 16-10, phiên họp mở rộng của Ban Trung ương được tổ chức với sự tham gia của các đại diện Ủy ban Petrograd, Tổ chức Quân sự, Xô-viết Petrograd, Ủy ban vùng lân cận Petrograd, các ủy ban công xưởng và các nghiệp đoàn. Trong cuộc họp này, dự thảo nghị quyết liên quan đến cuộc khởi nghĩa của Ban Trung ương đã được thông qua. Để lãnh đạo khởi nghĩa, một Trung tâm Quân sự Cách mạng đã được bầu ra, gồm các thành viên: A.S.Bubnov, F.E.Dzerzhinsky, I.V.Stalin, Y.M.Sverdlov và M.S.Uritsky. Trung tâm Quân sự Cách mạng của đảng được sát nhập vào Ủy ban Quân sự Cách mạng của Xô-viết [Petrograd]... Lenin tổ chức việc điều khiển cuộc khởi nghĩa".

Tất cả những điều này đều đúng sự thật. Bộ sử mới không nói Stalin là người điều khiển số một của cuộc khởi nghĩa nữa. Nhưng nó vẫn giấu giếm một cái gì đó, nên lộ vế vụng về.

Ai chẳng biết Lenin là bộ óc của cuộc khởi nghĩa? Nhưng tại sao không nói rõ là trung tâm Quân sự Cách mạng do phiên họp Ban Trung ương ngày 16-10 đề cử chỉ nhằm mục đích mở rộng Ủy ban Quân sự Cách mạng, chứ không nhằm thay đổi công tác và nhiệm vụ, cũng như không thay đổi thành phần ban điều khiển của cơ quan lãnh đạo cuộc cách mạng của Xô-viết Petrograd. Ông Pierre Broué, một sử gia đứng đắn người Pháp, còn nhận định: "Trung tâm Quân sự của Ban Trung ương chỉ là một ủy ban "ma", không hề hội họp, không có báo cáo hoặc biên bản, không để lại một dấu tích gì chứng tỏ nó hoạt động".

Những người lãnh đạo chính của Ủy ban Quân sự Cách mạng là Trotsky (chủ tịch), Podvoysky, Antonov-Ovseyenko và Chudnovsky (phụ trách kỹ thuật binh bị). Tại sao bộ sử mới không nhắc đến tên tuổi họ, dù chỉ một lần, mà lại chỉ nêu tên 5 người trách nhiệm phụ (trong số đó, Stalin không hề tham gia khởi nghĩa và trong những ngày diễn ra cách mạng tháng Mười, không ai biết ông ta ở đâu). Thiếu sót đó là vô tình hay hữu ý?

Muốn biết một cách rõ ràng, xin độc giả coi bài báo của Stalin trên tờ "Pravda" (Sự thật) ngày 6-11-1918, nhân kỷ niệm một năm cách mạng tháng Mười. Bài báo có đoạn: "Những nhiệm vụ thực tiễn liên quan đến việc tổ chức khởi nghĩa được thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Trotsky, chủ tịch Xô-viết Petrograd. Chúng ta có thể khẳng định chắc chắn rằng trước hết và đầu tiên, đảng có thể cảm ơn đồng chí Trotsky về việc quân đội địa phương đã nhanh chóng đứng về phía các Xô-viết và về tính hiệu quả khi đồng chí tổ chức Ủy ban Quân sự Cách mạng".

Cần biết thêm rằng thời đó, Stalin chưa chống Trotsky và Tả đối lập, nên ông ta phải công nhận một sự thực của lịch sử.

Câu hỏi 9: Ai là người sáng lập Hồng quân? Ai điều khiển Hồng quân trong cuộc nội chiến?

Trả lời: Các tác giả bộ sử mới đã "quên" lịch sử một cách dễ dàng. Họ trình bày tràng giang đại hải một bản danh sách gồm 32 thành viên lãnh đạo quân sự, trong đó tất nhiên có Stalin và Khrushchev, nhưng lại "quên" tên tuổi những người điều khiển chính.

Muốn biết rõ ai sáng lập Hồng quân, nên xem bản sắc lệnh tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ (ngày 7-11-1919) cho Trotsky. Sắc lệnh đó viết: "*Leon Trotsky là dân ủy Quốc phòng đầu tiên (Commissaire du peuple à la défense), sáng lập Hồng quân và là cha đẻ của cuộc đại thắng (père de la victoire)*".

Những tác giả của bộ sử cũng "*quên*" rằng: Hội đồng Quân sự Cách mạng của nước Cộng hòa Xô-viết thành lập năm 1918, gồm có Trotsky (chủ tịch), Sklyansky (phó chủ tịch) và 6 ủy viên khác. Trong số 8 ủy viên này, có 5 người về sau bị Stalin triệt hạ.

Muốn chứng tỏ vai trò quyết định của Trotsky trong việc sáng lập Hồng quân, nên xem lại tập hồ sơ Đại hội lần thứ nhất (Đệ tam) Quốc tế Cộng sản (bản tiếng Đức, trang 63). Jacques Sadoul tuyên bố: "*Chúng ta rất cảm tạ những thành viên điều khiển Hồng quân, trước hết là đồng chí Trotsky, đầy nghị lực dũng cảm, biết kết hợp trí thông minh cao cả và thiên tài lỗi lạc, mang lại sức sống cho quân đội Nga, một quân đội đã hoàn toàn tan rã*".

Trong "*Lenin toàn tập*" (phát hành lần thứ nhất, bản tiếng Nga, tập 21, trang 73), Lenin khen ngợi Trotsky đã "*biết sáng lập Hồng quân từ những viên gạch của tòa nhà sụp đổ do chế độ cũ để lại*".

Trong cuốn "*Lenin và nông dân Nga*", văn hào Gorky thuật lại một cuộc đối thoại của ông với Lenin về Trotsky, như sau: "*Đập tay xuống mặt bàn, Lenin nói: "Các đồng chí hãy thử chỉ cho tôi một người khác có thể tổ chức được trong vòng chưa đầy một năm một quân đội gần như mẫu mực và giữa chừng, còn chiếm được sự mến mộ của các chuyên viên quân sự. Chúng ta có một người như thế. Chúng ta có tất cả. Và chúng ta sẽ làm nên những kỳ tích"*".

Cũng trong buổi nói chuyện ấy, Lenin còn nói với Gorky: "*Vâng, vâng, tôi biết. Người ta kể những chuyện dối trá về quan hệ giữa tôi với đồng chí ấy. Con người ta dối trá rất nhiều và tôi nghĩ rằng đặc biệt là về tôi và Trotsky*".

Đoạn văn này đã biến mất trong những lần xuất bản sau của "*Lenin toàn tập*"! Để chiều lòng cơ quan kiểm duyệt của Stalin, văn hào Gorky đã viết lại phần này trong cuốn sách "*Về Lenin*", như sau:

"*Tôi [Gorky] vô cùng ngạc nhiên vì ông [Lenin] đánh giá rất cao tài tổ chức của Trotsky; Lenin nhận ra sự kinh ngạc của tôi.*

- *Vâng, tôi biết, người ta kể nhiều chuyện về quan hệ giữa hai chúng tôi. Nhưng tôi cũng biết điều gì có và điều gì không. Đúng là đồng chí ấy biết cách tổ chức các chuyên gia quân sự! - Lenin im lặng một hồi rồi ông nói tiếp, giọng nhỏ đi và khô khan: - Thế mà đồng chí ấy vẫn không thuộc về chúng ta! Đồng chí ấy đi cùng với chúng ta, nhưng không thuộc về chúng ta. Đó là một người hiếu danh. Và trong con người đồng chí ấy có một cái gì đấy... một cái gì đấy không tốt, bắt nguồn từ Lassalle...*"

Ở đây, vì thiếu chỗ nên chúng tôi không thể đính chính mọi ngụy tạo lịch sử về các cuộc hành quân của Hồng quân Nga trong cuộc nội chiến. Bạn đọc nên tìm xem cuốn hồi ký "*Đời tôi*" (Ma vie) của Trotsky và cuốn "*Nhà tiên tri có vũ khí*" (Le Prophète armé) của sử gia Issac Deutscher, để biết thêm nhiều chuyện hoang đường mà tập đoàn xta-lin-nít đã thêu dệt.

Bộ sử mới còn nhiều trò biến lộn không kém phần vụng về. Như việc thủy quân Pháp - do André Marty điều khiển - đã nổi loạn ở Hắc Hải để ủng hộ cách mạng Nga. Người ta có ghi lại cuộc nổi loạn của thủy quân Pháp, nhưng cái tên André Marty đã biến mất!

II. CĂN NGUYÊN CÁC CUỘC ĐẤU TRANH CỦA CÁNH TÁ TRONG ĐẢNG BÔN-SÊ-VÍCH.

Câu hỏi 10: Trotsky có quân sự hóa tổ chức lao động ở Liên Xô hay không?

Trả lời: Bộ sử cũ xuyên tạc sự thật, muốn cho người đọc hiểu rằng (tập 1, trang 354): "*Trước ngày Tả đối lập hình thành, Trotsky chống lại sự bành trướng của nền dân chủ nghiệp đoàn, y muốn thi hành các phương pháp quân sự và hành chính mà chính y đã thi hành trong thời gian giữ chức chủ tịch Nghiệp đoàn công nhân vận tải đường sắt và đường thủy*".

Trong hai trang sau, bộ sử cũ lại vu cáo Trotsky đã dùng các phương pháp cưỡng chế thay cho sự tin cậy ở trong các nghiệp đoàn.

Thật ra, đây chỉ là một sự vu khống thô thiển!

Trước hết, nên nhớ rằng các cụm từ "*quân sự hóa nền kinh tế*" và "*quân sự hóa lao động*" không phải do Trotsky đặt ra. Các cụm từ đó đã được toàn đảng áp dụng từ năm 1920. Bởi lẽ sau cuộc nội chiến, mức sản xuất thụt lùi đến độ quá thấp. Đại hội đảng bôn-sê-vích quyết định không giải ngũ ngay tức khắc quân đội vì điều đó chẳng khác gì biến quân đội thành một đạo quân thất nghiệp. Cho nên, quân đội đã được chuyển thành đội quân lao động để xây dựng những công trình lớn và khẩn cấp, nhằm phục hồi nền kinh tế đã bị cuộc nội chiến tàn phá.

Quân đội chuyển sang làm kinh tế, thực hiện các qui chế cộng sản chân chính, không có những đòi phong bại tục như quân đội Liên Xô hiện nay. Dân chủ trong nội bộ được duy trì, các cuộc thảo luận, bàn cãi được tổ chức tự do, sự tin cậy lẫn nhau được thi hành rộng rãi, sĩ quan và người lính đối xử với nhau bằng tình đồng chí chứ không xa vời như trong quân đội Liên Xô hiện nay. Bởi vậy, "*quân sự hóa lao động*" không hề có nghĩa là thi hành sự cưỡng chế trong các đoàn thể sản xuất, thay cho sự tin cậy lẫn nhau, như các tác giả bộ sử đã xuyên tạc.

Vấn đề quan trọng cần phải nghiên cứu là vấn đề nghiệp đoàn: xác định vị trí của nghiệp đoàn và của giai cấp lao động trong nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Có ba phương án được đề ra:

1. Đề án của nghiệp đoàn vô chính phủ, muốn trao ngay lập tức quyền quản lý công nghiệp cho nghiệp đoàn và bãi bỏ tất cả các hình thức hành chính tập trung.

2. Đề án của Lenin và các lãnh tụ nghiệp đoàn, nhằm bảo vệ quyền độc lập của nghiệp đoàn đối với chính phủ, coi nghiệp đoàn là khí cụ đấu tranh cho quyền lợi của người lao động và chủ trương không thay đổi chính sách quản lý công nghiệp.

3. Đề án của Trotsky và Bukharin, bảo đảm cho lao động được quyền tham gia tích cực vào việc quản lý nền công nghiệp quốc hữu hóa.

Ngày nay, các chi tiết của cuộc thảo luận kể trên đã được đưa ra ánh sáng. Kinh nghiệm cho thấy đề án của Lenin và đề án của Trotsky - Bukharin, mỗi bên đều có một phần tích cực và một phần tiêu cực của nó.

Lenin rất có lý khi ông chủ trương giữ quyền độc lập của nghiệp đoàn đối với "***nhà nước lao động biến dạng quan chế hóa***" (chữ dùng của Lenin). Nhưng Trotsky cũng hoàn toàn không sai khi quả quyết rằng cuộc đấu tranh chống quan liêu sẽ trở nên vô hiệu, nếu không đánh ngay vào trung tâm chính quyền thực sự của quan liêu: quyền quản lý đại công nghiệp.

Sự thật, trong thời kỳ chuyển tiếp giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, cuộc đấu tranh chống quan liêu bắt buộc vừa phải giữ quyền độc lập của nghiệp đoàn đối với nhà nước, vừa phải để cho lao động tham gia tích cực vào việc quản lý đại công nghiệp. Khí giới hiệu nghiệm giúp công nhân có thể tham gia tích cực vào việc quản lý công nghiệp, chính là các ***ủy ban công xưởng*** (conseil d'usine).

Câu hỏi 11: *Quan điểm của Lenin đối với vấn đề quản lý công nghiệp Xô-viết là thế nào?*

Trả lời: Năm 1930, Stalin muốn tập trung tất cả quyền lực trong công xưởng vào tay một người độc nhất: viên giám đốc. Để biện hộ cho thái độ này, bộ sử cũ đã tóm tắt quan niệm của Lenin như sau: "*Lenin dạy rằng quyền lợi của chủ nghĩa xã hội bắt buộc quần chúng phải tuân lệnh vô điều kiện người điều khiển quá trình lao động. Vì thế, ban lãnh đạo nền kinh tế phải tập trung và các giám đốc - do chính quyền Xô-viết bổ nhiệm - đứng đầu các công xưởng. Ban điều khiển tập trung của nhà nước và ban điều khiển thống nhất phải phối hợp bằng nhiều hình thức với sự tham gia đặc lực và có ý thức của quần chúng vào đời sống kinh tế và với sự kiểm soát của quần chúng dưới gốc*".

Mặc dù viện dẫn lời của Lenin, theo đó quần chúng dưới gốc phải được tham gia việc kiểm soát đời sống kinh tế bằng nhiều hình thức, nhưng bộ sử năm 1938 không nhắc đến một

hình thức kiểm soát nào cả. Bởi một lẽ dễ hiểu, dưới thời kỳ Stalin, kể từ năm 1932, không còn dấu tích sự kiểm soát của quần chúng dưới gốc! Ban điều khiển nền kinh tế và các ban giám đốc công xưởng đã hoàn toàn bị quan liêu hóa. Sau này, Khrushchev có ý muốn cải đổi đôi chút và muốn tái lập sự kiểm soát của quần chúng dưới gốc, nhưng rồi cũng đánh trống bỏ dùi. Ngày nay, chẳng thấy một ví dụ nào là quần chúng kiểm soát thực sự việc quản lý công xưởng.

Trong văn kiện "*Nhiệm vụ cấp thời của chính quyền vô sản*", Lenin viết: "*Ngày nay, chúng ta quả quyết phải có một chính quyền mạnh, kể cả dùng bạo lực và chuyên chính cá nhân trong quá trình lao động này hay khác, lúc này hay lúc khác, khi thi hành quyền kiểm soát của quần chúng dưới gốc nhằm mục đích làm tê liệt tất cả những hình bóng của sự biến dạng của chính quyền Xô-viết, nhằm mục đích nhổ tận cội rễ và vĩnh viễn tai hại xấu xa của nạn quan liêu*".

Sự khác nhau **thứ nhất** giữa lời nói Lenin và sự trình bày của bộ sử mới, là Lenin không khẳng định việc trao quyền vào tay một ban giám đốc độc nhất là một nguyên tắc tuyệt đối, vĩnh cửu, mà nó chỉ hợp thời trong hoàn cảnh "*ngày nay*" mà thôi, tức là trong những điều kiện đặc biệt, sau khi cách mạng tháng Mười thành công, nhà nước Xô-viết và giai cấp vô sản Nga đứng trước nhiều khó khăn to lớn. Biến một sự cần thiết nhất thời thành một nguyên tắc vĩnh cửu, là phạm vào một sai lầm rất lớn.

Sự khác nhau **thứ hai** giữa lời nói Lenin và bộ sử mới là Lenin thẳng thắn công nhận nguyên tắc nhất thời đó hàm chứa sự nguy hiểm, do khả năng biến dạng của quan chế. Bộ sử mới nín thinh, không nói tới điều này.

Trong "*Lenin tuyển tập*" (tập 2, trang 378), Lenin nói: "*Giấu giếm quần chúng về việc sử dụng các chuyên gia tư sản và trả lương cao cho họ, là đi xa các nguyên tắc của Công xã Paris, là tự rơi xuống tâm của bọn chính khách tư sản và là lừa dối quần chúng. Giải thích thẳng thắn tại sao chúng ta phải lùi một bước, và công khai khảo sát là phải dùng phương pháp nào để theo kịp, tức là huấn luyện quần chúng và học tập với quần chúng, bằng kinh nghiệm, để xây dựng chủ nghĩa xã hội*".

Các tác giả bộ sử mới, khi cắt xén tư tưởng của Lenin, đã "*tự rơi xuống tâm của bọn chính khách tư sản*" và đã "*lừa dối quần chúng*"!

Sự khác biệt **thứ ba** giữa Lenin và các tác giả bộ sử mới, là Lenin đã xác định một cách minh bạch: nếu không gia tăng sự kiểm soát của quần chúng dưới gốc, sẽ không tránh khỏi nạn quan liêu.

Cũng trong cuốn sách kể trên (trang 401), Lenin viết: "*Có một xu hướng tiểu tư sản muốn biến đổi các thành viên Xô-viết thành nghị sĩ hay thành quan liêu. Chúng ta phải chống lại xu hướng đó bằng cách làm cho tất cả các thành viên Xô-viết tham gia việc quản lý trong nước. Chúng ta phải chống lại việc có nhiều nơi, các ủy ban Xô-viết biến thành các cơ quan sát nhập với cơ quan hành chính của chính phủ. Mục đích của chúng ta là làm cho tất cả những người nghèo, không trừ một ai trong thực tế, có thể đứng ra quản lý công việc trong nước. Và tất cả những biện pháp theo chiều hướng này càng nhiều càng hay, cần được đăng ký cẩn thận, nghiên cứu có hệ thống, thi hành rộng rãi. Mục đích của chúng ta là làm cho dân lao động, sau 8 giờ sản xuất, có thể tự nguyện giữ các chức vụ nhà nước. Để tiến tới mục đích đó, lẽ tất nhiên chúng ta sẽ gặp muôn vàn khó khăn. Nhưng đó là sự bảo đảm chắc chắn và vĩnh viễn cho chủ nghĩa xã hội*".

Vậy mà, trong thời kỳ 1930 - 1955, chẳng những các phương pháp kiểm soát của quần chúng dưới gốc không được mở rộng, chẳng những sự tình nguyện tham gia của lao động vào chức vụ nhà nước không được gia tăng, mà trái lại, tất cả những điều nói trên đã hoàn toàn bị bãi bỏ. Chẳng những các chuyên viên vẫn giữ mức lương quá cao so với mức lương của dân chúng, mà sự hưởng thụ này lại lan ra tới các cán bộ đảng. Rốt cục, chủ nghĩa xã hội không được củng cố, các tệ nạn quan liêu mỗi ngày một bành trướng, sự biến dạng quan liêu hóa thành sự suy đồi quan liêu!

Câu hỏi 12: Về tai họa quan liêu hóa của nhà nước Xô-viết, có phải Lenin chỉ lên tiếng cảnh báo qua loa mà thôi không?

Trả lời: Không! Nhất là trong những năm cuối đời, Lenin coi nguy cơ quan liêu hóa của nhà nước Xô-viết là một vấn đề vô cùng quan trọng, cần được cảnh báo thường xuyên. Lenin động viên tất cả cán bộ đảng chống lại họa quan chế, nhưng vô hiệu, như lịch sử đã chứng minh. Sau khi Lenin mất, chỉ có Tả đối lập - và sau này là Đối lập Thống nhất - mới theo lời căn dặn của Lenin.

Phát biểu trong Hội nghị của thành ủy Moscow, Lenin từng khẳng định ("*Lenin toàn tập*", bản tiếng Đức in năm 1930 - tập 30, trang 616-617): "*Sứ mạng của chính quyền Xô-viết là đập gãy hoàn toàn bộ máy cũ và trao chính quyền cho Xô-viết. Nhưng trong chương trình của chúng ta, chúng ta cũng đã công nhận sự kiện quan liêu đã hiện hình mà cơ sở kinh tế của một xã hội xã hội chủ nghĩa thực thụ chưa có... Như thế thì cũng dễ hiểu: nạn quan liêu nảy sinh trong những qui chế Xô-viết có thể gây ra ảnh hưởng tai hại trong những cơ quan của đảng, bởi những cơ quan cao cấp của đảng cũng là những cơ quan cao cấp của nhà nước Xô-viết*".

Năm 1921, khi thảo luận về vấn đề nghiệp đoàn trong Đại hội lần thứ X của đảng Cộng sản Liên Xô, Trotsky xem Liên Xô như một nhà nước lao động. Lenin đính chính: nhà nước dân chủ Xô-viết là một ***nhà nước lao động quan liêu biến dạng***.

Ngày 23-1-1923, Lenin trở lại vấn đề bộ máy nhà nước bị quan liêu hóa (sách đã dẫn, trang 1026): "*Trừ Bộ Dân ủy Ngoại giao, bộ máy nhà nước của chúng ta được thiết lập trên tàn tích của chế độ cũ. Nó chỉ được sửa đổi đôi chút ở những điều không quan trọng, được trang trí đôi chút về bề ngoài, còn lại, hoàn toàn là bộ máy của nhà nước cũ*".

Đọc qua những đoạn kể trên, ta có thể rút kết luận: trước khi mất, Lenin vẫn lo ngại cho bộ máy nhà nước và bộ máy đảng sẽ bị biến dạng và suy đồi.

Câu hỏi 13: Ban lãnh đạo đảng có nghe theo những lời cảnh báo và dận dò của Lenin hay không?

Trả lời: Tuyệt nhiên không! Chẳng những thế, ban lãnh đạo còn giấu giếm, không phổ biến rộng rãi tờ di chúc Lenin để lại.

Năm 1923, Trotsky đề cập vấn đề đấu tranh chống nạn quan liêu và khẳng định: có thể mở rộng nền dân chủ vô sản. Khi đó, ban lãnh đạo đảng bỏ phiếu thuận. Nhưng sau khi Trotsky ra cuốn sách "*Con đường mới*" (Cours nouveau) vào năm 1923, ghi lại nhiều đoạn trong nguyên văn di chúc của Lenin và triển khai lời kêu gọi của Lenin về việc cải tạo bộ máy nhà nước, thì ban lãnh đạo đảng lại nổi lên phản đối kịch liệt, dấy xé những di tích cuối cùng của nền dân chủ vô sản. Người ta đã thiết lập *nền chuyên chính quan liêu bô-na-pác-tít* (dictature bonapartiste de la bureaucratie), mà ngày nay họ cố gắng trình bày như chỉ là hậu quả của tệ sùng bái cá nhân.

Tất nhiên, có nhiều yếu tố khách quan làm nảy sinh tệ quan liêu ở Liên Xô, như: sự cô lập của cách mạng ở một xứ lạc hậu, sự dồn ép và bao vây của tư bản, trình độ văn hóa xã hội chủ nghĩa còn thấp kém, khả năng kỹ thuật của quần chúng cần lao còn ít và số lượng vô sản cũng ít so với tổng dân số trong nước.

Nhưng, nếu biết đẩy mạnh các yếu tố chủ quan như bài trừ sự nảy sinh của quan liêu bằng phương pháp mở rộng nền dân chủ của chính quyền từ dưới gốc để cho một số rất đông lao động tham gia chính quyền, mở rộng quyền tự do thảo luận và phê bình trong đảng và trong các Xô-viết, điều chỉnh chính sách kinh tế với mục tiêu công nghiệp hóa mau chóng và nâng cao số lượng vô sản trong nước. Đẩy mạnh các yếu tố chủ quan theo đường lối kể trên, nếu không ngăn cản được sự nảy sinh quan liêu thì cũng ngăn cản không cho nó bành trướng đến mức cực độ, như đã xảy ra. Lenin đã dùng hết sức lực để đấu tranh cho phương hướng này, và về sau, Trotsky cùng Tả đối lập đã lên tiếng kêu gọi ban điều khiển đảng hãy quay về chính đạo. Nhưng không ai chịu hiểu, hoặc hiểu quá muộn, nên đại đa số ủy viên Ban Trung ương Lê-nin-nít đã phải trả giá rất đắt, thậm chí bằng tính mạng của họ, cho sai lầm thâm hại này.

Câu hỏi 14: Bộ sử mới có thừa nhận sự thật lịch sử về bản di chúc của Lenin không?

Trả lời: "*Thư gửi Đại hội*", hay còn gọi là "*Di chúc chính trị*" của Lenin, là một văn kiện vô cùng quan trọng mà Lenin đã viết trong những ngày tháng cuối đời, khi ông lâm trọng bệnh. Lenin mở đầu "*Thư gửi Đại hội*" ngày 23-12-1922 (ông đọc cho thư ký chép) và tiếp tục trong ba ngày tiếp theo (24, 25, 26 tháng 12). Hai phần bổ sung được viết ngày 29-12 và 4-1-1923.

Trong số các đoạn của "*Thư gửi Đại hội*" thì đoạn viết ngày 23-12 (về việc nâng tổng số thành viên Ban Trung ương lên 50-100 người, để tăng cường tính bền vững của Ban) và ngày 26-12 (về mở rộng dân chủ trong nội bộ đảng) ít nhiều đã được công bố trong các văn kiện của đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Liên Xô trong những năm về sau.

Trong "*Di chúc chính trị*" của Lenin, phần quan trọng nhất và hay được nhắc đến nhất, đồng thời cũng là phần bị đám quan liêu xta-lin-nít giấu giếm nhất, là các đoạn phân tích về những ủy viên xuất sắc nhất của Ban Trung ương - trong số đó có Stalin và Trotsky - những người có thể thay thế ông trên cương vị đứng đầu đảng. Đoạn đó như sau:

"Ở phần trên, khi nhắc đến sự bền vững của Ban Trung ương, tôi định nói đến những biện pháp để phòng sự chia rẽ, nếu có thể thực hiện những biện pháp như thế. [...]"

Đảng ta dựa trên hai giai cấp và vì thế, tình trạng mất ổn định có thể xảy ra và sự sụp đổ cũng không tránh khỏi, nếu giữa hai giai cấp này không thể đạt được một sự đồng thuận. Trong trường hợp đó, thực hiện biện pháp này hay biện pháp khác, thậm chí, suy ngẫm về sự bền vững của Ban Trung ương là một việc vô ích. Trong trường hợp đó, không một biện pháp nào có thể ngăn chặn được sự chia rẽ. Nhưng tôi mong đó chỉ là một tương lai rất xa xôi và có xác suất quá nhỏ để chúng ta phải bàn luận trong lúc này.

Tôi nghĩ đến sự bền vững, đảm bảo sự chia rẽ không xảy ra trong một tương lai gần và tôi muốn đề cập đến ở đây vài suy nghĩ có tính cách hoàn toàn cá nhân.

Trên phương diện này, tôi cho rằng vấn đề thiết yếu trong việc ổn định là Ban Trung ương và những thành viên như Stalin và Trotsky. Theo ý tôi, quan hệ giữa hai người chiếm hơn nửa phần mỗi họa chia rẽ - có thể tránh khỏi - và theo tôi, ta có thể tránh khỏi bằng một trong các phương pháp là tăng số ủy viên Ban Trung ương lên năm mươi hoặc một trăm người.

Đồng chí Stalin, từ khi trở thành tổng bí thư đảng, đã thấm tẩm vào tay mình một quyền hành vô hạn mà tôi không chắc đồng chí ấy sẽ luôn biết sử dụng một cách chừng mực. Mặt khác, ngay như cuộc đấu tranh chống Ban Trung ương về vấn đề Bộ Dân ủy Giao thông đã chứng tỏ, đồng chí Trotsky không chỉ nổi bật về khả năng xuất chúng mà thôi. Đứng về phương diện cá nhân, tuy rằng có lẽ Trotsky là người tài năng nhất trong Ban Trung ương hiện nay, nhưng đồng chí hay quá buông lỏng bản thân bởi tính tự tin và sự say mê khía cạnh hành chính thuần túy của công việc.

Hai bản tính ấy của hai nhà lãnh đạo xuất sắc trong Ban Trung ương hiện nay có thể dẫn tới sự chia rẽ và nếu đảng ta không thực hiện những biện pháp để phòng, sự chia rẽ ấy có thể bất ngờ xảy ra.

Tôi miễn phân tích những ủy viên khác của Ban Trung ương theo bản tính cá nhân của họ. Tôi chỉ lưu ý: biến cố tháng Mười của Zinoviev và Kamenev tất nhiên không phải tình cờ, nhưng không thể quy điều này là tội lỗi cá nhân của họ, cũng như không thể buộc tội Trotsky không phải người bon-sê-vích¹.

Trong số những thành viên trẻ của Ban Trung ương, tôi muốn nói vài lời về Bukharin và Piatakov. Theo ý tôi, họ là những cán bộ xuất sắc nhất (trong số những người trẻ tuổi) và trong quan hệ với họ, chúng ta cần chú ý như sau: Bukharin chẳng những là lý thuyết gia quý báu nhất và cứng cáp nhất của đảng mà chúng ta còn có quyền coi đồng chí là con cưng của toàn đảng, nhưng những quan niệm lý luận của đồng chí chỉ có thể được coi là hoàn toàn mác-xít một cách rất dè dặt, bởi có cái gì kinh viện trong đó (đồng chí chưa bao giờ học hỏi và theo ý tôi, chưa bao giờ thông hiểu toàn bộ thuyết biện chứng).

¹ - Ý nói việc Trotsky vào đảng bon-sê-vích khá muộn: đến tháng 7-1917, ông mới chính thức gia nhập đảng bon-sê-vích của Lenin.

Ngày 24-12-1922

Về Piatakov, không ai chối cãi được là đồng chí có nghị lực sắt đá và rất tài năng, nhưng lại quá thiên về công việc hành chính và quá thiên về khía cạnh hành chính của công việc, thành thử không thể dựa vào đồng chí trong những vấn đề chính trị quan trọng.

Dĩ nhiên, tất cả những nhận định này của tôi chỉ có giá trị trong giai đoạn hiện tại và trong trường hợp hai cán bộ xuất sắc và tận tâm này không có dịp bồi bổ những hiểu biết và vượt qua những phiền diện của mình.

Ngày 25-12-1922

Bổ sung thư ngày 24-12-1922: Stalin là người có tính tàn bạo thái quá và nhược điểm này hoàn toàn có thể chịu đựng được giữa chúng ta và trong quan hệ giữa những người cộng sản, nhưng không thể chấp nhận trên cương vị tổng bí thư đảng. Vì thế, tôi đề nghị các đồng chí hãy suy nghĩ về việc chuyển Stalin khỏi trọng trách ấy và đề cử vào vị trí của Stalin một đồng chí khác, có bản tính tốt hơn so với Stalin: kiên nhẫn hơn, trung thực hơn, lịch sự hơn và chu đáo hơn đối với các đồng chí, ít thất thường hơn v.v... Có thể trường hợp này dường như không đáng kể, nhưng để phòng ngừa sự chia rẽ và trên phương diện những gì tôi đã viết ở trên về mối quan hệ giữa Stalin và Trotsky, tôi tin rằng điều này không hề nhỏ nhất, bằng không, đó là sự nhỏ nhất có thể mang tầm quan trọng quyết định.

Ngày 4-1-1923

Lenin

Hãy xem sử sách "chính thống" của đảng Cộng sản Liên Xô, do đám quan liêu xta-lin-nít "chấp bút", đã viết như thế nào về văn kiện tối quan trọng này!

Bộ sử cũ nín thinh, không một lời nói tới bản di chúc của Lenin!

Bộ sử mới nói tới, nhưng cắt xén và xuyên tạc nội dung như sau:

"Trong thư [gửi Đại hội], Lenin đánh giá về một vài thành viên Ban Trung ương. Về Zinoviev và Kamenev, Lenin viết rằng "biến cố tháng Mười" của họ tất nhiên không phải chuyện tình cờ. Lenin nhắc đến việc Trotsky "không phải người bên-sê-vích" và từ đó, Lenin cảnh cáo đảng rằng Trotsky có thể quay về với chủ nghĩa men-sê-vích một cách vô cùng nguy hiểm. Về Trotsky, Lenin còn nhận xét rằng Trotsky "hay quá buông lỏng bản thân bởi tính tự tin và sự say mê khía cạnh hành chính thuần túy của công việc". Lenin coi Bukharin là người kinh viện, "chưa bao giờ học hỏi và theo ý tôi, chưa bao giờ thông hiểu toàn bộ thuyết biện chứng".

Lenin đã đánh giá một cách tổng quát về những kẻ đã quay lưng lại với đường lối của đảng và tìm cách gây ra sự chia cắt trong hàng ngũ đảng, trong những khoảng khắc quyết định của cuộc chiến đấu cho chiến thắng của Cách mạng Tháng Mười. (...)"

Thật rõ! Bộ sử mới "quên" đoạn Lenin nói Trotsky "nổi bật về khả năng xuất chúng". "Quên" Lenin khen ngợi Bukharin và Piatakov là "những cán bộ xuất sắc nhất (trong số những người trẻ tuổi)", rằng "Bukharin chẳng những là lý thuyết gia quý báu nhất và cứng cáp nhất của đảng mà chúng ta còn có quyền coi đồng chí là con cưng của toàn đảng". Tất cả những điều đó, bộ sử mới tạm "bỏ qua", không hề nhắc tới.

Đồng thời, bộ sử mới còn xuyên tạc một cách trắng trợn. Lenin nói "không thể quy [biến cố Tháng Mười] là tội lỗi cá nhân của [Zinoviev và Kamenev], cũng như không thể buộc tội Trotsky không phải người bên-sê-vích", ý nói không nên nhắc lại lỗi lầm của Zinoviev và Kamenev (mà ông đã miễn chấp ngay sau đó), và cũng không nên nhắc lại quá khứ của Trotsky. Vậy mà bộ sử mới lại trình bày như thể Lenin muốn cảnh báo đảng hãy dè chừng trước "những kẻ phản bội"!

Thử hỏi, trong toàn bộ bản di chúc, có ai tìm thấy một hàng chữ nào có ý nghĩa như thế không?

Câu hỏi 15: Tại sao Tả đối lập lại ra đời trong nội bộ đảng Cộng sản Liên Xô?

Trả lời: Ở trang 392 (tập 1), bộ sử mới viết:

"Lợi dụng hoàn cảnh Lenin, lãnh tụ của đảng, lâm trọng bệnh và vắng mặt trong hàng ngũ đảng, Trotsky lại gây một cuộc tấn công mới chống đảng. Y cho rằng những khó khăn diễn ra trong đất nước thuận lợi cho việc thực hiện những mưu đồ của y, rằng y có thể nắm quyền lãnh đạo đảng và chuẩn y một đường lối mà cuối cùng, có thể dẫn tới sự tái lập chủ nghĩa tư bản.

Đầu tháng 10-1923, Trotsky gửi một lá thư cho Ban Trung ương, trong thư, y vu cáo hoạt động của Ban. (...) Không lâu sau khi Trotsky gửi lá thư đó cho Ban Trung ương, Ban Trung ương nhận được "tuyên bố của nhóm 46 người", do bọn trót-kít, bọn "detsiste", cũng như những tàn tích của bọn "cộng sản cánh tả" và "đổi lập công nhân" ký. Một vài thành viên của phe đổi lập cũng ký bản tuyên bố đó. Bản tuyên bố đã vu cáo bộ máy đảng đã tìm cách thay thế đảng và nó mưu toan thúc đẩy những đảng viên cộng sản chống lại bộ máy của đảng. Một lần nữa, bọn trót-kít và những kẻ cơ hội khác đòi hỏi việc tự do thành lập những tổ, nhóm, chúng muốn xóa bỏ nghị quyết cấm [sự thành lập và hoạt động của] các phe, nhóm, được chuẩn y ở Đại hội lần thứ X..."

Nếu sự đòi hỏi sửa đổi bộ máy đảng và bộ máy nhà nước có nghĩa là tái lập tư bản chủ nghĩa thì Lenin phải là thủ phạm chính, vì chính Lenin đã đòi hỏi sửa đổi bộ máy một cách mạnh mẽ nhất, Lenin còn không nể lời tố cáo sự thối nát của phái quan liêu. Phe Tả đổi lập chỉ nhắc lại những lời của Lenin trong bản di chúc mà thôi.

Ngoài ra, Tả đổi lập còn nhấn mạnh đòi hỏi phải dân chủ hóa đảng và các Xô-viết. Nghị quyết cấm sự thành lập và hoạt động của các tổ, nhóm trong đảng, được đưa ra trong hoàn cảnh nước Nga - Xô-viết đang ở trong hoàn cảnh vô cùng nguy hiểm của cuộc nội chiến; Lenin, Trotsky và những người bỏ phiếu chuẩn y nó chỉ coi đây là một biện pháp nhất thời, không phải là một qui luật bất di bất dịch. Yêu sách của Tả đổi lập có lý hay không, xin độc giả hãy suy luận.

Bộ sử mới tiếp tục vu khống một cách hỗn độn và thô bỉ: "[Tả đổi lập] biểu hiện những nguyện vọng của bọn men-sê-vích, bọn xã hội cách mạng và bọn tư sản mới [Nepman], nghĩa là của những phần tử mưu đồ chia cắt đảng".

Lời vu cáo kể trên "quên" một điều quan trọng là Tả đổi lập muốn áp dụng những biện pháp kinh tế để đè bẹp bọn tư sản mới. Đa số Ban Trung ương lại che chở cho bọn này. Thử hỏi, đè bẹp tư sản mới, phải chăng là tái lập chế độ tư bản?

Một điều kỳ lạ là Trotsky bị khép tội "muốn tái lập chế độ tư bản"! Nếu đúng vậy, tại sao đảng lại giao cho ông những chức vụ cực kỳ quan trọng trong một thời kỳ dài, từ cách mạng tháng Mười đến năm 1923, như dân ủy Nội vụ, dân ủy Quốc phòng, chủ tịch Hội đồng Quốc phòng Cộng hòa...? Sự vu cáo đó còn hài hước hơn nữa khi họ nói rằng vào tháng 10-1923, đa số Ban Trung ương là hiện thân của chủ nghĩa lê-nin-nít (đa số này chống Tả đổi lập), vậy mà đa số này cũng chịu chung số phận với phái trót-kít, họ cũng bị Stalin và bè phái tàn sát. Nhóm tác giả bộ sử không giải thích hiện trạng này, họ còn giấu tịt đi tên tuổi các ủy viên Ban Trung ương hồi tháng 10-1923, để người đọc khò tò mò tìm kiếm sự thật lịch sử!

Nhưng những gì họ viết đều tô vẽ vụng về, khó lừa dối được những ai hiểu biết lịch sử Liên Xô!

Câu hỏi 16: Từ tháng 10-1923, chính sách kinh tế của Tả đổi lập là thế nào?

Trả lời: Tả đổi lập quan niệm phải đẩy mạnh chiến dịch công nghiệp hóa và khẩn trương đấu tranh chống phú nông (Kulak) lợi dụng thị trường, tự do đầu cơ tích lũy nông sản. Muốn biết rõ, nên đọc báo chí của đảng Cộng sản Liên Xô những năm 1923-1927.

Nhưng, giới quan chế đã giấu giếm các tài liệu đó, không để lọt ra ngoài, cũng như Stalin từng giấu giếm các tư liệu báo chí thời kỳ 1917-1918, không muốn cho quần chúng biết vai trò thực sự của Trotsky (và của ông ta) ở thời kỳ trước và sau cách mạng tháng Mười.

Ngày nay, các tài liệu đó đã bắt đầu được phát hành và đám quan liêu Liên Xô không thể giấu giếm lâu ngày được nữa.

Câu hỏi 17: Trong đề án công nghiệp hóa, phải chăng Tả đổi lập đã đưa ra nhiều khẩu hiệu lừa lỉnh - như tăng thuế nông sản và các sản vật tiêu thụ - hay không?

Trả lời: Phải nghiên cứu kỹ để biết đề án công nghiệp hóa của Tả đối lập có liệu lĩnh hay không? Và để biết, trong vấn đề này, ai là người liệu lĩnh và ai không.

Nhóm tác giả bộ sử mới vu cáo Tả đối lập ủng hộ bọn tư sản mới và bóc lột nông dân để khuếch trương công nghiệp!

Đâu là sự thật? Sự thật là kể từ năm 1923, nền kinh tế Nga nảy sinh một hiện trạng mới: giá cả nông sản bị hạ thấp do sự bành trướng của nông nghiệp tăng cường hơn sự phát triển công nghiệp và tất nhiên, giá cả các sản phẩm kỹ nghệ tăng cao do luật cung cầu chi phối. Công nghiệp phát triển chậm, không cung cấp đủ nhu cầu cho xã hội.

Vật giá kỹ nghệ tăng lên không phải do ý muốn của Trotsky và phe Tả đối lập, như người ta vu cáo. Trái lại, Tả đối lập hi vọng có thể hạ giá các sản vật kỹ nghệ bằng phương pháp thúc đẩy nền sản xuất công nghiệp, nghĩa là phải công nghiệp hóa nhanh chóng nền kinh tế. Chỉ có thể mới giữ vững được liên minh chặt chẽ giữa vô sản và nông dân.

Cũng kể từ năm 1923, nông sản bắt đầu tập trung trong tay một số phú nông; bọn thương mại tư gia cũng đầu cơ tích trữ ở thành phố. Tả đối lập thấy nguy cơ sắp tới, đề nghị phải đánh thuế rất nặng để đè bẹp sự tích trữ của Kulak và sự đầu cơ của bọn giàu mới, nhằm lấy vốn tăng cường công nghiệp hóa và nâng cao đời sống dân nghèo.

Bukharin và Stalin quả quyết rằng sự tích trữ của tư nhân không có gì là mâu thuẫn với sự bành trướng kinh tế nhà nước. Họ nói Tả đối lập quá thù địch để chia rẽ, làm gián đoạn và phá hoại sự liên kết giữa vô sản và nông dân.

Năm năm sau, bọn Kulak nắm gần hết trong tay kho tàng của xã hội Nga, chúng không chịu bán các sản vật theo giá cả do nhà nước qui định. Khi đó, phái xta-lin-nít bắt buộc phải tịch thu, phải bắt bớ và giết hại Kulak. Để phản kháng, nhiều phú nông đốt phá lúa mì, giết trâu, bò, ngựa, khiến nền kinh tế Liên Xô rơi vào thảm trạng ghê gớm, hàng chục năm sau vẫn chưa phục hồi.

Đó là sự thật lịch sử, đã chứng tỏ chính sách nào là liệu lĩnh!

Câu hỏi 18: Theo bộ sử mới của đảng Cộng sản Nga, khối Trotsky - Zinoviev bất đồng chính kiến với đảng ở một vấn đề cơ bản: xã hội chủ nghĩa có thể toàn thắng ở nước Nga hay không? Khối của Trotsky và Zinoviev cố ý chống lại quan niệm chủ nghĩa xã hội có thể thành công và hoàn thiện ở nước Nga. Đó là những kẻ **đầu hàng công khai, chống lại thành quả của cách mạng tháng Mười, cách mạng xã hội chủ nghĩa.**

Sự thật có như vậy không?

Trả lời: Phái Tả đối lập và phái xta-lin-nít đã thảo luận vấn đề "có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một nước hay không?" Cuộc thảo luận đó kéo dài từ năm 1923 đến năm 1927. Nhưng nó không diễn ra như sự trình bày của bộ sử!

Bộ sử mới này đã xuyên tạc sự thật khi nó cố ý nói để người đọc hiểu lầm rằng Tả đối lập chống lại sự xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước Nga. Tả đối lập không bao giờ chống lại sự xây dựng chủ nghĩa xã hội cả. Họ đã đấu tranh cùng toàn đảng cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Mười. Chính Tả đối lập đã đưa ra lần đầu tiên những đề án kế hoạch hóa nền kinh tế nhà nước, công nghiệp hóa nước Nga. Buổi đầu, phái xta-lin-nít đã chế giễu, châm biếm và chống đối những kế hoạch đó trong một thời gian dài. Về sau, họ mới chịu áp dụng.

Vấn đề thảo luận gay go là vấn đề "hoàn thành" chủ nghĩa xã hội trong một xứ độc nhất. Dĩ nhiên, sau khi cách mạng vô sản đã toàn thắng thì phải xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng có thể "hoàn thành" trong phạm vi một quốc gia riêng biệt hay không? Đó là vấn đề cần được đặt ra ở nước Nga.

Lenin đã có ý kiến ra sao về **khả năng làm cách mạng vô sản** và việc **thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội trong khuôn khổ một xứ?**

Tháng 7-1915, trong bài "Về khẩu hiệu "Liên bang các quốc gia châu Âu", Lenin phát biểu: "Sự bất đồng đều về kinh tế và chính trị là quy luật nhất thiết của chủ nghĩa tư bản. Từ đó,

suy ra rằng thoát đầu, **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI** có thể thắng lợi ở một vài nước, hoặc ngay cả ở một xứ tư bản..."

Năm 1916, trong văn kiện "Cương lĩnh quân sự của cuộc cách mạng vô sản", ông tổng kết lại quan điểm về cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa: "Một kết luận không thể chối cãi: **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI** không thể thắng lợi cùng một lúc ở tất cả các nước. Thoạt đầu, nó sẽ thắng lợi ở một nước duy nhất, hoặc một vài nước; các nước còn lại sẽ là xứ tư bản hoặc chưa tư bản trong một thời gian nhất định".

Ở đây, khi dùng từ "chủ nghĩa xã hội" (socialisme), Lenin muốn nói đến "cuộc cách mạng xã hội" (révolution socialiste). Và hai chữ "thắng lợi" có nghĩa là chiến thắng của cuộc cách mạng.

Sau này, Stalin đổi hai chữ "thắng lợi" của cuộc cách mạng thành ra hai chữ "thành công" của sự xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa và ông ta tạo ra chủ thuyết "có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong phạm vi một xứ riêng biệt", rồi đặt nó lên hàng những nguyên lý bất di bất dịch, không ai có quyền nói trái lại. Thậm chí, Stalin luôn luôn viện dẫn là ông ta đã tuyệt đối theo quan niệm của Lenin trong vấn đề này.

Đây là một thái độ không đúng đắn. Nếu coi lại rất nhiều nhận định khác của Lenin về sự xây dựng "thành công" (hay "thắng lợi") của chủ nghĩa xã hội, ta sẽ thấy sự thực ở đây là gì.

Sau cách mạng tháng Mười, Lenin nhận định ("*Lenin toàn tập*", bản tiếng Nga in lần thứ nhất, tập XVI, trang 195): "Có người bôn-sê-vích nào mà lại không công nhận rằng cách mạng chỉ thắng lợi vĩnh viễn khi đã bao gồm tất cả các nước, hoặc ít nhất cũng bao gồm một vài nước tiến tiến nhất".

Ở một chỗ khác, Lenin còn nói rõ hơn: "Cách mạng xã hội trong một xứ chỉ có thể chiến thắng vĩnh viễn với hai điều kiện. Điều kiện **thứ nhất** là đồng thời phải dựa vào cuộc cách mạng xã hội của một hay nhiều nước tiến tiến khác. Điều kiện **thứ hai** là giai cấp vô sản phải được sự đồng tình cùng với đa số nông dân trong quá trình thiết lập nền chuyên chính và nắm lấy chính quyền nhà nước".

Như đã thấy, trong các đoạn trích dẫn nói trên, Lenin đã sử dụng cụm từ "thắng lợi của chủ nghĩa xã hội", chủ ý nói rằng cuộc cách mạng xã hội ở các nước chậm tiến như nước Nga có thể thắng lợi trước các nước tư bản tiến tiến ở châu Âu, mặc dầu ở các xứ chậm tiến, các điều kiện kinh tế và xã hội chưa chín muồi cho sự xây dựng một chế độ xã hội chủ nghĩa hoàn thiện. Đối với Lenin, cuộc cách mạng Nga chỉ là một bước mở đầu, sau đó, sẽ có những cuộc cách mạng khác ở các nước khác - đặc biệt là các nước tiến tiến - nối tiếp, tạo điều kiện vật chất và văn hóa cho sự xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Chính vì thế mà sau này, Lenin đã chủ trương thành lập Đệ tam Quốc tế, có nhiệm vụ tổ chức các cuộc cách mạng vô sản trên phạm vi toàn cầu. Theo Lenin, cuộc cách mạng vô sản Nga không phải là mục đích cuối cùng mà chỉ là một màn đầu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên bình diện thế giới.

Lẽ ra, vấn đề "có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong một xứ được không?" chỉ là một cuộc thảo luận trên lý thuyết, hoàn toàn mang tính sách vở. Nhưng phe xta-lin-nít đã biến nó thành một vấn đề to tát, chiếm một vị trí quan trọng trong lịch sử đảng Cộng sản Liên Xô. Dựa vào nó, Stalin đã tìm cách qui chụp rồi đàn áp các phe đối lập, trong đó có Tả đối lập. Mặc dù Tả đối lập chỉ đòi công nghiệp hóa khẩn cấp nước Nga và cho rằng cuộc bàn cãi có tính chất kinh viện.

Stalin có ý kiến như thế nào về vấn đề này?

Ngay năm 1924, Stalin còn viết như sau trong cuốn "*Lenin và chủ nghĩa lê-nin-nít*": "Một xứ sở có thể cố gắng để lật đổ giai cấp tư sản. Nhưng để chủ nghĩa xã hội thắng lợi vĩnh viễn, để tổ chức nền sản xuất xã hội chủ nghĩa, thì những nỗ lực của một nước không đủ, nhất là trong trường hợp một nước nông nghiệp như nước Nga. Cần phải có nhiều cố gắng của lao động nhiều xứ tiến tiến khác nữa".

¹ - Chúng tôi nhấn mạnh.

Nhưng sau khi Lenin mất, Stalin lại quay ngược 180 độ: ông ta đề xuất một đường lối hoàn toàn đi ngược hẳn với Lenin (và với những gì ông ta đã viết). Stalin đưa ra khẩu hiệu "*xã hội chủ nghĩa thành công trong một nước*", có nghĩa là "*chế độ xã hội chủ nghĩa có thể xây dựng thành công trong biên giới một quốc gia*". Cụm từ "*chủ nghĩa xã hội thắng lợi*" mà Lenin dùng với ý nghĩa "*thắng lợi của cuộc cách mạng*", "*thắng lợi trong việc giành chính quyền*", nay được Stalin gán cho nội dung mới: *thành công trong việc xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô*. Và để chứng thực điều này, năm 1936, người ta đã công khai ghi trong Hiến pháp Liên Xô: Liên Xô đã thực hiện xong giai đoạn xã hội chủ nghĩa và đang bước tới giai đoạn cộng sản chủ nghĩa.

Đi từ quan điểm "*có thể xây dựng thành công chế độ chủ nghĩa xã hội trong phạm vi một xứ*", phái xta-lin-nít đã biến Đề tam Quốc tế, công cụ của sự đấu tranh cho cuộc cách mạng hoàn cầu, thành một tổ chức mà nhiệm vụ duy nhất là phụng sự và bảo vệ quyền lợi của Liên Xô đối với các nước tư bản, giúp cho Liên Xô thực hiện chủ nghĩa xã hội. Stalin biến Liên Xô thành "*tổ quốc của vô sản quốc tế*", buộc những phong trào lao động quốc tế phải đấu tranh để phục vụ Liên Xô, nhất là phục vụ cho chính sách ngoại giao của điện Kremlin. Tư tưởng đó dẫn phái xta-lin-nít đến nhiều sai lầm chính trị thảm hại như thất bại của những cuộc cách mạng Trung Hoa (1927), Đức (1930 - 1933), Tây Ban Nha (1934 - 1938)... Còn có thể kể ra một số ví dụ khác. Năm 1944, dân quân kháng chiến Pháp bị lãnh tụ cộng sản Pháp Maurice Thorez bắt nộ khí giới cho tư bản. Năm 1948, phong trào lao động Ý đang phát triển mạnh mẽ thì bị dẹp tan.

"*Thực hiện chủ nghĩa cộng sản trong một xứ*" là một học thuyết phản mác-xít, đặc trưng cho quyền lợi đặc biệt của một tầng lớp xã hội đặc quyền đặc lợi, là lớp quan liêu ở Liên Xô. Chính nó đã góp phần giúp cho Hitler tập trung lực lượng các nước châu Âu áp đảo Liên Xô, mà chính ban chủ biên bộ sử mới cũng công nhận ở tập 2, trang 162-163.

Câu hỏi 19: *Bộ sử viết: "Về vấn đề ngoại giao, phái Trotsky và Zinoviev từ chối không bảo vệ Liên Xô trước sự can thiệp của đế quốc".*

Sự thật có như thế không?

Trả lời: Đây cũng lại là một sự vu cáo dựng đứng. Trotsky đã đấu tranh đến hơi thở cuối cùng cho nguyên lý mác-xít, ông cũng ủng hộ đến cùng nhà nước lao động mặc dù nhà nước đó đã thoái hóa. Tất cả tài liệu, sách vở của Trotsky đều chứng tỏ điều này. Nhất là trong cuốn "*Để bảo vệ học thuyết mác-xít*", Trotsky nói rõ vấn đề này hơn hết.

Ngày nay, Đề tứ Quốc tế và phái trót-kít vẫn trung thành với nguyên lý mác-xít ấy, vẫn ủng hộ Liên Xô trước cuộc tấn công của đế quốc, mặc dù quan liêu Liên Xô đã đối xử tàn nhẫn với Tà đối lập (ám hại và bắt cóc các thành viên Tà đối lập ở Tây Ban Nha và nhiều nơi khác), đã ám sát Trotsky và nhiều cộng sự của ông trước và sau Thế chiến thứ hai.

Câu hỏi 20: *Tà đối lập có chủ trương thiết lập một đảng Xô-viết thứ hai hay không?*

Trả lời: Cho đến năm 1934, Tà đối lập vẫn bảo vệ ý kiến không cần lập một đảng mới, vì cần phải đấu tranh trong nội bộ để chấn hưng đảng Cộng sản Liên Xô, chấn hưng Quốc tế Cộng sản và tất cả những đảng Cộng sản khác, đã bị ban điều khiển xta-lin-nít làm biến dạng. Cuộc đấu tranh đó được xem như *đấu tranh xu hướng* và *đấu tranh bộ phận* (fraction).

Trong một đảng dân chủ lành mạnh, có đường lối chính trị đúng đắn, thì các xu hướng đối lập chỉ có tính cách tạm thời. Trong đảng bôn-sêvich dưới thời Lenin, mỗi khi phát sinh các xu hướng đối lập, Lenin thường nói: đó là triệu chứng của một sự bất bình khách quan. Ngay cả khi xu hướng đối lập kết tinh thành một bộ phận đối lập như "*Đối lập công nhân*" (Opposition ouvrière) do lãnh tụ Shklyapnikov đứng đầu, Lenin vẫn để cho phe đối lập được hoàn toàn tự do bênh vực xu hướng mình, được bênh vực một cách công khai và được xem là hợp pháp. Rốt cục, Lenin đã chiến thắng một cách ôn hòa.

Đảng này, Stalin không thể tha thứ bất kể đối lập nào. Ông ta đã thay thế quan niệm mác-xít - lê-nin-nít của đảng cách mạng, công nhận các khuynh hướng hoàn toàn tự do bình đẳng, bằng một quan niệm quan liêu. Với quan niệm này, tất cả các xu hướng bất đồng với đa số hay

với Ban Trung ương đều bị coi là *"tay sai của kẻ thù giai cấp"*. Áp dụng quan niệm ấy đồng nghĩa với cấm đoán sự tranh luận dân chủ trong nội bộ đảng.

Lý thuyết và kinh nghiệm cho chúng ta thấy khi đa số chuẩn y một thái độ, thì không phải nhất thiết là chỉ thái độ đó mới hoàn toàn đúng. Trong một đảng cách mạng, nhất là một đảng cách mạng nắm chính quyền trong một nhà nước lao động, các vấn đề đặt ra đều là những vấn đề hết sức mới mẻ; không thể giải quyết chúng bằng phương pháp cổ điển, quan liêu. Phương pháp hiệu nghiệm nhất là phải có cuộc bàn cãi, đối chất liên tục giữa những kinh nghiệm mới đề cuối cùng đi tới giải pháp tối ưu.

Marx và Lenin đã nhiều lần bị thiểu số trong các cơ quan lãnh đạo. Nhưng nhờ sự tự do thảo luận, tự do đấu tranh xu hướng, các vấn đề tranh chấp được giải quyết. Thiểu số biến thành đa số. Nếu bóp nghẹt sự tự do thảo luận, tự do đấu tranh xu hướng thì rất cực, sẽ làm cản trở quá trình chuyển biến thực tế phù hợp với quyền lợi của giai cấp vô sản. Trong khi có nhiều xu hướng khác nhau mà lịch sử chưa chứng tỏ rành rọt bên nào đúng, bên nào sai, không còn gì hơn là công nhận cho thiểu số được quyền tổ chức riêng, ngõ hầu tránh sự tê liệt của đảng do cuộc đấu tranh nội bộ của đảng gây nên. Rồi từ các cuộc đối chất sôi nổi giữa các cơ sở dưới gốc của mỗi xu hướng sẽ nảy sinh ra thái độ đúng đắn.

Nhưng phái Stalin và Khrushchev không công nhận sự hình thành xu hướng và bộ phận. Họ viện hai cớ. Cớ khách quan là khi không có đối lập giai cấp thì không cần có nhiều chính đảng. Họ muốn nói ở Nga không có đấu tranh cho lợi quyền giai cấp, và mỗi giai cấp muốn biểu trưng lợi quyền mình thì chỉ biểu trưng trong một đảng. Quan niệm đó hoàn toàn sai. Bởi vì ở Liên Xô có hai giai cấp xã hội. Giai cấp tư sản bị lật đổ, nhưng di sản vẫn còn, cho nên lợi quyền lịch sử và lợi quyền tức thời đều khác nhau. Lịch sử chỉ ra rằng trong một giai cấp xã hội có nhiều tầng lớp xã hội, nhiều đoàn thể xã hội mà quyền lợi chênh lệch nhau, cho nên cũng phải có nhiều chính đảng khác nhau trong một giai cấp và sẽ tồn tại trong một thời gian khá dài. Cớ chủ quan là nhà nước Liên Xô bị tư bản bao vây, giai cấp lao động còn thiểu số. Cớ này một phần có lý trong khi còn nội chiến và lúc đó, phải thu hẹp quyền dân chủ Xô-viết là điều khó tránh khỏi.

Nhưng hãy xem một chứng cứ hiển nhiên: trong khi nội chiến, bên trong kẻ thù giai cấp nổi dậy, bên ngoài đế quốc bao vây. Thế mà trong thời kỳ đó, không những ở nội bộ đảng môn-sê-vích của Lenin, những cuộc đấu tranh xu hướng vẫn được tiến hành một cách dân chủ, mà các chính đảng khác vẫn được tồn tại và vẫn được xem là hợp pháp: đảng Xã hội Cách mạng, đảng men-sê-vích, đảng vô chính phủ, đảng Bund... Ngày nay, Liên Xô không những không bị cô lập, không bị bao vây, mà giai cấp vô sản Xô-viết không còn ở vị trí thiểu số, hơn nữa Liên Xô đã trở thành cường quốc thứ hai trên thế giới. Thế mà lại cấm đoán không cho tự do thành lập xu hướng đối lập, bộ phận đối lập và đảng Xô-viết đối lập! Thử hỏi người ta dựa vào cớ gì để cấm đoán?

Bộ sử mới viết (tập 2, trang 20): *"Tả đối lập công khai vi phạm pháp luật Xô-viết, đã tổ chức biểu tình trong ngày Quốc khánh, kỷ niệm lần thứ 10 cách mạng tháng Mười"*.

Sự thực, Hiến pháp Xô-viết không cấm lập các đảng Xô-viết ngoài đảng cầm quyền, không cấm hội họp và biểu tình ngoài đường phố. Các quyền dân chủ truyền thống của lao động chưa bao giờ bị bãi bỏ. Thế mà tại sao ban tác giả bộ sử mới lại đào cái hố sâu để ngăn cấm các khuynh hướng khác?

Câu hỏi 21: Tại sao Tả đối lập lại bị khai trừ khỏi đảng Cộng sản Liên Xô?

Trả lời: Tả đối lập bị khai trừ bởi vì họ không chịu từ bỏ niềm tin của mình. Đại hội lần thứ XV của đảng Cộng sản Liên Xô ra nghị quyết: *"Đại hội yêu cầu phái đối lập phải từ bỏ tư tưởng và tổ chức khuynh hướng của mình, yêu cầu mọi người xem ý kiến của đối lập như là ý kiến men-sê-vích, nghĩa là chống lại chủ nghĩa lê-nin-nít. Bởi vậy, Đại hội buộc đối lập phải công nhận sự bảo vệ tất cả quan niệm và nghị quyết của đảng, của Đại hội, các hội nghị của đảng và Ban Trung ương đảng"*.

Trong bài diễn văn bế mạc, nhân danh đa số Ban Trung ương, Rykov tuyên bố: *"Khai trừ một thành viên đối lập - tùy theo thời hạn từ giờ đến lúc họ từ bỏ những sai lầm tư tưởng và hành*

động - đảng sẽ thừa nhận họ trở lại. Đảng sẽ dự bị những phương tiện và điều kiện để tránh sự có thể tái phạm, như đã xảy ra trong hai năm vừa qua".

Trotsky và Zinoviev bị khai trừ khỏi đảng một ngày trước ngày khai mạc Đại hội, nên họ không có quyền phát biểu. Kamenev, thay mặt tả đối lập, tuyên bố từ bỏ lý tưởng của mình. Và Kamenev nói tiếp: *"Rồi đây, các người lãnh đạo đảng sẽ tố cáo chúng tôi là những kẻ đầu hàng, nhị tâm, giả dối..."*

Tại sao người ta lại bắt phe đối lập phải thề thốt, công khai từ bỏ lỗi lầm? Phải chăng người ta đã chuẩn bị sẵn sàng để bắt buộc những người này phải tự thú nhận một cách quái gở những tội lỗi mà họ không hề can phạm, trong các vụ án ở Moscow?

Câu hỏi 21: *Nông nghiệp Liên Xô được công cộng hóa thế nào, và kết quả sự công cộng hóa đó ra sao?*

Trả lời: Liên Xô đã công cộng hóa nông nghiệp bằng cách dùng bạo lực đàn áp sự đề kháng của đa số phú nông và trung nông. Kết quả vô cùng thảm khốc! Trâu, bò, ngựa... bị giết hại hàng loạt, mức sản xuất nông nghiệp tụt xuống ở mức quá thấp, không đủ tiếp tế cho lao động ở các thành phố. Hai mươi lăm năm sau, chính Khrushchev phải thú nhận rằng vấn đề tiếp tế cho thành phố vẫn chưa được giải quyết.

Theo con số thống kê năm 1957 của Viện Kinh tế Liên Xô thì số súc vật kéo cày ở Liên Xô năm 1928 là 66,8 triệu. Năm 1930, còn 50,6 triệu, năm 1931 còn 42,5 triệu, năm 1932 tụt xuống 38 triệu và năm 1934 chỉ còn có 33,5 triệu. Như vậy là trong vòng 5 năm, súc vật kéo cày trong nông nghiệp đã mất đi một nửa. Sản xuất thực phẩm cũng sút kém tới mức thảm hại. Mãi đến năm 1937, mức sản xuất canh nông mới trở lại mức sản xuất của 10 năm trước (năm 1927).

Các tác giả bộ sử mới thừa nhận sự công cộng hóa có phần chậm trễ, nhưng theo họ, khi các nông trang tập thể được thành lập thì quần chúng nông dân đều phấn khởi và gia nhập đông đảo.

Nếu nông dân phấn khởi gia nhập thì tại sao họ lại giết trâu, bò, ngựa... để khỏi phải nộp cho hợp tác xã? Nếu đa số trong ban lãnh đạo đảng theo đường lối của Tả đối lập, chủ trương việc công cộng hóa ngay từ năm 1923 một cách có chuẩn bị, có tổ chức, công cộng hóa một cách tuần tự và chắc chắn thì đâu đến nỗi xảy ra thảm họa sau đó? Đảng này, đa số Ban Trung ương chống lại và còn tố cáo chính sách ấy. Tới mùa đông 1927, thấy nguy cơ ở ngay trước mắt, không hề chuẩn bị và tuyên truyền cho nông dân hiểu lợi ích của sự công cộng hóa, nhà nước đột ngột ra chỉ thị công cộng hóa bằng bạo lực. Hậu quả như chúng ta đã thấy: mãi tới giữa năm 1950, súc kéo bằng cơ khí trong nông nghiệp mới ngang bằng sức kéo do súc vật đã bị giết hại đến quá nửa!

Câu hỏi 23: *Tại sao trong vòng 25 năm, chính sách nông nghiệp sai lầm của phái xta-lin-nít vẫn không được sửa chữa?*

Trả lời: Cuốn sử mới nói (tập 2, trang 84), đại ý: *Những bước nhảy vọt không chối cãi đã nâng cao mức sống vật chất cho lao động ở thành thị và nông thôn... Kể từ năm 1934, sự tiếp tế lúa mì cho thành thị đã hoàn toàn được giải quyết.*

Đó chỉ là một khẳng định dối trá. Bởi vì 26 năm sau, năm 1955, chính Khrushchev phải thú nhận là vấn đề tiếp tế cho thành thị vẫn chưa được giải quyết.

Sự thực, chính sách nông nghiệp của phái xta-lin-nít đã gây ra khủng hoảng kéo dài trong 27 năm (từ năm 1928 đến năm 1956) trong sự tiếp tế thực phẩm cho nhân dân Liên Xô, và đã gây cho nhân dân Liên Xô nhiều hi sinh và phá hoại vô ích. Đáng ra, có thể tránh được những phá hoại đó.

Không thể giải thích một hiện tượng xã hội có tầm vóc lớn rộng, liên quan tới hàng chục triệu người dân, chỉ trên phương diện tâm lý và chính trị - sự sùng bái cá nhân, vai trò của một vài lãnh tụ chuyên quyền, tham nhũng... -, như các tác giả bộ sử mới đã làm. Người mắc-xít phải đi từ quan niệm duy vật biện chứng, căn cứ vào những điều kiện xã hội và những thực tế khách quan để phân tích và giải thích hiện tượng nói trên.

Cổ nhiên, sùng bái cá nhân cũng góp phần làm cho hiện tượng trên trở nên trầm trọng hơn. Nhưng sùng bái cá nhân không phải là nguyên nhân chính, nói đúng hơn, nó chỉ là hậu quả của nền kinh tế lạc hậu, bị cô lập, nảy sinh ra tệ quan liêu và suy đồi.

Sau hơn một phần tư thế kỷ, Liên Xô vẫn không vượt qua được cơn khủng hoảng của nông nghiệp. Như thế, chúng ta phải có một yếu tố tiêu cực bất biến trong bộ máy chính quyền Xô-viết. Đó là sự thiếu dân chủ, thiếu tự do thảo luận ở trên ngọn cũng như ở dưới gốc.

Câu hỏi 24: *Hitler lên nắm chính quyền bằng cách nào?*

Trả lời: Hitler đoạt chính quyền là một sự kiện trọng yếu của lịch sử thế giới trong những năm 1930 mà hậu quả rất tai hại cho lao động Đức, lao động châu Âu, tai hại cho các dân tộc và cho nước Nga - Xô-viết. Liên Xô đã phải trả một giá rất đắt: 20 triệu sinh mạng và một sự tàn phá một cách vô cùng khủng khiếp.

Bộ sử cũ và bộ sử mới, cả hai chỉ viết vắn vện một câu: "*Mặc dù sự thức tỉnh cách mạng của vô sản Đức đã biểu dương một sức mạnh*".

Trong một nước bị xé nát vì cuộc đấu tranh giai cấp thì sự quyết tâm của một lực lượng trong các lực lượng hiện hữu không đủ để toàn thắng. Phải xem tương quan lực lượng có thuận lợi hay không, phải xem chính sách của đối thủ có cho phép mình cường chế đối thủ hay không.

Ở Đức, hồi ấy Hitler có thể dựng được nền độc tài và phá bỏ các tổ chức của lao động là vì lao động bị chia rẽ và thụ động, do chính sách của hai đảng Xã hội và Cộng sản.

Tất nhiên, đảng Xã hội Dân chủ Đức phải chịu phần trách nhiệm lớn nhất. Bộ sử cũ nói rõ như vậy ở trang 285. Bộ sử mới không nói tới. Nhưng thử hỏi đảng Cộng sản có phải chịu một phần trách nhiệm hay không? Bộ sử cũ nói số phiếu đảng Cộng sản chiếm được là 6 triệu. Phải chăng người ta sợ câu hỏi: tại sao đảng Cộng sản có một lực lượng mạnh mẽ như vậy mà không can nôi phát-xít?

Tại sao? Tại vì những người điều khiển đảng Cộng sản, kể cả Stalin và Đệ tam Quốc tế, khi đó coi thường họa phát-xít. Họ tưởng rằng Hitler chỉ đóng vai trò mạo hiểm rất ngắn trước khi vô sản ở Đức nổi lên đập đổ phát-xít. Họ không thấy trước những hậu quả ghê gớm của sự toàn thắng của phát-xít Đức đập mạnh vào lao động Đức và cục diện châu Âu.

Cho nên mặc dầu tai họa phát-xít đang bành trướng, họ vẫn phá hoại chính sách thống nhất lao động. Họ cho rằng không phải phát-xít mà đảng Xã hội Dân chủ Đức mới là kẻ thù chính. Dựa theo quan niệm của Stalin, họ tuyên truyền rằng "*xã hội dân chủ và phát-xít là hai anh em sinh đôi*". Khi đó, Trotsky và phái trót-kít đã lên tiếng kêu gọi cộng sản Nga, cộng sản Đức và cộng sản quốc tế hãy coi chừng chính sách sai lầm (của Stalin). Và kêu gọi thiết lập một mặt trận thống nhất cộng sản - xã hội, từ trên xuống dưới, để đẩy lùi sự tấn công của phát-xít, và tiếp theo, mặt trận gang thép đó sẽ đột kích tư bản chủ nghĩa. Nhưng khi Hitler được bầu làm thủ tướng, phong trào lao động trong tay phái xta-lin-nít và Đệ tam Quốc tế không động đậy, và không chuẩn bị phương sách gì để nổi dậy chống phát-xít.

Câu hỏi 25: *Ở Liên Xô, những gì đã xảy ra trong khoảng thời gian từ khi Kirov, bí thư thành ủy Leningrad bị ám sát, và Yezhov, kẻ đầu sỏ của cơ quan mật vụ chính trị GPU, bị cách chức?*

Trả lời: Bộ sử cũ viết (trang 308): "*Kirov bị bọn trót-kít và bọn theo Zinoviev ám sát*", "*những kẻ đã bán mình cho mật thám phát-xít*", "*chúng nó, những ủy viên hữu danh của Ban Trung ương bôn-sê-vích, thú nhận đã bí mật tổ chức để ám sát các lãnh tụ của đảng và nhà nước*".

Nhưng bộ sử mới chỉ nói rất qua loa về chuyện này. Họ không nêu danh kẻ sát nhân, cũng không nói người đó thuộc phe nhóm nào! Bằng phương pháp "*bỏ quên*", họ muốn tránh sự nguy tạo, dựng đứng lịch sử một cách quá trắng trợn.

Cả một giai đoạn lịch sử xáo động, phức tạp như vậy mà bộ sử mới chỉ điếm qua một vài sự kiện phụ trong nội bộ đảng, như việc tạm không kết nạp đảng viên, rồi kiểm tra và thay thế

đảng. Sự thực, thủ phạm đã giết Kirov mang thẻ đảng viên nên dựa vào có đó, người ta quyết định kiểm tra tất cả thẻ đảng để loại trừ những phần tử "*không xứng đáng*". Tuy nhiên, đó chỉ là một cái cớ để phái xta-lin-nít loại trừ tất cả những ai không đồng chính kiến với họ. Bộ sử mới thừa nhận một cách mập mờ: *trong quá trình thanh lọc và kiểm tra thẻ đảng viên, đã xảy ra một số sai lầm, nhất là việc loại trừ vô căn cứ những đảng viên "thụ động"!*

Ngoài ra, bộ sử mới buông một câu rất mờ昧: "*Sau khi S.M.Kirov bị ám sát, đã xảy ra nhiều biện pháp vi phạm đến pháp luật xã hội chủ nghĩa*".

Và: "*[Yezhov và Berya], bằng những hành động tội lỗi của chúng, đã vu cáo và bắt bớ nhiều đảng viên ngay thẳng và nhiều công dân Xô-viết vô tội ngoài đảng*".

Không nhắc tới đích danh Stalin - như kẻ đã trực tiếp gây ra những tội ác thời ấy -, bộ sử mới cố ý giấu sự thật lịch sử. Nhưng giấu sao nổi! Chính Khrushchev, vị bí thư thứ nhất đảng Cộng sản Nga, đã lên tiếng tố cáo tội sát nhân kẻ trên. Bản báo cáo "*mật*", đọc tại Đại hội lần thứ XX của đảng Cộng sản Liên Xô, cho biết:

"Cuộc điều tra đã cho thấy 98 người trong số 139 ủy viên chính thức và dự khuyết của Ban Trung ương do Đại hội lần thứ XVII bầu ra, nghĩa là 70 %, đã bị bắt bớ và bị xử bắn (phần đông vào những năm 1937-38). (...)

Bên cạnh những ủy viên Ban Trung ương, đa số đại biểu Đại hội lần thứ XVII của đảng cũng chịu chung số phận ấy. Trong số 1956 đại biểu đại biểu chính thức và dự thỉnh, 1108 người (nghĩa là đại đa số đại biểu đại hội) bị bắt và bị kết án phản cách mạng. Ngay bản thân sự kiện này cũng chứng tỏ tính phi lý, ngược đời, trái với lương tri của những lời buộc tội "phản cách mạng" gán cho đa số đại biểu Đại hội lần thứ XVII. (...)

Đó là hậu quả của việc Stalin lạm dụng quyền hành, dùng phương pháp khủng bố hàng loạt đối với các cán bộ đảng".

Trong một bài diễn văn "*mật*" khác, Khrushchev lượng tính có mấy triệu đảng viên bị triệt hạ trong những năm 1935-1938.

Ban tác giả bộ sử mới đã tỏ lời than phiền cho số phận những người bị sát hại. Như thế chưa phải là làm tròn phận sự của người viết sử và không xứng đáng là những sử gia. Người viết sử không phải chỉ có nhiệm vụ thu thập chồng chất một đồng tài liệu, không phải là những chiếc máy ảnh chụp vung về những sự kiện lịch sử, mà còn có bổn phận tìm tòi sự thật lịch sử, làm biện lý cho sự thật lịch sử. Phải làm bản cáo trạng, kê khai rạch ròi hành động của những kẻ đã chủ mưu, kết án những chính phạm thực sự, và phải tuyên bố phục hồi danh dự cho những người bị vu khống và bị sát hại mà lao động Liên Xô và lao động thế giới không ngừng đòi hỏi.

Câu hỏi 26: *Những sai lầm của Stalin có giải thích một cách đầy đủ các hiện tượng kinh khủng kể trên không?*

Trả lời: Chúng tôi nhận thấy Stalin đã có ba sai lầm lớn, gây hậu quả vô cùng tai hại cho nhà nước Xô-viết, cho lao động Liên Xô và lao động thế giới:

1. Sự công cộng hóa bằng bạo lực, dẫn tới tình cảnh đói kém của dân chúng Nga.

2. Chính sách trộn lẫn đảng Xã hội Dân chủ và đảng phát-xít, xem hai đảng này là "*anh em sinh đôi*", đã phá tan phong trào lao động có tổ chức ở Đức và một số đông các nước châu Âu. Chính sách ấy đã đưa Hitler lên chính quyền và đã dọn đường cho quân đội phát-xít tràn lấn đất đai Liên Xô, một sự tràn lấn mà Stalin không ngờ đến, mặc dù đã được nhiều tin báo trước.

3. Dùng bạo lực đối với quần chúng và tàn sát các cán bộ của đảng Cộng sản Liên Xô.

Nếu chỉ dựa vào quan điểm tâm lý để giải thích hiện tượng này thì không thể nào giải thích nổi. Cần phải dựa trên quan điểm xã hội thì sự giải thích mới có căn bản đúng đắn. Hiện tượng xta-lin-nít là hiện tượng một lớp quan liêu có đặc quyền đặc lợi mà họ cần phải bảo vệ. Lớp quan liêu đó hưởng đặc quyền đặc lợi trên cơ sở của phương tiện sản xuất xã hội chủ nghĩa. Họ đã chiếm đoạt chính quyền ở Liên Xô và đã cướp quyền chính trị của giai cấp lao động.

Luận án mác-xít này - được Trotsky và Đệ tứ Quốc tế đề xướng - có thể giải thích trên cả hai phương diện mâu thuẫn của thực tế Liên Xô trong giai đoạn 30 năm gần đây. Phương diện thứ

nhất là sự bành trướng kỹ nghệ và văn hóa đã chứng minh rằng phương tiện sản xuất này (xã hội chủ nghĩa) cao hơn phương tiện sản xuất tư bản. Phương diện thứ hai là các tội ác tày trời chống lại vô sản Nga và vô sản thế giới cũng do lớp quan liêu đó gây ra. Bởi vậy, những ai khẳng định chủ nghĩa xã hội đã toàn thắng ở Liên Xô, hoặc là ở Liên Xô đang có chế độ tư bản nhà nước, đều không thể giải thích hai khía cạnh của Liên Xô.

Câu hỏi 27: *Quan liêu Nga có phải là một giai cấp mới không?*

Trả lời: Không! Quan liêu Nga không có cội rễ trong quá trình sản xuất, cũng không có cội rễ trong đời sống kinh tế của Liên Xô. Nó là một tầng lớp sống ăn bám trên lưng vô sản Nga và nhà nước Nga, trong một giai đoạn đặc biệt của lịch sử, bao gồm những hiện tượng cực kỳ đặc biệt của lịch sử. Những hiện tượng đó là: sự cô lập của nhà nước lao động đầu tiên, đã tồn tại mặc dù chưa được cách mạng toàn cầu tiếp ứng. Nhưng vì tồn tại ở một xứ nghèo nàn nên nó phải chịu đựng sự chậm trễ rất quan trọng về kinh tế và văn hóa. Bởi vậy, muốn bãi bỏ tầng lớp quan liêu suy đồi kể trên, *không cần phải làm cuộc cách mạng xã hội*, không cần phải bãi bỏ phương tiện sản xuất hiện hữu và đổi thay kiến trúc xã hội, mà *chỉ cần làm cuộc cách mạng chính trị*, nghĩa là thay đổi hình thức tổ chức chính phủ, thiết lập các quyền tự do chính trị cho lao động Xô-viết, thiết lập nền dân chủ nội bộ trong đảng Cộng sản, trong các Xô-viết và nhà nước.

Câu hỏi 28: *Những biến cố xảy ra ở Liên Xô từ sau khi Stalin chết có chứng tỏ rằng quan liêu là một tầng lớp xã hội có đặc lợi đặc quyền cần phải bảo vệ, không?*

Trả lời: Chúng ta hãy đọc một đoạn của Giuseppe Boffa viết trong cuốn "*Chuyển biến lớn từ Stalin đến Khrushchev*" (bản tiếng Pháp, Nhà xuất bản Maspéro, trang 113), chúng ta sẽ thấy những gì là vu khống, những gì là mâu thuẫn và cũng thấy những gì là sự thực. Đoạn văn đó tượng trưng tư tưởng công khai của các đảng Cộng sản.

"*Lời buộc tội của phái trốt-kít, phái xã hội dân chủ và đảng Cộng sản Nam Tư, cho rằng quan liêu xta-lin-nít đã trở thành một giai cấp mới, đã không có căn bản gì cả. Xét về quan hệ sản xuất, quan liêu Nga chưa làm thay đổi tính chất căn bản của những quan hệ này. Xét về những nguyên tắc chủ yếu của chủ nghĩa cộng sản, những nguyên tắc này cũng chưa bị đe dọa. Đám quan liêu chỉ là những phần tử có bản chất cô đặc, thành phần phân hóa, ly khai với dân chúng. Cái khuynh hướng tiến triển đó tất nhiên không phù hợp với kiến trúc xã hội Liên Xô. Nó trở nên xung đột với nền kiến trúc này. Ấy là điều mà lịch sử trong mấy năm gần đây đã chứng minh. Sự cố động bài trừ quan liêu mà Liên Xô chủ trương, thông qua các bài diễn văn và tài liệu sách báo xuất bản có tính cách gần như một cuộc đấu tranh giai cấp. Phương pháp đó đã bị phê bình một cách hợp lý, bởi vì nó phóng đại những cái mà người ta chống đối. Nó chứng tỏ sự thiếu dân chủ của xã hội Liên Xô đứng trước bất kể cái gì trực tiếp hoặc gián tiếp, xâm phạm đến các nguyên tắc mà người ta coi là chân lý. Lenin đã nhận định, cuộc đấu tranh chống các hiện tượng quan liêu kéo dài hàng chục năm, xã hội xã hội chủ nghĩa chứa đựng những điều kiện làm cho quan liêu sẽ bị thất bại hoàn toàn*".

Đọc đoạn văn này rất khó hiểu vì nó chứa đầy mâu thuẫn. Nhưng trước hết, phải nói rõ rằng Trotsky và phong trào trốt-kít không bao giờ định nghĩ quan chế Nga như là một giai cấp mới. Và ngay đến những người cộng sản Nam Tư cũng không có thái độ này, chỉ trừ một giai đoạn ngắn, Milovan Djilas hồi còn nguyên vị, mới đề cập trong cuốn sách "*Giai cấp mới*" mà thôi. Còn phái xã hội dân chủ là kẻ thù trường kỳ của cách mạng tháng Mười và Liên Xô. Lẫn lộn thái độ của trốt-kít với phái xã hội dân chủ là sự lẫn lộn vàng thau, không thể tha thứ.

Boffa nói "*sự cố động bài trừ quan liêu*" mà Liên Xô chủ trương có tính cách gần như một cuộc đấu tranh giai cấp, hay nói một cách đích xác hơn, một cuộc đấu tranh xã hội. Nhưng ai thi hành cuộc đấu tranh đó? Liên Xô, nghĩa là nhà nước. Câu này lại mâu thuẫn với câu sau: "*Phương pháp đó đã bị phê bình một cách hợp lý*". Boffa nói nhà nước bài trừ quan liêu, và cũng nhà nước đó phê bình sự bài trừ một cách hợp lý! Nhưng chúng ta hãy để những mâu thuẫn của Boffa ra một bên vì nó đầy rẫy. Chúng ta hãy tìm sự thật trước đã. Sự thật là nhà nước phê bình

quan liêu. Và các tầng lớp xã hội (thanh niên, trí thức tiến bộ, lao động) đặc biệt thi hành cuộc đấu tranh bài trừ quan liêu. Cuộc đấu tranh đó có tính chất của một cuộc đấu tranh xã hội. Đã nói rằng cuộc đấu tranh đó *"có tính chất đấu tranh giai cấp"* (lời của Boffa), chúng ta nói *"có tính chất đấu tranh xã hội"*, thì tại sao lại không công nhận hiện tượng quan liêu - một tầng lớp người có đặc quyền sống ăn bám - là một hiện tượng xã hội? Cuối cùng Boffa dẫn chứng Lenin nói về hiện tượng quan liêu có thể kéo dài nhiều năm. Dẫn chứng ấy rất đúng. Nhưng thiết tưởng cần dẫn chứng thêm một câu khác nữa là Lenin không loại trừ ý kiến *"quan liêu có thể trở nên suy đồi"*. Câu đó mới quan trọng. Bởi vì danh từ *"quan liêu"* thông thường chỉ có nghĩa là bọn thư lại khèn khạng, sử dụng giấy tờ phiền phức trong ngạch hành chính. Thứ quan liêu hay quan chế đó ở xứ nào mà chẳng có. Nhưng thứ quan liêu suy đồi mới là hạng người tai hại cho xã hội. Nói rằng quan liêu Nga chưa làm thay đổi quan hệ sản xuất. Tất nhiên, họ chưa thay đổi. Bởi vì quan hệ sản xuất hiện hữu ở Liên Xô không ngăn cản sự phát sinh và bành trướng đặc quyền của quan liêu. Nhưng muốn bảo đảm đặc quyền của họ, họ phải nắm quyền kiểm soát và quyền phân phối, đồng thời phải thi hành chính sách độc tài. Hành động đó là nguồn gốc của sự suy đồi quan liêu.

Từ sau ngày Stalin chết và ngay cả sau Đại hội lần thứ XX, hành động đó vẫn không chấm dứt. Một xứ tự xưng là xã hội chủ nghĩa mà sự bất bình đẳng xã hội lại chênh lệch quá đáng. Các giám đốc công xưởng, các cán bộ cao cấp, lương cao từ 10 đến 20 lần một người thợ trung bình (chưa nói đến thợ không lành nghề, có khi cách biệt nhau đến 30 lần). Việc quản lý công xưởng dành riêng cho tầng lớp có đặc quyền. Không có sự quản lý của lao động một cách thiết thực. Không có sự kiểm soát của lao động một cách dân chủ. Quần chúng cần lao không có phương tiện để sửa đổi các nghị quyết của Trung ương đảng về chính sách kinh tế và kế hoạch hóa.

Sự đàng quang của kỷ nguyên Khrushchev cũng không hề làm thay đổi cơ sở của chế độ, họa chăng, chỉ dân chủ hóa một chút trên chóp. Ban Trung ương đảng trở thành một thứ quốc hội nhỏ. Họ vẫn thi hành chính sách coi những người đối lập là những tập đoàn phản động. Những người này không có điều kiện bênh vực luận án của mình trước quần chúng dưới góc. Tất nhiên, dưới nhiệm kỳ của Khrushchev, có nhiều cải cách về điều kiện sinh sống và làm việc của quần chúng. Nhưng, điều đó rất dễ hiểu vì trong những năm 1953-1956, tập đoàn quan liêu Nga cố tránh mọi đụng chạm căng thẳng giữa họ và quần chúng, cố tránh sự nổi dậy của quần chúng Liên Xô chống lại họ, như việc đã xảy ra ở Hungary và Ba Lan. Những cải cách kể trên không đi đến chỗ lật đổ quan liêu Nga. Cũng như lao động ở các xứ tư bản có thể giành giật được nhiều thắng lợi về kinh tế, xã hội, đôi khi cả thắng lợi về chính trị, nhưng vẫn không đi tới chỗ lật đổ chế độ tư bản.

Boffa đã khẳng định rằng ở Liên Xô, *"những nguyên tắc chủ yếu của chủ nghĩa cộng sản chưa bị đe dọa"*. Nhưng ông ta lại nói trái với lời chỉ dẫn của Lenin về vấn đề trả lương cao cho các chuyên viên đã lan rộng sang ngành công chức đảng và nhà nước. Mâu thuẫn là như thế đó. Và đó cũng là xâm phạm và đe dọa nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản, vi phạm nguyên tắc của Công xã Paris.

Lenin - và nhất là Marx - đã xác định: *lương cao là nguồn gốc chính của sự phá hoại đạo lý của chính quyền Xô-viết, có thể dẫn đến sự suy đồi quan liêu*. Tai họa đó đã xảy ra ở Liên Xô từ khi phái xta-lin-nít độc quyền nắm giữ bộ máy nhà nước.

Câu hỏi 29: *Phải chăng chính sách ngoại giao là sự tiếp nối của chính sách nội bộ?*

Trả lời: Thật vậy. Không cần quay về lịch sử nhận định những hiện tượng xã hội (sự thất bại của cách mạng Trung Hoa, sự Hitler lên nắm chính quyền, chính sách của Mặt trận Bình dân ở Pháp và Tây Ban Nha, v.v...), chúng ta có thể nêu ra những bằng chứng, những hiện tượng gần đây mà cuốn sử mới đã nêu ra về chính sách ngoại giao quốc tế của Liên Xô sau Thế chiến thứ hai.

Cuốn sử mới nói tới sự kiện cách mạng Nam Tư và Trung Hoa đã toàn thắng và đảng Cộng sản đã nắm chính quyền. Nhưng họ lại giấu, không nói chính Stalin và đảng Cộng sản Liên Xô đã chống Tito và Mao, không muốn cộng sản Nam Tư và cộng sản Trung Hoa nổi dậy giành

chính quyền. Thật là ngược đời, một nước lao động, một chính phủ xã hội chủ nghĩa mà lại chống sự bành trướng xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Khi mà các tác giả bộ sử mới bàn về thời cuộc sau Thế chiến thứ hai (tập 2, trang 230 - 231), họ nói rằng đảng Cộng sản Pháp và đảng Cộng sản Ý củng cố lực lượng, trở nên mạnh mẽ, và cuộc đấu tranh giai cấp ở các xứ này trở nên trầm trọng, gay go. Nhưng liền sau đó, họ lại viết: Giai cấp tư sản đang tấn công, họa phát-xít đang đe dọa các xứ đó. Bạn đọc sẽ tự đặt câu hỏi: tại sao các đảng Cộng sản Pháp, Ý lại không lợi dụng sự bành trướng của phong trào lao động và sự gay go của cuộc đấu tranh giai cấp để tấn công tư bản chủ nghĩa, khi chúng đang lâm vào thế bí?

Sự thực, ngay sau khi Thế chiến thứ hai kết thúc, không hề có sự tấn công của tư bản, cũng không có sự đe dọa của phát-xít. Quần chúng nhiều nước ở châu Âu, nhất là quần chúng Pháp, đã truy nã bọn người từng cộng tác với phát-xít, đem ra xử án, chứng tỏ tàn binh của bọn phát-xít đang cắm đầu chạy trốn chứ chúng không dám "đe dọa" ai cả. Nhưng tại sao cộng sản Pháp, Ý, Bỉ lại không tấn công tư bản lúc đó? Bởi vì họ coi vấn đề tham gia chính phủ tư bản quan trọng hơn là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Quả nhiên, cộng sản ba nước này được cử một vài người vào chính phủ liên hiệp quốc gia của xứ họ. Họ đã phản bội phong trào lao động, nhất là ở Pháp, Thorez tuyên bố: "*Chỉ có một nhà nước, chỉ có một quân đội, chỉ có một cảnh sát [của chính phủ De Gaulle], và phải sản xuất trước đã...*". Hậu quả của chính sách đó là ngăn cản các cuộc đình công, dùng hết lực lượng để kiến thiết nền kinh tế bạc nhược của tư bản. Đến khi chế độ tư bản được phục hồi, chúng quay trở lại tấn công phe cộng sản, đuổi các bộ trưởng cộng sản ra ngoài chính phủ.

Chính sách xu thời này không phải chỉ thi hành riêng cho ba xứ kể trên, chính sách đó là chuyển cơ của đảng Cộng sản Liên Xô. Những đảng Cộng sản nào trung thành với Liên Xô, tuân theo mệnh lệnh từng chữ từng nét thì đã bắt quần chúng vô sản nước mình thi hành chính sách xu thời kể trên, và phản bội phong trào lao động. Đảng Cộng sản Pháp được liệt vào hạng trung thành bậc nhất.

Còn chuyển cơ của của đảng Cộng sản Liên Xô là gì? Sau Đại hội lần thứ XX, đảng Cộng sản Liên Xô đưa ra nhận định như sau: chiến tranh có thể tránh khỏi, tư bản chủ nghĩa có thể bị sụp đổ mà không cần có cuộc cách mạng vô sản, xã hội chủ nghĩa có thể toàn thắng trên phạm vi toàn cầu một cách tự động và trực tiếp, bằng phương pháp củng cố nền kinh tế Liên Xô.

Về mặt khác, lịch sử được chứng kiến một hiện tượng mâu thuẫn của quan liêu Liên Xô: Liên Xô mang quân đội tới các xứ Đông Âu lật đổ chế độ tư bản, thiết lập một phương tiện sản xuất mới giống như ở Liên Xô. Hiện tượng đó được giải thích bằng hai phương diện. **Thứ nhất**, hành động kể trên *phản ánh tính chất lưỡng diện* của quan liêu. Quan liêu rất gắn bó với phương tiện sản xuất xã hội do cách mạng tháng Mười để lại, đồng thời họ tạo ra những lực lượng thủ cựu để chiếm đoạt những lợi quyền ích kỷ cho một tầng lớp có đặc quyền và sống bám vào giai cấp lao động. **Thứ nhì**, hành động đó là hành động đặc biệt của quan liêu: trên hạ lệnh, dưới tuân theo. Quan liêu không tin ở sức mạnh tinh thần, ở sức mạnh ý thức, tự học hỏi, tự tổ chức, và tinh thần chiến đấu của quần chúng cách mạng.

Câu hỏi 30: *Phải chăng xã hội Liên Xô là xã hội xã hội chủ nghĩa, xã hội không có giai cấp?*

Trả lời: Trái với những gì ghi trong bản Hiến pháp Liên Xô năm 1936, thường được gọi bằng cái tên "*Hiến pháp Stalin*", năm 1956, trong Đại hội lần thứ XX của đảng Cộng sản Liên Xô, tổng bí thư đảng Nikita Khrushchev buộc phải công khai tuyên bố: ***Liên Xô chưa thực hiện được chế độ xã hội chủ nghĩa, giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản. Và Liên Xô phải cần mười năm nữa mới đuổi kịp lực lượng sản xuất của các xứ đại tư bản.***

Ban tác giả bộ sử mới nhận định: ở Liên Xô, giai cấp bóc lột đã bị thủ tiêu. Điều đó đúng. Nhưng ở Liên Xô còn hai giai cấp rõ rệt - vô sản và nông dân - mà lợi quyền luôn luôn chống chọi nhau, đôi khi rất mãnh liệt. Hai giai cấp này tồn tại được là vì lực lượng sản xuất không được bành trướng đầy đủ, là vì sản xuất hàng hóa còn yếu kém do sự tồn tại của chế độ tiền tệ và chế độ lương bổng. Nhóm tác giả bộ sử mới viện lý: nhà nước còn tồn tại vì phải tổ chức nền

kinh tế và bảo vệ đất nước. Nguy hiểm của họ trái ngược học thuyết mác-xít. Bởi vì những chức năng kể trên có thể làm trọn vẹn, đầy đủ trong xã hội không có giai cấp bằng nhiều hình thức tổ chức khác.

Bởi vậy, Liên Xô chưa xây dựng xong, nghĩa là chưa hoàn thành xã hội chủ nghĩa, một xã hội không giai cấp; Liên Xô đang ở trong thời kỳ chuyển tiếp giữa tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Một khi lực lượng sản xuất mỗi ngày một bành trướng, trình độ văn hóa mỗi ngày càng được nâng cao, quần chúng Liên Xô sẽ tìm đường lối quét sạch vĩnh viễn lần cuối cùng các tầng lớp quan liêu cùng những đặc quyền đặc lợi của họ, nghĩa là bọn người đã cản trở bước tiến của Liên Xô và của các nước trên thế giới trên con đường thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Tháng Juillet 1980

VẤN ĐỀ DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN TRONG PHONG TRÀO LAO ĐỘNG*

(Hoàng Khoa Khôi)

Được phát biểu trong cuộc họp, đáng nhẽ tôi phải trình bày quan điểm dân chủ và đa nguyên của mình, cũng như việc tại sao lại cần đòi thực hiện dân chủ và đa nguyên ở Việt Nam. Nhưng vấn đề quá rộng mà thì giờ lại giới hạn, tôi chỉ xin trình bày một địa hạt mà tôi có đôi chút kinh nghiệm: *"Dân chủ đa nguyên trong phong trào lao động"*.

Đảng Cộng sản Việt Nam và chính quyền Hà Nội thường tuyên truyền rằng họ *đại diện cho giai cấp lao động*. Rằng họ thực thi *"chuyên chính vô sản"* trên căn bản chủ nghĩa mác-xít - lê-nin-nít, *thừa kế gia tài và truyền thống phong trào lao động thế giới*.

Sự thực có thể không?

Sự thực, đảng này đã mượn tiếng lao động, mượn tiếng mác-xít - lê-nin-nít, dựng lên ở Việt Nam chế độ độc tài đảng trị theo mô hình chủ nghĩa mao-ít và chủ nghĩa xta-lin-nít, ngược hẳn với truyền thống của phong trào lao động và ngược hẳn với các nguyên lý căn bản của chủ nghĩa mác-xít.

Trái với nhiều người thường hiểu một cách sai lạc do sự tuyên truyền sai lạc của chủ nghĩa xta-lin-nít, phong trào lao động là một phong trào đa nguyên, đa dạng, mang nhiều sắc thái tư tưởng và nhiều hình thức tổ chức. Nhờ vậy, nó đã tồn tại và phát triển cho đến ngày nay.

Cũng như mọi giai cấp khác, giai cấp công nhân lao động phát triển không đồng đều và gồm nhiều tầng lớp. Do đời sống, do hoàn cảnh, mỗi tầng lớp có tư duy khác nhau. Bởi vậy, có nhiều hình thức tổ chức: nào công đoàn, công hội, nào nghiệp đoàn cải lương, nghiệp đoàn cách mạng, chưa kể những chính đảng dân chủ, xã hội, cộng sản v.v... Về mặt lý luận và tư tưởng, có nhiều trường phái, nhiều chủ nghĩa: chủ nghĩa duy tâm, duy vật, chủ nghĩa xã hội không tưởng, xã hội khoa học, chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa mác-xít v.v...

Trước Marx đã có những nhà tiền bối chủ nghĩa xã hội như Owen, Babeuf, Fourier, Proudhon...; sau Marx có những nhà lý luận như Lenin, Trotsky, Plekhanov, Kautsky, Bernstein... Những vị này, mặc dầu cùng một học phái mác-xít, đã đối lập nhau trong cả một thời kỳ. Thời Marx, ông và Engels bút chiến với các trường phái mà các ông coi là duy tâm, phi khoa học. Marx chống Bakunin. Engels chống Dühring. Bản chất học thuyết mác-xít là học thuyết phê phán. Phê phán để tìm ra chân lý. Có phê phán mới có tiến bộ.

Trước khi Marx qua đời, ông nói: *"Tôi không phải là người mác-xít"*. Câu nói bao hàm ý nghĩa học thuyết của ông chưa hoàn chỉnh, còn phải khai thác... Ngày nay, có nhiều người nói chủ nghĩa xta-lin-nít, đặc biệt là quan niệm *"độc đảng"* và *"đảng độc khối"* (*parti unique et monolithique*) là sự tiếp nối chủ nghĩa mác-xít - lê-nin-nít. Nói như thế là quên hẳn những gì đã xảy ra ở thời Marx và thời Lenin.

Thời Marx, ông đã từng bị thiếu số trong ban lãnh đạo tổ chức Đệ nhất Quốc tế Lao động. Trong cả một giai đoạn, chủ nghĩa mác-xít bị cô lập, trong lúc các khuynh hướng xã hội ảo tưởng hay vô chính phủ chiếm giữ địa vị ưu tiên.

Thời Lenin, Lenin phải tranh thủ, thường xuyên đấu đầu với nhiều khuynh hướng khác. Trong nội bộ đảng bôn-sê-vích, Lenin phải nhọc công mới giữ được đa số. Trong đảng này, lúc nào cũng có đa số, thiểu số! Mỗi khuynh hướng được quyền tổ chức và phát biểu theo nguyên tắc dân chủ.

* Bài tham luận tại cuộc Hội luận về dân chủ đa nguyên, tổ chức ngày 27-10-1990 tại Paris (đã đăng trong tuyển tập *"Dân chủ Đa nguyên"* do nhóm *"Thông Luận"* xuất bản).

Cho đến Đại hội thứ X (1921), vì phải đối phó với một tình thế hiểm nghèo trong nước và đứng trước mối họa phân tán lực lượng trầm trọng, đảng ra quyết nghị tạm thời đình chỉ đấu tranh nội bộ cho tới khi tình hình trở lại bình thường. Đây chỉ là một biện pháp nhất thời chứ không phải một nguyên tắc tổ chức. Bằng chứng là lúc đó, sự hiện diện các khuynh hướng vẫn được công nhận trong hàng ngũ Đệ tam Quốc tế. Sau đó, Lenin lâm trọng bệnh rồi qua đời, quyền điều khiển lọt vào tay Stalin. Lenin và đảng có ngờ đâu, từ một giải pháp *"tạm thời"*, Stalin đã lợi dụng đổi thành một nguyên tắc vĩnh cửu.

Chỉ cần nói, khuynh hướng và sự công nhận khuynh hướng là một nguyên tắc hoạt động của đảng lê-nin-nít. Hiện tượng *"độc đảng"* và *"đảng độc khối"* là một điều xa lạ đối với đảng. Xin nêu thí dụ: *"Luận đề tháng Tư"* của Lenin vạch chiến lược giành chính quyền suýt bị thiếu số. Hai ủy viên Bộ Chính trị Zinoviev và Kamenev viết báo công khai chống cuộc khởi nghĩa tháng Mười¹. Đứng trước hiệp ước Brest-Litovsk, đảng chia làm ba khuynh hướng; khuynh hướng của Lenin phải tranh thủ gay go mới chiếm được đa số! Về mặt hoạt động và thực thi dân chủ, trong những năm nội chiến quyết liệt nhất (1917-1918-1919), mỗi năm đều có Đại hội để thảo luận và chọn lựa đường lối. Trái lại, dưới thời Stalin, có giai đoạn mười năm không có Đại hội².

Xét trong lịch sử phong trào lao động, cho tới thời Lenin, chưa có giai đoạn nào có hiện tượng một đảng độc quyền và độc khối như kiểu Stalin. Trong lãnh vực tư tưởng cũng chưa có lý thuyết gia nào, lãnh tụ nào dám cả gan đề xuất một quan niệm phản dân chủ như thế. Vì một lẽ giản dị: phong trào lao động là phong trào có truyền thống dân chủ đa nguyên, đa dạng và đa đảng.

Chỉ từ thời Stalin, quan niệm *"độc đảng"* và *"đảng độc khối"* mới xuất hiện. Bắt đầu ở Liên Xô rồi lan ra các nước khác như Việt Nam, Trung Quốc, Bắc Triều Tiên và các xứ *"dân chủ nhân dân"* ở Đông Âu v.v...

Đảng Cộng sản Việt Nam, ngay từ khi thành lập (1930), đã mang trong mình quan niệm này, mệnh danh là *"quan niệm mác-xít - lê-nin-nít"*. Nhưng khi ta đặt câu hỏi ở văn kiện nào, tài liệu nào, Marx hay Lenin đã phát biểu hoặc bênh vực *"độc đảng"* và *"đảng độc khối"*, họ sẽ tịt đường. Vì không có văn kiện, tài liệu nào cả!

Rõ ràng Stalin và các đảng Cộng sản theo ông đã cải đổi chủ nghĩa mác-xít. Tôi xin nêu thêm hai thí dụ điển hình: vấn đề *"tập trung dân chủ"* và vấn đề *"chuyên chính vô sản"*.

Từ xưa tới nay, *"tập trung dân chủ"* là một nguyên tắc tổ chức dân chủ của phong trào lao động. Nội dung và ý nghĩa của nó rất dễ hiểu: trước khi chuẩn y một nghị quyết, một lập trường hay một chương trình, lao động hoặc đại biểu của họ họp nhau, thảo luận một cách dân chủ, rồi lấy biểu quyết (bằng giơ tay hay bỏ phiếu), ai chống ai thuận. Sau đó áp dụng luật đa số để đem ra thi hành. Tuy nhiên, thiểu số vẫn giữ trọn quyền phê bình, chỉ trích và có khả năng trở thành đa số, một khi kết quả chứng minh đa số sai và thiểu số đúng. Lúc đó, thiểu số có thể trở thành đa số. Lô-gích này dẫn đến kết quả: có đa số phải có thiểu số. Nguyên tắc tổ chức nói trên, không những tổ chức lao động các nước đã thi hành mà hầu hết các tổ chức hay các hội đoàn dân chủ trên thế giới đều áp dụng.

Nguyên tắc tổ chức cổ truyền ấy đã bị Stalin và các đồng chí của ông biến đổi thành lợi khí bảo vệ và duy trì chính quyền độc tài đảng và độc tài lãnh tụ. Nhân danh *"tập trung dân chủ"*, ban lãnh đạo đảng đưa ra quyết nghị xếp đặt sẵn, lao động hay đại biểu của họ chỉ có quyền thảo luận việc áp dụng thế nào cho tốt. Họ không có quyền bàn bạc và sửa đổi nội dung, không có quyền bỏ khuyết nội dung, chưa nói đến quyền đề nghị một văn bản khác. Do áp lực và kỷ luật của tổ chức, những người không đồng ý không bao giờ dám lên tiếng hoặc bỏ phiếu chống. Vì chống là chống đảng, chống chủ nghĩa xã hội. Lô-gích này dẫn đến hiện trạng *"đồng thanh"*. Đảng chỉ có một ý kiến: ý kiến của ban lãnh đạo hay ý kiến một lãnh tụ. Đường lối sai lầm tới đâu, mọi người cũng đều phải tuân thủ thi hành. Khi đổ vỡ, chỉ có các lãnh tụ sai lầm có

¹- Tuy vậy, sau này hai ông vẫn được Lenin đề cử giữ những chức vụ quan trọng trong đảng và trong Quốc tế Cộng sản.

²- Coi *"Tờ trình bí mật về Stalin"* của Khrushchev (Nhóm trót-kít Việt Nam xuất bản ở Paris năm 1982).

quyền phê bình và sửa chữa sai lầm. Lãnh đạo giữ độc quyền làm sai, cũng như họ giữ độc quyền sửa sai và vạch ra đường lối mới!

Một điểm nữa cũng cần nêu ra để hiểu rõ một nguyên tắc dân chủ có thể trở thành độc tài như thế nào? Bỏ phiếu giờ tay chẳng hạn, là hình thức dân chủ trực tiếp của lao động. Nhưng nó chỉ dân chủ khi người lao động được hoàn toàn tự do suy nghĩ và phát biểu. Dưới chế độ xta-lin-nít, bỏ phiếu giờ tay lại là hình thức phi dân chủ, vì trong phòng họp lúc nào cũng có các ông công an chính trị thúc trực¹, ghi tên những ai đối lập. Trong điều kiện ấy, bỏ phiếu kín có thể coi là tương đối dân chủ hơn. Dầu sao, trong chế độ độc quyền một đảng, bỏ phiếu kín hay giờ tay đều không có dân chủ. Năm 1934, trong một cuộc bỏ phiếu kín của đảng Cộng sản Liên Xô, ông Kirov, ủy viên Bộ Chính trị, được nhiều phiếu hơn Stalin. Sau này, ông bị Stalin cho người ám hại. Cuộc ám hại này mở đầu cho nhiều cuộc hành quyết khác. Xuyên qua các vụ án nguy tạo, ba phần tư ủy viên Bộ Chính trị và Ban Trung ương bị triệt hạ².

Khái niệm "*chuyên chính vô sản*" cũng vậy. Hiểu theo nghĩa của Marx, đó là hình thức chính quyền "*dân chủ hơn dân chủ tư sản*". Khái niệm này xuất phát từ sự nhận định tính chất và vai trò Nhà nước. Theo học thuyết mác-xít, Nhà nước không trung lập, không đứng trên hoặc đứng ngoài giai cấp cầm quyền. Vai trò của nó là bảo vệ chế độ hiện hữu. Nhà nước phong kiến bảo vệ chế độ phong kiến. Nhà nước tư sản (tư bản) bảo vệ chế độ tư sản. Nhà nước lao động bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong cuộc cách mạng tư sản, Nhà nước tư sản đã làm chuyên chính đối với phong kiến: không những tước đoạt chính quyền mà họ còn vi phạm quyền tư hữu của phong kiến bằng cách tịch thu tài sản và ruộng đất của giai cấp này. Dựa theo kinh nghiệm ấy, giai cấp vô sản, khi lật đổ chế độ phong kiến hay tư sản (tư bản), cũng buộc phải làm chuyên chính. Nghĩa là sử dụng những biện pháp cưỡng chế đối với chế độ cũ. Có như thế mới bảo đảm được sự thành công cách mạng và mới tạo được điều kiện thay đổi xã hội.

Nhưng khác với "*chuyên chính tư sản*" dựa vào giai cấp tư sản (tư bản), thiếu số trong xã hội, chuyên chính vô sản dựa vào liên hiệp của công nhân lao động và nông dân nghèo, tầng lớp đa số trong dân chúng. Theo Marx, tính chất "*đại chúng*" (*caractère de masse*) ấy giúp nó, ngay từ khi vừa thành lập, có khả năng thi hành những biện pháp dân chủ mà "*chuyên chính tư sản*" không làm nổi.

Một điều khác nữa: "*chuyên chính tư sản*" bảo vệ và duy trì địa vị và quyền lợi của giai cấp tư sản (tư bản). Trái lại, "*chuyên chính vô sản*" không nhắm mục tiêu củng cố địa vị và quyền lợi riêng biệt của một giai cấp nào, vì nó nhắm "*phá bỏ các giai cấp*", kể cả giai cấp lao động, để thực hiện "*một chế độ không giai cấp*", "*không có người bóc lột người*". Vì thế, ngay sau khi thành lập, Nhà nước lao động phải tạo điều kiện đi vào quá trình "*tiêu biến*" (*dépérissement*). Nói một cách khác, tạo điều kiện cho chuyên chính mất dần tính chất cưỡng chế để đi đến chỗ "*ít Nhà nước*" rồi không có Nhà nước. Trong cuốn "*Nhà nước và cách mạng*", Lenin nêu ra triển vọng: "*Chúng ta phải làm sao tiến tới một nhà nước trong đó một chị phụ nữ vừa giữ công việc nội trợ vừa có thể tham gia công việc điều khiển Nhà nước*". Câu nói ấy có nghĩa là Nhà nước sẽ không phải của riêng ai mà là của chung toàn dân chúng.

Trái lại, Stalin đã nêu ra một quan điểm mà đảng Cộng sản Việt Nam coi là chân lý, cho rằng "*càng đi tới xã hội chủ nghĩa, cuộc đấu tranh giai cấp càng quyết liệt*", càng phải củng cố Nhà nước, củng cố bộ máy đàn áp, củng cố công an mật vụ. Đáng nhẽ đi vào quá trình tiêu vong, Nhà nước càng trở nên lộng hành với những phương pháp áp chế. Xuất phát từ ý tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng phương pháp mệnh lệnh, hành chính, Stalin và các đảng Cộng sản trên thế giới đặt vấn đề củng cố chính quyền lên hàng đầu. Họ đã tạo lập một chế độ độc tài quan liêu, độc tài đảng. "*Chủ nghĩa xã hội hiện thực*" được dựng nên ở nhiều nước là một thứ "*chủ nghĩa xã hội trại lính*"! Bởi thế, nhân dân các xứ Đông Âu đã lật đổ nó không thương tiếc. Thất bại này là thất bại của chủ nghĩa xta-lin-nít chứ không phải của chủ nghĩa mác-xít.

¹- Coi "*Giọt nước trong biển cả*" của Hoàng Văn Hoan (trang cuối).

²- Coi "*Tờ trình bí mật về Stalin*" của Khrushchev (sách đã dẫn).

Một quan niệm thứ ba nữa mà chủ nghĩa xta-lin-nít đã sửa đổi chủ nghĩa mác-xít là quan niệm "*xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong một nước*" (*socialisme dans un seul pays*) và đặc biệt, nước ấy lại là nước Nga có nền kinh tế hậu tiến! Marx và Lenin không khi nào có một quan niệm phi khoa học như thế. Thời Marx, ông chỉ đề cập vấn đề cách mạng vô sản ở các xứ tư bản có kỹ nghệ tiên tiến như Pháp, Anh, Đức v.v... vì ở những xứ này, sự tích lũy và phát triển tư bản đã tạo ra điều kiện vật chất và văn hóa cho sự thực hiện xã hội chủ nghĩa. Nhưng Marx nhấn mạnh: cách mạng chỉ có thể thành công và đứng vững khi các nước đó tiếp nối nhau làm cách mạng lật đổ chế độ tư bản. Một cuộc cách mạng lẻ loi đầu có thành công lúc đầu cũng sẽ không đứng vững lâu ngày, vì các nước tư bản khác sẽ liên hiệp nhau phá vỡ. Bởi vậy, trong "*Tuyên ngôn của đảng Cộng sản*" mà ông viết mới có câu: "*Vô sản toàn thế giới, liên hiệp lại!*" Trong sách vở của ông, Marx không đề cập đến cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở các xứ có nền kinh tế hậu tiến.

Tới thời Lenin, đảng Xã hội Dân chủ Nga (đại diện cho giai cấp lao động Nga, tiền thân của đảng Cộng sản Nga) nhận định: cách mạng lật đổ chế độ Nga hoàng ở Nga sẽ là cuộc cách mạng tư sản do giai cấp tư sản đóng vai trò nắm giữ chính quyền. Giai cấp lao động tham gia cách mạng nhằm mục tiêu thúc đẩy cách mạng tiến theo chiều hướng tiến bộ, tranh thủ bảo đảm quyền lợi hiện hữu và vị trí tương lai của mình. Thế nhưng, diễn trình của cuộc cách mạng 1905 ở Nga và cuộc cách mạng tháng Hai 1917 kế tiếp, cho thấy giai cấp tư sản Nga, khác với giai cấp tư sản Pháp trong cách mạng 1789, đã tỏ ra yếu nhược, bất lực giải quyết các nhiệm vụ mà cách mạng đề ra như tịch thu ruộng đất của phong kiến chia cho dân cày, đình chỉ chiến tranh với nước Đức, tạo lập hòa bình mà nhân dân mong đợi. Hơn thế nữa, thông qua các chính đảng của họ, giai cấp tư sản còn tìm cách thỏa hiệp với Nga hoàng và phong kiến, trong lúc tướng Kornilov đang đe dọa dập tan cách mạng, thiết lập một chính thể độc tài quân phiệt, cách mạng nằm trên sợi tóc, nếu thất bại, nhân dân phải gánh trả một giá đắt khôn lường!

Cho nên, tháng 4-1917, sau khi từ Thụy Sĩ về nước, Lenin đã khởi thảo một luận cương - gọi là "*Luận đề tháng Tư*" - vạch ra đường lối cho đảng Cộng sản Nga giành lấy chính quyền. Đây là một chuyên hướng có tính chất chiến lược. Lập trường của Lenin lúc đó trùng hợp với quan điểm mà Trotsky đã phát biểu trong cuộc cách mạng 1905. Nhưng Lenin, cũng như Trotsky, không coi có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong phạm vi một nước. "*Thành công trong việc giành lấy chính quyền*" là một chuyện, "*thành công trong việc thực hiện chế độ xã hội chủ nghĩa*" lại là một vấn đề khác, nhất là nước đó là một nước có nền kinh tế lạc hậu như nước Nga.

Đi từ nhận định trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, kinh tế tư bản đã choán đoạt và bao trùm kinh tế các quốc gia trên thế giới, hai ông khẳng định một cuộc cách mạng nổi dậy và thành công ở một xứ hậu tiến hay một xứ thuộc địa sẽ có tác động phá vỡ một mắt xích của sợi dây chuyền tư bản chủ nghĩa. Nó sẽ là bước mở đầu cho các cuộc cách mạng vô sản ở các xứ tư bản tiên tiến. Cách mạng thành công ở những xứ này sẽ tháo gỡ vòng vây cho cách mạng Nga, yểm trợ và tạo điều kiện cho Liên Xô xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Không có cách mạng vô sản ở các xứ tư bản Tây phương, cách mạng Nga sẽ bị cô lập và đi vào ngõ hẻm. Sự thành lập Đế tam Quốc tế là nhằm mục tiêu vận động sự bành trướng phong trào cách mạng trên thế giới.

Trong lúc chờ đợi cách mạng thành công ở các xứ tư bản phương Tây, Liên Xô không "*dậm chân tại chỗ*" mà tùy theo sức mình, tùy theo điều kiện thực tế cho phép, tiến hành một chương trình công nghiệp hóa, kế hoạch hóa, xây dựng một nền kinh tế lưỡng diện, vừa công cộng nhà nước, vừa thị trường tư nhân trong các ngành sản xuất nhỏ, nhằm mục tiêu tăng gia sản xuất, tạo nền móng cho tương lai... Dầu chưa đủ điều kiện thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội theo đúng nghĩa của những từ ấy, Liên Xô có thể xây dựng một quốc gia tiên bộ, thỏa mãn những yêu cầu thiết yếu của dân chúng. Không những Lenin mà hầu hết ban lãnh đạo đảng Cộng sản bên-sê-vích thời ấy, kể cả Stalin, đều nhấn mạnh những ý tưởng nói trên. Họ đặt hết hi vọng vào cuộc cách mạng vô sản 1919 ở Đức. Không may, cuộc cách mạng này bị thất bại!

Sau khi Lenin mất, đúng hơn là từ mùa thu 1924, Stalin là người đầu tiên nêu ra thuyết "*xây dựng thành công chế độ xã hội chủ nghĩa trong phạm vi một nước riêng biệt*": Liên Xô sẽ tự

lực cánh sinh tiến nhanh, tiến thẳng đến chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong bước đi đó, bao xác chết đã rải kín bên đường. Biết bao chiến sĩ cộng sản, đặc biệt là những người cộng sản trót-kít, đã bị sát hại vì *"tội phá hoại"*, *"ngăn cản sự thực hiện chủ nghĩa xã hội"* ở Liên Xô. (Coi các bản cáo trạng trong các vụ án Moscow thời kỳ 1936-1938).

Hầu hết các đảng Cộng sản thì nhau mở cuộc truy lùng *"những phần tử phá hoại"*, *"nói xấu Liên Xô"*, vạch tên, vạch mặt họ trước dư luận¹, tảo trừ không thương xót những mầm mống đối lập, thanh lọc đảng thành một khối đứng sau lá cờ của Stalin và Liên Xô! Mặt khác, trăm người như một, các đảng này hoan hô Stalin, hoan hô chế độ *"ngày mai ca hát"* của Liên Xô, coi việc ủng hộ Stalin và Liên Xô là nhiệm vụ hàng đầu! Có đảng trung thành đến nỗi quên cả nhiệm vụ đối với cuộc đấu tranh của công nhân lao động nước mình.

Về phần Đệ tam Quốc tế, dưới quyền lãnh đạo của Stalin, tổ chức này đã biến từ vai trò vận động và điều khiển các cuộc nổi dậy ở các xứ tư bản phương Tây thành vai trò bệnh vực chính sách ngoại giao của Liên Xô, gây áp lực đối với chính phủ của những xứ này, với mục tiêu duy nhất: ủng hộ cho Liên Xô xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội! Năm 1943, nhận thấy Quốc tế Cộng sản không còn công hiệu nữa cho chính sách của mình và nhắm chủ đích phân chia thế giới với các cường quốc tư bản, Stalin đã quên hẳn những gì là *"quốc tế vô sản"* của thời Lenin. Chủ nghĩa dân tộc trở nên một khái niệm cơ bản cho sự bành trướng của chủ nghĩa Đại Nga mà Lenin đã từng phê phán nghiêm khắc². Theo gương Stalin, nhiều đảng Cộng sản ở các nước *"xã hội chủ nghĩa hiện thực"* kế tiếp nhau đi vào con đường *"chủ nghĩa xã hội dân tộc"*. Mỗi đảng tìm phương kế *"xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội"* cho nước mình. Kết quả, chủ nghĩa dân tộc đã dẫn họ đến những cuộc chiến tranh biên giới tương tàn. Họ tranh nhau từng ảnh hưởng, giành nhau từng thước đất! Đây là sự phá sản điển hình nhất của chủ nghĩa xta-lin-nít và chủ thuyết *"xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong phạm vi một nước"*! Trong lúc ấy, các xứ tư bản châu Âu họp nhau đặt kế hoạch phá bỏ biên giới quốc gia, thành lập Cộng đồng châu Âu về các mặt kinh tế, xã hội, chính trị...

Năm 1936, Hiến pháp Liên Xô trình trọng tuyên bố cùng thế giới: *"Liên Xô đã thực hiện xong giai đoạn xã hội chủ nghĩa và đang bước sang giai đoạn cộng sản chủ nghĩa"* (Năm 1990, tức là hơn năm mươi năm sau, nhân dân Liên Xô phải xếp hàng nối đuôi hàng giờ mới mua được một mẩu bánh mì!). Một sự lừa bịp không lồ như thế mà hầu hết các đảng Cộng sản (xta-lin-nít) trên thế giới đều thi nhau hoan hô, ca ngợi! Hơn ba mươi năm sau, Mao Trạch Đông vẫn coi những bước *"đại nhảy vọt"* và *"cách mạng văn hóa"* của Trung Quốc là một thành tích đáng noi gương. Polpot và các đồng chí của ông ta không những bắt chước mà còn muốn *"nhảy vọt"* xa hơn, nhanh hơn. Còn nước Việt Nam hiện đang có những đổ vỡ cũng vì mấy chữ *"xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong phạm vi một nước"*!

Trên đây, tôi rằng phác họa một số mâu thuẫn giữa chủ nghĩa mác-xít - lê-nin-nít và chủ nghĩa xta-lin-nít. Thuyết mác-xít không phải là *"Thánh Kinh"* bất di bất dịch. Với thời gian, nó có thể trở nên không hợp thời ở chỗ này hay chỗ khác. Sự dối trá của Stalin và đảng Cộng sản Việt Nam là ở chỗ họ đã cải đổi mà cứ nói trung thành. Họ đã đánh lừa lao động, đánh lừa dư luận, đánh lừa luôn cả đối lập của họ!

Thật vậy, khi đọc đó đây những bài báo hay những tuyên ngôn của đối lập, tôi thường thấy những câu hay những chữ gán ghép chủ nghĩa mác-xít - lê-nin-nít với chủ nghĩa xta-lin-nít. Tội nghiệp cho hai ông Lenin và Marx! Hai ông không thể hồi sinh để chứng tỏ thực hư phải trái!

Tôi công nhận hai chữ *"chuyên chính"* chẳng hạn là hai từ khó êm tai. Ai ai cũng thích dân chủ, có ai ưa chuyên chính! Nhưng khôn thay, chuyên chính là qui luật tất yếu của mỗi cuộc cách mạng muốn thành công và muốn thay đổi chế độ xã hội. Dầu muốn hay không, nó là thực tế xã hội. Marx có can đảm nói ra trong lúc nhiều người che đậy bằng tấm màn bí ẩn.

¹- Coi bức thư của Hồ Chí Minh viết từ Trung Quốc, gửi về cho đảng Cộng sản Việt Nam nói về các vụ án 1936-1939 ở Moscow (bằng tiếng Pháp, đăng trên báo *"Notre voix"* ngày 23 Juin 1939).

²- Trước khi mất, Lenin viết thư phê phán rất nghiêm khắc tư tưởng *"Đại Nga"* (Grande russe) của Stalin. Vấn đề *"dân tộc"* là một điểm quan trọng trong sự bất đồng ý kiến giữa Lenin và Stalin và là một trong những nguyên nhân gây ra sự đoạn tuyệt chính trị giữa hai người.

Theo Marx, nếu chuyên chính vô sản là tất yếu, nó chỉ là giai đoạn tạm thời, cần rút ngắn và cần đem vào những nhân tố dân chủ. Rút từ bài học của cách mạng Paris Công xã, ông khẳng định chuyên chính vô sản cần được thực hiện thông qua các Xô-viết, được bầu cử trên căn bản tự do, dân chủ: dân chúng có quyền ứng cử, bầu cử, tự do chọn lựa đại biểu mà mình muốn. Đại biểu được bầu ra phải bị đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của quần chúng và quần chúng có thể bãi miễn họ "*bất cứ lúc nào*", không kể nhiệm kỳ, nếu đa số cử tri hết tín nhiệm. Để đề phòng nạn quan liêu và chênh lệch xã hội, cán bộ hoặc nhân viên nhà nước không được ăn lương "*cao hơn lương một người thợ lành nghề*".

Ở Việt Nam và các nước theo "*chủ nghĩa xã hội hiện thực*", chúng ta thấy gì? Trước nhất, ta thấy sự xuất hiện của một tầng lớp quan liêu đông đảo, có đặc quyền đặc lợi, chiếm giữ độc quyền Nhà nước xuyên qua độc quyền đảng! Thứ hai, bầu cử không theo kiểu mẫu Xô-viết mà theo gương chế độ nghị trường tư bản. Nhưng lại kém tư bản vì tư bản công nhận cho mỗi công dân có quyền tự do ứng cử, bầu cử, còn các nước "*xã hội chủ nghĩa hiện thực*" lại ngăn cấm sự tự do ấy. Ứng cử viên phải do đảng chọn lựa và đề cử theo lối "*bảng cử*". Cử tri không có quyền chọn lựa những người xứng đáng đại diện cho mình, và chỉ được chọn trong số những người mà đảng đề cử. Kết quả, Ủy ban Nhân dân hay Quốc hội chỉ là những chiếc bánh vẽ dùng để trang trí. Lòng ruột của bánh đã bị các tổ chức của đảng chiếm đoạt!

Gần đây, phong trào đòi mới hứa hẹn sự tách rời Nhà nước với đảng. Thực ra, đó chỉ là sự phân công giữa các cán bộ của đảng mà thôi: cán bộ đảng làm việc đảng, cán bộ Nhà nước làm việc nhà nước. Nhưng cán bộ Nhà nước cũng do đảng cử ra và ở dưới quyền đảng. Tự trung, đảng vẫn bao trùm Nhà nước.

Sự tách rời vai trò đảng với vai trò Nhà nước chỉ có ý nghĩa khi nào có chế độ dân chủ đa nguyên, đa dạng và đa đảng. Nhưng, đảng Cộng sản Việt Nam đã chối từ điều đó. Nhiều lãnh tụ của họ đã viện ra những lý lẽ nực cười, nếu không muốn gọi là ấu trĩ. Họ bảo đảng Cộng sản có công lãnh đạo thành công kháng chiến, đảng nắm giữ chính quyền là sự hợp tình, hợp lý. Thế nhưng ở Pháp chẳng hạn, ông De Gaulle và đảng ông cũng đã lãnh đạo thành công kháng chiến, tại sao khi hòa bình lập lại, ông lại mất chính quyền sau một cuộc trưng cầu dân ý? Ở Anh, ông Churchill và đảng Bảo thủ cũng lãnh đạo thành công cuộc chiến tranh chống phát-xít Đức, tại sao sau đó lại thất bại trong cuộc tổng tuyển cử và phải nhường chỗ cho ông Attlee và đảng Lao động (Parti travailliste)?

Đảng Cộng sản Việt Nam nêu ra thành tích, nhưng lại quên tội lỗi của mình. Ai đã buông tay khủng bố và tàn sát hàng ngàn nông dân vô tội trong những năm 1954-1956? Ai đã gây ra cảnh đói khổ, đổ vỡ, tang thương cho đất nước hiện nay, trong khi một số dân tộc khác, mặc dầu cũng bị chiến tranh tàn phá như Việt Nam và mặc dầu ở trong chế độ tư sản, đã đang vươn mình lên để phát triển và xây dựng?

Hợp tình, hợp lý là đảng Cộng sản Việt Nam phải từ bỏ độc quyền, công nhận cho nhân dân Việt Nam quyền làm chủ số phận mình, quyền tổ chức những cuộc bầu cử tự do, quyền chọn lựa những đại biểu không thông qua đảng, quyền thiết lập một chính thể có pháp chế, có nhân quyền, có công bằng xã hội và dân chủ.

Nếu đảng Cộng sản Việt Nam tin rằng công trạng của mình vẫn được ghi nhận, rằng lòng tin của nhân dân đối với họ vẫn vững vàng, họ sợ gì mà không đứng ra thách đố với những khuynh hướng khác, những tầng lớp xã hội khác? Một sự khước từ là thái độ sợ bị thua cuộc, sẽ đưa họ đến con đường nguy hiểm: duy trì chính quyền độc tài bằng bạo lực, chống lại nguyện vọng dân chủ của toàn thể nhân dân.

Bài phát biểu này nhằm mục đích vạch ra một số mâu thuẫn của đảng Cộng sản Việt Nam, đối chiếu với truyền thống phong trào lao động và các nguyên lý của học thuyết mác-xít về vấn đề dân chủ đa nguyên. Có thể tóm tắt những mâu thuẫn ấy của đảng Cộng sản Việt Nam như sau: Nhân danh lao động nhưng lại phủ nhận các truyền thống của lao động. Nhân danh chủ nghĩa mác-xít - lê-nin-nít nhưng lại noi theo chủ nghĩa mao-ít và xta-lin-nít. Sửa đổi những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa mác-xít nhưng lại nói trung thành với mác-xít. Nhân danh "*chuyên chính*

vô sản" nhưng lại làm độc tài trên đầu vô sản. Nêu ra thành tích đấu tranh nhưng lại sợ sự phán xét của quần chúng...!

Một đảng như thế, nếu không mau mau thức tỉnh, không thể đứng vững lâu dài, trong lúc toàn thế giới đang đẩy lên phong trào chống độc tài, độc đảng, chống gian dối, đòi sự thật, loại trừ những rác rưởi của lịch sử!

Ngày 25 tháng Mười 1990

Quyền con người*

(Hoàng Khoa Khôi)

Lời tòa soạn "Diễn Đàn Praha":

Hoạt động nhiều năm trong phong trào Lao động ở Pháp, cụ Hoàng Khoa Khôi là một trong những người Việt thuộc Đệ tứ Quốc tế, chủ trương tạp chí "Chroniques Vietnamiennes" (Niên sử Việt Nam). Xin trân trọng giới thiệu bài viết mới đây của cụ gửi tham gia "Diễn đàn Praha".

*

Khi nói tới quyền con người, chúng ta nghĩ ngay tới quyền tự do của con người: tự do tư tưởng, tự do sáng tác, tự do ngôn luận, báo chí, tự do hội họp, tự do biểu tình, đình công, tự do lập tổ chức, lập đảng, lập nghiệp đoàn, tự do đi lại, tự do xuất ngoại, tự do tín ngưỡng v.v... Hiểu rộng hơn, quyền con người còn là quyền có công ăn việc làm, quyền được bảo đảm xã hội khi già nua, tàn tật, ốm đau, quyền mưu cầu hạnh phúc cho cá nhân và gia đình. Tóm lại, quyền có một đời sống tốt đẹp mà *"sự tự do và hạnh phúc của mỗi người là điều kiện tạo lập tự do và hạnh phúc của toàn chung xã hội"*.

Ở Việt Nam, dưới chế độ thực dân Pháp, bỏ ngoài tự do tôn giáo, những quyền nói trên đều bị bóp nghẹt. Điều ấy cũng dễ hiểu, vì những quyền đó mâu thuẫn với quyền tự do áp chế và bóc lột của thực dân, đế quốc. Khi tới chiếm nước ta, thực dân Pháp nhân danh gieo rắc văn minh, nhân quyền, dân chủ, nêu cao ba khẩu hiệu của cuộc Đại cách mạng Pháp *"Tự do - Bình đẳng - Bác ái"*. Thực ra chỉ là một trò lừa bịp, mục đích che đậy chủ tâm xâm lược, biến đổi nước ta thành thuộc địa, cung cấp nguyên liệu cho nền kỹ nghệ đang lên của tư bản chính quốc và tạo lập thị trường tiêu thụ hàng hóa cho tư bản chính quốc. Trong điều kiện ấy, muốn tranh thủ quyền con người ở Việt Nam, trước hết phải tranh thủ đánh đuổi ngoại xâm, giành chủ quyền, độc lập. Vì thế nhân dân ta đã bền bỉ đấu tranh kháng chiến trong vòng hơn ba mươi năm. Mặc dầu sau trái chỏ này hay chỗ khác, kháng chiến đã thành công, nền độc lập và thống nhất đã được thực hiện. Đây là một sự kiện có tầm vóc lịch sử không thể phủ nhận.

Tuy kháng chiến đã thành công, đất nước đã giải phóng, nhưng các quyền tự do nói trên vẫn chưa có. Thậm chí, những quyền tự do thường thức nhất cũng không có. Vì sao?

Có người nói vì đảng Cộng sản Việt Nam đã *"du nhập chủ nghĩa mác-xít vào xứ ta"* và đã *"dựng nên ở xứ ta một chế độ cộng sản"*. Nói như thế không đúng. Thứ nhất, ở Việt Nam đã có chế độ cộng sản đâu mà đổ lỗi cho cộng sản? Thứ hai, chủ nghĩa cộng sản có bao giờ nói cần phải cấm đoán những quyền tự do con người? Ngược lại, chủ nghĩa này lúc nào cũng đề cao quyền con người và chống lại bất kể những gì *"làm tha hóa (aliéner) con người"*. Nếu đảng Cộng sản Việt Nam và các đảng Cộng sản những nước khác không tôn trọng nhân quyền, điều ấy là lỗi ở họ chứ đâu phải ở chủ nghĩa cộng sản? Ta không thể lên án một chủ nghĩa bằng hành động những người nhân danh nó nhưng lại không làm theo nó. Ta không thể đánh giá cuộc cách mạng Pháp chẳng hạn bằng hành động và lời nói của thực dân Pháp. Cũng như ta không thể phê phán tôn giáo xuyên qua những người thừa hành tôn giáo. Ở Pháp, vào thời Trung cổ, nhân danh Thiên chúa giáo, các giáo sĩ và Nhà thờ đã bóc lột, cướp của, giết người, thiêu sống những nạn nhân vô tội. Nhưng có ai là người hiểu biết lại vin vào cớ đó mà lên án Thiên chúa giáo?

Hiện tượng vi phạm nhân quyền, dân quyền xảy ra không riêng gì ở Việt Nam và các nước *"cộng sản"*. Nó cũng xuất hiện ở nhiều nước tư sản trên thế giới: Bắc Phi, Hắc Phi, Nam Mỹ, Trung Đông, Cận Đông, Đông Nam Á v.v... Ở các nước này, vi phạm nhân quyền, dân quyền nhiều khi tiến tới mức độ trầm trọng hơn ở Việt Nam hay ở các xứ *"cộng sản"*. Ông

* Báo "Diễn đàn Praha" (Tiệp Khắc) số 16, ra ngày 18-3-1991.

Saddam Husein ở Iraq, ông Mobutu ở Zaire, ông Pinochet ở Chi Lê v.v... tàn bạo có thua gì các ông Mao ở Trung Quốc hay ông Ceaucescu ở Romania? Trờ về lịch sử, độc tài Hitler, Mussolini hay Franco có kém gì độc tài Stalin? Gần hơn, ai có thể nói chế độ các ông Ngô Đình Diệm hay Nguyễn Văn Thiệu là chế độ tôn trọng nhân quyền và dân quyền? Theo bản thông kê mới đây của Hội Ân xá Quốc tế (Amnesty International), các nước đứng hàng đầu trên địa hạt vi phạm nhân quyền không phải là các nước "*cộng sản*" có nền kinh tế Nhà nước chỉ huy mà là các nước tư sản có nền kinh tế thị trường tự do.

Bất luận chế độ nào và bất kể ở đâu, khi chính quyền Nhà nước bị thâm tóm trong tay một nhóm người, một bọn quân phiệt, một đám quan liêu, một đảng độc quyền v.v... hay một cá nhân, nhân quyền, dân quyền nhất thiết sẽ bị chà đạp. Đây là chứng bệnh chung của mọi chế độ xuất phát từ tham vọng của một đám người, vì muốn bảo vệ địa vị và quyền lợi (báo chí trong nước gọi là "*đặc lợi*", "*đặc quyền*") của họ, đã áp đặt trên đầu nhân dân một chính thể độc đoán có chức năng ngăn cản mọi sự đòi hỏi và đối kháng của quần chúng. Lý thuyết hay chủ nghĩa nêu ra chỉ là tấm bình phong che đậy một thực tế xã hội: kẻ áp chế bóc lột và người bị áp chế bóc lột. Đứng trước một thực tế chồng chất những mâu thuẫn và bất công, chính quyền độc tài là sự cần thiết cho chế độ để duy trì "*trật tự*"!

Có người nói Việt Nam không có nhân quyền, dân quyền là vì đảng Cộng sản Việt Nam đã mắc một số sai lầm. Bây giờ "*sửa sai*", "*đổi mới*" sẽ trở nên lành mạnh! Nói như thế có nghĩa chế độ độc quyền và độc tài một đảng bản chất là tốt, chỉ xấu ở điểm này hay điểm khác. Biết sửa sai, đổi mới sẽ làm tốt trở lại. Người ta quên không đặt câu hỏi: "*Nhưng nếu bản chất chế độ là xấu, sửa sai, đổi mới có thể làm cho nó tốt được không?*" Đặt câu hỏi này tức đã tìm ra câu trả lời.

Do bản chất của nó, độc quyền một đảng không thể chấp nhận đối lập và đối kháng, cơ sở của dân chủ. Thí dụ ngày mai đây có dân chủ, có tự do ứng cử, bầu cử, số phận của đảng Cộng sản Việt Nam sẽ ra sao? Đảng này không những sẽ mất độc quyền mà còn có thể mất luôn cả chính quyền! Kinh nghiệm các xứ Đông Âu vẫn còn nóng hổi. Bởi thế "*sửa sai*", "*đổi mới*" của đảng Cộng sản Việt Nam chỉ giới hạn trong lãnh vực kinh tế và chỉ đưa ra một vài cải cách nhỏ trong địa hạt chính trị. Ban lãnh đạo đảng tránh không đụng tới những gì là cơ sở căn bản của chính quyền. "*Cởi trói*" cho văn nghệ sĩ vừa hé mở đã vội vàng khép lại. Độc quyền của đảng vẫn tiếp tục được đề cao, trong lúc để đánh lạc dư luận, người ta nêu lên mấy chữ "*mở rộng dân chủ*", nhưng lại vội vàng khép lại! Từ Đại hội IV đến Đại hội V, từ Đại hội V đến Đại hội VI và chắc chắn Đại hội VII cũng thế, một loạt các sai lầm cứ được nhắc đi nhắc lại: *duy ý chí, chủ quan, nóng vội, mệnh lệnh, quan liêu, vô trách nhiệm, tham nhũng, hối lộ, đặc lợi, đặc quyền* v.v... nhưng người ta quên rằng tất cả các tệ nạn đó chỉ là hậu quả chứ không phải nguyên nhân của sai lầm. Nguyên nhân phải tìm trong chính thể độc quyền một đảng, nhưng điều này lại không được nói tới!

Trong hiện tình Việt Nam, đòi nhân quyền và đòi dân quyền trước hết phải là đòi bãi bỏ chính thể độc quyền một đảng, thay thế bằng chính thể dân chủ đa nguyên đa đảng. Phải đem chính quyền từ tay đảng trao lại cho Quốc hội, được bầu ra do cuộc phổ thông đầu phiếu hoàn toàn tự do. Quốc hội thảo ra hiến pháp mới ghi nhận đầy đủ những quyền tự do của con người và đặt ra các quy chế bảo đảm không giới hạn việc thi hành những quyền đó.

Nhân ngày kỷ niệm Quốc tế Nhân quyền, chúng ta cần khẳng định một điều: trên thế giới hiện nay, chưa có nước nào thực hiện nhân quyền và dân quyền đầy đủ. Các nước tư bản Tây phương có nền dân chủ cao hơn các nước khác, nhưng ở đây, một số nhân quyền và dân quyền vẫn bị vi phạm. Cho nên nhân dân ở các nước này vẫn thường xuyên đấu tranh để bảo vệ nhân quyền và dân quyền. Ở nước ta, dân chủ không có, những quyền tự do của con người bị chà đạp một cách trắng trợn. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta khó khăn, cấp bách và quyết liệt hơn nhân dân các nước khác. Dầu chính quyền còn trong tay đảng Cộng sản Việt Nam hay lọt vào tay những đảng phái khác như trường hợp các xứ Đông Âu hiện nay, dầu nền kinh tế của ta sẽ là nền kinh tế Nhà nước chỉ huy hay nền kinh tế tự do thị trường, bảo vệ nhân quyền và dân quyền vẫn là vấn đề phải đặt hàng đầu trong cuộc đấu tranh giành dân chủ.

Cách đây hai trăm năm, trong bản "*Tuyên ngôn Nhân quyền*" của cách mạng Pháp có câu: "*Con người sinh ra tự do và bình đẳng*". Hai thế kỷ đã qua, chưa nơi nào, chưa nước nào thực hiện được đầy đủ lời nói đó. Nhưng nó vẫn là một triển vọng mà nhân loại cần tiến tới!

Như đã nói trên, chế độ độc quyền và độc tài một đảng xuất phát không do lý thuyết hay chủ nghĩa mà do địa vị và quyền lợi của đám người điều khiển Nhà nước và các cơ quan Nhà nước. Đám người này không khi nào tự nguyện rời bỏ chính quyền của họ, rời bỏ đặc quyền, đặc lợi của họ. Họ chỉ bắt buộc rời bỏ dưới áp lực một cuộc đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng hay một cuộc nổi dậy của quần chúng.

Muốn có nhân quyền, dân quyền, muốn có dân chủ đa nguyên đa đảng, chúng ta không thể tin ở chính sách "*sửa sai*", "*đổi mới*" của đảng Cộng sản Việt Nam. Chúng ta chỉ có thể tin ở cuộc đấu tranh của dân chúng. Cuộc đấu tranh này không những bãi bỏ chính thể độc quyền một đảng. Nó còn phải thay đổi bộ máy nhân sự, nghĩa là thay đổi những người cầm quyền hiện nay. Vì không thể đổi mới với những con người cũ.

(Décembre 90)

Người trót-kít kể chuyện*

(Đỗ Quyên biên soạn)

Lời dẫn:

Một trong những mất mát vô cùng lớn của dân tộc Việt Nam là chưa có được một bộ lịch sử cận và hiện đại chính xác, tạm kể từ sau Thế chiến thứ nhất (1918) cho đến nay. Ở miền Bắc từ năm 1954 đến 1975, lịch sử Việt Nam hiện đại bị viết theo lịch sử của đảng Cộng sản Việt Nam, mà bộ sử này đã và đang trở lại những vết hằn phản sự thật của nó. Ở miền Bắc trước 1954 và ở miền Nam trước 1975, các bộ sử thường được viết bởi các sử gia độc lập nên ít nhiều thiếu sự nhất quán, đặc biệt cuộc chiến Quốc-Cộng cùng với Chiến Tranh Lạnh của thế lưỡng cực toàn cầu đã có ảnh hưởng lớn đến nhãn quan của từng tác giả và đưa đến các trang sử lúng túng, phiến diện...

Chưa nhận được bộ mặt chân thật của quá khứ, người Việt lúc này chưa thể có được sự thông hiểu lẫn nhau, và vì thế, khó có thể thực hiện cùng nhau các hành động dân chủ. Liệu đến bao giờ chúng ta mới có được một pho sử Việt Nam hiện đại xứng đáng? Một dân tộc chưa có quá khứ được làm cho mình bạch thì có thể nhìn thấy tương lai trong sáng được không? Đặt ra vấn đề to tát và nan giải đó, không phải là chúng tôi vội vã đòi có câu trả lời! Chúng tôi chỉ muốn bày tỏ một ý kiến: Đối với công cuộc dân chủ hóa, chống độc tài đảng trị ở Việt Nam - nơi mà những người dân (đang còn ở đó hay đã bỏ ra đi) còn bị sống trong bầu không khí giả dối - thì việc mọi người dù khác chính kiến nhưng bằng sự tôn trọng và thiện chí, cùng nhau tìm hiểu lại lịch sử là một việc làm cần phải được xem như tiên quyết.

Trong tình thần ấy, xin giới thiệu cùng bạn đọc một phần cuộc đối thoại nhỏ giữa các đại diện của người Việt ở Pháp theo Phong trào Đệ tứ Quốc tế Cộng sản (thường được gọi là Nhóm trót-kít Việt Nam) với những người chủ trương báo "Cánh én" - tiếng nói của người Việt tị nạn tại Đức từ sau ngày sụp đổ bức tường Berlin.

Những mái đầu bạc trắng và những giọng nói chậm run nhưng còn sang sảng chất sống ở bên những mái đầu xanh và những ánh mắt khát khao sự thật...

Chọn một vài cá nhân làm nhân vật chính (Trần Đức Thảo, Hồ Chí Minh, Nguyễn Khắc Viện, Trần Ngọc Danh...) câu chuyện chủ yếu đề cập tới **"Phong trào Đệ tứ Việt Nam ở Pháp vào những năm sau 1944-45"**. Nhờ đó, một đôi đoạn lịch sử cách mạng Việt Nam được tái hiện dưới cái nhìn của những người trong cuộc. Ông Hoàng Khoa Khôi chịu trách nhiệm về các sự kiện và nhận định ở đây của Nhóm trót-kít Việt Nam. Tại thành phố Nuernberg (Đức), trong hai ngày đầu tháng 06.93, tòa soạn báo "Cánh én"...

*

- Thời đó ở Paris trí thức người Việt chưa có đến hai chục người. Quen biết nhau hết. Tôi và các ông Trần Đức Thảo, Nguyễn Khắc Viện biết nhau từ đây. Khi đó tôi đã là người trót-kít rồi. Ông Thảo mới ra trường, đậu thạc sĩ triết học và đang làm luận án tiến sĩ ở đại học Sorbonne. Ông ấy còn trẻ mà đã nổi tiếng vì uyên bác. Ông Thảo và ông Viện đều viết tiếng Pháp rất giỏi, nhưng ông Thảo viết tiếng Việt kém, kém hơn ông Viện. Năm 1946, ông Thảo gặp ông Hồ Chí Minh ở Paris và cuối 1951, theo lời hứa với ông Hồ, ông Thảo về nước tham gia Kháng chiến. Năm 1956 vì tham gia phong trào "*Nhân văn Giai phẩm*" mà ông ấy bị đảng "*đánh*". Ở vụ này ông Thảo có hai cái đau. Đau ở chỗ: đảng phân công các ông Phạm Huy Thông, thạc sĩ Văn phạm, và Nguyễn Hoàn, kỹ sư Hóa học, viết bài tố cáo thậm tệ ông Thảo là "*con đẻ của đế quốc*",

* Đăng trong tuyển tập phỏng vấn "*Nhìn cây thấy rừng*" của Đỗ Quyên (Nhà xuất bản Văn Nghệ, California 1997).

là "trốt-kít". Ấy thế mà chính ông Thảo đã giới thiệu ông Thông, ông Hoán với Việt Minh đây! Cái đầu nữa là có lúc nào ông Thảo là người trốt-kít đâu!

+ *Thế mà ở nhà chúng cháu lại nghe nói ông Thảo còn là một "thủ lĩnh" của Đệ tứ, chống lại Đệ tam...*

- Đó là cái oan lớn của ông ấy! Nhiều người không hiểu được! Lát nữa tôi sẽ trình bày tại sao có nỗi oan khiên này... Phải nói ngay: chính Trần Đức Thảo là người chống tư tưởng trốt-kít kịch liệt nhất. Ông ta và chúng tôi đã nhiều lần tranh luận quyết liệt trên báo chí Việt ở Pháp và cả ở báo Pháp, như tờ "*Les Temps Modernes*" (Thời mới) của triết gia J. P. Sartre. Sau ngày ông Thảo mất, 24-4-1993, tại Paris, có một ủy ban định đăng lại các bài viết của ông ấy, trong đó có cả những bài đả kích trốt-kít. Họ mời tôi tham gia, tôi đồng ý.

+ *Ông Thảo sang Pháp làm gì hả bác? Và ai cho đi? Từ lâu cháu nghe nói ông ấy có được đi Tây, Tàu gì đâu?*

- Thế mà hồi 1991, lần đầu tiên kể từ khi về nước, ông Thảo được ông Nguyễn Văn Linh cho ra ngoài, sang Pháp, với mục đích trước nhất là thuyết phục, chiêu mộ nhân tài cho đảng. Rồi sau nhiệm vụ đó ông ấy xin ở lại để viết sách, đúng ra là viết hồi ký. Đầu như ông ấy có đi thuyết trình năm, sáu buổi...

+ *Các bác có mặt ở các buổi đó?*

- Buổi có buổi không... Càng nghe càng thất vọng. Một trí thức tài ba đến thế trước nền triết học Tây phương mà bị đảng Cộng sản giam hãm, bung bít tới mức mù mẫm. Tôi nhận thấy ông ta không còn minh mẫn nữa. Ông ta nói về chủ nghĩa mác-xít lạc điệu tới ba, bốn chục năm! Buổi đầu người nghe chật phòng, bảy, tám chục người, phải đứng cả ở ngoài. Các buổi sau thưa dần... Cuối cùng chỉ còn chục người nghe. Trí thức Việt Nam ở Paris họ nản. Có một, buổi sử gia Lê Thành Khôi phải ra ngoài phòng họp và khóc!

+ *Thế ông Thảo có biết Nhóm trốt-kít Việt Nam còn hoạt động không bác? Và có biết sự có mặt của các bác ở các buổi thuyết trình không?*

- Vì ông ấy có mặc cảm bị coi là trốt-kít nên chúng tôi muốn tránh tiếng cho ông ấy, chúng tôi ngồi chỗ khuất. Có vài lần tôi nghĩ đến tình bạn, tình thân định đến bắt tay, nhưng rồi lại... thôi! Thời gian ở Paris ông ấy sống rất cơ cực. Ở chật chội, không có tiền tiêu. Có lẽ vì sợ chính quyền trong nước kiểm điểm nên ông Thảo từ chối lời mời dạy học của nhiều trường đại học. Về sau thì cũng có được ít tiền từ bạn bè, từ những lần bán các bài viết ở các buổi thuyết trình. Có lần, "*Hội những người bạn Trần Đức Thảo*" hỏi tôi có ủng hộ tiền giúp đỡ ông Thảo không, tôi bảo: "*Có chứ! Tôi với ông ấy là bạn. Nhưng tôi chỉ ủng hộ với hai điều kiện. Một là đừng để ông ấy biết. Hai là việc này muốn để phản đối sự ngược đãi của đảng Cộng sản Việt Nam đối với ông ấy; vì nếu không theo đảng về nước ông ấy đã trở thành người kiệt xuất*".

Tôi nhớ ở một buổi thuyết trình, có anh bạn trẻ hỏi ông Thảo: "*Thái độ của giáo sư với chính thể Việt Nam hiện thời?*" Ông Thảo lúng túng trả lời: "*Tôi tới đây chỉ nói về triết lý chứ không nói về chính trị...*" À, cũng có một anh, là bạn chúng tôi, hồi xưa cùng ở trong Tổng Ủy ban Đại diện Việt kiều tại Pháp với ông Thảo, hôm đó tới gặp, chào ông Thảo. Ông Thảo mừng quá!

+ *Bây giờ xin bác kể lại về sự ra đời và hoạt động của Tổng Ủy ban Đại diện Việt kiều ở Pháp hồi đó...*

- Đúng vậy! Rồi qua đó các anh, các chị sẽ biết ông Thảo bị oan như thế nào...

Đạo đó, nhân có phong trào giải phóng của nước Pháp, nhóm trốt-kít chúng tôi (lúc ấy chỉ có năm, bảy người) đi gặp các anh em trí thức, sinh viên... Ví dụ như thạc sĩ Trần Đức Thảo, nhà thông thái Bửu Hội, kỹ sư Nguyễn Đắc Lộ, bác sĩ Hoàng Xuân Mãn, các anh Võ Quý Huân, Lê Viết Hường... Chúng tôi và các vị này có chung mối quan tâm: Bây giờ phải làm gì để đòi độc lập cho Việt Nam. Điều kiện chính trị tại Pháp đang thuận lợi, ta lại có trên hai chục ngàn người Việt trên đất Pháp. (Đó là vì công dân Pháp phải ra mặt trận nên chính quyền Pháp tuyền mộ lao động Việt Nam sang làm thay). Các anh em này được gọi là "*công binh*". Thoạt đầu chúng tôi thành lập Tổng Ủy ban Đại diện Lâm thời có một phần ba thành phần là người Đệ tứ, hai phần ba là người quốc gia. Đạo đó đảng Cộng sản Pháp là một trong những đảng mạnh nhất, chiếm 28%

số phiếu trong cuộc bầu Quốc hội. Vì thế để tránh xô sát giữa Đệ tam và Đệ tứ, chúng tôi để người quốc gia nắm hết chức vụ quan trọng trong Tổng Ủy ban. Ông Thảo đạo đó chưa là mác-xít, cũng không phải là Đệ tứ dù có làm việc và hoạt động cùng Đệ tứ. Lúc bấy giờ ông Thảo còn theo chủ nghĩa hiện sinh của Jean Paul Sartre.

+ *Thế người Đệ tam không có trong Tổng Ủy ban à?*

- Không! Đảng Cộng sản Pháp mà làm thì Đệ tứ chúng tôi không địch nổi! Họ mạnh là thể, đông người là thể! Chúng tôi chỉ có vài người "*nhỏ bé*"... Tại sao họ không cho người vào? Vì đảng Cộng sản Pháp lúc đó là thành phần của chính phủ De Gaulle, họ không muốn cho Việt Nam độc lập. Mấu chốt của vấn đề là ở chỗ đó! Có thể hiểu đảng Cộng sản Pháp lúc đó còn phải nghe lệnh của Stalin ở Liên Xô - nơi chỉ đạo Đệ tam toàn thế giới. Lý do nữa là Pháp ở phe Đồng minh chống phát-xít, theo họ Việt Nam phải đi với Pháp, nên đảng Cộng sản Pháp lúc ấy tán thành chủ trương đưa quân đội viễn chinh sang Việt Nam viện cớ đánh đuổi Nhật. Sau khi Nhật đã đầu hàng, thái độ của họ vẫn không hề thay đổi: lãnh tụ đảng, ông Maurice Thorez, tuyên bố rằng "*Cờ Đại Pháp cần phải được cắm ở các nước thuộc địa*!" Trong đảng Cộng sản Pháp có bốn ông đảng viên người Việt - là các ông Nhuận, Thụy, Điều và Sơn - chống Đệ tứ cực kỳ thô bạo, và vì thế bốn ông này chống luôn sự thành lập Tổng Ủy ban Đại diện. Đây là một khúc mắc trong lịch sử đảng Cộng sản Pháp. Mãi về sau họ mới ủng hộ Việt Minh kháng chiến và họ lờ tịt chuyện cũ đi!

Người Đệ tứ chúng tôi đòi độc lập hoàn toàn cho Việt Nam. Khẩu hiệu đó hợp với nguyện vọng của người quốc gia. Chính vì thế những người này mới đi cùng chúng tôi. Mặc dầu khác hẳn quan điểm nhưng chúng tôi và họ có cùng mục đích nên dễ cùng nhau cộng tác. Điều này đảng Cộng sản Pháp, rồi cả đảng Cộng sản Việt Nam, không thể hiểu nổi. Người Đệ tam Việt Nam gọi chúng tôi là "*bọn trót-kít nằm vùng*". Khi thành lập Tổng Ủy ban Đại diện Lâm thời, chúng tôi gọi đó là Chiến-Tuyến-Duy-Nhất. Đạo đó phe Đệ tam Việt Nam dùng khẩu hiệu "*Đoàn kết chống phát-xít Nhật*" (dù Nhật đã đầu hàng!) Đệ tứ chúng tôi có khẩu hiệu "*Chiến tuyến duy nhất đòi hoàn toàn độc lập cho Việt Nam*". Thế nào là Chiến-Tuyến-Duy-Nhất? Tiếng Pháp là "*front unique*". Đó là một kiểu liên minh của các tổ chức dù bất đồng chính kiến vẫn hợp tác cùng nhau để thực hiện một mục tiêu chung nào đó trong một khoảng thời gian nhất định.

Ông Hồ không công nhận Chiến-Tuyến-Duy-Nhất theo lối ấy. Ông đòi "*Đoàn kết quốc gia chung quanh Hồ Chủ tịch*!" Đã có nhiều người thực tâm hưởng ứng khẩu hiệu này, nhưng họ có dè dặt đã giúp cho đảng Cộng sản Việt Nam thôn tóm hết thầy quyền lực, loại bỏ các khuynh hướng và các tổ chức khác để tạo ra một chế độ độc đảng như ta đã thấy. Khi trót-kít đòi quyền phê bình, quyền chỉ trích, nhiều người cho đó là "*chia rẽ*". Thực ra những người trót-kít chỉ áp dụng khẩu hiệu "*Chiến tuyến duy nhất*", "*Đánh chung, đi riêng*" như là một hình thức dân chủ của phong trào lao động. Hồi 1936, Tạ Thu Thâu áp dụng hình thức "*Chiến tuyến duy nhất*" này với Đệ tam Việt Nam (nhóm Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai v.v...) lập ra tờ báo "*La Lutte*" (Tranh đấu) với mục tiêu hợp tác chống thực dân Pháp. Báo "*La Lutte*" đã thu được nhiều kết quả đáng ghi nhớ. Về sau ông Hồ chỉ trích đó là "*thỏa hiệp vô nguyên tắc với trót-kít*!"

Trở lại, Tổng Ủy ban lấy anh em công binh làm quần chúng. Anh em quốc gia, như ông Thảo, phần khởi lắm vì được quần chúng tán thưởng. Đệ tứ chúng tôi thì có liên hệ mật thiết với quần chúng. Bản thân tôi sang Pháp cùng họ, rồi trốn ra ngoài làm thường dân. Tình hình nước Pháp đổi thay, tôi trở lại các căng trại, vận động anh em... Tháng 12.1944, tại Avignon, miền Nam nước Pháp, sau ba ngày đại hội, Tổng Ủy ban Đại diện Kiều dân Đông Dương tại Pháp (Délégation Générale des Indochinois en France) chính thức được ra đời.

+ *Sao lại có chữ "Đông Dương" ở đây hở bác?*

- Là dịch ra thế chứ sự thật là kiều dân Việt Nam. Thời đó chưa có chữ "*Vietnamien*", người Việt vẫn bị gọi là "*Indochinois*". À, các anh chị biết không: cái ông xã trưởng ở tỉnh Avignon - người giúp đỡ có phòng họp Đại hội - lại là đảng viên đảng Xã hội chứ không phải đảng Cộng sản Pháp. Thực ra, anh em trong phong trào Công binh phần đông là mù chữ, ít học. Họ có hiểu Đệ tam với Đệ tứ là gì đâu! Miễn đem lại độc lập cho nước nhà là họ hưởng ứng. Các anh chị không thể hình dung nổi thời mới sang Pháp anh em công binh ta bệ rạc biết chừng nào!

Đi guốc mộc ra đường; ăn cắp gà, thỏ; cờ bạc, rượu chè, đánh lộn... Lại làm bao điều dễ mất cảm tình với dân chúng Pháp, tựa tựa như bây giờ anh em ta bên Đông Đức bán thuốc lá vậy! Thế mà xuyên qua Tổng Ủy ban họ đã tự quản lý lấy đời sống của họ trong các căng trại, giúp đỡ nhau học chữ quốc ngữ (90% thoát nạn mù chữ), học nghề, giải trí lành mạnh...

Thành phần của Tổng Ủy ban Đại diện chính thức cũng như trước, hai phần ba Quốc gia, một phần ba Đệ tứ. Ông Thảo được bầu làm ủy viên phụ trách chính trị kiêm phát ngôn viên của Tổng Ủy ban. Hội đầu chủ tịch là ông Bửu Hội, sau là ông Hoàng Xuân Mãn (em trai học giả Hoàng Xuân Hãn). Tôi là thành viên của Ban Tuyên truyền. Công binh ở các căng trại nhiệt liệt ủng hộ. Họ góp tiền đòi thuê cho Tổng Ủy ban một trụ sở thật đàng hoàng (số nhà 14 phố Helder, quận 9 Paris), gần khu Opéra là khu sang nhất nhì Paris. Trước khi có trụ sở đó thì nhà tôi là nơi đánh máy các tư liệu cho Tổng Ủy ban. Nhà ông Thảo ở số 10 phố Sorbonne, khu La Tinh, đến nhà tôi chừng năm phút đi bộ. Hàng ngày ông ấy vẫn tới lui nhà tôi để đánh bài vớ. Chúng tôi thường tranh luận với nhau, từ khái niệm "*giai cấp là gì?*" trở đi... Lắm bữa tranh cãi không ai chịu ai.

+ *Hồi còn ở Việt Nam, chúng cháu được "dạy" là đợt đó ông Hồ chiêu nạp được nhiều nhân tài lắm!*

- Từ từ đã nào... Vì ông Thảo thân với Đệ tứ, Pháp nó tưởng ông ấy cũng là Đệ tứ. Hồi tháng 9.1945, nó bắt bỏ tù ông ấy cùng với 50 người của Tổng Ủy ban, mãi sau mới thả... Như các anh chị đều biết, năm 1946 phái đoàn Hồ Chí Minh sang Pháp để thương thuyết về việc áp dụng Hiệp định Sơ bộ mong 6 tháng 3. Ông Hồ rất ngạc nhiên thấy "*bọn trót-kít chưa chết*"; vì ở trong nước phong trào Đệ tứ đã bị triệt hạ, tàn sát gần hết từ lãnh tụ Tạ Thu Thâu trở xuống. (Ở đây, sau cách mạng tháng Tám năm 1945, hành động ưu tiên của đảng Cộng sản Việt Nam là lùng bắt, thủ tiêu những người trót-kít. Tạ Thu Thâu bị ám sát vào tháng 9.1945 tại Quảng Ngãi khi mới 39 tuổi). Tại sao đảng Cộng sản Pháp mạnh mẽ như thế mà để "*bọn trót-kít hoành hành*" giữa nước Pháp? Ông Hồ lấy làm lạ... Chủ trương của ông Hồ là không muốn có các tổ chức đối lập với Việt Minh. Ông ấy thu lòng người tài lắm! Vào các căng trại, trước anh em quần chúng công binh, ông Hồ dùng lời lẽ giản dị, cụ thể: "*Tên tôi là Hồ Chí Minh, 53 tuổi, bị gãy hai cái răng và chưa có vợ. Hoạt động cách mạng lâu năm, được anh em cử làm Chủ tịch nước...*" Với những người quốc gia như các vị đã kể ở trên, thêm kỹ sư Phạm Quang Lễ (tức Trần Đại Nghĩa), ông Hồ kêu gọi họ về giúp dân cứu nước, giải phóng dân tộc...

+ *Vậy với những người trót-kít, ông Hồ có ý định lôi kéo như thế không?*

- Không! Hoàn toàn không! Trừ trường hợp một người là anh Bùi Thanh. Các anh chị có thể ghi nhận là: với người trót-kít, thái độ của Đệ tam, từ Stalin đến Hồ Chí Minh, luôn dứt khoát. Trong tờ trình gửi về Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản năm 1939, tự tay ông Hồ viết: "*Với bọn trót-kít, không thể có một thỏa hiệp nào cả, một nhân nhượng nào cả. Phải tìm cách lột mặt nạ chúng như bọn tay sai của phát-xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị!*" Nhưng riêng với kỹ sư Bùi Thanh, do nhiều cố vấn mách, ông Hồ tưởng Bùi Thanh bản chất là người quốc gia, bị Đệ tứ lôi kéo mà đi lầm đường và có thể chiêu hồi được. Ông viết thư cho Bùi Thanh (chúng tôi hiện còn giữ bức thư này!): "*Chú Thanh, chú phải giúp tôi tạo tình thân đoàn kết quốc gia...*" Ông Hồ khuyên Bùi Thanh bỏ trót-kít theo Việt Minh nhưng Bùi Thanh không đáp ứng. Về sau, Bùi Thanh bị tố cáo là "*chống lại cụ Hồ*". Đánh vào lòng yêu nước của trí thức quốc gia, ông Hồ đã thực sự lôi kéo được một số đông người tài, người hiền về nước.

+ *Thực sự là riêng cháu cũng chưa hiểu hết Đệ tam với Đệ tứ là gì đâu các bác ạ!*

- Xin tạm điểm qua vài sự kiện lịch sử chính của câu chuyện dài này trong phong trào công nhân quốc tế và Việt Nam... Thực ra, sự du nhập của chủ nghĩa mác-xít vào Việt Nam không đơn giản như đảng Cộng sản Việt Nam từng tuyên truyền hoặc như nhiều người "không cộng sản" đã hiểu...

Vào những năm 30 có hai khuynh hướng trong Quốc tế Cộng sản (lúc đó là Đệ tam Quốc tế) với hai lãnh tụ là Joseph Stalin và Leon Trotsky. Sau khi Lenin mất (1924) thì cuộc cách mạng tháng Mười (1917) đã bị phản bội rồi suy thoái. Năm 1938, nhận thấy đảng Cộng sản Liên Xô và Đệ tam Quốc tế đòi bại vì đám quan liêu, độc tài, nên Trotsky - với khuynh hướng do ông đại

diện qua tổ chức Tả đối lập - đã tách ra khỏi Đệ tam và tuyên bố thành lập Đệ tứ Quốc tế. (Cho đến nay, Đệ tứ có 30 phân bộ ở mỗi nước trên thế giới).

Còn Đệ tam Quốc tế, như các sử sách đã viết, trước đây là do Lenin thành lập năm 1919 ở Nga, gồm tất cả các đảng Cộng sản (gọi là các phân bộ) ở các nước. Sau khi Lenin mất, Đệ tam lọt vào quyền lãnh đạo của Stalin. Đệ tam ra đời để phù hợp nhu cầu của Cách mạng tháng Mười Nga. Cũng như Đệ nhị Quốc tế (gồm các đảng Xã hội Dân chủ) ra đời năm 1889 ở Paris là để thay thế Đệ nhất Quốc tế (1864, London) bị bắt lực sau Công xã Paris (1871) mà phải tự giải tán.

+ *Và số phận của Đệ tam ra sao, thưa bác?*

- Đến năm 1943, thấy Đệ tam không còn lợi ích cho chính sách riêng của Stalin và Liên Xô nữa, và cũng vì áp lực của các nước tư bản, Stalin ra lệnh giải tán Đệ tam. Ở Liên Xô, dưới chế độ Stalin, trừ những người bị chết bệnh còn thì tất cả Ủy viên Bộ Chính trị thời Lenin đã bị sát hại, 70% ủy viên Trung ương đảng bị xử tử hay ám sát. Năm 1940, Leon Trotsky bị thủ hạ của Stalin sát hại tại Mexico như sách báo đã viết.

Trở về chuyện Việt Nam... Lúc còn ở Pháp, Tạ Thu Thâu cùng các đồng chí của mình đã tham gia tổ chức Tả đối lập của Trotsky. Cùng lúc đó, Hồ Chí Minh vận động thành lập đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1931 Tạ Thu Thâu về nước, lập ra Tả đối lập ở miền Nam và sau đổi thành Đông Dương Cộng sản đảng. Ảnh hưởng của khuynh hướng trốt-kít nhanh chóng phát triển ở Việt Nam từ đó. Năm 1930, Hồ Chí Minh từ Nga về, kết hợp ba đảng Cộng sản thành đảng Cộng sản Đông Dương...

Như thế, ở Việt Nam, chủ nghĩa cộng sản cũng có hai khuynh hướng: Đệ tam do Nguyễn Ái Quốc (sau gọi là Hồ Chí Minh) lãnh đạo; Đệ tứ do Tạ Thu Thâu khởi xướng và lãnh đạo giai đoạn đầu. Đây là *"khoảng trống trong lịch sử Việt Nam hiện đại"* như chúng tôi thường nói.

+ *Vâng! Rất nhiều người, kể cả lớp đàn anh chúng cháu, chưa hề biết hư thực chuyện này! Thế ra Cộng sản cũng có lắm loại, chứ đâu phải Cộng sản chỉ là... "Đảng, Bác"!*

- Có hiểu chuyện Đệ tứ Quốc tế, Đệ tứ Việt Nam thì mới hiểu được chuyện Đệ tứ Việt Nam ở Pháp... Sau khi Tổng Ủy ban bị chính phủ Pháp giải tán (1945), tức là trước khi ông Hồ sang Pháp, một tổ chức khác đã ra đời để thay thế, lấy tên là Việt kiều Liên minh. Lần này có sự tham gia của một số người Đệ tam, vì Hồ Chí Minh sắp tới Pháp, anh em muốn gây tình đoàn kết. Người trốt-kít vẫn chiếm một phần ba đại biểu. Lần đầu tiên tại Pháp người Đệ tam và Đệ tứ cùng đứng bên nhau, nhưng không được lâu vì Việt kiều Liên minh phải nhường chỗ cho phái đoàn Việt Nam sắp qua Pháp. Biết trước số phận của tổ chức này không thọ được lâu dài, anh em công binh trong căng trại vận động thành lập Trung ương Công binh là cơ quan có thẩm quyền thay mặt cho các ủy ban công binh ở khắp các căng trại. Trong cơ quan Trung ương Công binh, cũng như trong các ủy ban công binh đại diện cho mỗi trại, có nhiều đại biểu trốt-kít, nhưng hầu như không có người đại diện của Đệ tam, còn người quốc gia vẫn chiếm đa số. Chính vì lẽ đó mà sau này có cuộc xung đột chính trị giữa một bên là ông Trần Ngọc Danh thay mặt cho chính phủ Hồ Chí Minh tại Pháp, một bên là Trung ương Công binh và các ủy ban đại diện của các căng trại công binh. Khi ông Hồ qua Pháp, ông tìm cách phân rẽ công binh với trốt-kít, phân rẽ người quốc gia với trốt-kít.

Nhưng việc đó chỉ thành công với những trí thức quốc gia, còn đối với quần chúng công binh vẫn đề không đơn giản. Những người này đã từng đấu tranh với những người trốt-kít, họ lại đồng ý với trốt-kít trong một số vấn đề. Bây giờ bảo *"trốt-kít là tay sai của thực dân, đế quốc"*, họ không chịu mà còn kháng lại. Đại đa số công binh đều ủng hộ chính phủ Hồ Chí Minh vì đó là chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, mở mặt được với thế giới. Họ kính trọng Hồ Chí Minh như là vị chủ tịch của chính phủ. Họ ủng hộ việc chống ngoại xâm của chính phủ. Nhưng những gì mà họ không chịu là họ phê bình, chỉ trích. Ví dụ, không có căng trại nào làm lễ sinh nhật Hồ Chí Minh như đảng Cộng sản Việt Nam mong muốn, vì công binh họ bảo: *"Chúng tôi không sùng bái cá nhân"*. Rộng hơn nữa, về mặt chính trị, họ không đồng ý với Hiệp định Sơ bộ tháng 6 tháng 3, họ không công nhận *"nước Pháp mới"*, không chấp nhận Việt Nam nhập vào khối Liên hiệp Pháp mà họ gọi đó là *"đế quốc trá hình"*. Theo chúng tôi thì ông Hồ đã đánh giá lầm về chính phủ De Gaulle nên đã công nhận Việt Nam đứng trong Liên hiệp Pháp. Phải nói

rằng anh em công binh là những người quốc gia tiến bộ, tôn trọng sự thật. Sau khi ông Hồ về nước, chính phủ Pháp đã công nhận cho chính phủ Hồ Chí Minh có một đại diện tại Pháp. Ông Hồ đã chọn ông Trần Ngọc Danh. Ông Danh tiếp tục tìm cách chia rẽ phong trào Công binh bằng cách đánh vào từng Ủy ban Đại diện trong các căn trại. Đạo đó ở các căn trại Ban Trật tự cầm rượu chè, đi điếm, cờ bạc... nên bọn lưu manh, côn đồ rất tức tối. Ông Danh bèn sử dụng bọn này theo ý đồ của mình. Tháng 5-1948, sắp đến ngày 19-5, bọn lưu manh, côn đồ khiêu khích với các ban đại diện, đòi tổ chức sinh nhật Hồ Chí Minh. Thế là sinh chuyện... Ở trại Mazargues, gần Marseille, một cuộc xô sát lớn đã xảy ra làm 6 người chết, 30 người bị thương chỉ trong một đêm! Báo chí được dịp làm um lên: "*Đệ tam, Đệ tứ giết nhau!*" Từ "*L'Humanité*" (Nhân đạo) của đảng Cộng sản Pháp cũng được thể mặt sát "*bọn trót-kít khiêu khích*". Sự thực, trong vụ này chả có ai là Đệ tam lẫn Đệ tứ chủ trương cả. Buồn cười là những người theo ông Danh ra trước tòa khai rằng tôi gây ra chuyện, mà trong thời điểm đó tôi lại không có mặt ở trại Mazargues, nơi xảy ra vụ xô sát! Cũng thật lảm chuyện quanh cái ông Danh này. Ông ấy là em trai ông Trần Phú đấy! Anh em công binh về sau, ức với ông Danh, họ gửi thư và cử đại diện đến trụ sở của ông ấy và làm toáng lên: "*Chúng tôi góp tiền để ông chuyển về cho chính phủ lãnh đạo kháng chiến, sao ông lại lấy tiền đó để làm báo chống lại chúng tôi?*" Rồi họ nghi ngờ ông ta lấy tiền đó để cưới vợ!

Nói thêm, anh em Đệ tứ chúng tôi cũng ủng hộ việc quyên tiền bạc gửi về giúp chính phủ kháng chiến để chống Pháp, ông Danh vẫn cứ nhận tiền và... vẫn cứ chửi Đệ tứ! Cái này nằm trong chính sách của đảng Cộng sản Việt Nam. Thời đó, họ nhận yểm trợ tinh thần và tài chính của các phân bộ Đệ tứ ở các nước, nhưng chả khi nào chịu hé ra điều đó để đảng viên, dân chúng được biết...

+ *Cháu lại đọc được rằng "Trần Ngọc Danh là người trót-kít!" Thế là sao nhỉ?*

- Đúng! Có dư luận như vậy. Thế mới nực cười! Anh đọc ở cuốn "*Giọt nước trong biển cả*" phải không? Ở đó ông Hoàng Văn Hoan kể rằng ông ấy hỏi tội ông Danh đã bí mật viết thư cho một số đảng viên Việt Nam ở các nước, xúi bầy họ chống lại đảng. Tức thì người ta chụp cho ông ấy cái mũ trót-kít! Rồi ông Danh bị khai trừ ra khỏi đảng Cộng sản Việt Nam... Đó là sách lược "*muốn giết chó bảo là chó dại*" của người Đệ tam vậy.

+ *Như vậy là phong trào Công binh không có người Đệ tam?*

- Làm sao mà có được! Phải mãi về sau, khi đảng Xã hội Pháp đẩy đảng Cộng sản Pháp ra khỏi chính phủ (5.1947) thì đảng Cộng sản Pháp mới bắt đầu bênh Việt Nam. Lúc đó, trong phong trào Công binh mới bắt đầu có Đệ tam. Chắc các anh em có biết những vụ bà Raymonde Dien nằm ra đường cản xe lửa chở vũ khí sang Việt Nam, vụ Henri Martin phát truyền đơn trong quân đội Pháp... Đây là biểu hiện chuyển hướng của đảng Cộng sản Pháp đối với phong trào kháng chiến Việt Nam.

Để cho tôi trở lại các cuộc tranh luận giữa Nhóm trót-kít và ông Trần Đức Thảo. Tôi và ông Thảo đạo đó có mâu thuẫn quan điểm gay gắt nhưng vẫn hoạt động, gặp gỡ nhau thường xuyên. Ông ấy là người thông thái, nhưng không có lập trường chính trị nhất quán. Đường như ông ấy chỉ nhìn thấy cái đông, cái mạnh trước mắt để mà theo. Năm 1950 ông Thảo viết cuốn sách đầu tay, bằng tiếng Việt, tên là "*Triết lý đã đi đến đâu?*", dày 60 trang, tóm lược và đánh giá toàn bộ triết lý Tây phương. Trong cuốn sách này ông Thảo gạt bỏ hết mọi thứ triết lý cổ kim Âu-Á và cho rằng chỉ có chủ nghĩa mác-xít mới là tương lai nhân loại. Trên tờ "*Vô sản*", số 22, tháng 11-1952, tôi đã viết bài phê bình các khuyết điểm của cuốn sách: cách trình bày và phương pháp luận không duy vật và thiếu biện chứng; có những thiếu sót cơ bản về các nguyên lý của chủ nghĩa mác-xít; nhiều lập luận thiếu tính chính xác; hành văn tối nghĩa... Chỉ cần dẫn lại vài câu cuối cùng ở chương "*Kết luận*" cũng đủ thấy cuốn sách muốn nói gì và nói như thế nào: "*Đồng thời chủ nghĩa mác-xít phát triển nhờ công Lenin và Stalin, đã hoàn thành phương pháp hoạt động thực tế và hiệu lực*"; "*Tư tưởng Âu Tây hoàn toàn hư nát vì giai cấp trưởng giả hết tương lai, chỉ còn là cố gắng duy trì một đời sống vô nghĩa bằng những phương tiện thoái bộ đã man*. *Đông phương thực hiện chủ nghĩa mác-xít, đã thành một khối dân chủ thống nhất 700 triệu người từ Đông Âu tới Thái Bình Dương, sống một đời sống chan chứa hy vọng*". Và câu cuối cùng của

cuốn sách nổi tiếng đó là: *"Chủ nghĩa mác-xít tương phản với hình thức văn minh Âu Tây, đã gặp nội dung thiết thực ở Đông phương, mà Đông phương trở nên cách mệnh lại gặp trong hình thức mác-xít một cách phục hưng tinh thần cựu truyền trên lập trường nhân bản phổ biến"*. Về sau tôi còn viết bài *"Bước nhảy của nhà triết lý Trần Đức Thảo"* (đăng trên *"Tiếng thợ"*, số 66 tháng 4-1957) chỉ rõ ông Thảo không có đường lối. Tôi có ngờ đâu lúc đó ở bên nhà người ta đang trù dập ông Thảo thâm, đổ tội cho ông là trót-kít! Sứ gia Georgias Boudarel có quen tôi, ông này cứ giục tôi: *"Mày là trót-kít. Mày phải viết bài cải chính Thảo không phải là trót-kít! Chứ không anh ta cứ bị oan mãi"...*

+ Thế bác đã viết chưa?

- Chưa...

+ Còn việc tranh luận với ông Nguyễn Khắc Viện? Ở trong nước đám thanh niên tụi cháu coi ông Viện như thần tượng của trí thức Việt Nam...

- Bây giờ ông Viện đã có cái nhìn mới về dân chủ, về quan liêu. Bài *"Bàn về quan liêu"* mà các anh vừa cho tôi xem ở tờ *"Người bạn đường"*, tôi có thể ký tên mình ngay dưới đó! Nhưng ngày xưa thì ông Viện khác lắm... Trong tờ thông tin của chi hội *"Liên Việt"*, số tháng 3-1950, với bài *"Tiểu tư sản và cách mệnh"* ông ấy công kích chúng tôi rằng khẩu hiệu đòi độc lập của tờ *"Tiếng thợ"* (cơ quan ngôn luận của phong trào Công binh) là *"trống rỗng"* vì *"không nói rõ ủng hộ chính phủ Hồ Chí Minh"*. Ở đó ông Viện nhận là trí thức tiểu tư sản, không phải là vô sản nhưng có dịp đọc sách Marx-Lenin. Nguy hiểm là ông ấy bênh vực chính sách của Stalin. Ông ấy còn nói *"trót-kít chỉ ngồi dạy"* làm cách mạng... Bộ biên tập tờ *"Tiếng thợ"* số ra ngày 15-5-1950 đã có bài trả lời lại ông Viện, vạch ra cái sai lầm nói trên của ông ấy.

Có thể nói thêm nữa là trong bài viết ở năm 1950 vừa dẫn, ông Viện ca tụng Stalin cứu nhân loại ra khỏi nạn phát-xít Hitler, thế nhưng vài năm trước đó ông Viện lại thán phục Hitler ở Đức, Hiro-Hito ở Nhật. Ở một bài có tựa là *"Vì đâu?"* Nguyễn Khắc Viện đã bênh vực cho chủ nghĩa phát-xít độc tài bằng những câu như sau: *"Độc tài nghĩa là bao nhiêu quyền bính gộp vào một người thủ sủy đủ tài trí, tự mình quyết đoán, không bị những nghị viện ô hợp làm khó dễ. Toàn quyền nghĩa là cá nhân không có quyền chỉ trích những mệnh lệnh của chính phủ. Có chịu như vậy một quốc dân (...) mới dựng lên một xã hội công bằng, có trật tự" (!)* Ông Viện không về cùng ông Hồ mà còn ở lại lãnh đạo phong trào Việt kiều yêu nước ở Pháp trong một thời gian dài...

+ Đi nhiều nơi cháu nghe thấy người ta bảo ông Hồ *"có tội"*: là người đầu tiên đưa chủ nghĩa cộng sản vào Việt Nam. Chỉ đứng về mặt sự kiện lịch sử thì các bác nghĩ thế nào?

- Nếu nói về phương diện tri thức văn hóa thì người đầu tiên, từ 1925-26, đã phổ biến cho dân Việt mình biết chủ nghĩa Cộng sản: đó lại là học giả Đào Duy Anh.

+ Cháu thấy rằng nếu có sự kiện ấy thì đó cũng chỉ là một hành động có tính thông tin chứ không phải là chủ tâm tuyên truyền. Vấn đề mà chúng cháu muốn đặt ra là: ai đã là người đầu tiên tuyên truyền một cách có ý thức chủ nghĩa cộng sản vào Việt Nam? Có lẽ chưa chắc ông Hồ đã có được cái *"vinh hạnh"* ấy! Trước hoặc cùng lúc ông Hồ biết về chủ nghĩa mác-xít đã có manh nha của ba đảng có tư tưởng cộng sản ở Việt Nam rồi kia mà...

- Có thể biết điều đó qua thái độ của ông Hồ ở Đại hội Tour năm 1920 của đảng Xã hội Pháp. Khi được hỏi vì sao chọn Lenin, Nguyễn Ái Quốc trả lời: *"Vì Lenin nói về giải phóng dân tộc..."* Vậy, lúc đó chưa thể nói ông Hồ là người cộng sản: ông theo chủ nghĩa cộng sản chỉ vì chủ nghĩa này giúp ông để giải phóng dân tộc. Thế thôi!

+ Vâng. Vì thế đánh giá của nhà sử học Daniel Hémery trong cuốn *"Hồ Chí Minh - Từ Đông Dương đến Việt Nam"*, cháu nghĩ là khá thỏa đáng: ***"Ông Hồ là một nhân vật không có bộ mặt rõ ràng. Ngay từ buổi đầu thì thực sự theo chủ nghĩa yêu nước quốc gia, rồi sau thì ông bị phong trào Đệ tam Quốc tế Cộng sản thu phục"***. Tóm lại, đứng về mặt sự kiện, có nên nói thế này không: ông Hồ chỉ là một trong những người đưa chủ nghĩa cộng sản vào Việt Nam, nhưng là người đầu tiên thành công trong việc này!

- Tôi đồng ý với anh, nhưng xin bổ sung một điều không thể chối cãi: chính ông Hồ Chí Minh là người đầu tiên đưa chủ nghĩa xta-lin-nít - chứ không phải chủ nghĩa mác-xít! - vào Việt Nam!

+ Và ông Hồ cũng lại đã thành công!

- Đảng Cộng sản Việt Nam thường chia cách mạng ra làm hai giai đoạn. Giai đoạn đầu là **cách mạng dân tộc dân chủ**. (Thời ấy ai mà nói đến chủ nghĩa xã hội là chết với họ!) Mặc dù ở giai đoạn ấy Đệ tứ chúng tôi bị họ triệt hạ, tàn sát nhưng không vì thế mà chúng tôi lại từ chối sự thật là trong công cuộc giành độc lập cho Việt Nam họ có vai trò lịch sử quan trọng. Họ đã làm cho Việt Nam thắng được hai đế quốc hùng cường, mặc dù họ có những thời kỳ sai lầm. Giai đoạn hai đó là **cách mạng xã hội chủ nghĩa**, nhưng nhiều người không hiểu vấn đề là ở chỗ: đây không phải là chủ nghĩa xã hội của Marx, của Lenin mà là thứ chủ nghĩa xã hội của Stalin! Trong giai đoạn hai này thì họ đã thất bại. Họ đã để mất lòng tin, vì ngày càng lộ rõ bản chất độc đoán, quan liêu, phi nhân bản, phi dân chủ...

+ Người ta hay nói, đại ý, người trót-kít các bác hiếm khi nào và ở đâu tìm được sự ủng hộ...

- Cũng có phần đúng. Tư bản thì bảo chúng tôi là cộng sản, cần phải diệt! "*Cộng sản*" thì vu khống chúng tôi là "*tay sai đế quốc*", cần phải giết!

+ Phải chăng các bác là thế hệ đầu tiên đã phải "*Đi giữa hai làn đạn*"? Bây giờ, chắc các bác thấy nhiều thế hệ khác cũng đang bị ép vào "*vị trí lịch sử*" chẳng hay ho gì đó. Ví dụ: anh chị em tị nạn "*mới*" chúng cháu từ Đông Âu và Liên Xô cũ qua đây đã bị những người quốc gia cực đoan chụp mũ là "*cộng sản*", còn chính quyền cộng sản trong nước kết tội là "*phản bội*". Hoặc như, những người quốc gia cấp tiến thì bị người quốc gia cực đoan vu là "*thân Cộng*", và chính quyền cộng sản thì quy kết họ là "*phản động*".

Thấy mà buồn cho dân tộc mình...

(Miền Nam nước Đức, tháng 6.1993)

Lá thư bổ sung:

Biết chúng tôi có ý muốn đưa lên báo chí nội dung cuộc nói chuyện trên, trên cương vị là người đang có thẩm quyền về Phong trào Đệ tứ Việt Nam, cụ Hoàng Khoa Khôi đã gửi tới lá thư sau đây. Được phép của người viết, chúng tôi trích giới thiệu cùng bạn đọc hầu bổ sung cho bài báo của mình.

Paris, Ngày 30 Juillet 1993

(...)

Nhân gần đây có một sử gia ở Việt Nam sang Pháp khảo cứu về phong trào Công binh (thợ Việt Nam) và phong trào Việt kiều ở Pháp trong những năm 1940-50, chúng tôi - Nhóm trót-kít Việt Nam - có tìm trong kho lưu trữ một số tư liệu để trao cho sử gia này. Hồi chúng tôi thăm Nuernberg có nhiều anh chị em hỏi về các anh Trần Đức Thảo và Nguyễn Khắc Viện, chúng tôi đã trả lời sơ qua về hai vị này. Nay tìm lại được một số bài mà tôi từng đã tranh luận với họ, xin gửi kèm đây để anh chị em hiểu rõ hơn về hai vị ấy.

Anh Thảo, anh Viện trong những năm 1940 cho tới 1945 có cộng tác với chúng tôi trong phong trào Tổng Ủy ban Đại diện Việt kiều tại Pháp. Sau đó, năm 1946 vào dịp ông Hồ Chí Minh sang Pháp hai anh đi theo Hồ Chí Minh và bắt đầu từ đây họ chống trót-kít dữ dội. Tuy nhiên phải công nhận rằng họ chống chúng tôi bằng lý luận chứ không như các ông khác, như ông trạng sư Phan Nhuận và những đảng viên Việt Nam của đảng Cộng sản Pháp (PCF). Những người này không ngót tặng chúng tôi các từ "*phát-xít*", "*Tito*" hay "*đầy tớ thực dân, tay sai đế quốc*". Nhiều bài báo của họ còn đe dọa rằng chúng tôi sẽ bị tòa án của Việt Minh trừng trị. Cuộc áp đảo tinh thần này làm cho nhiều người quốc gia như anh Viện, anh Thảo bắt buộc cũng phải hòa theo, và, như tôi đã nói, họ dùng lý luận chứ không chửi rủa, dọa nạt như những người khác. Trong thời đó nhiều bạn bè cũ của chúng tôi khi gặp chúng tôi đều phải lánh mặt ở trên các đường phố ở Paris

vì sợ liên lụy. Ở xứ Pháp mà còn thế, các anh cứ thử tưởng tượng ở Việt Nam thì thế nào. Ấy là chưa kể khi chúng tôi hội họp với họ, họ không cho phép được ăn nói. Nhiều khi chúng tôi bị Ban Trật tự mời ra khỏi phòng họp. Một vài anh bạn của chúng tôi còn bị đánh...

Với những bài gửi hôm nay cho các anh, tôi muốn chứng tỏ rằng cuộc đấu tranh của chúng tôi lúc nào cũng đứng trên mặt chính trị, bất chấp những sự nguy hiểm và vu cáo.

Bây giờ anh Viện và anh Thảo đã thay đổi quan niệm đối với Mao Trạch Đông và Stalin. Dĩ nhiên chúng tôi nhìn họ với con mắt khác trước. Nói chuyện cũ chỉ là để đánh dấu một giai đoạn lịch sử.

Tôi gửi các anh các bài:

A/ Về anh Thảo:

- 1- *Phê bình cuốn "Triết lý đã đi đến đâu?"*
- 2- *"Bước nhảy của nhà triết lý Trần Đức Thảo"*
- 3- Bản copy cuốn *"Triết lý đã đi đến đâu?"*

B/ Về anh Viện:

- 1- *"Trả lời một ông trí thức tiểu tư sản"*
- 2- Bài *"Vĩ đâu?"* của anh Viện đăng ở tờ *"Nam Việt"* số 6, tháng 8-1944. Trong bài này anh Viện đề cao chủ nghĩa quốc gia xã hội (National socialiste) của Hitler.

C/ Bài "Trả lời tờ báo "Công nhân" của những đảng viên Việt Nam trong đảng Cộng sản Pháp (PCF)" của tôi đăng trên tờ *"Tiếng thợ"*, 3-1952. Bài này nói về: vấn đề Tito; về cuộc biểu tình 2-1951 và 14-7-1951; về tờ *"Cáo thơ"* của Hồ Hữu Tường v.v...

Tất cả các tranh luận đó đều nằm trong khuôn khổ của cuộc tranh luận giữa Đệ tứ và Đệ tam (...)

(Hoechstadt, tháng 8.1993)

Tôi Quý Tạ Thu Thâu*

(Lão ký giả Trần Văn Ân)

Mỗi độ thu về, tôi thường bị cái nhớ nhung ám ảnh, đến nỗi trầm tư cả đêm lẫn ngày. Có lẽ tuổi cao bắt người hoài cựu, và vì bị bắt buộc trụ lại một nơi nên tâm thần tìm lối thoát động. Người Tàu rất trọng người tuổi tám mươi nên có lời gọi là **Trương Triều** (ông già xách gậy vào Triều không ai rầy). Đến bảy mươi đã được trân trọng gọi là **Trương Quốc**, có nghĩa ông già cầm gậy đi khắp xứ không ai bắt lỗi. Thật là phong hóa Á Đông kính lão chí mực.

Bạn tôi cũng có người hỏi tôi tại sao anh thường dùng chữ Hán. Tôi đã thưa qua là vì tôi có nhiều người bạn Trung Quốc và từng ở bên Tàu. Cha tôi có màu da đen, mũi cao. Chỉ biết ở ngoài vào như mọi người Việt khác ở miền Nam lâu đời. Biết đâu không phải gốc Chàm, gốc Hoa. Tôi không bận lòng về điều này. Chỉ nhận tron là ông bà tôi, gần và xa, đều sanh trưởng trên đất nước Việt Nam. Tôi tha thiết yêu nước tôi, nước Việt Nam, và yêu một cách đậm đà nồng nhiệt từ lúc tôi học lịch sử nước người. Điều buồn cười là tôi biết lịch sử nước Pháp trước Việt sử. Và chính học Pháp mà tôi đâm ra yêu Việt. Và chính vì bạn bè đa số cố công học làm quan mà tôi muốn học làm một cái gì khác hơn. Đó là học làm cách mạng dân tộc, thấu hồi chủ quyền cho người Việt trên lãnh thổ Việt. Tâm trạng này đưa tôi ngồi tù trên mười hai năm, và có lần bị kết án tử hình nằm cầm cổ, và nó buộc tôi phải giữ trọng trách. Do đó mà có lần đứng trước thế hệ đang lên, tôi xin lỗi, chịu tội đã không tròn sứ mạng cứu quốc dựng nước.

Nay, trời đã nhuộm màu thu về, nhìn cảnh vật tôi nhớ nhung quá khứ, nhớ bao nhiêu bạn bè, nhớ đồng chí, đồng bào, đã ngã gục trên đường phục vụ đất nước. Tháng Chín bên Tây, mùa thu bên nhà, với ngày rằm tháng Tám, bạn tôi và người yêu nước, năm đó, năm 1945 đã bị sát hại đau thương. Chỉ vì yêu nước mà không vào đảng. Đảng ấy là đảng Cộng sản Đệ tam Quốc tế. Tháng Chín trôi qua rồi tới đầu năm 1946 và tiếp theo, thì nào Tạ Thu Thâu, Dương Văn Giáo, Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh, Huỳnh Văn Phương, Hồ Văn Ngà, Nguyễn Văn Sâm, Lâm Ngọc Đường và ông bà Hồ Vĩnh Ký... phải chịu chết, người thì bị đập đầu, kẻ thì bị chui sông. Oán khí xung thiên vì lòng son yêu nước.

Một sáng nọ, ở Chợ Lớn, vùng Lò gổm, Kha Vạn Cân chạy tới nơi chúng tôi ở trọ (nhà anh Nguyễn Bá Tường, quản lý hãng thuốc Bastos), bảo: "*Anh Sâm, anh Ân, hai anh nên lánh mặt lập tức. Đêm qua, bỗng dưng anh Hồ Văn Ngà đã bị bắt...*" Thế rồi chúng tôi lánh mặt, bỏ Ủy ban Phong tỏa Đô thành.

Tôi chạy sang Bangkok, rồi trở về Saigon ngày 6.3.1946 để ngày nay sống lưu vong trên đất Pháp. Đường đi khá dài, thời cuộc lắm biến cố. Bạn tôi, bạn đường, đồng chí đều không còn.

Hôm nay tôi muốn viết. Tôi viết về Tạ Thu Thâu như đã viết về Nguyễn Văn Sâm và Hồ Văn Ngà trên báo "*Đời mới*" trước 1975 và gần đây có viết trên "*Đuốc từ bi*" về Đức Thầy Giáo chủ Phật giáo Hòa Hảo.

Tôi xin thưa trước, Thâu, Thạch, Hùm, Chánh, Phương vốn là bạn đường mà là bạn thân. Tôi từng bảo: "**Moi đi với tui tui tới độc lập thôi nhé**" (thời bấy giờ bạn bè hay xưng hô **tui, moi**). Sờ dĩ có làm bạn mà không làm đồng chí vì tôi đã tách rời con đường mác-xít từ 1929. Nhưng anh em Đệ tứ là bạn tốt, chung và thật. Đệ tứ mà yêu nước hay yêu nước mà Đệ tứ. Chúng tôi thương và quý nhau trong bao năm không hề để cho tình thương bị rạn nứt.

Ở đây, hôm nay, tôi xin thưa:

TÔI QUÍ TẠ THU THAU

Nói tôi quý cũng là nói tôi trọng và thương. Thâu là nhân vật được hầu hết người Việt Nam, nhứt là người miền Nam quý mến kính phục.

* Bài viết được đăng lần đầu tiên trong tập Hồ sơ này.

Nay, tôi lại viết về Tạ Thu Thâu với sự tán thưởng và trọng vọng, chỉ cho khỏi có kẻ nghĩ rằng tôi muốn mượn danh người làm thơm lây cho mình. Đó không phải là ý đồ của tôi. Còn cho rằng viết về một lãnh tụ Đệ tứ Quốc tế bị người của Đệ tam sát hại, hầu lên án đám người sát nhân, tôi cũng cho là thừa. Lên án lãnh tụ Cộng sản Đệ tam ở Việt Nam và ngay trên thế giới, cũng là việc thừa. Đã có vô số sách báo làm chuyện đó. Và chuyện đó đa số người để ý tới chánh trị đều biết.

Tôi muốn vượt qua các mẩu chuyện ấy. Tôi muốn tiến tới đặt vấn đề: "**Tại sao có vô số người tài trí cao thâm theo chủ nghĩa mác-xít? Và nếu Thâu còn sống, với sự biết rõ bao sai lầm của mác-xít trên mọi bình diện, cùng sự thất bại của kinh tế Mác ở khắp nơi, Thâu và anh em đồng chí có chuyển hướng không? Với sự có mặt để quốc đồ hẳn hoi của Liên Xô, anh em Đệ tứ có thể có thái độ nào?**"

Vấn biết là vấn đề nan giải. Nhưng thử đặt.

*

Thâu nhỏ hơn tôi ba tuổi. Có lẽ cũng đi học trễ như tôi. Tôi biết rõ Thâu sinh năm 1906, năm Bính Ngọ. Bà Phương Lan, trong cuốn sách¹ viết về Tạ Thu Thâu, nói Thâu sinh năm Đinh Mùi. Thế là giữa chúng tôi có chỗ nói không giống nhau.

Chúng tôi vốn người cùng tỉnh Long Xuyên. Có người bảo Thâu sinh ở Lấp Vò, thuộc quận Thốt Nốt trước kia, thì là Thâu cùng sanh một quê với tôi. Tôi sanh ở làng Định Yên, Cái Dầu, dưới Lấp Vò không xa. Cả hai đều thuộc quận Thốt Nốt. Tôi được bên nội đem về nuôi ở quận Thốt Nốt, trong chợ vài ba cây số ngàn. Chỗ đó là rạch Trà Cui. Tôi biết thân phụ của Thâu có ở bên kia chợ Long Xuyên (chợ Mỹ Phước), làng Bình Đức gần "Cầu máy", làm nghề thợ mộc. Cha tôi làm nghề thầy thuốc bắc. Hai người từng quen biết nhau.

Chị của Thâu là cô giáo Chuẩn dạy trường tiểu học Thốt Nốt. Chúng tôi vốn quen thân. Và ở Thốt Nốt đạo nọ ai cũng thương cô giáo Chuẩn, có tánh tình phóng khoáng như nam tử. Chị Chuẩn có giúp anh ba Ký Đánh, anh của Trần Ngọc Minh, học trò của Thâu mà cũng là đệ tử của tôi, lập gánh hát cải lương Tân Tân, có Bảy Nhiều thủ vai chánh. Cũng vì thân cả với ba người - chị giáo Chuẩn, thầy Ký Đánh, anh Bảy Nhiều - nên đã có lần tôi tham dự viết một màn trong vở tuồng "Cánh buồm đen".

Thuở nhỏ, Thâu học trường Tiểu học Long Xuyên. Tuy là tiểu học mà ngày xưa gọi là trường Tỉnh, "bản" hơn trường Tổng, trường Làng. Còn tôi thì đi học trường làng tại đình Thần Thạnh Hòa Trung Nhứt. Cũng ít năm thôi. Về sau tôi được dịp may vào học trường gọi là "Trường Bốn quốc Saigon", tức **Collège Chasseloup Laubat**, từ 1914-1922. Thâu cũng vào trường này, vào niên khóa 1919-20-21. Sau khi đỗ bằng gọi là Thành chung - **Diplôme de fin d'Etudes complémentaires** - và bằng **Brevet élémentaire**, Thâu học thi tú tài bốn quốc. Bằng cấp này nói lên sự kỳ thị chủng tộc, một hình thức của chánh sách ngu dân mà chánh quyền thuộc địa Pháp bày ra. Tôi không rõ năm Thâu thi đỗ, nhưng chắc là không phải năm 1922, bởi vì chính năm ấy tôi cũng lấy luôn 2 bằng với điểm cao nhứt. Tôi xin nhắc ra đây để cho kẻ học sau biết là thời bấy giờ trên toàn lãnh thổ Việt Nam chỉ có một đại học đường, mà là đặt ở Hà Nội, và trên toàn Nam Việt chỉ có một **Collège Chasseloup Laubat**, dạy tới **Brevet élémentaire**. Mãi tới năm 20, 21 chi đó trường mới đổi ra **Lycée**, và lập thêm **Lycée Pétrus Ký** dạy tú tài Bốn quốc - **Bachot local** - với một chương trình nhồi sọ nặng nề hơn chương trình thi tú tài Pháp.

Năm 1922 có trên 500 học sanh đi thi **Brevet élémentaire** mà thi đậu chỉ có 15 người. Và gần 600 học sanh thi bằng Thành chung mà chỉ có 60 người đậu. Thi **Brevet élémentaire**, nếu phạm ba lỗi hành văn Pháp thi học sanh bị loại khỏi thi. Các bài vở khác không được chấm. Đi học làm tôi tố mà bị lọc lựa đến thế!

¹ - Sách "Tạ Thu Thâu" xuất bản trong lúc tôi ở Paris. Bà Phương Lan có gặp tôi và có cho biết sẽ viết về Thâu. Tôi bảo bà nên hợp tác với Ung Hòa (bạn của Đệ tứ, bạn thân với tôi) và nên cho tôi hay diễn tiến soạn sách và cho bà trước một bài thơ "Tôi quý Tạ Thu Thâu", tôi làm trong khám cầm cố Côn Sơn. Trước tháng 8.1985, tôi không có dịp đọc sách Tạ Thu Thâu của bà Phương Lan.

Cũng vì bị đưa đi học tú tài bốn quốc, năm 1922 sau khi đã học ba tháng đầu, tôi bỏ học tìm cách sang Tàu (Trung Quốc) với lý do chánh thức là để học Anh văn. Vấn đề này thuộc phần Hồi ký của tôi, xin không nói tiếp.

Thâu và tôi lúc bấy giờ chưa biết nhau. Và trước khi sang Tàu tôi có ý định thi bằng **Brevet Supérieur**. Đột nhiên tôi bỏ thi vì quyết tâm đi Tàu.

NHÓM TỰ LẬP.

Báo "*La Cloche Félée*" của Nguyễn An Ninh vào năm 1924 đã gây ảnh hưởng lớn trong thanh niên miền Nam. Thâu đã từng đọc lên nhiều số báo "*Le Paria*", "*Việt Nam hồn*". Chịu ảnh hưởng của Nguyễn An Ninh, Thâu và bạn học nghĩ phải bắt đầu làm một việc gì. Ý nghĩ này dẫn tới thành lập Nhóm Tự Lập ngày 27.3.1924, ngay khi còn ở trong trường **Chasseloup Laubat**.

Nhóm bắt đầu với 9 người. Trong đó có Nguyễn Thúc Lang, từng làm quan đến chức Đốc phủ, bạn đồng song với Thâu, bạn của ký giả bài này (ông Lang làm Đồng lý Văn phòng Bộ Thông tin và chuyên viên Phủ Tổng thống thời kỳ 1969-1972). Mỗi tuần, Nhóm họp vào ngày thứ năm, vì vào ngày này, các lớp nhỏ nghỉ học, nên có phòng trống. Và nhờ anh quét dọn lớp học mở cửa giùm, chỉ tốn ít cắc bạc là được. Theo lời ông Lang kể lại thì lần họp nào cũng kéo dài nhiều giờ, và thường có thảo luận về nền học vấn hiện tại và tương lai, có kẻ cho nhau nghe về nhân vật đương thời, về anh hùng liệt sĩ nước nhà, về vĩ nhân thế giới rồi sang qua thời sự và thời cuộc, quốc gia và quốc tế.

Vụ bom nổ Sa Điện ngày 18.6.1924, và gương hi sinh của liệt sĩ Phạm Hồng Thái đã khích động lòng ái quốc của anh em Nhóm Tự Lập rất mạnh.

Qua niên khóa 1924-25, một số nhóm sinh viên đã ra trường đi làm việc hoặc đi Hà Nội hoặc đi Pháp tiếp tục việc học. Các bạn ra trường đi làm việc thường mời Thâu, Lang dùng cơm Việt ở Đông Pháp Lữ quán đường Espagne (Lê Thánh Tôn), sau chợ Bến Thành. Lang kể lại là Thâu rất cảm mến anh em và rất thích tiếp tục gặp lại bạn trong Nhóm Tự Lập.

Kể từ tháng 7.1925, hầu hết thành phần Nhóm Tự Lập đều thôi học, nên Tự Lập ngừng sinh hoạt. Nhưng tinh thần tự lập vẫn đeo đuổi anh em, ra đời vẫn không mất. Nguyễn Thúc Lang viết:

*Sau niên học 1924-25, nghĩa là kể từ tháng 7 năm 1925, hầu hết các bạn trong Nhóm Tự Lập, kể cả Thâu và tôi, đều thôi học tại trường **Chasseloup Laubat**, nên nhóm này không còn sanh hoạt nữa. Đương khi còn học trong trường, chúng tôi không kết nạp những bạn còn nhỏ tuổi hơn chúng tôi nhiều, còn học các lớp dưới; chúng tôi nghĩ các em này đường còn dài không nên dự bàn chánh trị để khỏi sao lãng việc học hành. Nếu thâu nhận các em nhỏ đó vô trong Nhóm Tự Lập và nếu cuộc hội họp bị đổ bể các em sẽ bị đuổi, lỡ dở việc học hành. Thời kỳ này, vô học được trường **Chasseloup Laubat** là một việc rất khó dù học tự túc, phải là họ trò giỏi hoặc cha mẹ có thân thế; trường hợp được cấp học bổng rất hiếm hoi.*

Và lại khi tổ chức Nhóm Tự Lập, chúng tôi vẫn biết chúng tôi còn ở trong giai đoạn tập sự, anh em không một ai có ảo vọng Nhóm Tự Lập sẽ sống mãi mãi.

Dầu sao, từ khi ra ngoài đời, tuy một số anh em không làm cách mạng chánh trị chi cả, vẫn có nhiều bạn tham gia vào các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp, có mấy bạn hoạt động với Thâu một cách liên tục hoặc trong một giai đoạn nào đó, và đến năm 1945 có những bạn đã ra bưng kháng chiến.

Cuộc sống phức tạp đã tung các bạn học trên khắp các nẻo đường của đất nước. Tuy nhiên, khi có cơ hội làm việc chung cùng nhau hoặc giao du với nhau, dù không khỏi không đồng chí hướng hay lập trường, anh em không quên tình liên hữu, nghĩa kim bằng, sự đồng ưu cộng lạc suốt mấy năm trời trong Trường Bốn quốc. Nhóm Tự Lập đã tan rã, nhưng tinh thần "tự lập" vẫn còn sống trong tâm hồn của các người bạn cố tri.

Trong đời người, khi lên bổng khi xuống trầm, không có kỷ niệm nào làm cho ta hứng thú bằng những kỷ niệm của những năm ở dưới mái học đường. Ôi! Nhưng ngày ấy nay còn đâu! Những bạn học xưa, nay còn đâu! Tuổi già càng chông chênh, tôi càng thấm thía câu nói, hình như

có vẻ mâu thuẫn, của Anatole France: "Trên trần gian này, người chết nhiều hơn người sống" (Le monde se remplit plus de morts que de vivants).

NHÓM JEUNE ANNAM.

Tháng 8-1925, Lang và Thâu rủ nhau vào dạy trường tư Nguyễn Xích Hồng, tại đại lộ Chi Lăng, trước gọi là "Vùng Tòa bố" (Tour d'Inspection). Ông Hồng vì học sinh bãi khóa nên đã đóng cửa trường tại Saigon và chỉ giữ trường ở Bà Chiểu mà thôi. Thâu thuê một căn nhà tại đường Thốt Nốt (sau là đường Trịnh Hoài Đức) gần làng Tả quân Lê Văn Duyệt. Chị ba của Thâu, chị Chuẩn, cùng ở chung và chỉ dạy trường Nữ sinh công lập ngang Bệnh viện Bà Chiểu. Tôi và Bùi Thế Mỹ cùng ở nhà đó. Họ Bùi cũng dạy ở trường Nguyễn Xích Hồng.

Dạy trường Nguyễn Xích Hồng đồng thời với Thâu còn có Tùng Lâm Lê Cương Phụng, Tế Xuyên (Hoàng Văn Tiếp), Lê Quế, Bùi Công Trừng, Nguyễn Khánh Toàn, Trần Phạm Hồ...

Căn phố Thâu, Mỹ, Nguyễn Thúc Lang ở là nhà tiếp rất nhiều khách, nào là Đào Trinh Nhất, Hoàng Tích Chu, Phan Khôi và Trương Cao Động. Có cả hai cụ Huỳnh Thúc Kháng và Lê Văn Huân, khi đi dự đám tang cụ Phan Châu Trinh, ghé thăm. Lẽ tự nhiên là nhà Thâu ở bị mật thám Tây để ý và rình rập. Nhưng Thâu không nao núng.

Vì thời cuộc thúc đẩy, vì muốn hành động, Thâu cùng một số bạn bè thành lập Nhóm Jeune Annam. Và cũng vì thời cuộc dồn dập trong những năm 1925-1926 (vụ án Phan Bội Châu, cuộc mất tinh Lanzarote, vụ án Nguyễn An Ninh...) mà Thâu không có thì giờ nghĩ tới các vấn đề tổ chức có hệ thống, không có ban lãnh đạo, ban thư ký. Nhóm Jeune Annam không có qui chế điều lệ chi cả.

Nhóm Jeune Annam tự động phụ trách giữ gìn trật tự trong cuộc tiếp rước Bùi Quang Chiêu ngày 24.3.1926 và ngày đám tang cụ Phan Chu Trinh 4.4.1926¹.

Cũng bạn Nguyễn Thúc Lang kể lại rằng thời kỳ này Tạ Thu Thâu chưa có hẳn khuynh hướng cách mạng, không muốn theo đường lối quá khích. Cho nên khi báo "La Cloche Fêlée" của Nguyễn An Ninh tung ra truyền đơn chống đối Nhóm Nguyễn Phan Long lập Thỉnh nguyện thư đề đệ trình quan Toàn quyền Đông Dương A.Varenne (A.Varenne là đảng viên đảng Xã hội S.F.I.O.) thì Thâu không đồng ý, cho rằng đã kích vụ này có thể làm cản trở sự vận động của đồng bào.

TẠ THU THÊU ĐI PHÁP.

Năm 1926, đưa xong đám tang cụ Phan Châu Trinh, tôi đi Pháp (sau khi ở Swatow về năm 1925 và sau gần 1 năm dạy trường tiểu học Ho Kiêu Hakkas (Hẹ) ở Cholon). Thâu đi Pháp năm 1927 sau khi đỗ tú tài bốn xứ.

Thâu đi Pháp cùng chuyến tàu với Trịnh Hưng Ngẫu và Trường Tiền Nguyễn Văn Tệ, người Bạc Liêu. Tệ vốn là bạn học với Phan Văn Hùm. Cả hai đều đỗ bằng trường tiền Cao đẳng Công chánh (**Agent technique** - kỹ sư mà không được mang tên kỹ sư). Tên là Tệ vì hương bộ viết sai Tuệ ra Tệ nhưng anh em tự sửa lại cho bạn, nên thường gọi là Tuệ. Trịnh Hưng Ngẫu là nhà viết báo hăng say, đánh lộn có tiếng, như là sau khi đánh ngã quản lý báo Pháp "L'Impartial" và bảo vệ ông Bùi Quang Chiêu từ bên Nhà Rồng về tới nhà ở Phú Nhuận.

Thâu lãnh việc diu dắt lối 10 học sinh con nhà giàu. Năm trước tôi cũng lãnh hai trò đi Paris để có tiền tàu. (Lúc bấy giờ hạng 3 tàu thủy giả lối 300 đồng, Saigon - Marseille, giá lúa dưới 1 đồng một giạ, và đồng bạc đôi được có khi tới 23 F. Thế mà có rất nhiều cha mẹ học sinh không có tiền đóng tiền học cho con.)

Tại Paris Thâu ghi tên học Đại học Sorbonne. Dưới đây là lời của Nguyễn Thúc Lang:

Thâu ra đi không hẹn ngày về.

Thâu ra đi "cởi gió muôn trùng vượt bể Tây", "tang bồng hồ thủy phi chí nam nhi", nhưng không khỏi ngậm ngùi, suy tư:

¹ - Cuộc tiếp rước Bùi Quang Chiêu và đám tang cụ Phan Chu Trinh là hai sự kiện lịch sử lớn ở Nam Kỳ.

Nước đang bí thế nhìn chưa xót,
Tài chưa làm nên nghĩ thẹn thùng.
Góc dạ chứa chan bao nỗi hận,
Quê người lần lựa phỏng đành không?

Thôi thì phải cố gắng học cái hay cái giỏi của người và ban đầu Thâu ghi tên học một môn rất khó là môn toán học đại cương tại Đại học đường Sorbonne ở Paris. Nơi kinh thành hoa lệ, Thâu đâu có lạc loài gì! Thâu tái ngộ nhiều bạn học cũ, nhiều anh em đã từng sanh hoạt với Thâu trong Nhóm Tự Lập hoặc trong Nhóm Jeune Annam.

Sau cũng như trước ngày đảng P.A.I. bị giải tán, Thâu thường hay tham dự những cuộc diễn thuyết, hội thảo, meet tinh về các vấn đề chánh trị, nhất là tại **Club de Faubourg Palais de la Mutualité**, tại Hội nghị Liên minh Phán để tổ chức năm 1928 tại Bruxelles (Bỉ quốc) và năm sau tại Frankfurt (Đức quốc), nơi nào Tạ Thu Thâu cũng lên diễn đàn phát ngôn rất chính lý và hùng hồn hoặc tranh luận sôi nổi với những chánh khách quốc tế.

Tại Ba Lê, Thâu có tiếp xúc, trao đổi ý kiến với những văn sĩ, chánh trị gia khuynh tả, như Victor Basch (Chủ tịch Hội Nhân quyền), Félicien Challaye (giáo sư, thạc sĩ triết học), Francis Jourdain, Marceau Pivert, Luc Durtain, Léon Werth...

Khi còn ở bên nước nhà Tạ Thu Thâu đã có tư tưởng cấp tiến, có cảm tình với giới Lao động. Cha mẹ Thâu và Thâu là thành phần vô sản. Trong thời gian lưu trên đất Pháp, Thâu tiếp xúc với nhiều nhân vật thuộc đảng Xã hội, đảng Cộng sản hoặc thân Cộng, có người trở nên bạn thân của Thâu như Daniel Guérin, Thâu sao khỏi nhiễm tư tưởng cực tả của chánh giới này.

Ngoài ra, Thâu có đọc nhiều sách nói về lý thuyết mác-xít. Thâu lại có tánh hễ muốn biết vấn đề gì thì nghiên cứu kỹ lưỡng và Thâu rất thông minh, đọc rồi thì hiểu biết tường tận. Rốt cuộc, Thâu thấm nhuần chủ nghĩa cộng sản và nhập vô hàng ngũ Đệ tử Quốc tế, thường gọi là đảng Trotskyte.

Thời kỳ Thâu mới về bên nhà, tôi có hỏi Thâu tại sao Thâu trở thành "trotskyte". Thâu không giải thích rõ rệt, chỉ tường thuật cho tôi câu chuyện về Emmanuel Berl:

"Anh này đậu thủ khoa Thạc sĩ trường Đại học Sư phạm Ba Lê (Ecole Normale Supérieure), trường danh tiếng nhất của nước Pháp, đã đào tạo biết bao nhân tài. Trong thời kỳ thi hành quân dịch, có lúc E.Berl lâm bệnh vô nằm trong một nhà thương quân y. E.Berl nằm gần một người lính mà ngoài đời là một anh lao động. E.Berl có mượn của anh thợ này mấy quyển sách mà y đã đem theo đọc, thì là những sách nói về lý thuyết mác-xít. Lần đầu tiên E.Berl đọc loại sách này, thấy hay hay, rồi thích thú tìm đọc thêm các tác phẩm của K.Marx, Engels, Lénine, Trotsky v.v... Rốt cuộc E.Berl trở thành Cộng sản và có sáng tác 3 quyển sách nhan đề **"La mort de la morale bourgeoise"** (Sự cáo chung của nền luân lý trường giả) và **"La mort de la famille bourgeoise"** (Sự cáo chung của gia đình trường giả), làm chấn động văn giới Pháp đương thời".

Tôi thiết tưởng Thâu thuật cho tôi nghe câu chuyện về Emmanuel Berl là có dụng ý biện minh rằng sở dĩ Thâu theo chủ nghĩa Cộng sản không phải có ai khuyến dụ hay thuyết phục, mà do Thâu tự tìm tòi, giao thiệp, học hỏi, nghiên cứu rất công phu rồi mới dứt khoát tư tưởng và hoạch định con đường hành động. Con đường này là con đường của Đệ tử Quốc tế theo sách **"La révolution permanente"** (Cách mạng thường trực) của Trotsky.

HỒI SANH ĐẢNG ANNAM ĐỘC LẬP.

Không rõ ngày tháng năm nào Tạ Thu Thâu được Nguyễn Thê Truyền giao cho trách nhiệm hồi sinh và lãnh đạo đảng P.A.I. (Le Parti Annamite de l'Indépendance), nhưng biết rằng nhờ có bạn bè từ Nhóm Tự Lập tới Nhóm Jeune Annam, Thâu đóng vai lãnh đạo đảng Annam Độc lập rất đắc lực. Nhon đó, Thâu có cho ra tờ "Ressurrection" (Hồi sinh) để làm cơ quan ngôn luận.

Xin lưu ý bạn đọc: đảng Annam Độc lập không có khuynh hướng Cộng sản. Thâu chưa phải là người Việt Nam làm lãnh tụ Đệ tử Quốc tế.

Nhưng qua 1929, đảng Annam Độc lập bị tòa án Seine xử giải tán sau một cuộc đánh lộn tại nhà hàng Turquetti giữa đảng viên P.A.I. và một nhóm thanh niên Pháp cực hữu gọi là Thanh niên Ái quốc (Jeunes Patriotes). Trong cuốn "*Nhà cách mạng Nguyễn Thế Truyền*", cụ Đặng Hữu Thụ có viết về vụ xô xát với Thanh niên Ái quốc Pháp như sau:

*Nhóm Thanh niên Ái quốc tổ chức ngày 9.1.1929 tại quán cà phê Turquetti Paris một cuộc hội họp đặt dưới quyền chủ tọa của ông Roger De Saivre, Tổng ủy viên chi nhánh đại học của nhóm này. Có hai mươi lăm sinh viên Việt Nam được mời tham dự buổi họp. Có rất nhiều sinh viên Việt Nam khác không có giấy mời cũng xin được vào dự thính và được ban tổ chức chấp thuận. Người nói chuyện là sinh viên đại học văn khoa Pierre Đỗ Đình (Đỗ Đình Thạch), cử nhân văn khoa, nói về đề tài "**Đông Dương trong khung cảnh quốc gia**" (L'Indochine dans le cadre national). Số người tham dự độ hơn trăm người. Ông Pierre Đỗ Đình nói là nhóm ông muốn thực hiện nền phồn thịnh của Đông Dương trong khung cảnh quốc gia Pháp. Ông nói giữa hai dân tộc Việt - Pháp có nhiều sợi dây ràng buộc tinh thần thân ái khiến hai dân tộc dễ hòa hợp. Cử tọa vỗ tay, bỗng có một sinh viên Việt Nam hô to bằng tiếng Pháp: "**Nous ne tolérons pas paroles de notre camarade**" (Chúng tôi không chấp nhận lời nói của bạn này). Khi tiếng hô vừa xong một số sinh viên Việt Nam nhảy lên diễn đàn và hô: "**A mort**" (Giết chết). Thế là một cuộc loạn đã được diễn ra giữa các sinh viên Việt Nam mà đa số thuộc đảng Việt Nam Độc lập và các sinh viên hầu hết là Pháp thuộc Nhóm Thanh niên Ái quốc, tức thuộc nhóm cực hữu có tinh thần quốc gia cực đoan, có tinh thần quyết bảo vệ đế quốc Pháp. Cả hai bên đều có nhiều người bị thương tích. Ông De Saivre thì bị một mũi dao nhẹ vào ngực, ông Pierre Đỗ Đình thì bị trầy trán. Các Thanh niên Ái quốc Pháp bắt được mấy sinh viên trong đảng Việt Nam Độc lập như Huỳnh Văn Phương, Vi Văn Lê, trao cho cảnh sát Pháp.*

Báo "**Thần chung**" ở Saigon số ra ngày 21.2.1929 có thuật lại cuộc ẩu đả này.

Sau khi cuộc khởi nghĩa Yên Bái - của Việt Nam Quốc dân đảng - thất bại, Pháp cho máy bay bắn đốt nhiều làng Bắc Việt, nặng nhất là Cổ Am bị 10 trái bom nặng 10 kilô làm cho nhà cửa cháy rụi. 17 vị lãnh đạo Việt Nam Quốc dân đảng, đứng đầu là Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, lên đoạn đầu đài ngày 17.6.1930.

Đứng trước Điện Elysée, Tạ Thu Thâu hiệu triệu sinh viên biểu tình phản đối chánh phủ Pháp, chính quốc và lẫn thuộc địa. Kết quả ngày 24.6.30 có 19 người bị trục xuất về nước. Trong đó có Tạ Thu Thâu, Trần Văn Giàu, Hồ Văn Ngà, Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Phú, Vũ Liên, trong số đó có 3 người học tại Aix en Provence, từng là bạn của Trần Văn Ân và Hồ Văn Ngà là đồng chí lãnh đạo Việt Nam Quốc dân Độc lập đảng Saigon, bị Việt Minh sát hại ở Kim Quy, Rạch Giá 1946.

Thâu, Hồ Văn Ngà, Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Giàu v.v... bị đuổi về nước. Bà Phương Lan viết về Thâu, cho đó là "*thả cạp*" về rừng.

Nguyễn Thúc Lang viết:

Năm 1928-1929, Việt Nam Quốc dân đảng thành lập ngày 25.12.1927, dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Thái Học và những đồng chí trung kiên như Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính, Đoàn Trần Nghiệp, Nguyễn Thế Nghiệp v.v... đã kiện toàn tổ chức và hoạt động trong vòng bí mật. Qua năm 1930, từ ngày 10 đến 18 tháng 2, Việt Nam Quốc dân đảng khởi nghĩa đánh Yên Bái, Phú Thọ, Lâm Thao, Vĩnh Bảo, Cổ Am. Cuộc khởi nghĩa thất bại, khoảng 3.000 người bị bắt, 40 người bị án tử hình, gần 100 người bị án khổ sai, không kể những chiến sĩ đã ngã gục trong các cuộc đụng độ với quân lính Pháp. Một số làng bị máy bay Pháp dội bom, dân làng chết như rạ, nhà cửa bị tiêu diệt. Ngày 17.6.1930, Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính và 11 liệt sĩ lên đoạn đầu đài tại Yên Bái.

Các biến cố dữ dội làm cho toàn thể sinh viên Việt du học bên Pháp xúc động vô cùng; họ nhiệt liệt tham gia vào cuộc biểu tình rầm rộ trước Điện Elysée do Tạ Thu Thâu đề xướng, tổ chức và điều động. Cuộc biểu tình có tiếng vang dội mạnh trong dư luận công chúng Ba Lê, nhứt là trong chánh giới Pháp.

Một đặc điểm là lần thứ nhất mới xảy ra một cuộc biểu tình trước dinh của Tổng thống là vị đại diện tối cao của chánh quyền Pháp quốc. Chánh phủ Pháp ra quyết định trục xuất và giải hồi nguyên quán ngày 24.6.1930 mười chín sinh viên Việt Nam, trong đó có Tạ Thu Thâu.

Bạn Nguyễn Thúc Lang cho rằng Tạ Thu Thâu "bước qua một giai đoạn mới của đời mình, đồng thời tiến đến một khúc quanh của diễn trình đấu tranh của dân tộc". Tôi thêm là Thâu "viết một trang sử mới về cuộc đấu tranh giành độc lập mới, về vang không kém giai đoạn "Nguyễn An Ninh bán dầu cù là".

VỀ LẠI SAIGON.

Tháng 7.1930, Thâu và anh em bị trục xuất về tới Saigon.

Hơn một năm sau, Thâu xuất hiện trước công chúng Saigon. Thâu diễn thuyết tại Hội Khuyến học Nam Kỳ tại Tòa nhà rộng lớn của Hội Đức trí Thể dục (S.A.M.I.P.I.C.), tọa lạc tại đường Galliéni, sau này là Đại lộ Trần Hưng Đạo. Trước Thâu, đã có Dương Văn Giáo, Lê Trung Nghĩa, Trần Văn Ân và nhiều học giả khác, diễn thuyết tại đây.

Ban trị sự Hội Khuyến học đã dụng ý đưa Hồ Văn Ngà, Phan Văn Hùm ra mắt quần chúng trước Thâu, như một lối dọn đường vì Thâu được coi như là một nhân vật "kịch liệt", nói mạnh đánh mạnh (đánh theo nghĩa tấn công). Cả hai Ngà, Hùm đều qui tụ khá đông thính giả, đều được cảm tình của người nghe.

Phan Văn Hùm vốn có đại danh dính liền với Nguyễn An Ninh, là người khích động quần chúng. Hùm là tác giả cuốn "Ngồi tù khám Lớn" được nhiều người đọc, lại được xem là một triết gia. Hùm nói về "biện chứng pháp". Đến lượt Thâu tiếp theo Phan Văn Hùm. Nói thêm về Biện chứng pháp.

Người đi nghe Thâu đứng chật phòng, không còn chỗ ngồi chỗ đứng. Hiểu hay không là vấn đề khác. Có mặt để vỗ tay hoan nghinh thì đông lắm. Hoan nghinh Thâu ái quốc, Thâu có tài diễn thuyết, Thâu có tướng, Thâu dễ thương.

Thế rồi, ngày hôm sau Hội Khuyến học bị cấm diễn thuyết. Nhà chức trách thuộc địa lo sợ. Nhưng danh tiếng của Thâu đã bay khắp xứ. Cái ý nghĩ Thâu là một lãnh tụ có thể đương đầu nhà cầm quyền Pháp đã có và nó lan rộng ra mãi. Lại có tướng đồn là Thâu là lãnh tụ Đệ tứ Quốc tế. **Nhưng không ai để ý và phân biệt Đệ tam - Đệ tứ. Người ta chỉ biết có Thâu ái quốc.**

Sau đó có vụ bắt bớ 50 người Tả đối lập, thuộc Nhóm Cộng sản Đệ tứ do Thâu cầm đầu. Trong đó có Huỳnh Văn Phương, Phan Văn Chánh, Hồ Hữu Tường... Nhưng rồi họ đều được trả tự do vì biện lý không có đủ chứng cứ để buộc tội.

Thâu tiếp tục đấu tranh, tiếp xúc quần chúng, nói và vận động. Thâu gây ảnh hưởng. Ảnh hưởng lan rộng. Thâu mỗi ngày có thêm người theo mình.

Tháng tư 1933, Sổ Lao động của Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Thạch, Lê Văn Thù ra tranh cử Hội đồng Thành phố do Nguyễn An Ninh sắp xếp. Đây là lần đầu tiên có Sổ Lao động trên đất thuộc địa Nam Kỳ. Thạch, Tạo đắc cử. Hội đồng Thành phố Saigon đã có nghị viên Cộng sản Đệ tam và Đệ tứ.

Theo bà Phương Lan thì thỉnh thoảng có truyền đơn dả phá Thâu vì thanh danh Thâu lên mạnh. Mà Thâu là Đệ tứ. Đệ tam kể như không có tên tuổi. Tạo tuy đắc cử nhưng danh tiếng thì về Thâu, Thạch.

BÁO "LA LUTTE" - KỶ CÔNG CỦA NGUYỄN AN NINH.

Hai phe cộng sản Đệ tam Quốc tế Staline và Đệ tứ Quốc tế Trotsky luôn luôn chống đối nhau, bất luận ở đâu và trong trường hợp nào. Người ta gọi họ là huynh đệ tử thù. Những phần tử thiên tả mà không ngã về phe nào thường được cả hai bên chịu chuộng.

Xin nhắc lại đây một việc xảy ra năm 1939. Đại hội báo chí họp tại Saigon, có mặt rất đông ký giả có tên tuổi. Trần Văn Ân tôi, vốn có bạn ở cả hai bên, tuy có nhiều bạn thân bên Đệ tứ hơn. Anh em muốn chọn một chủ tịch đại hội, nhưng Đệ tam Đệ tứ đều không muốn có người

thân bên nghịch làm chủ tịch. Do đó mà họ ưng thuận bầu tôi làm chủ tịch do đề nghị của Trần Văn Thạch.

Nói qua thời gian từ tháng 9-1934 (Nguyễn Thúc Lang nói là tháng 10, tôi nhớ là tháng 9). Nguyễn An Ninh đứng lên chủ trương Mặt trận Thống nhất gồm 3 nhóm: Đệ tam của Nguyễn Văn Tạo, Đệ tứ của Tạ Thu Thâu và Lực lượng Quốc gia Trung hòa Tiến bộ của chính Nguyễn An Ninh. Chính uy tín của Nguyễn An Ninh đã giúp Mặt trận thành tựu. Công lớn và chánh yếu là công của Nguyễn An Ninh. Lễ tự nhiên là nhóm Nguyễn Văn Tạo phải được sự ưng thuận của đảng Cộng sản Pháp. Nhưng, lúc bấy giờ, ngoài Nguyễn An Ninh ra không có người đủ tư cách thủ xướng. Thâu thì tuyệt đối không thể bởi vì Thâu là một lãnh tụ sáng giá bậc nhất và có tư thế mạnh nhất. Nếu Thâu đứng ra kêu gọi thì sẽ bị Đệ tam hoài nghi là có mưu đồ thôn tính. Có thể kêu gọi nhóm Nguyễn An Ninh, chớ chắc chắn là không thể kêu gọi phe Đệ tam, vì phe này phải chắc mình không bị lép vế, hoặc mình có thể thao túng các phe ngồi chung, mới ưng chịu "kể vai".

Nguyễn An Ninh, nhà ái quốc, thần tượng của nhân dân miền Nam, đứng lên kêu gọi hai phe em út Đệ tam Đệ tứ hợp tác trong một Mặt trận đoàn kết thì Tam, Tứ khó mà từ chối. Đây là ***một thành công có tính quyết định mà cũng là làm cho nước nhà lọt vào cái bẫy Đệ tam về sau.***

Lúc bấy giờ, nhân dân tôn sùng Ninh, Thâu và cũng thương Tạo - vì Tạo là người Nam - và coi các anh em trong hàng ngũ bộ ba này hoạt động ***chỉ vì yêu nước. Nhân dân không nghĩ và không biết tới chủ thuyết.*** Cho đến thuyết Trung hòa - của Lực lượng Quốc gia Trung hòa Tiến bộ của Nguyễn An Ninh - vốn xuất phát từ Nho học cũng không mấy người nghĩ tới. ***Bị Pháp thống trị, tủi nhục, đau buồn vì không có quyền công dân, người Việt Nam nghĩ và lo đuổi Pháp trước tiên.***

Thâu làm báo, viết báo, Thâu là linh hồn của tờ "La Lutte". Đứng mũi chịu sào. Giữ phần lý thuyết với Phan Văn Hùm. Để cho Trần Văn Thạch coi phần Pháp văn và đương đầu bằng Pháp văn với Pháp.

Nguyễn Văn Tạo đóng vai trò thứ yếu. Nhưng lại là vai cơ bản. Bởi Tạo, Đệ tam, lo tổ chức quần chúng. Tạo khôn khéo và giỏi mưu đồ đến nỗi kéo được Nguyễn An Ninh cộng tác với Tạo trong bộ biên tập tờ "Trung lập", vốn là cơ quan của Pháp.

Ký giả bài này, khi đứng về mặt tranh đấu đảng, khi khen Tạo là giỏi là không đặt vấn đề đạo đức. Với Cộng sản Đệ tam mà đặt vấn đề đạo đức thì quả là điên rồ vậy!

Năm 1935, Thâu đứng đầu sổ Nhóm Tranh đấu, có 7 người. Tạo, Thạch, Sổ... ra tranh cử Hội đồng Thành phố Saigon. Thâu chiếm 80 phần trăm số phiếu. Lễ tự nhiên là nhóm Thâu sáng như nhật nguyệt trong Hội đồng Thành phố và nói lời gì cũng được quần chúng tán thưởng và truyền tụng.

ĐÔNG DƯƠNG ĐẠI HỘI - 1936

Thâu bị giam lỏng ở Mỹ Tho vào năm 1939. Tháng tư năm ấy, Thâu ứng cử Hội đồng Quản hạt (Conseil Colonial) với Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm tại quận 2, gồm có Saigon Cholon Mỹ Tho - Gò Công Bến Tre, Vĩnh Long. Đệ tứ lại cho ứng cử thêm một sổ (liste) Phan Văn Chánh, Trần Văn Sĩ và Nguyễn Văn Sổ, tại khu vực 1, Gia Định, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Bà Rịa.

Sổ Thâu đắc cử về vang ngày 30.4.1939.

Thâu trở nên thần tượng của nhân dân miền Nam Việt Nam, có các đồng chí sáng giá là Thạch, Hùm, Chánh v.v...

Rồi, Thâu được cho đi dưỡng bệnh ở Âu châu và phải đi Bỉ vì lệnh trục xuất của Pháp năm 1930 chưa mãn. Rồi ngày 1.9.1939 Thâu bị đưa từ Singapore về Saigon vì Đệ nhị thế chiến bùng nổ.

Nhật Bồn chiếm Đông Dương tháng chạp 1941. Ninh, Thâu, Thạch và hầu hết đều bị Pháp đày ra Côn Đảo và có người bị giam tập trung ở Tà Lai và Bà Rá.

Ngày 9.3.1945 Nhật Bôn đảo chánh Pháp.

Việt Minh nắm chánh quyền ngày 25.8.1945. Sau đó Nguyễn Văn Sâm, Khâm sai Nam Bộ, từ Huế về tựu chức bị Việt Minh chặn đường bắt ở Nha Trang rồi trả về¹.

Thâu ra Bắc. Rồi vội vã trở về vì (nghe đâu) được tin cụ Trần Trọng Kim mời tham khảo ý kiến về việc lập chánh phủ mới ứng phó thời cuộc.

Về tới Quảng Ngãi, Thâu bị Ủy ban Nhân dân (Việt Minh) ra lệnh bắt, rồi bị án tử hình về tội "Việt gian". Rồi Thâu bị giết. Có người kể lại rằng phải ba lần với ba lớp người mới chết được Thâu.

Bà Phương Lan viết về cái chết của Thâu:

Hai lần đem ra hành quyết, mỗi lần một trung đội quân dân, tay cầm mã tấu dài thườn thượt, sắc bén như ngọn guom trường. Lần đầu tiên họ chém người lính kín, với các thanh niên ham mộ theo Thâu ở Bungalow rất dễ dàng như chém một cây chuối. Một người cầm mã tấu, chém một nhát ngọt vào cổ, bay đầu liền lăn lóc, đến phiên người khác xử người kế đó...

*Phiên chót đến Tạ Thu Thâu, họ ngấp ngừng sừng sờ như trời trồng cả đám, khi Thâu lớn tiếng bình vực cho mình. Thâu la lớn, hỏi gạ: **"Thâu tội gì? Yêu nước, bình vực quyền lợi cho dân là một tội chết phải không? Như vậy, sau này các anh cũng phải đền tội như tôi, không sớm thì muộn, vì đã giết oan người vô tội v.v...."***

Không một ai đành xuống tay hạ thủ, chém Thâu cả... Đến lần thứ hai cũng thế, bao nhiêu tội nhân khác, hành quyết một dao ngọt lịm, đến lượt Thâu, họ vẫn ngần ngại, dừng tay đứng ngó Thâu. Có người mắt ven tròn róm lệ là khác.

Thâu vẫn nói, nói thao thao, bất tuyệt, nói cho hết can trường, nói cho hết cái tàn ác của bọn người vô nhân, phi nghĩa, rồi có chết cũng cam tâm...

Tức tối xử Thâu không được, họ thay nhóm dân quân khác, cũng một trung đội, lần này tên Tư Ty nhảy cầm đầu nhóm dân quân, tay Tư Ty cầm súng lục chỉ huy hành quyết Thâu. Dù sợ Tư Ty, nhưng không một ai nhúc nhích khi Tư Ty ra lệnh chém Thâu, ba bốn lượt như thế. Ai mà nỡ giết người vô tội, khi biết rõ ràng người ấy vô tội, người ấy là một nhà đại ái quốc siêu nhân hơn người.

Quá tức giận, Tư Ty sẵn cầm súng sáu trên tay, chính hấn rĩa đạn vào người Thâu, một con hổ khát mồi...

Thâu ngã gục, Tư Ty truyền lệnh lấp cát lên thân Thâu. Nhưng nhiều người, cảm kính người anh hùng cách mạng, can trường Tạ Thu Thâu, nên họ nén đào lỗ, chôn riêng một chỗ làm dấu để dễ nhớ sau này.

... Còn những thanh niên ham mộ Thâu thì bị đập sơ sài dưới cát, cùng chôn tập thể với nhau.

Tạ Thu Thâu bị giết. Phong trào kháng chiến đang lúc phát triển mạnh, mọi người đều lo nghĩ đuổi Tây giành độc lập. Thời cuộc dồn dập. Không còn thì giờ lo nghĩ gì khác hơn là kháng chiến bằng mọi cách. Tạm quên người chết trong lúc người ái quốc cấp lãnh đạo bị giết rất nhiều vào cuối năm 1945 và trong năm 1946. Bùi Quang Chiêu, Lê Quang Liêm, lãnh tụ đảng Lập hiến, Huỳnh Văn Phương, Đệ tứ bị giết vào cuối 1945. Hồ Văn Ngà bị giết tại Kim Quy Rạch Giá, Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh, Nguyễn Văn Sô, Trần Văn Sĩ lãnh tụ Đệ tứ và nhiều đồng chí, thêm Dương Văn Giáo, luật sư, không đảng phái và nhiều bạn hữu khác đều bị giết tại sông Lòng Sông, cuối năm 1945. Ông Hội đồng Nguyễn Văn Nhiều ở đường Palikao Cholon, đón Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ về nhà, ở ba ngày, để thành lập đảng Dân xã với Ân, Sâm, thì sau đó bị Cộng sản giết một cách thâm hiểm. Năm 1947, Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ bị gia hại,

¹- Cũng trong tháng 8.1945 Nguyễn Văn Sâm ra Huế lãnh chức Khâm sai Nam Bộ về tới Nha Trang bị Việt Minh bắt giam lại mấy ngày. Ngô Đình Diệm, Vũ Đình Dy, Trần Văn Ân, ngồi chiếc xe Ford P.I. (Palais Impérial) được Thủ tướng Trần Trọng Kim mời tham khảo ý kiến về một chánh phủ mới, bị Việt Minh bao vây, cả nhà ngủ tại Nha Trang. Và phải cả buổi thương thuyết mới được vá vô xe để trở về Saigon. Chính tại Nha Trang Việt Minh cho hay Thâu bị Việt Minh giết tại Quảng Ngãi. Điều đó nói rõ Thâu bị giết vào tháng 8 hay tháng 9.1945 vì Ân, Diệm, Dy tới Nha Trang lỗi đầu tháng 8.1945.

Nguyễn Văn Sâm, bác sĩ Trần Văn Tâm và nhiều đồng chí khác bị ám sát tại Cholon và Gia Định. Và một số đồng trí thức miền Nam bị hại, như vợ chồng Hồ Vĩnh Ký chẳng hạn. Từ đó về sau thường có xảy ra vụ thủ tiêu người ái quốc. Bài này dành cho Tạ Thu Thâu nên không nói nhiều về những người ái quốc khác.

Tác giả có vài vấn đề muốn đặt ra cho anh em trẻ tuổi đang hăng hái đấu tranh cho tự do bác ái, công bằng, cho nhân bản, hòa bình.

Và trước khi đưa ra vấn đề, có vài sự việc mà tác giả thấy cần phải nói qua. Tác giả là đồng chí của Nguyễn Văn Sâm, Hồ Văn Ngà, là bạn thân của Thâu, Thạch, Hùm, là bạn vong niên từng gần Dương Văn Giáo, Nguyễn Thế Truyền, từng biết Nguyễn An Ninh, từng vào đảng Parti Annamite de l'Indépendance của Nguyễn Thế Truyền. Là người đã học ở Aix en Provence một lúc với Liêu Sanh Trân và Nguyễn Văn Tạo. Trân và Tạo nhỏ tuổi hơn nên được coi như hai người em. Ân và Trân còn là Tổng thư ký và Phó tổng thư ký Ban Tổ chức Đại hội Sinh viên năm 1927 (luật sư Trịnh Đình Thảo làm chủ tịch; Tạ Thu Thâu không tham dự Đại hội này, có lẽ vì mới qua). Cho tới ngày kháng chiến bùng nổ, Tạo với Ân vốn là anh em không có xảy ra điều gì xích mích.

Trong nhóm Đệ tứ thân với Ân hơn cả là Trần Văn Thạch. Thạch và Ân vốn là chủ tịch và Phó của Đại hội Sinh viên Đông Dương tại Aix en Provence (Pháp) năm 1927. Khi về xứ, thường năm Tạo và Thạch có riêng rẽ tới quận Thốt Nốt chơi với Ân liên tiếp mấy ngày. Và khi Ân lên Saigon thường ở nhà Trần Văn Thạch. Chúng tôi nhiều khi thân mật tỏ tâm tình với nhau.

Chí như Thâu với tôi, chúng tôi vốn là người cùng tỉnh lại có tình thương nhau. Lại một điều là trước khi Thâu bị trục xuất (1930), chúng tôi không có dịp gần nhau và làm việc chung với nhau. Chính Dương Văn Giáo là người làm cho Thâu với tôi gần nhau. Với Phan Văn Hùm, chính tôi là người tìm cách gần bạn, vì tôi mộ tài viết văn và ý kiến sâu rộng của Hùm.

Xin kể một vài mẫu chuyện giữa chúng tôi và xin hiến cho bạn đấu sĩ.

Giữa tôi và Tạ Thu Thâu. Có lần tôi hỏi Thâu: "**Toi** quả quyết *Marxisme* đúng như khoa học sao?"

- Ân, **toi** còn hoài nghi vì **toi** không đọc trọn các sách của Marx, như "*Le Capital*" chẳng hạn. Sai là ở chỗ **toi** chỉ đọc các bài trích phê, nên **toi** không vào chiều sâu.

- Đành vậy, nhưng **mọi** không chịu hoàn toàn duy vật, không chịu giai cấp đấu tranh, còn hoài nghi biện chứng pháp luận. Tuy nhiên, bây giờ **mọi** không bàn về lý thuyết với tự do. Bây giờ **mọi** có mục đích chánh yếu là quốc gia độc lập, dân chủ tự do. Cái chi chi sau sẽ tính. **Mọi** hoàn toàn tin cậy ở lòng thành và trong sạch của **tôi**.

Ân hỏi: "Tại sao Hồ Hữu Tường tách ra lập riêng phái "Tháng Mười"?"

- **Toi** dư biết Tường thấy cãi không lại Hùm với **mọi**. Tức giận, Tường lập riêng một nhóm để cầm đầu.

Về báo "*La Lutte*", Thâu bảo: "Ân, **toi** có vợ rồi, chắc không được như **mọi**. **Mọi** chịu cho **toi** ẩn mặt cho khỏi làm vợ con khổ sở. Vậy **toi** có chịu viết thì cứ giao cho **mọi**".

Ân đồng ý, còn thêm "*pas de droit d'auteur*" (không có tác quyền).

Có lần đi tranh cử tại rạp Đội Có, Tân Định, Saigon, Thâu tìm tôi bảo: "Ê, Ân, tôi nay tụi liên danh nghịch, diễn thuyết tại rạp Đội Có. Tao muốn mày đi với tao. Hai đứa mình cướp *tribune* của họ cho bồ ghét. Chỉ có mày mới dài hơi theo kịp tao. Tao nói vừa xong. Mày nhảy lên lẹ. Nói thao thao không dừng. Rồi tao nhảy lên tiếp mày. Cứ thế. Tụi nó không dám đuổi vì mình có thánh giả ủng hộ".

- Còn Thạch đâu?

- Thạch đi nơi khác. Mà Thạch nói tiếng Việt kém và yếu hơi không làm được theo kế hoạch của **mọi**.

Thế rồi chúng tôi cướp diễn đàn, thành công dễ dàng. Tôi còn nhớ mãi, lúc đang diễn thuyết thao thao, Thâu quay lại sau có anh chàng mà Thâu cho là người của Pháp, muốn cướp lời, Thâu chửi: "Tao đánh chết cha mày".

Về nhà chúng tôi nhắc lại, cả cười.

Về thân phụ của Tạ Thu Thâu, có mẩu chuyện này rất lý thú. Một hôm quan Chủ tỉnh cho mời ông tới, bảo ông phải dạy con phải biết ơn chánh phủ "*Lang Sa*". Ông đáp: "*Chúng tôi biết ơn lắm. Còn về con tôi, tôi phải trách ông chứ, sao ông lại trách tôi. Vì tôi đã giao cho nhà nước Pháp Lang Sa dạy dỗ kia mà*".

Về sau con trai của Thâu, trong những năm 1948-50, thường được tôi mời tới mỗi khi tôi có dịp qua Pháp. Cháu tên là Thanh, được một người nông dân Pháp nuôi dưỡng, không biết tiếng Việt. Cháu thường đi chơi với tôi cả ngày, lúc tôi ở Hôtel Lutetia. Về sau tôi mất địa chỉ, không tìm được cháu nữa. Tôi chỉ biết là cháu rất dễ thương, tánh tình ngay thật. Cũng cao ráo như cha.

Giữa tôi và Trần Văn Thạch. Tôi có thể nói là chúng tôi rất quý và thương nhau. Có lúc chúng tôi cùng dạy chung ở trường Nam Kỳ học hiệu, Chợ Lớn (mướn trường của ông Huỳnh Văn Chợ). Bạn nhau từ trên đất Pháp, tôi cho Thạch là người ngay thật đáo đê, có thể gần như ngây thơ. Có lần Thạch hỏi tôi: "*Mấy cô đào hát, có thể thương nhiều người một lúc được sao?*" (vì có vấn đề tâm tình giữa nhà cách mạng này với một cô đào hát cải lương quen thân với tôi).

Sở dĩ cô đào nọ thương được nhiều người, có lẽ vì thường đóng trò, đến nỗi đóng trò cũng như sự thật, hoặc làm chuyện thật cũng như đóng trò. Điều đó tôi gọi là **trung thực mỗi lúc** (sincérités successives).

Có điều tôi không đồng ý với Thạch khi Thạch vạch lỗi Pháp văn của ông Nguyễn Phan Long. Tôi bảo bạn: "**Tôi** có hay Pháp văn hơn ông Long cũng không làm gì! Việc của **tôi** moi không xen vào, chứ **moi** không thích".

Xin kể lại vài lời của Thạch cho tới nay vẫn thường làm tôi rơi lệ.

Tháng 9 năm 1945, chúng tôi ở chung trong nhà bạn Nguyễn Bá Tường ở đường Lò Gốm, Chợ Lớn. Một sáng nọ, thức sớm Thạch đánh thức tôi, bảo: "*Ấn, moi đi vùng khác. Đêm hôm moi nghỉ là ở đây, rùi tụi nó bắt mình, sẽ bắt cả hai, uống lắm. Moi đi lên vùng Hóc Môn, ở đó moi có bạn tranh đấu. Giữa hai đứa mình nếu thằng này bị giết thì còn thằng kia. Tao hiểu mấy lắm Ấn. Giữa các bạn có lẽ tao hiểu mấy hơn ai cả. Đây tao có cuốn **dictionnaire Francais-Anglais**, ở đây chỉ có vật này. Tao có ký tên trong đó. Mấy cất để nhớ tao. Tao biết mày giỏi **Anglais**, lại thường dùng **dictionnaire**, tao cho mày kỷ niệm*".

Rồi gần như muốn nhỏ lệ, Thạch bắt tay ra đi, bắt tay một cách yếu đuối, gần như không muốn buông ra. Và Thạch vừa bắt tay vừa nói: "*Tao đi Ấn. Ấn, biết chừng nào dân tộc mình mới có hòa bình?*"

Thạch đi rồi bị giết. Tôi mất bạn - một người bạn thân tín.

Giữa tôi và Phan Văn Hùm. Tại đường Verdun, sau là Lê Văn Duyệt, tại nhà báo "*Hung Việt*", một trưa tháng chín 1945, Hùm tới thăm tôi, chào hỏi các bạn khác như Phan Khắc Sửu, Hồ Văn Ngà, Nguyễn Văn Sâm rồi ngồi lại nói chuyện riêng với tôi. Nói về triết học, về văn chương, về nghề viết báo, về thời cuộc. Rốt cuộc, trước khi chia tay, Hùm buồn buồn bảo: "*Ấn, anh em mình có nhiều chỗ gần nhau quá, tuy anh không bàn nhiều về Marxisme, gần nhau nhất là tâm hồn nghệ sĩ. Tôi lại thấy anh có cái gì gần nho phong sĩ khí. Anh gần Nhựt Bốn, với cái lý anh nói thì không ai trách anh được. Anh dám tiên đoán Nhựt thua và Nhựt sẽ đảo chánh Pháp, Phương có kể cho tôi nghe những lời anh nói với Phương đầu tháng 10-1943 trước khi anh bị đưa đi, mà không biết đi đâu¹. Tôi thấy bộ ba của anh - Ấn, Ngà, Sâm - hay quá; chúng tôi lúc này không có Thâu, không có người thế*".

Rồi Hùm nhấn mạnh: "**Chớ chỉ chúng mình được làm việc văn hóa chung nhau thì hay quá!**"

Sau đó Hùm ríu ríu từ giã anh em, bước ra cửa, mà chân như ngần ngại. Anh đi luôn. Tôi không hề gặp lại. Anh thành người thiên cổ, bỏ xác nơi sông Lòng Sông.

Khi nói tới anh Phan Khắc Sửu, Hùm bảo: "*Anh ấy không làm được chánh trị. Còn hiền hơn anh Ngà - nhưng anh có nước lì, lợi cho cách mạng mà không lợi cho chánh trị*".

Khi nói tới Hồ Hữu Tường, Hùm bảo: "*Tôi ít gần anh Tường, ít khi bàn việc với anh ấy*".

¹ - Sự thật là đi Singapore.

Giữa tôi và Huỳnh Văn Phương. Con người cao ráo, trắng, mắt sáng, nói chuyện hấp dẫn. Năm 1943, trước khi tôi phải bỏ xứ ra đi vì mật thám Pháp muốn tìm mọi cách gia hại, tôi có đến gặp Phương hai lần, một lần đi chung với Hồ Văn Ngà, một lần từ già. Tôi ân cần bảo Phương: "Tụi **tôi** thì hay biện chứng. **Mọi** không biện chứng. Nhưng suy đoán theo người Á Đông. Vấn đề Nhật Bản thua thì **mọi** có nói từ đầu năm, nói ngay với người Nhật. Còn vấn đề chánh quyền Pháp, thì mọi nghĩ thế nào cũng bị Nhật đảo chánh. Vì lẽ Nhật càng thua, Pháp càng tỏ ra bất thân thiện. Mà Nhật là một thứ người kiêu hùng. Biết mai này thua, nay nó cũng vẫn tận tụy hi sinh. Nhật sẽ phải đảo chánh Pháp trước thái độ của Pháp khi Nhật trên đà thất thế. **Mọi** đã tính việc ấy với hai anh Hồ Văn Ngà, Trần Quang Vinh, cầm đầu quân binh Cao Đài. Điều Án muốn nói với Phương, là khi Nhật đảo chánh mình phải thừa cơ nắm chánh quyền, phải thỏa thuận với anh em sắp xếp các bộ phận chánh quyền hầu tránh sự tranh đua nhau. Và nắm chánh quyền để quyết liệt ứng phó thời cuộc khi Nhật bại trận".

Ngày 31.5.1945, vài tháng sau khi cụ Trần Trọng Kim đã lập xong nội các, tôi từ Singapore về vì vợ tôi qua đời đầu tháng 5, để lại sáu đứa con nhỏ dại. Mấy ngày sau, khi về tới Saigon, tôi gặp lại Phương. Phương bảo: "Án, **tôi** nói đúng quá. Anh em không làm như **tôi** nghĩ nên vấn đề chánh quyền rất lồi thối. Mà anh Ngà thì không chống nổi thằng Sato, Phó Thống đốc Nam Kỳ".

Sở dĩ tôi kể lại vài câu chuyện giữa anh em Đệ tứ và tôi vì bài này nói về lãnh tụ Đệ tứ Thu Thâu. Và vì cũng muốn cho anh em đầu sĩ trẻ tuổi đặt mình trong cảnh ngộ lúc bấy giờ mà nhận xét. Trên đường đấu tranh, người đấu sĩ có bạn đồng chí, hoặc đồng tâm đồng đức, ắt có lắm kỷ niệm ưu ái, thân tình, có thể soi sáng con đường tiến thủ về sau.

Tới lúc tôi xin đặt **vấn đề thứ nhất** với bạn đọc:

Tại sao phần đông du học sanh ta, trong thời gian 1920-30-40, phần đông học Marxisme, ngã theo lý thuyết này và làm người đấu tranh cộng sản?

Như đã nói bên trên, có lần tôi hỏi qua Thâu tại sao có sự xác tín. Thâu cho tôi còn hoài nghi vì không đọc hết về Marxisme. Thế là Thâu xác tín Marxisme.

Gần gũi Trần Văn Thạch, tôi là người nhận rõ diễn tiến tư tưởng của Thạch. Lúc ở Pháp, học ở Toulouse, trong lúc đó tôi học ở Aix en Provence, Thạch chưa có luận điệu mác-xít. Khi về xứ, gặp lại Thạch tôi hỏi qua việc này. Thạch trao cho tôi quyển "Socialisme" của Ludocvie Von Mises, bảo tôi đọc.

Với anh Hùm, tôi không hề hỏi qua, vì anh ít nói hoặc không nói chi về mác-xít với tôi.

Với mấy người Đệ tứ khác tôi tuyệt nhiên không hỏi qua. Và suốt thời làm bạn với Thâu, Thạch, Hùm, chúng tôi không có thảo luận về lý thuyết, bởi tôi cho sẽ dẫn tới chia rẽ. Tôi chỉ đặt mục tiêu tranh thủ. Tới ngày kháng chiến bùng nổ, tôi quyết định ở lại thành với Sâm, Ngà, Đường và nhiều bạn khác, chịu tiếng xấu Việt gian để tránh bị Đệ tam sát hại và tìm cơ hội xây dựng giải pháp phi Cộng sản. Sự việc này đưa chúng tôi tới thành lập Ủy ban Phong tỏa Đô thành.

Rõ rệt một điều là Thâu, Thạch, Hùm chán ghét bất công trước hết và mong tìm cách đánh đổ bất công. Đi theo con đường Cộng sản vì hi vọng sẽ đem lại công bình cho mọi người, cho dân tộc, và hòa bình cho nhân loại. Công bình và hòa bình, đó là hai mục tiêu chánh yếu.

Thâu là con nhà nghèo, cha làm thợ mộc. Thạch và Hùm ít nhiều tiểu tư sản. Thạch có người anh (tên là Đá) làm thợ ký Kho bạc Saigon. Không rõ nghề của thân phụ. Án biết gia cảnh của Thạch và từng vào chơi nhà Thạch ở Phú Lâm, đường đi về Lục tỉnh. Nhà ngôi nhỏ. Hùm cũng thuộc tiểu tư sản. Học Hà Nội đỗ **agent technique**, tức một thứ kỹ sư công chánh, rồi mới đi Pháp. Ký giả bài này cũng thuộc hạng tiểu tư sản. Cha làm thầy thuốc Bắc trong làng. Bác đi làm công năm để có tiền cho em đi học Đông y, suốt hai chục năm. Hầu hết những con nhà nghèo đi Pháp cầu học, đầu có chí hướng đánh đổ chế độ thuộc địa. Tuy học Pháp, không ghét nước Pháp, thương nhân dân Pháp, nhưng **cực kỳ ghét chế độ thuộc địa, ghét và thù không đội trời chung.**

Từ đầu thế kỷ XX, nền giáo dục, nhứt là ở Nam Kỳ Lục tỉnh, đã hoàn toàn thay đổi. Không còn học Nho. Và chỉ có trường công hay trường tư được Pháp cho phép và phải dạy theo

chương trình Pháp đặt ra. Nam Kỳ lại là thuộc địa. Trẻ sinh ra trong những năm 1900-1910 (Nguyễn An Ninh sinh năm 1899) hoàn toàn lạc lõng, đi học cái học không Việt không Tây.

Như khi được đi Pháp với một số đồng trốn tàu thủy vì không xin được giấy xuất cảnh. Và trốn mà cũng phải tốn tiền. Có khi trốn dưới hầm nước mấy ngày đợi tàu chạy mới lên, qua tới Pháp phát bệnh lao. Ký giả bài này từng nuôi trong phòng tại Aix en Provence một người lao nặng vì trốn tàu. Có nhiều người chết.

Ở Pháp lúc bấy giờ sự kỳ thị chủng tộc rất mạnh. Người Pháp chỉ nhận làm "**correspondant**" các con ông cháu cha. Và ngó học sinh nghèo Việt Nam bằng nửa con mắt.

Trên đất Pháp học sinh và sinh viên Việt Nam rất khổ. Ít có dịp giao thiệp với gia đình từ tế. Lúc bấy giờ không có **cit   universitaire** và cũng không có **cantine scolaire**. Sự ăn ở của học sinh sinh viên rất khó khăn. Lại không có quyền lập hội. Cái hội được cho phép thuở nọ là Association Mutuelle des Indochinois (A.M.I.), chỉ Học sinh, Sinh viên lao động mới được vào A.M.I. mà thôi.

Thế mà cũng hội hè rầm rộ. Chống Thực dân Pháp trên đất Pháp, không còn chơi với ai khác hơn là chơi với hai đảng Xã hội S.F.I.O. và Đệ tam Quốc tế. Đệ tứ không có tổ chức, hoặc có mà lúc ấy tôi không biết. Phía Pháp có đảng Jeunes Patriotes là đảng hay khiêu khích sinh viên Việt Nam để đánh lộn. Ký giả còn nhớ năm 1928 cùng Dương Văn Giáo, Trịnh Hưng Ngẫu có tổ chức diễn thuyết từ Bordeaux qua Marseille, qua mấy thành phố lớn như Toulouse, Montpellier (diễn thuyết công cộng). Ở mọi nơi các giấy công bố ngày và nơi diễn thuyết (affiches) đều bị xé hết. Và mỗi lần diễn thuyết đều có dự bị côn, roi, để đánh trả bọn Jeunes Patriotes.

Hồi đó, sách về dân chủ tự do đã ít mà lại không hấp dẫn. Còn sách về học thuyết Marxisme, nói rỗng duy vật, rất hấp dẫn. Con người từ có đầu óc duy tâm chỉ đọc sách duy tâm, khi đọc sách duy vật không mấy người khỏi đâm mê.

Thế nên **đa số sinh viên Việt trong những năm 25, 30, 35, 40, cả về sau, đều học duy vật, và xác tín duy vật. Mà đã xác tín duy vật thì không khỏi xác tín biện chứng pháp của Marx - Engels. Thế rồi lấy đó làm lợi khí đánh đổ Thực dân mà lòng nghĩ sẽ có độc lập quốc gia, hòa bình thế giới.** Thâu chơi thân với Đệ tứ - gọi là phe của Trotsky - thành người theo Đệ tứ, để trở nên thành lãnh tụ Đệ tứ.

Thạch, ông cử về xứ đi dạy trường tư, cũng buồn. Lại chơi với Thâu, rồi đọc sách "Socialisme" của Ludocvie Von Mises, Thạch trở thành Cộng sản Đệ tứ. Duy chỉ có trường hợp Hùm thật là khó giải thích, bởi vì Hùm có Nho học và là thứ Nho tốt. Tôi không hiểu nổi lý do đưa Hùm đi theo Đệ tứ. Hoặc giả vì cảm tình với Thâu, rồi lần lượt thành Đệ tứ chẳng. Cuốn "Biện chứng pháp" của Hùm có giá trị lớn. Mà viết được như thế là phải có xác tín.

Ở Nam Kỳ, **Đệ tứ có ảnh hưởng lớn hơn cả, nhưng không có tổ chức quần chúng, không có cán bộ hạ tầng, không có tổ chức ám sát đối lập như Đệ tam.** Đây là điểm quyết định thất bại của Đệ tứ trước Đệ tam.

Thử đặt **vấn đề thứ hai:**

Nếu Đệ tứ có tổ chức và có sức lãnh đạo kháng chiến song song với Đệ tam, bằng lối "đánh chung đi riêng" thì thành quả ra sao?

Tôi đã từng nói lúc bắt đầu kháng chiến, đảng Quốc gia Độc lập của Sâm, Ngà, Ân họp mấy đêm liên tiếp. Ân đặt vấn đề "đánh chung đi riêng". Nguyễn Bảo Toàn, Trần Quang Vinh, Kha Vạn Cân chủ trương hòa hợp với Đệ tam, kéo mất sức rồi không giành được độc lập. Sâm, Ngà, Ân, Đường (Lâm Ngọc) thua phiếu. Anh em của Ân thua phiếu trước thời cuộc diễn biến nhanh chóng và mất luôn thế đứng khi Trần Quang Vinh giao binh quyền cho Nguyễn Văn Thành, đem bộ đội mình hợp tác với Đệ tam. Câu chuyện này dài dòng. Đây chỉ nói phớt qua.

Nếu có Thâu, Thạch, Hùm lãnh đạo kháng chiến và giữ một vùng nào đó làm căn cứ địa, tôi tin là hầu hết phe không Cộng sản sẽ đi với Thâu. Đi, không vì Thâu là lãnh đạo Đệ tứ, mà vì con người của Thâu, Thạch, Hùm. Và toàn thể anh em đảng Quốc gia Độc lập sẽ hoặc liên minh chặt chẽ hoặc hợp nhứt với Thâu.

Nhưng phe Đệ tam quá đủ tài, và thấy xa, nên đã lo sát hại phe Đệ tứ và phe Quốc gia như Ngã, Giáo, rồi tới Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ và Nguyễn Văn Sâm.

Tôi không thể không có vài lời về Dương Văn Giáo, một luật sư có tiếng, đứng vào hạng thi đỗ tiến sĩ luật đầu tiên của Việt Nam như cụ Phan Văn Trường, ông Trần Văn Chương, một thời với các ông Nguyễn Văn Thinh, Trần Văn Đôn. Ông là Tổng thư ký đảng Lập hiến (Parti Constitutionnaliste) do cụ Bùi Quang Chiêu lãnh đạo. Với Ân, Giáo là bạn, là người anh mà Ân quý mến từ lâu, về lý do đã cùng nhau sáng lập tờ "*Đuốc nhà Nam*" (tên báo là do Ân đặt), đã cùng hợp tác trên đất Pháp (vụ biểu tình chống Đốc phủ Nguyễn Văn Vĩnh, vụ đi diễn thuyết ở miền Nam Pháp). Tuy thuộc đảng Lập hiến nhưng tư tưởng của Giáo rất cấp tiến, có khi tiếp cận Tả đối lập là khác. Đời tư của ông không đẹp. Nhưng khi làm cách mạng, tinh thần ông rất cao, nghĩa cử ông rất phóng đạt, lòng thương bạn của ông chí mực. Có lần Thâu nói với tôi: "*Tụi nó hay công kích **mọi** chơi thân với Dương Văn Giáo, mà tụi nó không biết Giáo là người chí tình, và hết lòng giúp bạn. Tuy ở đảng Lập hiến và Giáo không bao giờ xung đột về tư tưởng với **mọi***".

Có lẽ Giáo mượn cái thể của phe Nhà giàu trong Lập hiến. Để chống lại Chánh phủ Hồ Chí Minh (Giáo biết sớm hơn ai cả Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc), Giáo có thành lập Chánh phủ Việt Nam Cộng hòa Dân quốc với Ngô Ứng Tài, Nguyễn Hòa Hiệp, Lê Kim Ty và ít người khác. Giáo vào tận Cholon, đường Lò Gốm, giao cho Ân Bộ Ngoại giao. Ân từ chối và trình trọng thưa: "*Thưa anh, Hồ Chí Minh đã nắm cái thể thượng phong, thì không nên trực diện chống trả. Phải kháng chiến và nép mình gây thế lực đợi thời cơ. Tôi xin anh dẹp chuyện lập chánh phủ kháng chiến trong lúc đã có chánh phủ Hồ Chí Minh*". Giáo không bằng lòng, ngồi bên Ân nói cả ngày. Rồi ra đi. Cũng là vĩnh biệt. Bạn Ưng Hòa có kể cho tôi nghe là cả Dương Văn Giáo, Lê Kim Ty và Nhóm Đệ tứ đều bị chui xuống sông Lòng Sông gần Phan Thiết. Giáo chết vì nắm được hồ sơ của công an Pháp có thể làm bại lộ một số anh em Đệ tam. Anh chị Hồ Vĩnh Ký cũng vì đó mà chết cả hai. (Chị Ký tên Xương, từng học ở Aix en Provence).

Bà Phương Lan, trong sách "*Tạ Thu Thâu*", có kể chuyện Thâu gặp Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ (Đức Thầy và Đệ tứ từng có mối liên lạc mật thiết) và Thâu có khuyên Thầy nên nắm vững quần chúng vì "*nắm được quần chúng tức là nắm đại cuộc rồi vậy*" (trang 316).

Lại có lời Đức Thầy nói với Thâu: "*Tôi vẫn lo ngại vấn đề quốc tế liên hệ với đường lối tranh thủ của dân tộc mình. Nếu chúng ta cố thủ trong Mặt trận với anh em Đệ tam thì làm gì cũng có rạn nứt về sau. Nhưng nếu chúng ta **đi chung** mà **đánh riêng** thì lực lượng tranh đấu ở tương lai sẽ bị suy giảm. Nhưng yếu tố bên trong cũng như bên ngoài sẽ đưa chúng ta vào một tình thế phải chống nhau để tồn tại. Chúng ta sẽ mang tội với lịch sử nếu không làm tròn sứ mạng*" (trang 317).

Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ sợ tội với lịch sử, nhưng kẻ địch của Đức Thầy không sợ. Họ đã hãm hại Thầy năm 1947. Thầy sợ "**đánh chung đi riêng**" sẽ làm giảm lực lượng kháng chiến (tôi nghĩ có lẽ lúc đó Đức Thầy nghĩ chưa rõ ráo), nhưng thật ra các phe không theo Đệ tam không có đường khác.

Lúc từ Singapore về, gặp lại Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, tôi liền hỏi tin Tạ Thu Thâu, hai bạn trả lời Thâu đang đi ra Bắc. Tôi có nói Thâu đi là sai, vì ở xứ Bắc Đệ tam đã làm chủ. Chỉ có Việt Nam Quốc dân đảng và Cách mạng Đồng minh hội, nhưng hai đảng này không đủ mưu lược và hậu thuẫn quốc tế để đương đầu xảo kế của Đệ tam. Tôi than thở với Thạch, Hùm: "*Phải ở Nam, và nếu muốn ra khỏi xứ phải đi ngả Rạch Giá. Ở Nam có hai tôn giáo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo, đủ sức bảo vệ mình, đáng cho mình làm chỗ dựa và dùng làm đất dụng võ. **Ra Bắc làm sao thoát khỏi lọt vào lưới Cộng sản Đệ tam. Đảng này sẽ không để Tạ Thu Thâu sống, vì trong Nam chỉ có Thâu mới có đủ uy tín kêu gọi đồng bào theo mình mà kháng chiến và đủ tư cách tranh hùng với Đệ tam.** Lại được Phật giáo Hòa Hảo ủng hộ với sự trợ lực của Đức Thầy thì sao lại bỏ đi*".

Hùm bảo: "*Ân, anh nói đúng. Thâu quả quyết muốn đi*".

- Các anh có hiểu vì sao tôi gia tâm lo giúp Phật giáo Hòa Hảo và Cao Đài suốt mấy năm không? Chính vì muốn có quần chúng. Mình lo được phần cán bộ thì nên việc.

Cũng trong sách *"Tạ Thu Thâu"* của bà Phương Lan, có đoạn kể lại Thâu nóng lòng: **"Anh ngại cho anh em trong Nam không rõ chiến lược ngược xuôi của Đệ tam, sẽ thất vọng, lo sợ mang tiếng Việt gian khi bị gán vào tội bán nước. Việt gian phản động, những danh từ ấy rất có hiệu lực trong ngày đầu của người dân mới thức tỉnh... Chắc gì Giàu, Trăn, Tây, hay Mai, Tạo lại để yên ông Huỳnh Phú Sổ, Trần Quang Vinh"** (trang 416).

Trước khi đi Singapore, tôi có nói với Huỳnh Văn Phương: **"Moi lấy làm lạ sao tụi anh thờ ơ với Đệ tam quá. Họ có đảng, có tổ chức còn tụi anh thì chỉ có cái tiếng. Chừng xảy ra đụng độ với Đệ tam, tụi các anh lấy gì chống trả. Cũng vì lo không có đảng nên tôi nhờ anh Hồ Văn Ngà thay tôi trong lúc tôi đi vắng. Anh Ngà đã xét qua tình thế, rất đồng ý với tôi. Nhứt thua là Đệ tam nhảy ra trước và có đủ kế hoạch, và kế hoạch của họ sẵn có từ Moscou đưa tới với tất cả phương tiện tài chánh"**.

Rồi lại nói: **"Cũng vì bảo rằng có thời cơ lấy độc lập mà không có dụng cụ để lấy, thì làm sao có độc lập, nên năm 1939, các bạn Giáo, Sừ, Bửu, Đầu quyết định tôi phải bỏ Thốt Nốt lên Saigon lập đảng. Đã có lần tôi với các anh Giáo, Oanh, Bửu, Sừ... suýt bay đầu"**.

Phương gật đầu. Mà rồi chẳng làm gì từ 1943 tới 1945, và cũng chẳng tiên đoán được Nhứt đảo chánh Pháp.

Thật là rủi cho cánh không theo Đệ tam, không có đảng mạnh. Việt Nam Quốc dân đảng, sau khi thất bại năm 1930, đã kém thế. Sự giúp đỡ của Trung Quốc dành cho Quốc dân đảng kém xa sự giúp đỡ của Liên Xô dành cho Đệ tam. Những điều tôi dự đoán đã không sai. Nhưng, ứng phó không đủ sức, hoặc không đủ tài ứng phó.

Thử đặt một câu hỏi:

Lâm vào hoàn cảnh nước nhà sau Hiệp định Genève (1954), nếu còn sống, các lãnh tụ Đệ tứ Thâu, Thạch, Hùm có ưng thỏa hiệp với Mỹ mà đương đầu Bắc Việt Đệ tam hay không?

Trước hết, không ắt thời cuộc có cho Thâu, Thạch, Hùm... sống tới 1954. Mà dầu còn sống, Thâu, Thạch, Hùm có *"làm lơ"* với Pháp - tức là chờ Pháp bại trận ở Điện Biên Phủ - mà chờ sự thay đổi lớn không?

Thật là khó trả lời. Vì ***Thâu là con người khí khái, không ắt chịu thỏa hiệp (compromis), và không ắt chịu tiếng phản bội lý tưởng***. Thạch và Hùm thiếu một cái gì để lãnh đạo khi không có Thâu.

Hoặc giả Thâu khi đứng vào thế lãnh đạo cấp Trung ương kháng chiến, mà cũng lâm vào cảnh Đệ tam, cảnh cắt đôi sơn hà, liệu Thâu có ưng chịu? Và nếu Thâu và anh em Đệ tứ lãnh đạo kháng chiến có thể lực mạnh hơn Đệ tam, ***liệu phe Đệ tứ có mưu toan thủ tiêu lãnh đạo Đệ tam không?*** Đây cũng là một câu hỏi nên đặt ra. ***Với sự hiểu biết của tôi về con người đạo đức của Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, tôi tin là không có***. Và sẽ có điều chắc chắn xảy ra là ***Liên Xô tìm mọi cách để đìm Đệ tứ xuống***. Trong trường hợp đó, Trung Cộng sẽ có thái độ nào? Có thể lúc đầu theo Liên Xô, nhưng rồi sẽ tách ra mà bắt tay với phe Đệ tứ ở Việt Nam?

Cho nên, có thể nói là phe Tạ Thu Thâu lãnh đạo kháng chiến sẽ có nhiều vấn đề hơn Đệ tam, vì Liên Xô - Trung Cộng đều ủng hộ Việt Cộng Đệ tam tới 1954, và ủng hộ mãnh liệt, nhất là Trung Cộng, ủng hộ tới mức gọi người đánh trận Điện Biên Phủ và chỉ huy.

Bằng như phe Quốc gia lãnh đạo kháng chiến, thì phe này có thể có Đệ tứ và các giáo phái không? Nhưng không có Liên Xô và Trung Cộng ủng hộ là việc chắc. Có thể có Mỹ, nhưng vì sự mập mờ trong chánh sách của Mỹ trong thời 1945-1950, e Mỹ bỏ lơ cơ hội.

Viết về Tạ Thu Thâu, lòng tôi rất nhớ thương đau xót cho số phận chur hữu đã bị Cộng sản Đệ tam sát hại. Quả tình Đệ tam đã khéo trừ liệu và dăm hạ sát tận gốc Đệ tứ và các lãnh tụ ái

¹- Danh từ *"làm lơ"* ở đây có nghĩa là mặt ngoài không theo Cộng và Pháp để chờ ngày Pháp bại trận, điều mà người tranh đấu như chúng tôi đã xác quyết.

quốc!!! Nay kể lại chuyện cổ nhân, tôi đã đốt nén hương hướng lên anh linh chiến sĩ cách mạng khấn vái!

Tới đây, tôi cũng nhớ tới công lao của mấy bà "Mẹ chiến sĩ", đêm tối, canh khuya, dầu khó khăn mấy, có con chiến sĩ ở mặt trận về, hoặc đi công tác về, cũng lo nấu nướng cho con ăn. Tất cả chiến sĩ giành độc lập đều là con. Nay thì mặt không ráo lệ, hoặc không còn lệ mà khóc!

Viết đã dài. Tôi phải dứt. Và trước khi chấm dứt, tôi muốn đọc bài viết của Nguyễn Thúc Lang, vừa bạn học của Thâu vừa bạn của tôi:

HAI CHUYẾN ĐI

Trung tuần tháng 8 năm 1939, hay tin Thâu nằm điều trị tại Nhà thương Chợ Rẫy, tôi có đến thăm Thâu và Thâu cho tôi hay Thâu đã được Thống đốc Nam Kỳ chấp thuận cấp cho Thâu giấy thông hành (passeport) qua Bỉ quốc trị bệnh. Thâu nói: "**Nhà cầm quyền viện lẽ rằng quyết định trục xuất Thâu khỏi nước Pháp năm 1930 vẫn còn hiệu lực nên chỉ cho Thâu qua nước Bỉ**". Thâu nói thêm: "**Khi qua đến nơi rồi, Thâu sẽ quyền biển, từ Bỉ quốc Thâu có thể tìm cách qua Pháp hay nước nào khác tùy ý**". Thâu hứa khi nào biết chắc ngày ra đi sẽ tin cho tôi biết.

Vài ba ngày sau, Thâu nhắn tôi đến nhà hàng Tân đại lục (Sánh Tai Luk) là tiệm cơm Tây tại tầng dưới lầu lầu ngày nay mang hiệu "**Arc en Ciel**", đường Jaccaré (nay là đường Tân Đà). Khi tôi đến nơi thì Thâu và Dương Văn Giáo đã có mặt. Buổi tiệc hôm đó chúng tôi chỉ có ba người, ba anh em đã thân thiện với nhau từ lâu tuy không đồng chí hướng. Thâu nói hai ngày nữa Thâu sẽ đáp tàu qua Âu châu, khi cấp giấy thông hành sở mật thám có buộc điều kiện là Thâu không được cho ai biết ngày ra đi và anh em không được tiễn đưa Thâu tại bến tàu.

Bữa cơm này là một tiệc tiễn hành, tôi không ngờ lần này là lần chót của tôi gặp Dương Văn Giáo và Tạ Thu Thâu.

Một thời gian sau, có người bạn cho tôi biết: Thâu đáp tàu nào không rõ, nhưng khi tàu ghé Tân Gia Ba (Singapore) là nhằm ngày 1.9.1939, Đế nhị Thế chiến đã bùng nổ bên trời Âu, Thâu bị bắt buộc trở lại Saigon. Hình như biện pháp này không phải chỉ áp dụng cho một mình cá nhân Thâu. Chuyến tàu mà Thâu đã đáp từ Saigon bị tạm giữ tại Tân Gia Ba để chờ đợi ngày nào được tiếp tục hành trình qua Âu châu. Đó là một quyết định của hải quân Anh quốc: vì Đức quốc vừa khai chiến, chưa biết đường biển chỗ nào tàu bè hàng hải có thể qua lại được. Hành khách người Âu có thể chờ tại Tân Gia Ba, nhưng hành khách người Á đều bị bắt buộc trở lại xuất xứ.

Riêng đối với Tạ Thu Thâu, phải chăng đó là một duyên kiếp: 1930 bị trục xuất từ Pháp quốc, 1939 bị giải hồi từ Tân Gia Ba; con dân Việt Nam phải sống trên đất Việt, phải gởi nắm xương tàn dưới lòng đất mẹ.

1939-1940, thời cuộc biến chuyển, tất cả đều bị đảo lộn. Quân đội Nhật chiếm Đông Dương, quân đội Đức chiếm nước Pháp. Như đã nói trong chương I, Tạ Thu Thâu cũng như Nguyễn An Ninh và các nhà cách mạng, các người Việt "**làm chánh trị**" đều bị bắt.

Tháng 4 năm 1940, Tạ Thu Thâu bị đày ra Côn Đảo.

1945, thời cuộc càng biến đổi dữ dội, mau chóng:

Ngày 9 tháng 3, Nhật đảo chánh Pháp,

Ngày 25 tháng 8, Việt Minh nắm chánh quyền.

Tạ Thu Thâu từ Nam ra Bắc, rồi từ Bắc trở về Nam.

Trên con đường thiên lý, tại "**Cánh Đồng Dương**" bờ biển Mỹ Khê, ác nghiệt thay! Nhà Cách mạng Tạ Thu Thâu là nạn nhân số một của một cuộc Cách Mạng đầy máu lửa.

*

Theo dư luận của đại chúng, một nhân tài như Tạ Thu Thâu có đức tánh cao khiết, có tấm lòng thương nước nồng nhiệt, thay vì hướng về một lý thuyết Ngoại lai, để bị "**kẹt**" trong một cuộc đối nghịch viển vông không liên quan đến đại cuộc của nước nhà, mà chỉ luôn luôn theo con đường quốc gia dân tộc thì may mắn cho đất nước biết bao! Thời thế tạo anh hùng, nhưng anh hùng cũng có thể tạo thời thế!

Đọc xong lời Thúc Lang, tôi nhỏ lệ trên giấy, nhớ bạn, nhớ chiến sĩ ái quốc, nhớ bao nhiều nhà ái quốc bị Cộng sản Đệ tam sát hại!

Rồi tôi khóc òa khi đọc bạn Điền Nguyên Nguyễn Văn Đính:

KHÓC NHÀ CÁCH MẠNG TẠ THU THÂU

(Thác lời Bà Nguyễn Thị Ánh, góa phụ Tạ Thu Thâu)

*Khóc Tạ Thu Thâu: Anh chưa chết!
 Anh chưa chết, nghĩa là Anh còn sống
 Trong lòng Em, Anh sống mãi với thời gian
 Tạ Thu Thâu! Tạ Thu Thâu!
 Vốn tiên phong "ngạo khí hoành sương"
 Anh chưa chết
 Nhưng người ta đồn Anh đã chết!
 Em muốn tin
 Rằng Anh đã chết
 Một lần đi
 Cho ráo hết lệ hoài nghi
 Cho tiếng khóc biệt ly... sâu cao ngất
 Cho tiếng nấc được tự do lên cao vút
 Cho nước mắt được trào lên đưa trôi bớt
 Những băn khoăn
 Rạn nứt nát buồng tim
 Những băn khoăn
 Từ tháng chín bốn năm (09/1945)
 Từ Quảng Ngãi
 Bay tin về: "Thâu đã chết"!...
 Trong lòng Em, Anh chưa chết!
 Chưa chết thì
 Em chưa vút hết mọi niềm tin
 Tin rồi đây
 Sẽ rạn vỡ ánh bình minh
 Cho dân tộc
 Cho lòng trung trinh trắng đọi.*

Saigon ngày 19.08.1969

Điền Nguyên Nguyễn Văn Đính

(Cát Nhân Trần Kim Quan sao lục gởi tới Rennes 18.01.1987)¹

Rồi tôi cũng:

KHÓC TẠ THU THÂU

*Thu tàn lá rụng gió kêu sầu
 Nhớ bạn người to sắc diện âu
 Diễn thuyết thao thao lời hấp dẫn
 Luận bàn sắc bén ý cao sâu
 Đồng bào ca ngợi ưng tôn thủ (thủ lĩnh)
 "Ác hữu" rình mò muốn lấy đầu
 Bị hại đường về qua Quảng Ngãi
 Để người thương khóc Tạ Thu Thâu*

¹ - Bài này do bạn Cát Nhân Trần Kim Quan chuyển đạt với sự thương nhớ Tạ Thu Thâu.

Tôi khóc Tạ Thu Thâu và ngậm ngùi nhớ hai bạn Nguyễn Thúc Lang và Nguyễn Văn Đính đã quá cố tại Saigon sau biến cố 1975.

Rennes Mảnh thu
Quí Dậu¹

¹- Bài này đã soạn từ mấy thu trước. nay sắp xếp lại cho đăng báo để nhớ bạn và sắp xếp mà còn lộn xộn vì cái tuổi cao niên. Mong bạn đọc lượng giải cho.

MỘT NHẬN ĐỊNH VỀ TRẦN ĐỨC THẢO*

(Hoàng Khoa Khôi)

Nhân đọc bài "*Cái chết lần thứ hai của triết gia Trần Đức Thảo*" đăng trong tạp chí "*Thế kỷ 21*" (Hoa Kỳ) và "*Trăm con*" (Canada), thấy tác giả Phạm Trọng Chánh có nói đến tên tôi để viện dẫn ông Thảo không phải là người trót-kít, tôi xin phép được góp thêm một vài ý kiến:

1. Ông Thảo không những không phải là trót-kít mà ông còn là người đã từng đối lập triệt để với trót-kít trong những năm 1947-1951.

Năm 1947, trong bài "*Vấn đề Việt Nam dưới con mắt phái trót-kít*" đăng trên tạp chí "*Thời mới*" (Temps Moderne) của Jean Paul Sartre, Trần Đức Thảo cực lực bác bỏ quan niệm của trót-kít về tính chất của cuộc cách mạng Việt Nam. Theo ông, cách mạng Việt Nam không thể tái diễn theo mô hình cách mạng Nga năm 1917. Không những ở Việt Nam mà bất kể xứ nào ở Đông phương đều không thể có cách mạng vô sản. Ông tán thành Việt Minh đã biết "*ngừng cuộc đấu tranh giai cấp*" và tán thành đảng Cộng sản Việt Nam đã biết "*tự động giải thể*". Ông viết: "*Từ Ma-rốc đến Nam-dương... không có một đảng Cộng sản nào đáng kể. Lời kêu gọi vô sản Việt Nam, nếu làm cách mạng sẽ mất đi trong bãi sa mạc... Nếu vô sản Việt Nam nắm chính quyền, hành động của họ cũng chỉ là tượng trưng, nhất là họ sẽ bị đè bẹp ngay*".

Đối với Trần Đức Thảo, cuộc cách mạng Việt Nam muốn đi đến thành công, phải là cuộc "*cách mạng tiểu tư sản, do giai cấp tiểu tư sản lãnh đạo*". Ông trách cứ trót-kít đã "*khinh thường một cuộc cách mạng tiểu tư sản [Việt Nam] như thế, kết cục là ủng hộ gián tiếp những mưu mô của thực dân*". Âm chỉ trót-kít, ông nói: "*Rõ ràng cái bản năng đế quốc cũ đã lộ ra dưới cái mặt nạ cách mạng*" (coi bản dịch tiếng Việt đăng trên tạp chí "*Văn hóa Liên hiệp*" số 15-7-1949).

Tôi nhắc lại giai đoạn này để chứng thực sự cách biệt tư tưởng giữa ông Thảo và trót-kít là sự cách biệt sâu rộng, trên những vấn đề căn bản. Tuy thế, đảng Cộng sản Việt Nam vẫn cứ tiếp tục chụp cho ông cái mũ trót-kít, rồi viện cớ đó để trừ dập ông một cách vô lý.

2. Năm 1951, sau khi đảng Cộng sản Đông Dương tái lập dưới hình thức đảng Lao động Việt Nam và sau khi Mao Trạch Đông giành được chính quyền ở Trung Quốc, quan niệm của ông Thảo hoàn toàn đổi ngược. Trong cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu?*" do Nhà xuất bản Minh Tân ở Paris ấn hành, ông khẳng định cách mạng ở Việt Nam cũng như Trung Quốc "*biểu lộ đặc biệt ý nghĩa một cuộc cách mạng vô sản*". Theo quan niệm mới này của ông Thảo, cách mạng vô sản không những thành công ở Việt Nam và Trung Quốc mà sẽ thành công ở các xứ Đông phương. Ông viện lẽ: "*Tư tưởng Đông phương, từ xưa tới nay, không phân ly vật thể và tinh thần, tự nhiên và ý niệm, vậy hiểu một cách dễ dàng phương pháp duy vật biện chứng*" của chủ nghĩa mác-xít. Ngược lại, trái với Karl Marx, ông phủ nhận cách mạng vô sản ở Âu Tây. Bởi vì, theo ông, "*tư tưởng Âu Tây đã từ lâu đi vào con đường trừu tượng*", "*hoàn toàn hư nát*", "*chủ nghĩa mác-xít tương phản với hình thức văn minh Âu Tây*". Đề cao cách mạng vô sản Đông phương, ông viết: "*Đông phương thực hiện chủ nghĩa mác-xít, đã thành một khối dân chủ thống nhất 700 triệu người, từ Đông Âu đến Thái Bình Dương, sống một đời chứa chan hi vọng...*"

Karl Marx đặt cơ sở lý luận của mình trên căn bản của sự phát triển kinh tế và sự tiến bộ kỹ thuật và khoa học, những yếu tố cơ bản tạo điều kiện cho sự thành công cách mạng vô sản và cho sự xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên lúc sinh thời, Marx không đề cập vấn đề cách mạng vô sản ở Đông phương. Đến thời Lenin, tư bản chủ nghĩa trở thành đế quốc chủ nghĩa, mặc dầu

* Báo "*Thông luận*" (Pháp) số 64, tháng 10-1993.

chủ trương cách mạng vô sản ở Nga nhưng toàn bộ chiến lược cơ bản của Lenin là đặt hi vọng vào sự bùng nổ cách mạng ở các xứ tiền tiến châu Âu (như Đức, Pháp, Anh v.v...). Trần Đức Thảo coi "*tư tưởng*" là yếu tố chủ yếu của sự biến đổi các chế độ xã hội. Cho nên ông đã đi đến kết luận "*chỉ có Đông phương mới thực hiện được chủ nghĩa mác-xít*". Nếu cần phải đánh giá đúng mức quan niệm của ông Thảo, ta có thể nói đó là quan niệm duy tâm của các trường phái duy tâm chủ nghĩa. Ông Thảo gần gũi với chủ nghĩa duy ý chí của Mao hơn là chủ nghĩa duy vật và khoa học của Marx.

3. Từ năm 1947 đến 1951, sự thay đổi tư tưởng của ông Thảo là một điều khó hiểu. Thoạt nhìn, tưởng như ông có lập trường khác biệt với đảng Cộng sản Việt Nam. Nhận xét kỹ, tư tưởng ông gắn liền với đường lối "*từng giai đoạn*" của đảng này.

Đảng Cộng sản Việt Nam phân chia cách mạng làm hai giai đoạn. Giai đoạn đầu là "*cách mạng tư sản*" (ông Thảo gọi là "*cách mạng tiểu tư sản*"). Giai đoạn thứ hai là cách mạng vô sản. Những gì đảng coi là chiến thuật, sách lược v.v..., ông Thảo nêu thành nguyên lý và chân lý. Riêng có một điều ông hiểu sai là khi ông nói "*cách mạng tiểu tư sản do giai cấp tiểu tư sản lãnh đạo*". Thực tế, do đảng Cộng sản, mệnh danh thay mặt cho giai cấp vô sản, lãnh đạo.

Viết cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu?*", ông Thảo nhằm đưa vai trò của Stalin và Mao lên hàng những người kế nghiệp chính đáng của chủ nghĩa mác-xít. Thái độ này cũng là thái độ của đảng Cộng sản Việt Nam (đảng đã ghi "*tư tưởng*" Mao vào Hiến pháp, văn phẩm của ông Hồ Chí Minh, trong giai đoạn này, đều mang dấu ấn của chủ nghĩa mao-ít).

Thế nhưng tại sao đảng vẫn gắn cho ông Thảo cái nhãn hiệu "*trót-kít*"? Đây là một "*thủ thuật*" mang tính tâm lý mà đảng đã từng sử dụng rất có hiệu quả. Ban lãnh đạo đảng thừa biết ông Thảo không phải là trót-kít, nhưng họ vẫn đem cái gông đó tròng vào cổ ông, vì họ vẫn không tha thứ một số hành động của ông mà họ coi là xung khắc với đường lối của đảng. Cái hồ sơ lý lịch của ông họ đã nắm giữ, từ lúc ông nhập đảng! Thứ nhất, năm 1944-1946, ông đã cộng tác với trót-kít ở Pháp, thành lập Tổng Ủy ban Đại diện Việt kiều (Délégation Générale des Indochinois en France) thay mặt cho 20.000 Việt kiều ở Pháp. (Tổ chức này không những đứng ngoài vòng của đảng Cộng sản Pháp (PCF), mà còn có những hành động đối nghịch...). Thứ hai, vào năm 1946, ông Thảo bất đồng ý kiến với Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3 và ông đã tuyên bố công khai chống cuộc đổ bộ của quân đội Leclerc ở Việt Nam. (Thái độ này chống với đường lối của đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng lại giống thái độ của trót-kít). Thứ ba, năm 1956, ông Thảo đã cộng tác với nhóm "*Nhân văn Giai phẩm*", phê bình đảng, đòi dân chủ. Bằng ấy chứng cứ cũng đủ cho đảng không thể tin cậy vào lòng trung thành của ông. Họ buộc ông phải hoàn toàn nhắm mắt theo đảng. Cái "*tội*" của ông là chỉ nhắm mắt một nửa.

Trù dập ông Thảo bằng cách gắn cho ông cái nhãn hiệu "*trót-kít*", đảng còn nhắm mục đích cảnh cáo đội ngũ trí thức của đảng, chớ có đại mà theo gương ông Thảo. Hai chữ "*trót-kít*" tạo ra tâm lý cho mọi người sợ nó. Vì nó đồng nghĩa với "*gián điệp*", "*Việt gian*", "*tay sai cho thực dân, đế quốc*", nếu không phải là "*sát nhân*", "*giết hại đồng bào*"! Hai chữ "*trót-kít*" treo lừng lờ trên đầu ông Thảo, như cái lưỡi kiếm Damoclès, gây cho cân não ông một mối lo sợ thường xuyên. Kết quả, có lúc ông Thảo nhìn đâu cũng thấy gián điệp và trót-kít. Hồi ông vừa qua Pháp, một người cựu đại biểu công binh (lính thợ Việt Nam), bạn cũ của ông, gặp ông hỏi đang viết sách gì, được ông trả lời: "*Có viết gì được nhiều đâu, bọn trót-kít nó phá quá!*" Ông bạn cựu công binh hỏi lại: "*Anh cho biết trót-kít đó là ai?*" Ông nói: "*Bọn Althusser chứ còn ai*". Hai chữ "*trót-kít*" đã ám ảnh ông Thảo đến nỗi ông đã nhầm lẫn Althusser với trót-kít! (Althusser là triết gia, cựu đảng viên của đảng Cộng sản Pháp - PCF).

4. Vào cuối đời mình, ông Thảo đã biểu lộ sự cố gắng sửa đổi một số sai lầm, đặc biệt về sự nhận định vai trò lịch sử của Stalin và Mao. Đối với Stalin, ông đã thanh toán bằng cuốn sách nhan đề "*Triết lý của Stalin*", trong đó, ông hạ bệ Stalin như một người thiên cận, không am hiểu gì về thuyết biện chứng của chủ nghĩa mác-xít. Đối với Mao, ông viết một loạt bài đã kích nhà triết lý Althusser mà ông coi là môn đồ của Mao và chủ nghĩa mao-ít. Một điều đáng chú ý: ông

cũng như ông Nguyễn Khắc Viện, sửa sai nhưng không bao giờ tự phê bình là mình đã sai và vì sao đã sai? Hai ông hình như cho rằng sự sai lầm của các ông là do lỗi của đảng!

Thái độ chỉ trích Stalin và Mao của ông Thảo gây thêm sự nghi ngờ của đảng đối với ông. Cứ cái đà ấy, biết đâu, một ngày kia ông lại chẳng đụng đến Hồ Chí Minh, thần tượng của đảng! Trong đám trí thức có óc phê bình như ông Thảo, nhiều người đều biết Hồ Chí Minh từ 1950 đến 1965, đã viết bài hoặc có lời tuyên bố đặt Mao ngang hàng với Karl Marx và coi Mao là nhà lý thuyết bậc nhất, không ai có thể thay thế nổi. Nói đến Stalin, nói đến Mao mà không nói đến Hồ Chí Minh, đó là một điều còn thiếu sót trong quá trình tiến triển của ông Thảo!

Theo lời kể lại của những bạn bè xung quanh ông Thảo, đảng vẫn cảnh giác, đề phòng những việc ông làm, những bài ông viết tại quán trọ Le Verrier. Thậm chí nhiều người còn đặt nghi vấn về cái chết bất ngờ và nhanh chóng của ông.

Hết thời hạn hộ chiếu, đảng đòi ông phải về nước, không muốn ông ở lại Paris thêm một ngày nào nữa. Ông cưỡng lại không chịu về. Bạn bè ông phải lập hội quyên tiền giúp cho ông sống. Tóm lại, đảng vẫn nghi ngờ ông. Đảng chỉ được yên tâm khi ông đã nhắm mắt.

5. Trong bài "*Cái chết lần thứ hai của triết gia Trần Đức Thảo*", ông Phạm Trọng Chánh ghi cái chết lần thứ nhất của ông Thảo vào năm 1968, nghĩa là sau vụ án "*Nhân văn Giai phẩm*" (1956). Theo tôi, cái chết lần thứ nhất của Trần Đức Thảo phải kể từ năm 1951, năm ông viết cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu?*", nhằm lẫn chủ nghĩa mao-ít và xta-lin-nít với chủ nghĩa mác-xít. Bắt đầu từ năm ấy, ông đã dẫn mình vào một thế giới - thế giới xta-lin-nít - xa lạ với bản chất con người ông. Những ai đã quen biết ông Thảo, những năm 1944 - 1946, khi ông còn là một thanh niên ngu tại nhà số 10 phố Sorbonne, quận 5 (Paris), đều biết ông là người "*kiêu hãnh*" (fier), tự tin, tự trọng. Ông không kiêng sợ ai và không ai làm ông phải khâm phục. Con người ngang tàng và thông minh ấy đã bị bộ máy xta-lin-nít bẻ gãy, nghiền nát. Con người ấy đã phải sống khuất phục hàng chục năm, dưới một chế độ đầy quyền lực, tôn ti trật tự, sùng bái lãnh tụ. Hỏi làm sao chịu đựng nổi lâu ngày mà không công phần, thỉnh thoảng ông đã cất lên tiếng nói. Nhưng sau mỗi lần, tiếng nói của ông bị dập tan. Không những thế, người ta còn bắt ông thú nhận những tội lỗi mà ông không làm. Người ta đã áp lực bạn bè ông viện ra những bằng chứng bịa đặt, tố cáo ông như một tội phạm. Trong vụ "*Nhân văn Giai phẩm*", đảng sai ông đứng, nhưng ông đã phải "*xin lỗi trước đảng và trước nhân dân*". Trong việc cộng tác với trót-kít để huy động phong trào Việt kiều ở Pháp chống chế độ thực dân, ông đứng đảng sai, nhưng đảng đã ghi vào hồ sơ lý lịch của ông: "*Thỏa hiệp với bọn trót-kít phản động, tay sai của đế quốc!*" Có hiểu bản chất con người ông Thảo mới hình dung được những đau khổ của ông, đứng trước những oan trái mà ông đã âm thầm gánh chịu. Những oan trái đó, ông đã mang theo cho đến khi trút hơi thở cuối cùng.

Cái chết lần thứ hai của ông Thảo, theo tôi, là khi đảng gắn trên quan tài ông tám huy chương, ngụ ý đảng thưởng công cho "*con người yêu quý, trung thành của đảng*". Còn sự chua chát nào hơn đối với hương hồn một người như ông! Khi ông còn sống, đảng đã bội bạc, vùi dập ông. Khi ông chết, đảng vẫn không tha mà còn tìm cách "*chiếm lĩnh*" (récupérer) con người ông, làm lợi khí tuyên truyền cho đảng.

6. Tôi được biết ông Thảo trong thời gian 1944 - 1946, khi chúng tôi cộng tác với nhau, gây dựng phong trào Tổng Ủy ban Đại diện Việt kiều tại Pháp. Chúng tôi cùng ở xóm La Tinh (Paris 5), nhà tôi cách nhà ông Thảo chừng 5 phút đi bộ. Chúng tôi gặp nhau luôn, coi nhau là bạn. Năm 1946, ông Hồ Chí Minh qua Pháp, lôi kéo trí thức quốc gia rời bỏ sự đoàn kết với trót-kít. Từ ngày ấy, ông Thảo và tôi chia tay nhau. Ông đứng về lập trường của Stalin và Mao, chống trót-kít. Tôi bênh vực trót-kít, chống chủ nghĩa mao-ít và xta-lin-nít. Trong những năm 1947-1951, tôi có viết nhiều bài đăng trên mặt báo "*Vô sản*" và "*Tiếng thợ*" công khai tranh luận với ông Thảo. Với sự hăng say của tuổi trẻ thời đó, phía trót-kít cũng như phía ông Thảo, đôi khi đã dùng những chữ, những câu "*quá lời*"! Nhưng nội dung vẫn giữ được phong cách một cuộc đấu tranh tư tưởng và chính trị. Về phần tôi, tôi không bao giờ coi ông là "*kẻ thù*" (ennemi) mà chỉ coi

là người đối lập (adversaire). Truyền thống phong trào lao động coi sự bất đồng tư tưởng là thường. Chỉ tới thời đại Stalin, nó mới bị coi là tội ác, cần phải diệt trừ!

Đối với tôi, về mặt tư tưởng, ông Thảo sau này không còn là ông Thảo thời xưa nữa. Nhưng, trước cũng như sau, tôi vẫn tôn trọng ông là người đã từ bỏ công danh ở Pháp, can đảm trở về quê hương, với hoài bão đem tài năng cống hiến cho cuộc giải phóng dân tộc.

Ngày đám tang ông, tôi có mặt ở nghĩa địa Père Lachaise, giữa đám bạn bè cũ của ông. Tôi không giữ nổi cảm xúc khi nhớ lại quãng đời chông gai của ông mà tôi được chứng kiến.

(Paris, tháng 8-1993)

Nói chuyện với ông Hoàng Khoa Khôi, trưởng ban chủ biên dịch thuật cuốn

"Cuộc cách mạng bị phản bội"*

(Vũ Huy Quang thực hiện)

Những nhận định lịch sử cần song phẳng & Những suy luận chính trị cần công khai.

Bản dịch - từ Pháp văn sang Việt văn - cuốn "**Cuộc cách mạng bị phản bội**" (nhan đề tiếng Anh là "**The Revolution Betrayed - What is The Soviet Union and Where is it Going?**", Pathfinder Press xuất bản ở New York) là một công trình tập thể của những người trong phong trào Đệ tứ ở Pháp, mà ông Hoàng Khoa Khôi là trưởng ban chủ biên. Cuốn sách được phát hành ở Mỹ từ giữa năm 1993.

Vốn chưa hề được dịch ra Việt ngữ, "**Cuộc cách mạng bị phản bội**" là một trước tác của lãnh tụ Đệ tứ Quốc tế Leon Trotsky (1879 - 1940), viết xong từ tháng 8-1936, nội dung đề "**chỉ thẳng vào bộ mặt thật, chứ không nói đến cái mặt nạ**"¹ của Stalin và của Đệ tam Quốc tế... Cho nên, đó là một cuốn sách ít được nhắc đến từ đủ mọi phía, cả trong nước lẫn ngoài nước, cả những người cộng sản và không cộng sản. Tầm quan trọng của cuốn sách này, theo ông Hoàng Khoa Khôi viết trong "**Lời giới thiệu**", là "**không thể hiểu sự sụp đổ của Liên Xô nếu không có sự nhận xét minh bạch về quan liêu. Vì một lẽ giản dị: tệ quan liêu chứ không phải chủ nghĩa mác-xít đã gây nên sự sụp đổ này**".

Chúng ta hãy tự đặt mình vào vai trò một người điều tra. Nếu cộng sản lỗi thời, sao còn những người Đệ tứ? Nếu cộng sản tốt lành, sao nhiều người liêu chết ra đi? Nếu tư bản xấu xa, sao chúng ta đến tị nạn với họ? Nếu người quốc gia thông minh tài trí, sao họ đánh đâu thua đấy? Sao những cuộc biểu tình chống cộng, tuy không ai phản đối mà chỉ có một số quá ít người tham gia? Sao các tuyên cáo và các phong trào kháng chiến lại trở thành bi hài kịch? Sao chúng ta chống chụp mũ... mà chính chúng ta, ai nấy cùng vui vẻ chụp mũ? Sao chúng ta hèn nhát mà đòi người trong nước "**đứng lên**"?... Những câu hỏi này không ai giải đáp giùm cho ai. Khi nói đến việc đòi dân chủ... mỗi người trong chúng ta đã đủ trưởng thành để tự giải đáp chưa? Có phải, chúng ta cần đối thoại trong tinh thần... dân chủ hay không? Chúng ta đã biết trao đổi tư tưởng một cách dân chủ chưa?

Cho nên, đôi lúc, chúng tôi nghĩ rằng có lẽ các chữ "**cộng sản**", "**tư bản**", "**quốc gia**", "**quốc tế**", "**dân chủ**", "**chuyên chính**"... đều cần phải được định nghĩa lại. Lại nữa, nếu chúng ta đồng ý rằng "**giai cấp cường hào mới**" ở Việt Nam đã và đang gây ra những trì trệ, bất công cho **tinh thần dân chủ, tinh thần đấu tranh** - những từ ngữ đang là thời trang trên đầu môi, mũi bút mọi người - thì phải chăng, càng chỉ thẳng vào nó từ đủ mọi phía, càng qui tụ được sức mạnh chống độc tài? Cùng với nhiều sách vở, tư liệu khác của những người mác-xít thuộc nhóm Đệ tứ như "**Tờ trình bí mật của Khrushchev**", "**Về phong trào Đệ tứ**" v.v..., "**Cuộc cách mạng bị phản bội**" là một cuốn sách có nội dung phê phán như thế.

* Báo "Viet Journal" (Hoa Kỳ) số tháng 6-1994.

¹ - "We intend to show the face and not the mask" (Leon Trotsky, Intr. "The Rev. Betrayed", 1st. Pub. 1937).

Bị động viên trong cuộc chiến tranh 1939 - 1940, qua Pháp từ năm 1939 trong lực lượng Linh thợ (ONS), ông Hoàng Khoa Khôi là một người trong nhóm chủ trương các tạp chí "**Vô sản**" (1944), "**Tiếng thợ**" (1950), "**Quan sát**" (1963), "**Nghiên cứu**" (1981), "**Chroniques Vietnamiennes**" (1985). Cạnh đó, ông tham gia nhóm dịch thuật các tác phẩm "**Cuộc cách mạng bị phản bội**", "**Tờ trình bí mật của Khrushchev**" (cuốn sách Việt ngữ đầu tiên ghi lại đầy đủ những nhận định cuối cùng của Lenin về Stalin và Trotsky, mà đảng Cộng sản Việt Nam không hề công bố) và cũng là người từng bút chiến với các ông Nguyễn Khắc Viện, Trần Đức Thảo... từ những thập niên 40 và 50, trên các tờ báo Pháp ngữ và Việt ngữ ở Pháp.

Ông thuộc nhóm Đệ tứ Việt Nam ở Pháp, đã vận động và ký tên cùng 300 trí thức trong "**Bản kêu gọi đòi trả tự do cho Dương Thu Hương**" (Liberté pour Dương Thu Hương) khi nhà văn này bị bắt giữ. Ông cũng đã lên tiếng trên đài RFI về cái chết mờ ám của Tạ Thu Thâu và là tác giả bài viết "**Ai giết Tạ Thu Thâu và những người trốn-kết Việt Nam?**", từng được đăng tải trên báo chí hải ngoại (đăng lại trong tập "**Hồ sơ của phong trào Đệ tứ Việt Nam**", tập 1).

Lần đầu tiên sang Mỹ vào lúc đã trên 70 tuổi, ông Hoàng Khoa Khôi đã dành cho chúng tôi một cuộc tiếp xúc riêng kéo dài 4 giờ, tại Orange County (California).

Cuộc nói chuyện ấy, được ghi lại sau đây, khởi đầu rất từ tốn, chậm rãi, nhưng đã rất sôi nổi về sau. Thời giờ eo hẹp, nhưng khi dứt cuộc nói chuyện, bất đồng tuy vẫn còn, nhưng cảm thông đã tăng lên nhiều. Vì tâm vóc của các dữ kiện và các nhận định lịch sử bấy lâu bị che khuất, vùi lấp..., ông Hoàng Khoa Khôi đồng ý rằng nên phổ biến công khai cuộc trao đổi ý kiến này, vì "**Dân chủ là công khai**".

Nội dung cuộc nói chuyện khái lược này đã chú trọng vào các vấn đề độc tài, sùng bái lãnh tụ, cùng tinh thần đấu tranh cho dân chủ. Tiếp xúc với ông Hoàng Khoa Khôi, chúng tôi nhấn mạnh quanh bốn câu hỏi chính, liên quan đến chủ nghĩa mác-xít - lê-nin-nít, Stalin, Hồ Chí Minh, Trotsky... Và đã được nghe ông Hoàng Khoa Khôi giải bày với những luận định mới lạ.

Độc giả có thể thấy, ông tự nhận là người mác-xít, lại chống cộng hơn cả những người chống cộng, dân chủ hơn cả những người tự nhận là "**tranh đấu cho dân chủ**". Nhưng những người Đệ tứ như ông, thời nào, ở đâu, lúc nào cũng là thiểu số, vì họ đi ngược với cường quyền: những con cá bơi ngược dòng. Chỉ sau những kinh qua của thời gian, người ta mới có thể thấy viễn kiến của họ có giá trị.

Lần đầu tiên gặp ông ở châu Âu, khi bàn chuyện chính trị, ông Hoàng Khoa Khôi đề nghị chúng tôi xưng hô "anh", "tôi" cho dễ tranh biện. Cuộc nói chuyện lần này ở Mỹ thu bằng dài 4 tiếng đồng hồ, sẽ được ghi lại trong tinh thần bình đẳng, tranh biện ấy. Tuy chúng tôi đã chuẩn bị trước những điểm chính qua các câu hỏi đặt nêu ra với ông - dẫn chứng cẩn thận bằng các tài liệu giấy trắng mực đen, của các sách vở Việt ngữ và Anh ngữ -, kẻ chuẩn bị, người vô tình... thế mà càng đề cập đến những vấn đề khúc mắc, người trả lời càng hòa nhã, không hề lúng túng, lại thành chủ động. Điều ấy, độc giả có thể dễ dàng nhận ra.

(Nhóm Đệ tứ sẵn sàng trao đổi ý kiến minh bạch, công khai với độc giả. Muốn có sách, báo, tài liệu, độc giả liên lạc qua địa chỉ: "Nhóm Đệ tứ Việt Nam, Tủ sách Nghiên cứu, Chroniques Vietnamiennes, Boite Postale 246, 75224 Paris, Cedex 11, France").

I.

Thưa anh, trước khi đi vào nội dung của cuộc nói chuyện này, chúng tôi xin được nêu vài nhận định liên quan đến tình hình chính trị Việt Nam như sau (những nhận định này đã được nhiều người chỉ trích chủ nghĩa mác-xít - lê-nin-nít nhắc đến). Xin phép đọc trước ba câu hỏi và

chúng ta sẽ chỉ xoay quanh các chủ điểm ấy... Vì tính chất quá bao quát, liên quan đến chính trị... quốc gia và quốc tế... Thưa anh,

1- Một người đồng thời với Lenin, được coi là nhà cách mạng xuất sắc nhất sau Marx, bà Rosa Luxembourg (1870 - 1919), đã phát biểu một tư tưởng - từng được người ta nhắc lại nhiều lần - để chỉ trích đường lối phát động cách mạng của những người mác-xít. Bà được xem như là người chống Lenin, xin thoát dịch câu nói nổi tiếng của bà:

"Cuộc cách mạng do đại đa số nhân dân tự phát động còn gặt hái được nhiều thành quả hơn cuộc cách mạng được chỉ đạo bởi bộ óc khôn khéo nhất do Trung ương đảng phát động".

Anh nghĩ sao về nhận định ấy?

2- Đảng Đệ tử Quốc tế và Trotsky chủ trương dân chủ, công khai và bênh vực Lenin, nhưng trong cách mạng tháng Mười, với số phiếu thiểu số, đảng bôn-sê-vích của Lenin, đã khuynh loát các đảng phái khác. Trong kết quả bầu ở Moscow City Duma (Viện Lập hiến Duma), 58% kết quả thuộc về đảng Xã hội Cách mạng (SR), 12% men-sê-vích, ít hơn là bôn-sê-vích. Vậy mà **"những ai chống lại ý muốn của những người bôn-sê-vích, bị cáo buộc là bọn đại diện cho tư sản", hoặc "dưới áp lực của vòng đai tư sản"**. Như vậy dân chủ ở đâu? Chính Trotsky đã chủ trương phải triệt để, và đảng bôn-sê-vích đã khuynh loát kết quả bầu cử để nắm chính quyền. Không những thế, Trotsky còn tán dương các thủy thủ Kronstadt khi họ khởi loạn bằng bạo lực đổ máu. (Đọc một và dịch đoạn nhận định² về Trotsky trong cuốn **"Strange Communist I Have Known"** của Bertram D. Wolfe, trước ông Hoàng Khoa Khôi).

3- Với nhiều ấn bản tiếng Anh, in ở Mỹ, chẳng hạn như cuốn **"Lenin tuyển tập"**³, trong nhiều chủ thích, các học giả nhận định Trotsky là **"người chống lại chủ nghĩa lê-nin-nít một cách thâm độc nhất"**. Như vậy, những người Đệ tử, vừa theo Trotsky, vừa theo lý tưởng và chủ trương của Lenin... có mâu thuẫn không?

Trước khi giải tỏa các khúc mắc nêu trên, được biết anh nghiên cứu chính trị đã lâu, xin được phép hỏi là...

Lý do nào và bắt đầu từ khi nào, anh gia nhập phong trào Đệ tử Quốc tế?

(Các tiểu tựa in đậm, cách khoảng... sau đây do chúng tôi thực hiện, cốt làm thoáng mắt, để độc giả dễ theo dõi sự biến đổi trong các đề mục khác nhau).

Về phát-xít và quốc gia.

HKK: Tôi bắt liên lạc với đảng Đệ tử Pháp giữa lúc Đức quốc xã chiếm cứ nước Pháp. Tôi giao dịch với họ trong tinh thần chống phát-xít. Hồi ấy, năm 1943, phát-xít rất mạnh. Trong phong trào Việt kiều lúc đó, có hai khuynh hướng.

Có khuynh hướng coi phát-xít là một lực lượng có thể giúp Việt Nam chống Pháp. Khuynh hướng này bành trướng trong đám sinh viên, học sinh, trong ấy có anh Nguyễn Khắc Viện, mộ người đi Đức. Nhưng phải nhớ, họ đi theo phát xít là để dựa phát-xít mà chống Pháp, chứ họ cũng chẳng hiểu phát-xít nghĩa là gì. Tôi có tư tưởng chống phát-xít, nên cùng với một số anh em, chống trào lưu thân phát xít. Trong những tài liệu của phong trào Đệ tử, chúng tôi có in lại một bài của anh Viện, bài **"Vi đâu?"** đăng ở báo **"Nam Việt"** năm 1944. Trong ấy anh Viện đưa ra lập trường là **"chỉ có phát-xít mới giải quyết được vấn đề khủng hoảng của nhân loại"** (!). Từ chống

¹- "Let us speak frankly. Historically, the errors committed by a truly revolutionary movement are infinitely more fruitful than the infallibility of the cleverest Central Committee" (Rosa Luxembourg).

²- "The Moscow City Duma, elected by a vote that was 58% Socialist Revolutionary, a little under 12% Menshevik, and a few percentage point less Bolshevik, with about 17% Constitutional Democrats and virtually no reactionaries, whenever it takes a decision against the vote of the Bolsheviks, it said to represent the bourgeoisie or the pressure of bourgeois circles" (Bertram D. Wolfe).

³- "Lenin Selected Works" in One Volume, printed in USA, International Publisher Co., 1971.

lại phát-xít, tôi tìm hiểu chủ nghĩa mác-xít. Tôi hân hạnh được giao dịch với một số đảng viên trốn-kít người Pháp, tôi gia nhập nhóm trốn-kít của Pháp. Và nhờ nhóm đó, tôi được đọc những tài liệu về Nga...

Sự thực, nhiều người gia nhập đảng Cộng sản trốn-kít vì muốn nòng nhiệt đấu tranh. Tôi thì gia nhập trên phương diện tư tưởng, do suy luận tư tưởng. Lúc đó, cả chế độ phát-xít lẫn chế độ xta-lin-nít đều rất mạnh, nhưng tôi thấy sức mạnh ấy của họ dựa trên dối trá. Hồi ấy, người dựa vào phát-xít cũng như những người dựa vào Nhật, cốt giành độc lập cho Việt Nam. Những người ấy có tinh thần quốc gia. Chúng tôi hiểu như vậy, nên chúng tôi tuy có phát truyền đơn kêu gọi người Việt đừng đi Đức, nhưng không tố cáo họ gì cả; vì họ là những người thành thực.

Về Hồ Chí Minh - Thần tượng bất khả xâm phạm của số đông nạn nhân.

- Thế quan niệm của anh về ông Hồ Chí Minh trong thời điểm ấy như thế nào?

HKK: Đã biết gì đâu, mà Hồ Chí Minh...?

- Khi nào anh mới nhìn thấy bản chất ông Hồ?

HKK: Tôi nhìn thấy ông Hồ Chí Minh... là từ cuộc cách mạng tháng Tám 1945.

- Tại sao anh thấy được?

HKK: Tôi thấy được là vì tôi thấy ông ấy theo đường lối và phương pháp của Stalin. Đường lối ấy đường lối là cộng sản quốc gia. Phương pháp ấy là phương pháp xuyên tạc và dối trá. Muốn hiểu ông Hồ, vấn đề rất phức tạp. Phải hiểu đường lối của ông ấy mỗi giai đoạn là thế nào. Lại nữa, phải hiểu ông ấy vừa là người quốc gia, vừa là cộng sản. Chỗ nào ông ấy tranh đấu cho lập trường quốc gia, chỗ nào tranh đấu cho lập trường cộng sản. Một thứ cộng sản không phải của Marx - Lenin mà là của Stalin. Thứ ba, phải hiểu những phương pháp của ông ấy: phương pháp đoàn kết bằng cách loại bỏ những khuynh hướng chính trị khác.

Chúng tôi nhìn thấy sự thành lập Việt Minh, phương pháp của những người Đệ tam, là cái thủ thuật tập hợp mọi lớp người chung quanh đảng và ông Hồ Chí Minh, để sau này họ sẽ lập một chế độ đảng trị của một đảng độc nhất. Chúng tôi nhìn thấy đó là một mưu mô nguy hại cho sự tự do dân chủ. Tranh đấu cho một chủ nghĩa xã hội thực sự dân chủ, chúng tôi thấy cái lối đó sẽ đi ngược lại chủ nghĩa xã hội... mà... quả là như thế.

Những xuyên tạc chủ nghĩa mác-xít của đảng Cộng sản Việt Nam.

HKK:...Chúng tôi cũng đoàn kết chứ. Nhưng cái đoàn kết của chúng tôi theo nghĩa "*chiến tuyến duy nhất*". Nghĩa là các đảng phái cộng tác với nhau chống Pháp, nhưng mỗi khuynh hướng, mỗi đảng phái được tự do tổ chức, được tổ chức một cách độc lập. Càng được giao dịch với phong trào trốn-kít, tôi càng được biết những xuyên tạc của Đệ tam và của ông Hồ Chí Minh. Xuyên tạc trước nhất, là họ xuyên tạc những sách vở mác-xít. Một mặt, họ tuyên truyền chủ nghĩa mác-xít; một mặt họ xuyên tạc những gì căn bản của học thuyết này. Họ làm sai lạc đi...

- Thí dụ?

HKK: Thí dụ... rất ngắn... Đại khái như Lenin nói "*la victoire du Socialisme*", nghĩa là "*thắng lợi của chủ nghĩa xã hội*", họ dịch là "*xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội*" (cười thành tiếng). Lenin sử dụng hai chữ "*thắng lợi*" theo nội dung chính trị, họ sử dụng theo ý nghĩa kinh tế để chứng thực cho cái thuyết "*thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội trong một xứ riêng biệt*". Hay là... họ xuất bản nhiều sách vở, vin vào những tài liệu mà Trotsky đối lập với Lenin...

- Cám ơn anh. Xin mở ngoặc chỗ này. Xin trở lại một trong những câu hỏi đã nêu ở trên. Quyển này đây, là quyển "*Lenin tuyển tập*", phát hành ở Mỹ, biên khảo, dịch thuật công phu. Nhưng về Trotsky, họ chú thích là... ở trang này đây: "***The most malicious enemy of Leninism***". Xin dịch ra tiếng Việt: "***Trotsky là người chống chủ nghĩa lê-nin-nít một cách thâm độc nhất***".

Như thế có đúng không? Nếu bảo cộng sản Việt Nam xuyên tạc, giấu giếm về Trotsky, chẳng lẽ người Anh, người Úc, người Mỹ... cũng xuyên tạc theo... hay sao? Anh có đồng ý không? Là Lenin khác, Trotsky khác...?

HKK: Không. Tôi không đồng ý.

- Lý do ạ?

HKK: Lý do là trong thực tế thì trong giai đoạn 1904, Trotsky bắt đồng ý kiến về quan niệm thành lập đảng của Lenin. Ông ấy có viết một cuốn sách gọi là cuốn *"Những nhiệm vụ chính trị của chúng ta"* (tiếng Pháp là *"Nos Tâches Politiques"*), cho rằng quan niệm của Lenin sẽ đưa đến độc tài một đảng. Trotsky là người đầu tiên chống quan niệm tổ chức đảng bôn-sê-vích theo lối **"kỷ luật sắt"**. Về sau, cộng sản xta-lin-nít vin vào cớ chống chọi đó, họ bảo ông ấy chống chủ nghĩa lê-nin-nít. Sự thực, Trotsky chỉ chống quan niệm lập đảng của Lenin, và sau này ông ấy công nhận Lenin đúng hơn ông ấy trong điều kiện hoạt động bí mật ở nước Nga hồi đó.

Hồi đó, Lenin và Trotsky cùng đứng trong một đảng gọi là đảng Xã hội Dân chủ. Sau này, đảng Xã hội Dân chủ tách ra làm đôi: đa số thành lập đảng bôn-sê-vích, thiểu số mang tên đảng men-sê-vích.

Bôn-sê-vích và men-sê-vích.

HKK: Đảng men-sê-vích, tức là *"thiểu số"*, chủ trương lập đảng theo nguyên tắc *"dân chủ rộng rãi"*. Khuynh hướng bôn-sê-vích, tức là *"đa số"*, của Lenin, chủ trương thành lập một đảng có kỷ luật, bởi vì trong thời kỳ đó phải hoạt động bí mật chống lại chính quyền Nga hoàng. Đại khái, tôi đơn cử một thí dụ để anh hiểu họ khác nhau ở chỗ nào. Phe men-sê-vích... quan niệm người nào tán thành chương trình của đảng thì có thể được công nhận là đảng viên. Quan niệm của Lenin là không những tán thành đảng, còn phải hoạt động cho đảng, chịu **kỷ luật sắt** của đảng. Quan niệm đó... Trotsky cho là độc tài... Sự chống chọi giữa Lenin và Trotsky là chống chọi về quan điểm lập đảng. Thêm nữa, Lenin muốn tách rời nhóm bôn-sê-vích ra khỏi đảng Xã hội Dân chủ, còn Trotsky không đồng ý, muốn giữ thái độ đứng giữa giảng hòa.

Stalin không những lôi cái đó ra mà ông ta còn sửa đổi... những danh từ, những câu chữ khiến người đọc thoáng qua không chú ý, chỉ thấy hai bên chống nhau, mà không biết sự thực chống về cái gì...

Trong sự chống nhau kịch liệt đó, hai ông đều cực kỳ nặng nề... tưởng như không còn chỗ thỏa hiệp nữa.... Nhưng trong thực tế... Lenin và Trotsky, tới tháng 2-1917, trước cách mạng tháng Mười, họ lại cộng tác với nhau, cùng nhau điều khiển cách mạng. Cách mạng Nga trong lịch sử thường được gọi là cách mạng do Lenin và Trotsky điều khiển... mà Trotsky đứng hàng thứ hai sau Lenin. Chỗ này tôi nói để anh chú ý... là truyền thống của những người làm cách mạng, họ coi chuyện đổi lập về tư tưởng là một chuyện rất thường. Chỉ từ ngày Stalin cầm chính quyền, mới coi là tội ác ghê gớm. Người nào chống ông ấy, đúng hay sai... dù là đảng viên hay người ngoài, phải tận diệt... thủ tiêu... Stalin đã đưa vào phong trào lao động một quan niệm thật là hoàn toàn phản dân chủ...

Marx đã lỗi thời chưa? Cộng sản đã bị tiêu diệt? Và mọi người đã cùng theo tư bản hết?

*- Nhưng thưa anh, dù các đường lối tranh đấu của các ông ấy thời đó có hay đến đâu, hợp lý đến đâu đi nữa... với thời này, liệu có còn thích hợp nữa không? Tư bản bây giờ cũng phải biến dạng. Cộng sản bây giờ chỉ còn là một phương pháp suy luận... tuy rất đáng quý. Nhưng, điều kiện lịch sử đã đổi khác... Cho nên, người ta nói, chính ngay Marx cũng đã lỗi thời... thí dụ hai nguyên tắc **tập trung dân chủ** và **chuyên chính vô sản**... Khi Marx đã lỗi thời, thì Lenin, Trotsky... cũng lỗi thời... Và những người Đệ tử cũng lỗi thời... Đây là tư tưởng đã được Alvin*

Toffler, Hungtinger... trình bày một cách có hệ thống (Đọc một đoạn nhận định về Marx¹ của Alvin Toffler trong "Previews & Premises").

HKK: Tôi xin trả lời anh theo thứ tự.

Minh phải phân biệt hai vấn đề. Thứ nhất, cái chuyên chính vô sản mà người ta áp dụng có phải là chuyên chính vô sản hay không? Thứ hai, một triết thuyết có thể lỗi thời khi các điều kiện lịch sử đã thay đổi.

Tôi nói vấn đề đầu. Cái người ta gọi là chuyên chính vô sản, không phải là chuyên chính vô sản! Đó là chuyên chính của những người cầm đầu. Chuyên chính vô sản, theo định nghĩa của Marx, phải thông qua tổ chức Xô-viết chứ không phải thông qua đảng. Mà Xô-viết là một hình thức tổ chức theo lối bầu cử và ứng cử hoàn toàn dân chủ, gồm nhiều khuynh hướng, đảng phái khác nhau. Chuyên chính vô sản không phải là làm độc tài đối với nhân dân. Người ta đã đổi ra như thế. Thứ "*chuyên chính vô sản*" do Stalin đem ra áp dụng, không phải là chuyên chính vô sản. Bây giờ, khi nói đến chuyên chính vô sản là người ta rợn tóc gáy!

Chuyên chính có nhiều hình thức lắm. Nước Mỹ, đối với chúng tôi, cũng làm chuyên chính, mà là **chuyên chính tư sản**. Chuyên chính ấy không phải là bạo lực, đàn áp... để giữ chính quyền, để thay đổi xã hội, hoặc để bảo vệ xã hội. Đối với chúng tôi, ở nước Mỹ, có chuyên chính mà là chuyên chính tư sản. Phải hiểu rộng như vậy. Vì sao? Nước Mỹ có sự thay đổi chính quyền, nhưng chỉ thay đổi giữa hai đảng Dân chủ và Cộng hòa, không có đảng nào khác có thể len vào đây được. Hai đảng đều là đảng thay mặt cho tư bản. Bề ngoài thì họ dân chủ lắm. Báo chí tự do, đảng phái sinh hoạt tự do... nhưng đứng trước một tình hình nào đó... bị đe dọa thì họ làm độc tài... Trong thời bình họ mới dân chủ... Trong thời chiến tranh hay đứng trước những cuộc đình công hoặc nổi dậy của giới lao động... thì họ đàn áp liền.

Đó là chuyên chính. Chuyên chính không cứ phải bỏ tù người ta, không cứ phải thủ tiêu, ám sát... lúc nào cũng dùng bạo lực. Theo Marx và Lenin, chuyên chính vô sản chỉ dùng bạo lực ở trong thời kỳ giành chính quyền mà thôi. Chứ trong thời hòa bình và xây dựng chủ nghĩa xã hội thì không dùng chuyên chính bằng bạo lực nữa. Stalin... đã kéo dài cái chuyên chính bạo lực ấy đến các giai đoạn sau. Nếu anh đọc Lenin thì sẽ thấy ông ấy bảo là chuyên chính phải tiêu biến, **dépéressement**, nghĩa là bỏ hình thức chuyên chính, trở thành **tự quản. Autogestion** là chữ mà ông ấy dùng. Người ta ít nói đến điều ấy, mà chỉ nói đến hình thức chuyên chính mà Stalin đã áp dụng. Chính sách của Stalin là độc tài một đảng.

Còn Marx nói thế nào? Khởi thủy Marx đề cập chuyên chính là ông rút kinh nghiệm ở cuộc cách mạng Ba Lê Công xã (Commune de Paris, 1871), ông ấy nói "*một giai cấp lên cầm chính quyền phải chuyên chính để phá bỏ cái nhà nước cũ, xây dựng nhà nước mới phù hợp với chế độ mới*".

Chuyên chính không phải do Marx đặt ra... Chuyên chính **ĐÃ CÓ** (nhấn mạnh) ở trong chế độ tư bản. Nhưng mỗi khi không có nhiều mâu thuẫn, nó được đặt dưới dạng dân chủ ít ai nhận ra. Khi khủng hoảng thì nó làm chuyên chính không giấu giếm. Nó cấm đoán những đảng phái đối lập chống lại nó...

Chuyên chính vô sản và dân chủ.

- *Vậy nếu ai bênh đảng, họ cũng có thể nói rằng... khi đánh Pháp, đánh Mỹ, "chúng tôi" chuyên chính. Xong rồi, "chúng tôi" nói tay. Trước ăn con gà phải giấu, phải nói thì thâm. Bây giờ đảng nói rồi, không còn như trước... Như vậy chế độ hiện tại chả đúng... đường lối mác-xít là gì?*

HKK: Không. Độc tài đảng trị không phải là chuyên chính của một giai cấp. Chuyên chính một đảng không phải là chuyên chính của một giai cấp. Trong một giai cấp có nhiều khuynh hướng. Ông Hồ cũng chỉ là một trong những khuynh hướng. Ông Hồ đã dùng độc tài, sử dụng

¹- "But Marx, himself, was on expression of classical Second Wave or industrial society, formed by its assumption - and many of these assumptions simply no longer hold true" (Alvin Toffler: "Previews & Premises", p. 194)

chuyên chính đối với những khuynh hướng khác. Chuyên chính vô sản, hiểu theo ý nghĩa của Marx, thực ra là một hình thức rất dân chủ.

- Nhưng phải nhìn nhận rằng đa số mò cua bắt ốc, đời sống đã được cải thiện. Đảng đã thỏa mãn được cho đại đa số, như vậy chỉ chuyên chính với tầng lớp nhỏ thôi... Chính quyền nào mà chiều hết được mọi giai cấp?

HKK: Sự thật không phải thế. Ai cũng tưởng họ chỉ chuyên chính với những người có tư tưởng đối lập với họ thôi, còn đối với dân chúng họ không chuyên chính, họ là dân chủ. Nhưng trên thực tế, họ nắm giữ hết quyền hành, ai không tuân lệnh họ là họ bỏ tù. Vì thế, cái chuyên chính ấy là cái chuyên chính đối với mọi tầng lớp nhân dân, mọi tầng lớp xã hội.

Thời kỳ quá độ và thời kỳ chuyển tiếp. Đề tam và Đề tứ.

HKK: Tôi xin nhắc lại: *chuyên chính*, hai chữ đó đã làm cho nhiều người sợ. Chuyên chính trong quan niệm của những người mác-xít là một giai đoạn rất ngắn, để biến đổi xã hội này thành xã hội khác tốt hơn. Nhưng một khi chính quyền mới đó được dựa vào đại đa số các tầng lớp nhân dân... với đại đa số đó để mà điều khiển... thì lúc ấy, chuyên chính tự nó mất ý nghĩa chuyên chính... Trong học thuyết mác-xít, người ta nói là chuyên chính phải tàn lụi...

- Phải chăng là khi đạt đến mục tiêu rồi...? **Classless** là một xã hội vô giai cấp, là xã hội đạt đến mục tiêu, lý tưởng của Marx... lúc ấy chuyên chính mới tàn lụi?

HKK: Không, không, chưa đạt được mục tiêu... Những người cộng sản Đề tam nói rằng kể từ năm 1936 trở đi, ở Liên Xô không còn giai cấp nữa. Thế nhưng họ vẫn duy trì nhà nước chuyên chính. Điều này trái với học thuyết mác-xít về vấn đề nhà nước. Lenin nói rằng chuyên chính là một giai đoạn rất ngắn, tạm thời, để chuyển biến từ hình thái xã hội này thành hình thái xã hội khác... Nhà nước tàn lụi trước khi không còn giai cấp.

- Thảo nào! Chữ "*chuyển tiếp*" (transition), họ cứ dịch là "*quá độ*"... họ cố tình làm mù mờ đi... "*Thời kỳ chuyển tiếp*", nhất định cứ dịch là "*thời kỳ quá độ*"... Mập mờ đánh lận...

HKK: Đây. Như vậy là anh đã hiểu. Khi bỏ được chính thể cũ, những người cách mạng được sự ủng hộ của quần chúng, thì tức khắc, chuyên chính phải bắt đầu tiêu biến. Không phải trong nhiều năm, nhiều tháng... mà **TỨC KHẮC**. Anh đọc cuốn "*Nhà nước và cách mạng*" của Lenin, anh thấy quan niệm của ông ấy rõ ràng lắm. Chúng ta cần phải phân biệt cái chuyên chính của giai cấp vô sản, dựa vào sự ủng hộ của nông dân, là đại đa số quần chúng và cái chuyên chính tư sản chỉ tiêu biểu cho một thiểu số. Chuyên chính để phụng sự cách mạng, nhưng cách mạng đã thắng lợi và được củng cố rồi, chuyên chính không cần nữa, nó bắt buộc phải tiêu biến, sự **TIÊU BIẾN** ấy những người xta-lin-nít họ không chịu công nhận. Trái lại, họ nói rằng càng đi đến chủ nghĩa xã hội thì chính quyền càng phải gia tăng chuyên chính... Như thế, để chính quyền mới trở thành một sức mạnh đàn áp các lực lượng đối lập, đàn áp toàn thể các giai cấp, kể cả giai cấp vô sản. Như thực tế đã chứng minh.

- Cho nên anh coi là phải ngược lại? Càng xây dựng dân chủ càng phải bằng đường lối dân chủ?

HKK: Đúng thế. Tôi nói về thời gian đã qua, nhưng bây giờ với kỹ thuật mới, phát triển mới... chính quyền cách mạng có thể không cần đến chuyên chính, hay cần đến chuyên chính thì cũng không cần đến hình thức bạo lực như trước nữa.

Đối với chúng tôi, chế độ tư bản hiện nay cũng đang làm chuyên chính, nhưng với hình thức dân chủ hơn.

Nói gì xa, ở bên Pháp là nơi tôi sống lâu ngày, tư bản Pháp họ làm chuyên chính. Họ cưỡng ép giai cấp khác phải theo chính sách của họ. Thời bình không ai nhìn ra chuyên chính cả. Nhưng vào thời kỳ khủng hoảng như thời đấu tranh gay go năm 1968, họ cấm các khuynh hướng khác. Họ đàn áp, bỏ tù những người trót-kít, bỏ tù đảng viên mao-ít, đảng viên cộng sản Pháp, họ giải tán những tổ chức trót-kít là những tổ chức chống họ. Nhưng khi tình hình ổn định rồi, họ lại cho được tự do sinh hoạt đảng phái. Nhiều người không chú ý đến chỗ đó, tưởng là họ dân chủ, mà

thực ra họ làm chuyên chính. Cho nên, chuyên chính có nhiều hình thức nhưng nhiều người chỉ nhìn thấy cái chuyên chính của Stalin đã làm, rồi thấy sợ, mà thôi.

Tôi xin phép nói thêm về chuyên chính. Với tư bản, họ dựa vào tầng lớp nào? Họ dựa vào tầng lớp hữu sản và tầng lớp tư sản. Nhưng chuyên chính của những người cộng sản là dựa vào đại đa số dân chúng. Cái tầng lớp đông đảo nhất trong xã hội là công nhân và nông dân nghèo cùng những người trí thức, công chức hay tiểu tư sản. Khi chính quyền đã dựa được vào những tầng lớp đó thì không cần làm chuyên chính nữa. Nghĩa là khi đã có sự bảo vệ và tán thành của những tầng lớp nói trên, dùng dân chủ cũng được. Tóm lại, chuyên chính vô sản là để chính quyền đừng lọt vào tay giai cấp khác, đừng để thiểu số có của cai trị đa số nghèo khổ mà thôi.

- *Vậy xã hội Mỹ, theo ý anh...?*

HKK: Đối với chúng tôi, xã hội Mỹ là một xã hội dân chủ. Nhưng họ đã sử dụng một hình thức chuyên chính. Chính quyền chỉ luân chuyển giữa hai đảng tiêu biểu cho tư bản mà thôi, chứ không lọt vào trong tay ai khác được. Nhưng mà họ dùng dân chủ để làm chuyên chính...

II.

Rất quan tâm đến cuộc tranh đấu của Việt Nam, những người trong phong trào Đệ tứ, như ông Đặng Văn Long¹, "... **khao khát ĐỘC LẬP QUỐC GIA. Nhưng không phải là thứ quốc gia chỉ có trên môi những kẻ a dua theo thời. Không phải cái quốc gia của một tầng lớp người sống phè phỡn trên lưng người khác. Cũng không phải thứ quốc gia của phái cực đoan chủ nghĩa hay chủ nghĩa sô-vanh hẹp hòi**". Ông Đặng Văn Long, cũng như ông Hoàng Khoa Khôi, trong nhóm những người Đệ tứ, không nhận là quốc gia, mà là quốc tế. Ở trên đất Pháp từ thập niên 40 - 50, những người ấy phản đối chính sách thuộc địa của chính quyền Pháp đối với Việt Nam; họ, những người trong nhóm trót-kít này, cũng chống những người cộng sản vác biểu ngữ ủng hộ chế độ Liên hiệp Pháp; họ cũng phản đối quan điểm của những người với tinh thần quốc gia, kêu gọi người Việt tình nguyện gia nhập phát-xít Đức để chống lại Pháp.

- Khi nào người quốc gia miền Nam ủng hộ Mỹ để chống cộng, họ ủng hộ phong trào kháng chiến chống ngoại xâm, nhưng lại phê bình Hồ Chí Minh. (Khác với nhiều người quốc gia miền Nam, họ coi Ngô Đình Diệm là bù nhìn). Người quốc gia miền Bắc, theo cộng sản Đệ tam, thần phục Hồ Chí Minh, không bao giờ hiểu Đệ tứ là gì nên từ lâu đã coi họ là "phản cách mạng".

- Người quốc gia "hải ngoại" luôn luôn cho rằng chủ nghĩa cộng sản đã chết; họ đã không thấy đâu là Đệ tam, đâu là tư bản, lại càng không có hiểu biết gì về những người Đệ tứ, những người theo một chủ nghĩa mà họ coi là đã "lỗi thời".

Những người nhận mình là Đệ tứ ấy, có quan điểm như thế nào?

Chúng tôi xin tiếp tục đưa ra phần 2 buổi nói chuyện với ông Hoàng Khoa Khôi, trưởng ban chủ biên của các báo chí Việt ngữ và Pháp ngữ ở Paris từ các thập niên 40 và 50 đến nay. Luận định của ông Hoàng Khoa Khôi, xin nhắc lại, là văn nói. Và chúng tôi khi ghi lại, cố gắng giữ nguyên.

Dân chủ.

- Thưa anh, một nhà văn trong nước, từng có đảng tịch, là Dương Thu Hương đã lên tiếng đòi hỏi bãi bỏ nguyên tắc dân chủ tập trung. Hồi này, trên báo chí hải ngoại, đâu đâu cũng nói đến dân chủ...

¹- Một người trong phong trào Đệ tứ, tác giả bài "Sinh hoạt của kiều dân Việt Nam tại Pháp vào những thập niên 40 - 50" ("Hồ sơ về phong trào Đệ tứ", tập 1).

HKK: Dân chủ là phải công nhận có đối lập. Trong một nước, phải công nhận có nhiều đảng. Trong một đảng, có nhiều khuynh hướng. Người Đề tam họ nói như thế chỉ đi đến hỗn loạn. Theo họ, công nhận đa đảng ở Việt Nam là thừa nhận sự xâu xé lẫn nhau. Bộ mặt đó tạm thời có thể xảy ra... Nhưng quần chúng... sau khi có kinh nghiệm, sẽ biết bầu cho ai... họ sẽ biết ai là người bảo vệ quyền lợi của họ. Họ sẽ bầu cho những ai xứng đáng thay mặt cho họ. Họ sẽ bầu cho một đảng nào tiêu biểu nhất. Buổi đầu, họ có thể sai lầm. Nhưng đó là cái mà dân chủ phải trả giá.

Nhưng không phải thế mà bãi bỏ nguyên tắc dân chủ.

Tập trung dân chủ (*Democratic Centralisme*).

HKK:...Trong chế độ xta-lin-nít, có tập trung mà không có dân chủ. Lớp lãnh tụ ngồi trên điều khiển mọi ngành hoạt động trong xã hội. Ai chống đảng, là phản động. Không có đa số - thiểu số; thiểu số không có quyền ăn nói. Nguyên tắc tập trung dân chủ như trong nước hiện nay chỉ đẻ ra nạn quan liêu và nạn độc tài một đảng.

- *Vậy, đối với một số người chống đảng, vì thế nên nói là không dân chủ. Còn những người của đảng, họ có thể bảo: "Chúng tôi có dân chủ, nhưng trong đảng với nhau, giữa chúng tôi với nhau mà thôi. Chứ không dân chủ với các anh". Thì làm sao? Lại nữa, câu này của Trotsky, xin phép đọc trước anh... Phải chăng Đề tứ cũng vậy, cũng chuyên chính, cũng phải tiêu diệt giai cấp khác. Xin tạm dịch như sau:*

"Chúng ta có thể đặt điều này thành luật. Chính quyền cách mạng thường là chính quyền cấp bộ, lẫn khoan nhượng, lẫn hời hợt trong hành động. Ngày nào chính quyền ấy mắc mưu với quá khứ, sẽ quay sang bảo thủ. Cho nên, đối lại, phương án càng lớn lao bao nhiêu, càng phải triệt để, thẳng tay bấy nhiêu... Đây mới thật là chính quyền cách mạng đích thực, với sự chuyên chính đích thực".

Có nghĩa là sự tập trung trong chính trị càng lớn bao nhiêu, đảng mới thúc đẩy được cuộc cách mạng đi xa bấy nhiêu... Thừa anh, Trotsky cũng có nhiều câu khác cổ vũ bạo lực. Như những lời tán dương thủy thủ Kronstadt, như trong Moscow Duma, đảng bôn-sê-vích - với số phiếu ít hơn - đã khuyh loát các đảng phái khác... (ghi chú trong phần I)... Anh nghĩ thế nào về các nhận định ấy về sự chuyên chính mà chính Trotsky nói ra?

Chuyên chính vô sản (Dictatorship of Proletariat).

HKK: Tôi hãy trả lời câu anh vừa nói.

Ông này (*chỉ cuốn sách*) chỉ lấy ra có một bộ phận tư tưởng của Trotsky. Bộ phận thứ hai, là Trotsky nói đến sự **TIÊU BIẾN** nhà nước. Chính quyền cách mạng phải dùng bạo lực để xây dựng chế độ mới. Thường thì nói đến bạo lực... ai cũng sợ. Nhưng chúng ta hãy cùng ôn lại... một ít lịch sử...

Hồi cách mạng tư sản Pháp năm 1789, giai cấp tư sản lên nắm chính quyền, họ không những dùng bạo lực mà còn tịch thu điền địa, của cải của phong kiến. Sau, họ cũng đưa ra những đạo luật tự do tư tưởng, tự do lập hội v.v... Nhưng, về tài sản họ tịch thu của người ta hết. Không những thế, họ bắt giam phong kiến... các quân-hầu-bá-tước... Nên thời ấy bao người phải trốn ra ngoại quốc.

Nghĩa là họ làm **CHUYÊN CHÍNH**. Nhưng khi hòa bình vẫn hồi, họ dần dần bãi bỏ chuyên chính, cho phong kiến quý tộc trở về an cư lạc nghiệp. Nghĩa là chính sách trong thời cách mạng và trong hòa bình đã được sử dụng một cách khác nhau. Tôi xin nói tiếp.

Quan niệm chuyên chính của cách mạng Nga về sau còn tiến bộ hơn của cách mạng tư sản Pháp ở chỗ sau khi chính quyền lọt vào tay cách mạng rồi, tức khắc chuyên chính giảm nhẹ. Không phải (nhấn mạnh) về sau này, về sau hàng chục năm, mà là ngay **TỨC KHẮC**.

¹ - Trích một câu trong sách đã dẫn, của Bertram D. Wolfe.

Chuyên chính có hại cho dân chủ, nhưng sự áp dụng nó là điều bắt buộc. Chuyên chính có hai vế:

Phải đối phó với những người chống lại cách mạng. Nhưng mà (sự áp dụng cách đối phó này) chỉ trong thời kỳ cách mạng, thời kỳ chuyển hóa chính quyền... từ chính quyền này sang chính quyền khác, từ hình thái xã hội này sang hình thái xã hội khác. Nếu anh làm cách mạng, anh không làm chuyên chính thì sẽ bị lật đổ. Mà giai cấp tư sản trong cách mạng Pháp cũng đã làm chuyên chính rồi. Nhưng học thuyết mác-xít còn tiến bộ hơn ở chỗ nó chủ trương chuyên chính trong điều kiện.

Nghĩa là sau đó, phải trao lại chính quyền cho xã hội công dân. Trong cuốn "*Nhà nước và cách mạng*", Lenin đã nói rõ chủ trương và ý đồ ấy. Nhưng ông không thực hiện được vì nội chiến kéo dài. Các lực lượng Đồng minh quốc tế liên kết với lực lượng phản cách mạng trong nước đánh phá cách mạng làm cho các biện pháp dân chủ không thể đưa ra thực hiện trong thời kỳ ấy.

Chuyên chính phải được bãi bỏ sau khi đã đặt xong cơ sở vững chắc cho chế độ và khi chế độ ấy được sự ủng hộ của quần chúng. Chỉ thiếu số mới làm chuyên chính mãi mà thôi, chứ đã có chính quyền rồi, chính quyền ấy lại được sự ủng hộ và hỗ trợ của đại đa số rồi, **BẦU CỬ DÂN CHỦ LÀ ĐỦ THẮNG**, việc gì phải chuyên chính?

Stalin đã làm ngược lại. Đối với Stalin, càng tiến đến chủ nghĩa xã hội, càng phải tăng cường chuyên chính. Ông ta đã phá bỏ nguyên tắc dân chủ của những người mác-xít.

Trả lời câu hỏi thứ hai của anh về dân chủ trong nội bộ đảng Cộng sản Việt Nam. Sự thực trong nội bộ đảng này không hề có dân chủ. Dân chủ là phải công nhận cho đảng viên có quyền có khuynh hướng đối lập với khuynh hướng của ban lãnh đạo và có quyền phát biểu chính kiến trong nội bộ đảng. Thực tế không có như thế.

- *Lỡ có người bào chữa cho đảng... rằng... trong thời kỳ chống ngoại xâm (Nhật, Pháp, Mỹ...), đảng lãnh đạo chiến tranh, phải làm chuyên chính. Tuy đã đàn áp văn nghệ sĩ và đàn áp trong cái cách ruộng đất... nhưng sau cũng thôi. Trước, đảng đây sát khí trong vụ "Nhân văn Giai phẩm"... giờ thì Dương Thu Hương đồng dạng như thế, có sao đâu...? Như vậy đảng cũng chuyên chính giai đoạn...?*

HKK: Sự thay đổi trong chính sách thì có. Nhưng thuần hình thức. Không ở nội dung. Không ở bản chất. Vì chính quyền vô sản phải thông qua các Ủy ban Xô-viết (thông qua Quốc hội). Mọi người được ứng cử, bầu cử... một cách bình đẳng. Còn đảng Cộng sản Việt Nam vẫn giữ vai trò đảng trị một đảng. Biện pháp của họ là cho xi hơi, chứ họ vẫn không thực sự trao dân chủ cho dân chúng. Một trong những chủ trương mà Marx và Lenin đưa ra (*giọng nhấn mạnh*) là "**Chính quyền vào tay các Xô-viết**" (*lặp lại hai lần*). Mà Xô-viết là gì? Theo các ông ấy quan niệm thì Xô-viết là tổ chức gồm nhiều đảng phái. Trong thời kỳ nội chiến, nhiều đảng chống lại đảng bôn-sê-vích của Lenin. Nhưng cũng có đảng như phe tả của đảng Xã hội Cách mạng có chân trong chính phủ của Lenin, nhưng sau này họ phản đối chính sách của đảng bôn-sê-vích, họ bỏ... họ ra... Quan niệm của người bôn-sê-vích hồi ấy là muốn thành lập một chính phủ đa đảng. Nhưng trong lúc nội chiến, họ bị tẩy chay. Một phân bộ (cánh hữu) của đảng Xã hội Cách mạng tổ chức ám sát Lenin. Chính những người này đã ngăn cản tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa của Lenin. Trong Xô-viết cũng có người không đồng ý, có người còn không có chân trong đảng. Lúc ấy tình hình nguy cấp lắm. Nào nội chiến, nào sự tấn công binh bị của năm cường quốc chen vào. Còn thêm cái họa của Denikin và Kolchak là hai ông tướng quân phiệt muốn cướp chính quyền. Trước tình thế ấy, đảng bôn-sê-vích không có điều kiện làm dân chủ như ý muốn. Nhưng một điều mà ít người chú ý là trong nội bộ đảng bôn-sê-vích vẫn áp dụng phương pháp dân chủ, đa khuynh hướng...

(Cuộc nói chuyện tạm ngừng vì chuông điện thoại reo và chúng tôi đun nước pha trà. Có thể nhận thấy ông Hoàng Khoa Khôi nói rất chậm rãi, nhưng hàm súc. Giọng vui vẻ nhưng cẩn thận cân nhắc từ ngữ, rất ngắn và chính xác trong các chi tiết về tên tuổi và niên đại lịch sử. Và ông không cầm theo một tài liệu nào. Nhắc đến tên Stalin, đôi khi ông Hoàng

Khoa Khôi gọi là "anh ta", nhưng nhiều khi ông cũng tự chữa, sửa lại là "ông ta". Chúng tôi không tìm cách ngắt lời ông dù đã có khi tưởng như ông không trả lời thẳng vào câu hỏi. Nhưng nghe lại cuốn băng ghi âm, mới thấy ông trả lời đã không thiếu sót, lại còn bao hàm là khác.)

HKK: Tôi xin nói tiếp. Phải phân biệt trong cuộc cách mạng tháng Mười, mục đích đem chính quyền vào tay Xô-viết. Stalin khi có chính quyền, đem chính quyền vào tay đảng. Y như đảng Cộng sản Việt Nam của ông Hồ Chí Minh. Dưới thời Stalin, các Xô-viết vùng, tỉnh... kể cả Xô-viết Tối cao... đã trở thành hình nộm của đảng. Như ở Việt Nam, đảng ra nghị quyết trước, Quốc hội thông qua sau. Như thế không phải là dân chủ.

Tôi xin nói về Quốc hội Lập hiến Nga... là cái Duma. Ông này (*chỉ sách viện dẫn*) ông ấy nói đúng sự thực... ở cái tỉ số, nhưng ông ta quên hiện tượng Nga lúc ấy. Tôi xin giải thích về phiếu bầu lúc ấy của cách mạng Nga.

Trong lúc các giới chính trị sửa soạn bầu Duma thì người công nhân, lao động và nông dân cũng mở cuộc vận động bầu cử các ủy ban Xô-viết để tiến tới thành lập Xô-viết Tối cao (*Soviet Suprême*). Lúc ấy có tình trạng "**lương quyền**": một từ Duma, một từ các Xô-viết.

Duma lập trên nguyên tắc của chế độ tư sản, phổ thông đầu phiếu. Nhưng trong cách mạng tháng Mười thì các cộng đồng sản xuất (lao động và dân cày) chiếm đa số, họ chủ trương thành lập các Xô-viết (theo kinh nghiệm của Ba Lê Công xã). Phương thức bầu cử của Xô-viết không như phương thức bầu cử theo lối nghị viện tư sản, nó căn cứ trước nhất vào người lao động, nó nhằm viển tượng biến đổi Xô-viết thành những tổ chức tự quản lý.

Chính quyền có sức mạnh từ dưới gốc, nhưng dựa vào những người sản xuất... là loại thái là phiếu của người tư sản, người có của. Chế độ tư sản ở Pháp trước đây, ai có của mới được bỏ phiếu (*vote censitaire*), nghĩa là loại thái những người nghèo khổ. Sự phân biệt đẳng cấp rất rõ rệt. Hồi trước ở Việt Nam, dưới chế độ thuộc địa, cũng thế: chỉ những ai có của mới được ứng cử, bầu cử vào Hội đồng Quản hạt... Đây là hình thức của chính quyền tư sản. Chỉ một tầng lớp nào đó mới có quyền bỏ phiếu.

Nên trong cuộc cách mạng chống tư sản, người ta không cho tư sản bỏ phiếu để loại thái tầng lớp này. Đó là thời kỳ giao thời. Duma được bầu cử dưới hình thức công nhân, nông dân cùng tư sản ngang nhau. Xô-viết được những người sản xuất bầu ra. Nó dân chủ hơn ở chỗ là những người đắc cử có thể bị bãi miễn vào bất cứ lúc nào, không kể nhiệm kỳ, lúc ấy là ba năm. Và người đắc cử cũng chỉ được lương bổng bằng người thợ chuyên môn mà thôi. Họ lại luôn luôn chịu sự kiểm soát của cử tri. Đó là quyết định của đảng bôn-sê-vích, để tránh quan chế hóa. Đó là kinh nghiệm Marx đã rút ra trong cách mạng vô sản đầu tiên của Ba Lê Công xã.

Tôi muốn nói thêm về trường hợp bầu cử Duma và Xô-viết thời năm 1918.

Đây là cái khó hiểu.

Khi cộng sản Nga chưa nắm chính quyền, phong trào lập Xô-viết chưa phổ thông, hai ông Lenin và Trotsky đưa ra khẩu hiệu "**Bầu Duma**". Khi các ông ấy lập Xô-viết Tối cao thì trong một thời kỳ lịch sử, có tình trạng "**lương quyền**" phân tranh.

Chính những người trong Xô-viết làm cách mạng, giành chính quyền. Duma được bầu cử với những nguyên tắc tư sản từ trước khi nổ ra cuộc cách mạng. Khi xong cách mạng thì Duma trở nên lỗi thời, cho nên chính phủ của Lenin đã giải tán nó. Nên nhớ, cách mạng tháng Hai 1917 là cách mạng tư sản. Cách mạng tháng Mười 1917 là cách mạng vô sản, sau khi tư sản bị loại thái. Cũng như ở Pháp... cách mạng tư sản đã chủ trương phải loại bỏ phong kiến.

Một điều đáng chú ý là cuộc cách mạng tháng Hai đưa giai cấp tư sản lên chính quyền, nhưng chính quyền này không thi hành một nhiệm vụ nào của một cuộc cách mạng tư sản như cải cách điền địa, thực hiện tự do dân chủ, v.v... Cách mạng tháng Mười đã thay thế cách mạng tháng Hai giải quyết một số vấn đề đó.

Có thể nói giai cấp tư sản Nga hầu như đã không có mặt trong cuộc cách mạng tháng Hai, và họ cũng đã từ chối, không đủ can đảm đứng ra gánh vác nhiệm vụ lịch sử của mình.

Tại sao Hồ Chí Minh đạt mục đích?

- Thưa anh, trong "Cuộc cách mạng bị phản bội", Trotsky đã phân tích được điều rất hay là "**tại sao Stalin thắng?**", tuy nhiều người giỏi hơn ông trong cuộc cách mạng... Vậy, ở Việt Nam, "**tại sao Hồ Chí Minh thắng?**" (Có người bảo tại người quốc gia ngây thơ...)

HKK: Ông Hồ không thắng ở tinh thần xã hội chủ nghĩa (nói thông thả). Mà do sự vận dụng tinh thần và khẩu hiệu quốc gia.

Khi ông thắng rồi, ông ấy chuyển hóa sang phương pháp xã hội chủ nghĩa. Mà chuyển hóa một cách máy móc. Và chúng tôi chống, là chống cái phương pháp đó. Như vậy là lừa dối người ta. Nhất là đối với giai cấp tiểu tư sản, đó là sự lừa dối quan trọng nhất... Ông Hồ Chí Minh coi thường dư luận. Ông ấy chuyển hóa mà không thăm hỏi ai cả. Trước, ông ấy **GIẤU KÍN!**... Trước là **ĐOÀN KẾT QUỐC GIA**, sau là **XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**. Giai cấp tiểu tư sản đã theo ông hết, nên người ta có cảm tưởng người ta bị lừa. Chưa có chính quyền thì nói khác, sau lại nói khác. Nhiều người tiểu tư sản chống lại cái đó. Bởi người ta tham gia cách mạng không vì chủ nghĩa xã hội, mà vì giải phóng quốc gia. Ông Hồ đã loại bỏ tư sản, tiểu tư sản chỉ để giữ chính quyền. Ông đã dùng cả bộ máy để thực hiện một cách áp đặt, trái với chủ nghĩa Marx. Ông Marx nói: "*Không thể làm cách mạng thay cho quần chúng chưa giác ngộ. Quần chúng phải hiểu nhiệm vụ và nguyện vọng của họ*".

Ông Hồ dùng phương pháp dối trá. Rồi dùng cưỡng ép và bạo lực để đối phó với những người không đồng tình với mình. Ông Tín ông tiếc¹ là bị như thế. Vào đảng không vì chủ nghĩa mác-xít mà vì chủ nghĩa quốc gia. Đối với chúng tôi, nếu muốn người ta theo một cách có ý thức, phải nói rõ rằng chủ nghĩa xã hội là có lợi cho giai cấp tiểu tư sản, chứ không có hại. Nếu người ta chưa tham gia, mình không làm được cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nếu họ hiểu, mới làm cách mạng. Như thế tự nhiên cách mạng ngay từ buổi đầu đã có tính xã hội chủ nghĩa chứ không bị chuyển hóa một cách máy móc. Chính sự chuyển hóa một cách máy móc khiến người ta có cảm tưởng bị lừa dối. Đảng nói một đằng, làm một nẻo.

Marx nói: "*Người cộng sản không giấu giếm ý định của mình*". Đảng Cộng sản và Hồ Chí Minh thì giấu. Cho nên chúng tôi nói họ làm cách mạng cho họ, cho tầng lớp cầm đầu. Quần chúng chỉ là quân cờ, họ muốn đặt đâu thì ngồi đấy. Ngay buổi đầu cách mạng, họ đã... khinh khi quần chúng, dẫn dắt quần chúng vào một cái thế nào đó... rồi sau này họ biến chuyển quần chúng... Rồi ai không đồng ý, họ dùng bạo lực đàn áp. Vậy họ cần một chế độ đảng trị. Chứ làm cách mạng theo Marx thì cuộc cách mạng phải do quần chúng làm và do quần chúng tự kiểm soát lấy². Lâu rồi chứ không phải mới đây. Ngay từ lúc họ điều khiển kháng chiến, đưa ra khẩu hiệu "*Đoàn kết chung quanh Hồ Chí Minh!*", họ đã có ý định là **CHỈ MỘT ĐẢNG** thu tóm hết chính quyền.

Chuyên chính là độc tài?

- Khẩu hiệu chuyên chính vô sản, tức là giai cấp vô sản mới được quyền quyết định... như thế, nhất định cũng là độc tài. Khác chăng, chỉ là nhân danh giai cấp khác mà thôi... Đã chuyên chính thì chuyên chính gì cũng ngược với dân chủ...

HKK: Không. Giai cấp vô sản dựa vào nông dân. Phải có sự thỏa thuận và ủng hộ của nông dân. Khi làm cách mạng ở các xứ chậm tiến, không có nông dân không làm nổi. Giai cấp chủ lực lãnh đạo là giai cấp công nhân, nhưng phải lôi kéo được nông dân. Nếu chuyên chính vô sản không có sự ủng hộ của nông dân thì đó là cái chuyên chính vô sản của thiểu số. Chuyên chính vô sản, nếu áp dụng trong thực tế theo học thuyết mác-xít - lê-nin-nít, là một tổ chức bao gồm đại đa số quần chúng. Nhưng nòng cốt là vô sản.

Tại sao lại vô sản? Tôi xin giải thích.

¹ - Bùi Tín.

² - Giống như chủ trương của Rosa Luxembourg, đã dẫn ở trên.

Vô sản là giai cấp không có trình độ văn hóa cao. Nhiều trí thức nghe đến hai chữ "vô sản" là thấy ngấy rồi. Vô sản là một giai cấp có một vị trí đặc biệt trong nền sản xuất, họ không có tiền của, quyền lợi riêng biệt. Họ sẵn sàng công nhận hình thái tổ chức **Tư QUẢN LÝ**.

Trong cách mạng tư sản Pháp, giai cấp tư sản là thiểu số. Nhưng họ có tư tưởng tiên bộ, họ chủ trương bãi bỏ các biên giới trong một nước, bãi bỏ chế độ quân chủ để cho các lực lượng sản xuất được bành trướng. Tư tưởng ấy thực ra không phải là của họ, mà chính là của những người tiểu tư sản chống phong kiến như Montesquieu, Voltaire, Rousseau... Chính những người tiểu tư sản ấy đã đưa ra! Chắc anh còn nhớ ông Molière đã giễu loại người tư sản vô văn hóa qua vở hài kịch "*Trưởng giả học làm sang*" (Bougeois Gentilhomme). Nhưng khi những người ấy lại nắm giữ sản xuất công nghiệp trong tay, đứng về mặt xã hội, họ đóng một vai trò quan trọng là biến đổi xã hội này sang xã hội khác. Lúc ấy họ là thiểu số. Nhưng đứng trong quá trình sản xuất, họ là những người có tư tưởng tiên bộ, công bình, tự do, bác ái...

- *Thì cộng sản, bây giờ, cũng đã cho bao người trước mò cua bắt ốc, được đãi ngộ... hồng hơn chuyên...*

HKK: Không. Ông Hồ Chí Minh dựa vào giai cấp nông dân để giành độc lập. Giai cấp này, do đời sống của họ, họ chỉ có nguyện vọng được chia ruộng đất. Nhân giới của họ rất giới hạn. Khi có cách mạng thì tham gia, khi được ruộng đất rồi thì không tiếp tục nữa. Vì không có giai cấp vô sản đông đảo, các ông ấy đã làm cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cơ sở nông dân, trên nền văn hóa nông dân. cái đó ngược với Marx.

Chủ nghĩa mác-xít nói sự thực hiện chủ nghĩa xã hội chỉ có thể làm được trong một xã hội mà nền sản xuất kỹ nghệ đã đạt đến mức độ cao.

- *Vậy thì Việt Nam... làm sao có những người mác-xít, có những người đòi áp dụng chủ nghĩa mác-xít được?*

HKK: Được chứ. Cái đó là cái khó hiểu. Tôi xin giải thích. Bởi vì... Tôi xin nói một chút lịch sử.

Khi cách mạng Nga khởi đầu năm 1905, đảng Xã hội Dân chủ Nga, tiền thân của đảng bôn-sê-vích của Lenin, có hai khuynh hướng.

Khuynh hướng thứ nhất cho rằng cuộc cách mạng này là cách mạng tư sản, giống như ở Pháp (năm 1789). Vậy các đảng của giai cấp công nhân chỉ có nhiệm vụ phát động nó thôi. Còn vai trò lãnh đạo phải nhường lại cho giai cấp tư sản. Mô hình từ hình thái xã hội này sang hình thái xã hội khác, giống như ở Tây phương...

Khuynh hướng thứ hai của Lenin và Trotsky, cho rằng tình hình lúc đó khác với tình hình thế kỷ trước, khi diễn ra cuộc cách mạng Pháp, ở chỗ chế độ tư bản trên thế giới đã trở thành tư bản đế quốc, đã thâm nhập vào thị trường các nước hậu tiến (như Nga). Nga lúc ấy có nhiều vốn của tư bản ngoại quốc đầu tư vào. Thành thử, cách mạng Nga dựa vào giai cấp tư sản thì không thành công được. Bởi vì giai cấp tư sản Nga đã bị tư bản ngoại quốc xâm nhập, đã trở thành tư sản mại bản, là giai cấp những người mua đi bán lại, thay mặt ngoại quốc để làm ăn trên thị trường. Họ không sản xuất vì không có vốn liếng. Họ sinh sau đẻ muộn so với giai cấp tư sản ở Âu châu. Giữa lúc tư sản Âu châu bành trướng... những nhà máy lớn nhất ở Moscow lúc bấy giờ là của người ngoại quốc, có nhà máy có hơn 30.000 thợ... Vì vậy nên khi cách mạng nổ ra, ngoại quốc can thiệp ngay¹. Họ chống lại cuộc cách mạng đó vì họ muốn bảo vệ quyền lợi của tư bản.

Vì thế, Lenin và Trotsky đưa ra quan niệm: "*Ở một nước hậu tiến, giai cấp tư sản bản xứ không đủ lực lượng điều khiển một cuộc cách mạng tư sản đến thành công. Họ sẽ tìm cách giảng hòa với phong kiến, là giai cấp mà cách mạng phải chống*". Quả như thế, chính phủ Kerensky là chính phủ của giai cấp tư sản, khi cách mạng nổi lên ông ấy đi tìm cách cộng tác với phong kiến. Khi hai ông tướng quân phiệt Kolchak và Denikin đe dọa đảo chính, Kerensky lại có thái độ ngả

¹- Tác giả cuốn "*Worth It All*", ông Jim Wright, thành viên đảng Dân chủ Mỹ, phải từ chức chủ tịch Hạ viện dưới thời Reagan, có nói rõ là ông phải chấm dứt sự nghiệp chính trị 34 năm của mình chỉ vì ông đã đòi bạch hóa vụ Sandinitas với Daniel Ortega, trong đó tư bản đã can thiệp vào biến cố Trung Mỹ này.

ngiênhi đối với cái họa của Kolchak và Denikin. Lúc ấy, đảng của ông Lenin nói rằng chính quyền sẽ có thể lại rơi vào tay phong kiến...

III.

Ở các bài trước, ông Hoàng Khoa Khôi đã trình bày về tập trung dân chủ và chuyên chính vô sản, các khái niệm cốt lõi của chủ nghĩa mác-xít.

Nói đến cộng sản là người ta liên tưởng đến chiến tranh, chết chóc, đau thương..., tức là đụng đến tử huyệt của một số đông người Việt. Nhưng chưa nhìn thẳng vào vấn đề, chúng ta chưa giải quyết được sao cho hiệu quả, bởi vì kết quả bấy lâu vẫn là cáo buộc lẫn nhau. Sợ hãi cộng sản nhưng chưa đối nhận thực lịch sử, sợ cộng sản nhưng chưa hiểu cộng sản nói gì. Cũng vậy, không hiểu ai là cộng sản, ai không là cộng sản. Những người Việt chống cộng ở hải ngoại đổ nguyên nhân mọi trở ngại xây dựng dân chủ là do cộng sản. (Họ đòi chế độ giải thể. Họ thấy cảm vận là hợp lý. Và họ kêu gọi... bảo đảm nhân quyền cho Việt Nam. Họ ký tên trong bản nhận định tình hình, và đòi người trí thức trong nước... đứng lên nhận trách nhiệm).

Trong bài trả lời phỏng vấn tờ báo "**L.A. Times**" (Nov 28/1993), với các đề tài liên quan đến thời hậu chiến tranh lạnh, bà Margaret Thatcher đã nhận định không giống như vậy, theo bà, cộng sản và dân chủ không dính dáng gì với nhau: "**Thật là lỗi lầm nếu cứ cho là nếu chủ nghĩa cộng sản hết thời thì dân chủ và hòa bình lập tức nổ rạng. Không phải thế!**"¹.

Cho nên, những người Việt Nam cần nhận định một cách khách quan với nhau... điều đó không bao giờ quá trễ. Bao giờ cũng cần thiết. Chúng tôi tiếp tục loạt bài nói chuyện với ông Hoàng Khoa Khôi, với những câu hỏi đặt ra với ông, như cộng sản đã quá thời chưa, sức mạnh của khoa học kỹ thuật, thuyết thặng dư giá trị, sự can thiệp của tư bản...

Cách mạng tư sản và cách mạng vô sản.

HKK: Cuộc cách mạng Nga chống Nga hoàng² khởi đầu từ năm 1905, nhưng bị thất bại. Tiếp theo là cuộc cách mạng tháng Hai 1917, đó là cách mạng tư sản, lật đổ Nga hoàng. Sau đó, tháng Mười 1917 là cuộc cách mạng vô sản. Trong giai đoạn cách mạng tư sản tháng 2-1917, có vấn đề trọng yếu là phải đình chiến với Đức, tạo lập hòa bình mà nhân dân Nga khao khát mong đợi. Chính phủ của ông Kerensky, dựa vào đảng KD (Cadet, đảng Dân chủ Lập hiến) chống lại nguyện vọng hòa bình này của quần chúng. Khi Kerensky tìm cách hòa hoãn với phong kiến, mà nhất là tìm cách giảng hòa với hai ông tướng quân phiệt (đã nói ở trên), Lenin đưa ra đề nghị - lúc ấy Lenin chưa có đa số - nói rằng đảng phải chủ động lãnh đạo cuộc cách mạng.

Khẩu hiệu lúc ấy là "**Chính quyền về tay các Xô-viết!**" (nói đồng dục: "**Le pouvoir aux Soviets!**") Lúc ấy trong Xô-viết có nhiều đảng phái: đảng men-sê-vích, đảng Xã hội Cách mạng, đảng bên-sê-vích v.v... Khẩu hiệu ấy có, vì không cứu cách mạng thì cách mạng sẽ lọt vào tay quân nhân. Mà quân nhân sẽ làm độc tài. Đây là vấn đề chạy đua: nếu mình không làm thì người khác họ làm. Trong lịch sử có nhiều trường hợp như thế. Thí dụ, gần đây, ông Allende ở Chi Lê... Ông ấy đứng trước một tình hình tương tự như ở Nga năm 1917. Ông ấy được bầu cử thắng đa số, nhưng đứng trước một tình hình, là phải đổi chính quyền thành một chính quyền chống lại tư bản, hay phải thỏa hiệp với tư bản. Tư bản họ không thỏa hiệp. Họ dựa vào ông tướng Pinochet để lật đổ ông Allende. Nên trong lịch sử có những lựa chọn. Anh không làm thì người ta làm. Song ông Allende... không muốn dùng bạo lực, người ta dùng bạo lực để lật đổ ông ấy. Rốt cục ông ấy phải tự tử chết. (Nói thông thả). Ông ấy muốn tránh bạo lực... nhưng bạo lực không tha ông ấy. Đó là

¹- "It's quite a mistake to think that because communism is at end, democracy or peace has broke out. It's hasn't" (Margaret Thatcher).

²- Vua Nicholas Đệ nhị.

luận lý của lịch sử... không làm không được. Đảng bôn-sê-vích có chủ trương giành chính quyền đâu? Đa số trong đảng nói cuộc cách mạng này là cuộc cách mạng tư sản vì tư sản nắm giữ hết... phải để tư sản điều khiển... Đảng chỉ chủ trương nắm chính quyền khi nhận thấy giai cấp tư sản bất lực lãnh đạo cách mạng đến thành công.

Khi Lenin từ Thụy Sĩ về Nga, ông ấy đưa ra "*Luận đề tháng Tư*", nói là phải giành chính quyền... Trước đó đảng bôn-sê-vích không hề nghĩ đến việc giành chính quyền...

- *Trở lại với quá khứ Việt Nam. Việt Nam chỉ có nông dân, đâu có đa số công nhân? Chắc anh còn nhớ ông Bùi Tín, ông ấy kể là thuở xưa, làng ông ấy... chỉ có một anh "công nhân" làm nghề sửa khóa... lắt chuỗi khóa thép trong làng, rao "**Khóa ê... Khóa ê...**", đấy thôi?*

HKK: Nhận xét vấn đề Việt Nam, không thể không nhận xét những điều kiện quốc tế. Khi tư bản thế giới trở thành tư bản đế quốc, các nước hậu tiến lệ thuộc vào nền kinh tế của nó. Nên một cuộc cách mạng nổi lên ở một nước hậu tiến, tức khắc là đế quốc can thiệp ngay. Như ở Cuba, Castro đâu có là cộng sản. Buổi đầu ông ta là người quốc gia thôi. Nhưng ông ấy quốc hữu hóa các mỏ dầu, những xưởng lọc dầu và các xí nghiệp của người Mỹ, Mỹ mới chống lại ông ấy¹. Chứ buổi đầu, Mỹ còn cảm tình với ông ấy là khác². Vậy thì làm gì thì làm, đụng vào quyền lợi của tư bản là không được. Giữa lúc nền kinh tế của các nước trở thành nền kinh tế bị bao trùm bởi nền kinh tế của các nước tư bản đế quốc, thì Nga là một khâu yếu nhất của hệ thống tư bản quốc tế, các ông ấy là người cộng sản quốc tế, nên nhận thấy cách mạng sẽ gặp phải sự đề kháng của tư bản quốc tế. Chủ trương của các ông ấy, là ở các nước tiền tiến châu Âu, muốn làm cách mạng thì phải đục một lỗ thủng ở cái khâu yếu nhất của tư bản là các nước thuộc địa và các nước hậu tiến. Rồi cuộc cách mạng ấy sẽ được tiếp nối ở các xứ tiền tiến. Bởi vì làm cách mạng xã hội chủ nghĩa ở xứ hậu tiến, đế quốc sẽ can thiệp, mà nếu các xứ tiền tiến không nổi lên theo, cách mạng sẽ bị cô lập và sẽ không thể đi đến chỗ thực hiện chủ nghĩa xã hội. Anh có thấy cuộc cách mạng nào nổi lên, dù chưa phải là cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà đế quốc không can thiệp ngay... không?

Ở quần đảo Grenades là cái nơi chưa có cách mạng gì cả, tư bản cũng can thiệp. Các xứ Trung Đông cũng vậy... Nhưng mà đảng của Lenin làm cách mạng... cái mà nhiều người không chú ý là... trong thời kỳ ấy, phong trào cách mạng ở các xứ tư bản... sục sôi lắm. Sau cuộc chiến tranh 1914 - 1918, lao động Đức tức bực với chế độ tư bản... vì bị lôi kéo vào chiến tranh; không những đã chết hại, mà lại còn thua trận nữa. Chính trong khi ấy, dân chúng nổi lên. Bà Rosa Luxembourg và ông Karl Liebknecht là lãnh tụ cộng sản ở đây, chủ trương cách mạng vô sản giành chính quyền. Họ bị thất bại... vì thời cơ chưa thuận lợi và vì giai cấp công nhân Đức thiếu ban lãnh đạo cách mạng... Nhưng nếu cách mạng lúc đó không thành công, sau này sẽ thành công... Nhận định của họ chỉ sai về thời biểu nhưng không sai về chủ trương cách mạng...

Cách mạng và thực hiện chủ nghĩa xã hội.

- *Xin anh trở lại... là Việt Nam theo mác-xít thế nào được?*

HKK: Không theo mác-xít được nếu anh khẳng định Việt Nam đứng ra ngoài hệ thống của đế quốc chủ nghĩa. Nhìn Việt Nam ở **TRONG** hệ thống của đế quốc chủ nghĩa, thì Việt Nam cũng chỉ là một khâu của cuộc cách mạng dây chuyền, không phải cùng một lúc... mà là tiếp tục nhau theo dây chuyền. Thì đục vào khâu nào, mà nó yếu nhất... của tư bản. Là ở thuộc địa, ở các xứ chậm tiến. Thời Lenin, những người mác-xít đã tìm ra qui luật "*ở các xứ chậm tiến, làm cách mạng thì dễ mà thực hiện chủ nghĩa xã hội thì khó*". Mà không thực hiện nổi! Lenin lập ra Đệ tam

¹- Người ta đổ tội tại vì dân Tầu với 1,1 tỉ dân, nên [Mỹ] phải bành trướng mậu dịch quốc tế [với Trung Quốc]. Còn vấn đề Cuba, vẫn "*xoáy chặt thêm con vít trên dân chúng Cuba*" [*tightening the screw a little more on hapless Cubans*]. Ai đặt vấn đề thì "*vấn đề Cuba là thuộc nội bộ Hoa Kỳ*" [*Cuba policy is a domestic question*]. Cho nên chúng ta đã "*duy trì một sự phong tỏa bất hợp pháp quanh hòn đảo*" [*and this all time, we have maintained an illegal economic blockade of the island*], "*bởi vì CIA ôm một hận hực với Castro... muốn trả thù*" [*CIA bears a deep grudge toward castro... and want revenge*] (Rev. Jesse Jackson, "*L.A. Times*", Nov 28/1993).

²- Khi Castro nói ở "*National Press Club*" (Chicago năm 1956), được hoan nghênh nhiệt liệt.

Quốc tế với cái **ambition** (tham vọng) lớn lắm. Không nhìn một vài nước đâu. Mà nhìn cả thế giới. Ngoại quốc mà không nổi lên làm thì mình sẽ chết! Cho nên sự thực hiện chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã bị thất bại, một phần không nhỏ là do sự chậm trễ nổi dậy của các cuộc cách mạng ở các xứ phương Tây.

- *Thưa anh, hàng chục năm trước Tây Đức - Đông Đức chia cắt, bên theo tư bản, bên theo cộng sản. Sau đó Tây Đức phải cưu mang Đông Đức. Chứng tỏ, chủ nghĩa cộng sản chỉ đưa đến thất bại...*

HKK: Khổ nỗi là Đông Đức... chế độ đó không phải là chế độ cộng sản, không là chế độ xã hội chủ nghĩa... vì vậy mới thất bại. Không thể nói họ theo lập trường mác-xít. Lập trường mác-xít là dựa vào quần chúng, dựa vào vào nhân dân, mà chính quyền là chính quyền của Xô-viết. Thế mà những người gọi là cộng sản, họ đã đem chính quyền đặt vào tay một đảng, đảng thay Xô-viết.

- *Ở Việt Nam không có giai cấp công nhân... làm sao làm cách mạng được?*

HKK: Người ta đã làm cách mạng rồi!

- *Nhưng mà kết quả dở quá...!*

HKK: Dở quá là do cái chế độ đảng trị, thiếu dân chủ...

- *Quốc gia sẽ chỉ vươn lên được... khi... Thí dụ, người ta nói cộng sản Việt Nam chỉ gây ra cuồng tín... Tất cả, chỉ vì chủ nghĩa mác-xít... không thích hợp với điều kiện Việt Nam.*

HKK: Cái gì cũng tương đối... cái gì cũng tương đối... Nếu anh lý luận một cách tuyệt đối, thì anh đúng. Nhưng, ở Việt Nam có nhiều giai cấp... Giai cấp tư sản có những cơ hội ngóc đầu lên được thì chính đế quốc thực dân Pháp lại dìm đầu họ xuống, ngăn cản sự bành trướng của họ. Đế quốc thực dân chỉ muốn tư sản Việt Nam đóng vai trò làm mại bản cho họ mà thôi. Đại khái, Nhà máy rượu Văn Điển không cạnh tranh nổi với Nhà máy rượu La Fontaine. Nhà nước bảo hộ ngăn chặn không cho giai cấp tư sản Việt Nam trở thành một giai cấp sản xuất... Bằng chứng là đáng lẽ ở Việt Nam lúc ấy, giai cấp tư sản phải có bề thế. Nhưng họ đã không sao bành trướng nổi. Muốn kiến thiết xứ sở, họ phải thoát ly sự bao trùm của đế quốc, nhưng đế quốc ngăn chặn, không cho họ thoát ly.

Sự non yếu của phong trào quốc gia thời ấy.

HKK: Nhìn về mặt tổ chức chính trị thì thấy rõ ngay, đáng lẽ giai cấp tư sản ở Việt Nam phải có một chính đảng mạnh. Đảng này vừa mọc mầm thì đã chết yểu. Đứng đầu cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, có các ông Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... là người cách mạng buổi đầu tranh đấu cho độc lập, nhưng không được, sau cùng muốn đề huề cộng tác với Pháp. Vì sau lưng các ông ấy không hề có một lực lượng nào hậu thuẫn. Các ông ấy cũng chỉ muốn cải lương mà thôi... Nhưng một xứ hậu tiến như Việt Nam mà có một sự lạ kỳ, là đảng Đệ tam và Đệ tứ, không có lực lượng lao động nhiều, chỉ đứng trên lập trường lao động, mà lại quán triệt tình hình chính trị lẫn sâu khấu chính trị trong cả một thời kỳ. Thì đủ chứng tỏ lập trường lao động có một vai trò. Mà vai trò đó đã được gánh vác... chỉ với lực lượng của một giai cấp non yếu. Chỉ vì họ dựa trên các điều kiện quốc tế. Trong thực tế là như thế. Khác với Ấn Độ, khác với quần đảo Nam Dương, các nước này có những đảng quốc gia vững mạnh và đã đòi được độc lập, tuy không thông qua một cuộc cách mạng tư sản. Nhưng chính vì không có cuộc cách mạng tư sản mà những vấn đề như cải cách ruộng đất, bãi bỏ phong kiến, thay đổi đời sống của nhân dân v.v... đã không được giải quyết.

Còn ở Việt Nam, cộng tác với tư bản ngoại quốc... có các ông Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long... các ông ấy không làm nổi được việc gì vì các ông ấy chỉ tiêu biểu cho quyền lợi... và nguyện vọng của một giai cấp tư sản non yếu... Các ông ấy cũng muốn đòi độc lập nhưng theo kiểu người quốc gia cộng tác với Pháp... Những người cộng sản như người trốt-kít thì khác. Họ có quan niệm khác... Họ không thành công đến cùng, nhưng họ đã phát nổi lá cờ chống đế quốc trên bình diện quốc gia và quốc tế.

- *Cụ thể nhất, tương lai dân tộc... phải được cải thiện như thế nào? Nhất là khi thành trì xã hội chủ nghĩa quốc tế là Liên Xô đã sụp đổ?*

*Thuyết mác-xít chủ trương có đấu tranh giai cấp. Nhưng bây giờ... ở Mỹ mọi sự thay đổi. Tương quan chủ - thợ, đã có nghiệp đoàn. Ở Việt Nam cũng không hề có giai cấp. dân Việt, xã hội Việt Nam ai cũng đều nghèo cả. Cuốn này đây, "**Lửa trong hổ**", tác giả Francis Fitzgerald, có nói về Việt Nam là xã hội quây quần trong cái làng cổ truyền, ai cũng nghèo cả. Người nào giàu thì tự xấu hổ, tự coi như bất lương. Vì lợi nhuận đồng áng giới hạn: mình lấy hết của đồng bào... thì người khác sống làm sao? Cho nên người giàu bị coi như bất nhân. Lại nữa... ở Việt Nam mảnh ruộng chỉ bằng cái chiếu... làm gì có giai cấp như ở bên Tàu, có địa chủ, đại địa chủ? Như ở bên Nga có chủ nô, nông nô...? Nên nói đấu tranh giai cấp trong xã hội Việt Nam là sai lầm... Áp dụng chủ nghĩa mác-xít, với cốt lõi của chủ nghĩa ấy là đấu tranh giai cấp, là lỗi thời... Nhận định như vậy, theo anh có đúng không...?*

HKK: Đó là suy nghĩ theo tinh thần quốc gia. Trước nhất, tôi trả lời câu anh nói là ở Việt Nam không có giai cấp. Cái hiện tượng giai cấp, không phải do người mác-xít đặt ra, mà là hiện tượng của xã hội... Lúc này anh nói là chủ trương giai cấp, đó là áp dụng chính sách của Stalin, cái gì cũng qui ra giai cấp hết. Văn nghệ cũng qui ra giai cấp. Đàn áp người ta, cũng qui ra giai cấp. Như thế không đúng với quan niệm của Marx. Quan niệm giai cấp là rút ra trong thực tế chứ nó không nảy sinh từ óc những người mác-xít. Những người làm ruộng... dân cày đi thuê mướn ruộng đất... những người như họ đòi đòi bao giờ chả phải đấu tranh...

Gia đình tôi là một gia đình địa chủ... tôi biết. Khi cho thuê ruộng đất mà bóp hầu bóp họng người ta thì gọi là gì? Nói giai cấp là vì có sự khác biệt quyền lợi giữa các giai cấp... mà khi có sự khác biệt quyền lợi giữa các giai cấp, thì có sự đấu tranh.

Mà hình thức đấu tranh giai cấp, có khi nó lộ liễu, có khi nó ngấm ngầm không ai nhìn thấy. Đại khái... như ông chủ điền thuê người làm công. Trong lúc thuê, ông ấy mặc cả với người làm thuê và những người này cũng mặc cả với ông ấy để bảo vệ quyền lợi của họ... Đó là sự đụng chạm về quyền lợi giữa hai giai cấp.

- *Nhưng trong thời kỳ khoa học kỹ thuật... chính Alvin Toffler cũng bảo Marx không còn đúng, vì tâm lý, điều kiện sống đã thay đổi...*

HKK: Trước nhất, tôi giải thích sự thất bại đã qua của chủ nghĩa cộng sản, theo ý nghĩ của một số người; thứ nhì, những quốc gia nhân danh chủ nghĩa cộng sản, nay sụp đổ, có phải là những nước theo chủ nghĩa mác-xít đích thực không. Trong thời Marx, có chữ đấu tranh giai cấp. Nhưng bây giờ bảo không có giai cấp, hay giai cấp không xung đột quyền lợi nữa, thì mình bàn sau. Mà chưa có dấu hiệu chớm nở gì là sẽ hết giai cấp.

Về tư bản.

HKK: Còn ý kiến của anh nêu ra giống như ý kiến của nhiều người ly khai ở Việt Nam. Họ nói rằng xưa kia, theo học thuyết mác-xít thì giai cấp dựa trên sự phân chia trong quan hệ sản xuất, quan hệ tư hữu. Tư bản riêng lẻ trở nên tư bản tập trung, rồi trở nên tư bản quốc tế. Theo ý họ, trong thời đại máy tính bây giờ... sản xuất thành cá nhân chứ không phải tập trung... Sẽ trở thành hình thức cá nhân, chứ không như tư bản hiện nay nữa? Cái đó có thể có được. Nhưng giả thuyết ấy đưa ra, chưa có gì chứng thực. Tôi chưa thấy có hình thức sản xuất toàn vẹn nào do từ máy tính mà ra; cái thứ hai, nếu mà giả thuyết có sự sản xuất cá nhân như thế... kết quả của sản xuất về tay ai? Ai lãnh trách nhiệm phân phối và phân phối cho ai? Nếu vào tay cá nhân buồn đi bán lại theo kiểu manh mún thời phong kiến thì có thể xã hội tương lai từ hình thức sản xuất tập trung ra hình thức cá nhân. Nhưng anh đã thấy có hình thức cá nhân ấy chưa? Các công xưởng

¹- Có lẽ ông Hoàng Khoa Khôi vẫn chỉ nhìn, và đồng hóa, sức mạnh chính trong thời đại kỹ nghệ là chức năng của nhà máy sản xuất ra vật chất. Sức mạnh của kỹ thuật điện tử trong thời đại tin học, theo một số quan niệm hiện đại, nằm trong hiểu biết. Tức là chỉ có hiểu biết đúng đắn mới tạo ra thành quả. Đây cũng là quan niệm của Alvin Toffler, tác giả "*Làn sóng thứ ba*" (Third Wave), "*Cú sốc tương lai*" (Future Shock), "*Sự thăng trầm của quyền lực*" (Power Shift)...

lớn sản xuất thành hệ thống ngày càng tinh vi, chặt chẽ. Mà kết quả sản xuất và sự phân phối thì bao giờ tập đoàn đại tư bản cũng nắm giữ.

Còn thời thế đã khác nhiều? Cái đó tôi không phủ nhận. Ông Marx hồi kết án chủ nghĩa tư bản - khi nó vừa hình thành, ông ấy đã kết án rồi - nó chưa phát triển, mà ông ấy biết là nó sẽ phân triển như thế nào! Những người phủ nhận chủ nghĩa mác-xít có thể cũng có thiên tài tiên liệu như Marx. Nhưng mà mình cần **verifier**, nghĩa là mình cần phải kiểm chứng... Cho tới giờ tôi chỉ thấy kinh tế tập trung. Giờ thì vẫn còn tư bản bành trướng, nhất là ở trong sản xuất xe hơi hay máy bay là những kỹ nghệ rất to lớn, chứ không riêng lẻ.

- Cũng có những khó khăn của tư bản... nhưng như Marx tiên liệu... là tư bản dẫy chết... thì không hề có. Thế chiến thứ nhất xong, Mỹ khủng hoảng (1929 - 1933), những người mác-xít tiên đoán là nó sẽ chết, mà cho đến nay nó vẫn không chết. Sự khổng chế giai cấp này không còn như xưa. Thí dụ: sự người bắt nạt người, người này thêm khát của người kia. Có thêm khát, nhưng tâm lý cũng đã sai hình thức... nên chủ nghĩa mác-xít, phải chăng, đã quá thời? Kinh tế toàn cầu đã sang giai đoạn của phân phối và tiêu thụ...

HKK: Trong xã hội tiêu thụ và phân phối, có sự chênh lệch không?

- Có, nhưng không quá rõ, quá nhiều nữa. Hôm khai mạc nhiệm chức, ông Reagan ông ấy đãi khách rượu vang California... vậy chai rượu ông tổng thống uống, người thợ ráp nối điện toán cũng uống được. Nên không phải chết thêm chết nhát... nữa.

HKK: Tức là tư bản... nó biết điều chỉnh, nên mâu thuẫn bớt đi?

- Vâng. Ngày xưa ông chủ ngồi nhà trên, con ở ăn nhà dưới... cho nên tâm lý bị áp bức mới khiến họ muốn nổi dậy. Thời nay thì văn hóa, truyền thông làm trái đất co lại... không ai bắt nạt nổi ai... đấu tranh giai cấp không quan trọng... không nắm giữ vai trò chính, để gây mâu thuẫn trong xã hội nữa... Sự chênh lệch kinh tế không còn gây đau đớn nữa. Người ít tiền vẫn xem được TV trận đá bóng ở châu Phi hay nghe được hòa nhạc ở Mạc Tư Khoa... Người Palestin chống người Do Thái, chẳng hạn, mới là tiêu biểu cho sự xung đột mới, cái **class civilisation**... tức là các vùng văn minh, do ngôn ngữ, tôn giáo, phong tục, văn hóa rồi qui tụ chống lại nhau. Như Montesquieu nói, lịch sử là "**thời các vua đi đánh nhau, rồi thời các dân tộc đi đánh nhau**". Giờ là thời các dân tộc qui tụ chung theo vùng văn hóa rồi xung đột với nhau. Như các vùng Hồi giáo chống vùng không-Hồi giáo. Người Nam Mỹ đang không chịu nhận là người Mỹ châu La Tinh¹. Xung đột giai cấp không quan trọng nữa. Nên sợi chỉ đỏ xuyên suốt của chủ nghĩa mác-xít đã mòn rồi...

HKK: Trước nhất, để trả lời anh, tôi thấy những điều anh trình bày thuộc vào phạm vi các xứ tiền tiến... anh quên một điểm... là ba phần tư nhân loại bị áp chế, ở các xứ hậu tiến... Nói trên bình diện thế giới, phải nói tới phần lớn nhân loại bị bỏ quên...

- Thưa anh, bây giờ có nhiều phương pháp tính bình quân lợi tức mới, nghĩa là... nếu theo với viễn tượng phát triển... người ta thấy không bị chìm trong nghèo khổ nữa. Nước Tàu, với dân số một phần năm thế giới, không nghèo nữa, sẽ thịnh vượng; cho nên với tình hình quốc tế, với các khối liên hiệp mới này đã có. Ở Ấn Độ cũng vậy, hãng xe Toyota của Nhật đã bành trướng, tạo ra công ăn việc làm... Tức là qui luật mới là: cùng phát triển... cùng tiến bộ..., các khoảng cách tiền tiến-hậu tiến sẽ rút lại. Các xứ ở vùng ven Baltich đang xúc tiến xích lại gần với các xứ Trung Đông... Quả cầu đến tiến giai đoạn làm các xứ gần hơn với nhau. Văn hóa, kinh tế càng phát triển với nhau. Phải chăng tình hình thế giới có thể lạc quan được...?

HKK: Không. Tôi thấy toàn sát khí. Chiến tranh vẫn không ngớt xảy ra ở nhiều nơi trên mặt đất. Số người nghèo khổ vẫn tiếp tục tăng gia mặc dầu của cải xã hội nhiều hơn trước.

- Nhưng mà thời nay, không còn nước lớn ý lớn bắt nạt nước nhỏ nữa... Tức là những qui luật mới ấy làm đổi thay tất cả. Chỉ vì khoa học kỹ thuật. Tuy ngày xưa Marx tiên liệu rất đúng...

¹- Người Mễ không chịu nhận mình, và không muốn, bị gọi là người *Hispanic* (gốc văn minh Tây Ban Nha). Họ luôn nhấn mạnh nguồn gốc của họ là *Latinos*, vùng văn hóa từ Âu châu thuộc nền văn minh La Mã (Latin), *Chicanos* (người Mễ ở Mỹ) hoặc *Mexicanos* (người Mễ) của các văn minh truyền thống Aztec, Mayas, Olmec, Zapotec... ; cho rằng các nền văn minh ấy mới là nguồn gốc chính thức của họ.

nhưng là thuở xưa. Thời nay không còn đấu tranh giai cấp vì điều kiện sống chênh lệch, như xưa... Nên dù có muốn áp bức ba phần tư nhân loại thì tư bản cũng không làm nổi. Chẳng hạn, ông Gordon Woo, một nhà đại tài phiệt ở Hương Cảng, ông này tị nạn từ Quảng Châu sang Hương Cảng, nay lại thấy chính nơi ông đã trốn đi lại là nơi phát triển, khai thác được. Vừa có công ăn việc làm thêm cho hàng chục triệu người, vừa khuyếch trương thương vụ cho chính ông ta... ông ta nói lực lượng nhân công đông đảo ở Quảng Châu đã cứu sự bế tắc cho ông ta và cho chính họ, những người cần công ăn việc làm ở lục địa. Chương trình TV nói về những điều ấy, mới chiếu trên đài 28 ở California tuần qua...

HKK: Anh vẫn chỉ nói về các xứ phương Tây tiền tiến. Phải nghĩ tới ba phần tư nhân loại bị bỏ quên. Giữa họ với nhau, có đấu tranh giai cấp hay không? Người da đen bình quyền với người da trắng... cho dù có bình quyền đi nữa, nhưng người da đen có hết bóc lột lẫn nhau hay không? Ngay cả ở các nước Hồi giáo, vẫn có bà làm chủ tịch, nhưng có phải đa số phụ nữ Hồi giáo vẫn còn bị áp bức hay không? Cho nên tôi nói đại đa số nhân loại là thế...

Thuyết mác-xít nêu ra đấu tranh giai cấp là nêu ra một hiện tượng xã hội trong thực tế. Trong chế độ tư bản, bao giờ còn sự thuê mướn nhân công, còn người làm thuê, người làm chủ, thì còn có đấu tranh giai cấp. Nếu anh chưa chứng tỏ cho tôi biết là với khoa học kỹ thuật mới, rồi ai nấy tự túc bằng cách ai sản xuất người ấy hưởng, nếu không, thì còn bóc lột, còn đấu tranh giai cấp... Đối với tôi, khi mà còn chế độ lãnh lương, *salariat*, thì còn bóc lột... Còn người bán sức lao động (lao động chân tay cũng như lao động trí óc), còn người mua sức lao động, thì còn đấu tranh giai cấp. Anh hiểu đấu tranh giai cấp là chiến tranh giai cấp, hai cái đó khác nhau... Đấu tranh giai cấp là điều mà chế độ tư bản không làm tiêu biến được. Liệu văn minh nhưng người ta có làm hết được vấn đề thất nghiệp hay không? Thực ra vấn đề thất nghiệp nó còn tệ hơn trước. Không phải do tư bản nó xấu, nó ác hơn trước. Nó ác, vì cái cấu trúc¹ của xã hội tư bản làm nó như thế.

Còn việc chế độ tư bản không chết như Marx nói, mà trái lại nó càng tiến triển, tăng cường sản xuất. Sự thực câu nói của Marx không hoàn toàn như thế. Trong quá trình tuyên truyền, người ta đã "giản dị hóa" nó như thế. Marx nói chế độ tư bản, trong quá trình tiến triển của nó, đã tạo ra giai cấp vô sản đối lập với nó và sẽ đập đổ nó để cho xã hội tiến lên, bằng cách kiến tạo một chế độ mới: chế độ xã hội chủ nghĩa. Chế độ xã hội chủ nghĩa sẽ có nhiệm vụ giải quyết những mâu thuẫn kinh tế và xã hội mà tư bản không giải quyết nổi, như vấn đề khủng hoảng chu kỳ, nạn thất nghiệp, nạn chiến tranh, nạn bần cùng hóa ở nhiều nước v.v... Marx không bao giờ nói chế độ tư bản tự nó sẽ rã chết, Marx chỉ nói giai cấp công nhân lao động có khả năng và điều kiện lật đổ chế độ tư bản. Nhưng phải có tổ chức, phải có chương trình kế hoạch. Đấu tranh chống tư bản là cuộc đấu tranh kéo dài, có thắng lợi nhưng cũng có thất bại, chứ không dễ dàng như nhiều người tưởng.

Tư bản sản xuất ra hàng hóa không nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu của nhân loại. Họ nhằm trước nhất là thu hoạch tối đa lợi nhuận. Muốn có nhiều lợi nhuận, phải dựa trên qui luật cạnh tranh. Chính cái qui luật này đã làm nảy sinh ra nạn thất nghiệp. Ở Pháp tôi biết, công nhân hãng Michelin làm ở đó đã mấy đời, rất thoải mái... Bỗng một hôm chủ gọi tên cho nghỉ việc, chả hỏi ý kiến gì ai cả... Thế là mất việc, tan nát hết... Tư bản Pháp tuy không ác... nhưng vì đâu... Marx đã nói nhờ sự phát triển của khoa học và kỹ thuật, sự sản xuất sẽ tiến theo qui mô vĩ đại... nhưng vì trong chế độ tư hữu, sản xuất để kiếm lợi nhuận tối đa, nên rồi sự sản xuất sẽ bị ngăn hãm. Sản xuất ở Pháp - cũng như ở Mỹ - tôi thấy người ta trả tiền cho mà bỏ đất hoang. Không bỏ hoang, cứ khai khẩn, còn bị phạt nữa. Thay vì thúc đẩy sản xuất, khoa học kỹ thuật ngày càng tiến tiến, tại sao lại ngăn hãm?

¹- Mười công ty mạnh nhất về kỹ nghệ thực dụng ở Hoa Kỳ, có những cổ phần mang những cái tên vô thương vô phạt (*street names*)... Rất khó mà truy ra để biết ai là chủ các cổ phần và sở hữu. Bởi vì cơ sở điều hành thành tổ hợp của các nhà băng, các sở đầu tư, giữ đại đa số cổ phần và có quyết định lớn lao. Thí dụ, chuyển dịch từ "*Mellon National Bank*", liên đới tới lợi nhuận của gia đình Mellon, thì người đứng đầu lại có tên là... Richar King Mellon, một đại tư bản của nước Mỹ và... thế giới. ("*The Irony of Democracy*", Thomas R. Dye and L. Hamond Zeiler, Nhà xuất bản Wadsworth Publishing Company, Inc., 1970, trang 105).

Tôi công nhận những năm gần đây, nhờ sự phát minh khoa học và kỹ thuật, nền sản xuất tư bản tăng cường với mức độ chưa từng có. Nhưng người ta quên không nói cùng với sự tăng trưởng ấy, số người giàu có càng giàu có thêm và tập trung trong một số rất nhỏ. Số người nghèo túng trên thế giới ngày càng đông và càng nghèo túng hơn. Trong khi ấy, người ta lại tìm cách kìm hãm nhiều ngành sản xuất, không cho nó phát triển.

Ngăn hãm sản xuất là điều Marx lên án! Tất cả, chỉ vì luật cạnh tranh nhằm kiếm lợi nhuận. Đáng lẽ văn minh càng tiến bộ, sản xuất phải là vô biên cho mọi người cùng hưởng. Thế thì vì đâu mà ra? Vì đâu mà ra? Anh phải tìm... cái nguyên nhân... đó là sản xuất vì lợi nhuận chứ không để phụng sự nhân dân... Đó là điều Marx vẫn đúng...

Thuyết thặng dư giá trị (*Surplus Value*).

HKK: Nhiều người mác-xít tin cái gì Marx nói cũng đúng. Nhưng chính Marx nói ông không phải là người mác-xít. Nghĩa là người đời sau cũng không phải là người mác-xít, mà phải dựa vào thực tế, xem cái gì đã thay đổi trong thực tế, cái gì là không đổi. Ta phải xét như thế.

Giai cấp vô sản, hồi Marx viết "*Tư bản luận*", còn thô sơ, còn bị bóc lột tàn bạo và giai cấp tiểu tư sản cũng trở thành vô sản... Đây là thời Marx...

Nay giai cấp lao động đã thay đổi nhiều... nghĩa là người vô sản bây giờ không còn là người vô sản thời Marx nữa. Họ không còn cùng cực nữa. Họ có đời sống khá giả, có tự do, có trình độ văn hóa. Nhưng Marx không nhìn vào trình độ, mà nhìn vào chỗ họ bị bóc lột hay không. Marx dùng thuyết "**thặng dư giá trị**" để cắt nghĩa sự bóc lột người lao động (trí óc cũng như chân tay) như thế nào...? Hàng hóa làm ra có giá trị bao nhiêu, chủ lấy một phần, lao động lấy một phần. Nhưng hai phần đó, bao giờ cũng chênh lệch nên có sự đấu tranh giai cấp.

Chúng ta hãy hỏi nhau rằng, bây giờ tình trạng đó đã chấm dứt chưa? Bây giờ mức sống người lao động đã cao, nhưng vẫn phải xung đột. Sự xung đột này vẫn có, nhưng không phải là cứ xung đột là có đổ máu... vì xung đột có nhiều hình thức.

- *Thưa anh, hôm qua báo ở đây mới đăng là ông Clinton mới ra một bảng khóa đánh thuế nhà giàu... Như vậy, tư bản có điều chỉnh. Lại có nghiệp đoàn tranh đấu cho công nhân.*

HKK: Vừa rồi anh nói hiện tượng có nghiệp đoàn cũng là hình thức đấu tranh... Ở Mỹ nghiệp đoàn rất mạnh, nhưng cho tới nay, tuy không có đổ vỡ vì chế độ tư bản còn có khả năng tha quyền lợi được. Nhưng nếu một ngày kia nó gặp khó khăn, mâu thuẫn tăng gia hay kinh tế khủng hoảng trầm trọng, anh sẽ thấy có những cuộc tranh đấu bùng nổ... Hiện nay cũng có chớm một cuộc khủng hoảng kinh tế mà chưa ai biết nó sẽ đi đến đâu. Khủng hoảng ấy, Tây họ gọi là **récession**. Hiện giờ chưa có gì nghiêm trọng lắm. Nhưng đến chỗ trầm trọng như thời 1930, sẽ xảy ra đấu tranh ngay. Tư bản... nếu chỉ nói đến Mỹ thôi, thì chưa đủ, chưa thấy. Tư bản phải nói tư bản hoàn cầu... Ở Pháp vừa có một cuộc đình công rất mạnh mẽ... của "*Air France*" là một hãng mà thợ được ưu đãi... Khi nói về con người, phải nhìn về nhân loại... Bắc Phi, Nam Mỹ, các nước hậu tiến khác... Chớ cứ dựa vào Mỹ là một nơi đặc biệt thì không đủ. Tóm lại, tranh đấu giai cấp là bởi quyền lợi khác biệt nhau... không gì ngoài cái đó hết...

Tinh hoa chủ nghĩa mác-xít là chủ trương cho người lao động sản xuất được làm chủ sự sản xuất của mình, để cho họ được tự do phối hợp trong lãnh vực sản xuất. Không có nạn người bóc lột người. Đó là lý tưởng mà nhân loại cần đạt tới - trong quá trình con người tìm con đường tự giải phóng mình.

- *Thì người sáng chế, người sản xuất sẽ có khế ước với người phân phối... Đã có luật phát minh, minh định...*

HKK: Tôi chống quan liêu và tư bản như thế, là vì họ sống trên lưng người lao động...

- *Vấn đề người trung gian như trong ngành địa ốc... Thì giờ là tiền bạc, môi giới là tăng hiệu năng... Đồng tiền là luân lưu (nêu các thí dụ) và chính phủ can thiệp bằng hình thức thuế...*

HKK: Chế độ đó là không lành mạnh. Bởi là đầu cơ. Những người đó là vô ích. Người môi giới là ăn bám... Lành mạnh là phải tới thẳng tay người tiêu thụ... không tốn phí chuyên chở, dự trữ, môi giới... Thí dụ ở Việt Nam đang có sự hình thành của một giai cấp tư bản. Tư bản Việt

Nam nếu muốn khuếch trương thì phải có sản xuất. Đằng này, họ chỉ mua hàng hóa, buôn đi bán lại. Tư bản ấy không có lợi gì cho sản xuất, cho quốc gia. Tuy tư bản ấy cũng cần, nhưng nếu chỉ có tư bản ấy không thôi thì một quốc gia sẽ bị suy thoái về phương diện kinh tế và kỹ nghệ...

(Tháng 11-1993)

ĐỆ TAM ĐỆ TỬ: NHỮNG KHÁC BIỆT*

(Hoàng Khoa Khôi)

Lời tòa soạn tạp chí "Đối thoại":

*Tháp tùng những đoàn lính thợ Việt Nam sang Pháp từ năm 1939 với tư cách một thông dịch viên, ông Hoàng Khoa Khôi đã gia nhập phong trào Đệ tứ Quốc tế tại đây vào cuối năm 1943. Đứng nửa thế kỷ qua, một trong những hoạt động chính trị của ông là trình bày quan điểm và lập trường của Nhóm trót-kít Việt Nam trước những vấn đề trong nước và thế giới một cách liên tục trên những tờ báo do ông chủ biên ("**Vô sản**", "**Tranh đấu**", "**Tiếng thợ**", "**Diễn đàn mác-xít**", "**Quan sát**", "**Nghiên cứu**" và sau hết là "**Chroniques Vietnamiennes**") Trong dịp sang viếng thăm California vào tháng 11-1993, ông đã nói chuyện cùng một số anh chị em và bài viết dưới đây do ông đúc kết từ buổi nói chuyện kể trên. Ngoài ra, ông cũng tâm sự với chúng tôi những mong ước về một nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng xã hội và phục hồi danh dự cho những người Đệ tứ đã bị sát hại như Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu cùng hàng ngàn người khác..*

*

Xét về tính chất cơ bản, chế độ ở Việt Nam hiện nay là một chế độ độc tài đảng trị. Đảng Cộng sản Việt Nam thu tóm hết thảy chính quyền trong tay và chi phối hết thảy mọi ngành hoạt động trong xã hội. Các cơ quan, từ lập pháp, tư pháp đến hành pháp, đều xuất phát từ đảng và bị đặt dưới quyền kiểm soát và chỉ huy của đảng. Các ủy ban dân cử như Hội đồng Nhân dân hay Quốc hội chỉ đóng vai trò trang trí, vì mọi vấn đề đều do các cấp của đảng quy định và giải quyết trước.

Trong những nét chính, chế độ nói trên noi theo mô hình của chế độ ở Liên Xô mà Stalin đã thiết lập, sau khi Lenin mất. Từ năm 1949, nó mang thêm nhiều dấu ấn của chủ nghĩa mao-ít. Thêm vào đó, Hồ Chí Minh sau này còn vận dụng đem vào những tư tưởng lỗi thời của Khổng giáo và chủ nghĩa phong kiến.

Là sự kết hợp các tư tưởng phản tiến bộ, một chế độ như thế không có gì dính líu tới chủ nghĩa mác-xít - lê-nin-nít mà đảng Cộng sản Việt Nam đã rêu rao không ngớt. Người ta nói năm 1930, ông Hồ Chí Minh đã du nhập chủ nghĩa mác-xít vào Việt Nam. Sự thật, ông đã du nhập chủ nghĩa xta-lin-nít mà hậu quả của nó đã gây ra những tai họa như ta thấy.

Trái với nhiều người lầm tưởng, chủ nghĩa xta-lin-nít không phải là sự tiếp nối của chủ nghĩa lê-nin-nít. Stalin không phải là người thừa kế xứng đáng của sự nghiệp Lenin. Lịch sử của cuộc cách mạng Nga 1917 không diễn tiến theo một con đường thẳng. Giữa Lenin và Stalin, giữa giai đoạn cách mạng tháng Mười và giai đoạn kế tiếp đã xảy ra một loạt những sự kiện lịch sử.

Trước hết là nhận xét của Lenin về Stalin. Trong tờ di chúc viết trước khi nhắm mắt, Lenin yêu cầu ban lãnh đạo truất chức vụ tổng bí thư của Stalin, vì có "*Stalin là người có tính tàn bạo thái quá*", "*tật xấu ấy không thể chấp nhận trên cương vị tổng bí thư đảng*". Lenin đề nghị thay thế Stalin bằng "*một đồng chí khác, có bản tính tốt hơn so với Stalin: kiên nhẫn hơn, trung thực hơn, lịch sự hơn và chu đáo hơn đối với các đồng chí, ít thất thường hơn v.v...*"¹.

Tờ di chúc này đã bị Stalin giấu kín trong 32 năm. Phải đợi đến 1956, Khrushchev mới vạch ra công khai trước Đại hội lần thứ XX của đảng. Không những thế, Stalin còn cố ý trình bày

* Tạp chí "Đối thoại" (Hoa Kỳ, số ra mắt tháng 1-1994).

¹- Cõi cuốn "*Tờ trình bí mật của Khrushchev về Stalin*", trang 106, do Nhóm trót-kít Việt Nam tại Pháp xuất bản năm 1982.

trước dư luận nhân dân Nga và nhân dân thế giới như là người đã được Lenin ủy thác thay mặt mình lãnh đạo đảng và nhà nước Liên Xô. Đứng trước quan tài Lenin, Stalin tuyên thệ trung thành với những lời chỉ giáo của Lenin. Tấn bi hài kịch này tuy thô thiển, nhưng đã lừa dối tất cả dư luận toàn thế giới!

Sự kiện thứ hai là một bức thư Lenin gửi cho Stalin, trong đoạn tái bút, Lenin tuyên bố đoạn tuyệt với Stalin. Sự đoạn tuyệt này, không những là đoạn tuyệt giữa cá nhân, mà thực chất là sự đoạn tuyệt về chính trị! Lenin bất bình với Stalin về chính sách đối với dân tộc Georgia¹, chính sách mà Lenin coi là "đế quốc", "đại Nga" (Grand Russe), đàn anh nước lớn, sẽ gây ra hậu quả tai hại cho sự liên hệ giữa các nước cộng hòa trong Liên bang Xô-viết.

Sự kiện thứ ba quan trọng hơn cả. Ấy là sau khi Lenin mất (1924), Stalin đã mưu mô thâm tóm hết thảy mọi quyền chính trong tay rồi dựa vào một tầng lớp quan liêu trong đảng và nhà nước, ông đã phát động **một cuộc phản cách mạng chính trị** (contre révolution politique), thủ tiêu nền dân chủ Xô-viết thời Lenin, phá bỏ truyền thống dân chủ trong nội bộ đảng, giải tán và cấm đoán các khuynh hướng trong đảng². Cuối cùng, Stalin và đám quan liêu trong đảng tổ chức một loạt các vụ án nguy tạo, vu khống, bịa đặt, nhằm mục tiêu diệt trừ các khuynh hướng và các đảng viên đối lập, bắt luận tả hay hữu. Các vụ án lớn đã diễn ra liên tục trong ba năm 1936-1939. Nó đã triệt hạ hơn nửa số đảng viên và đại đa số các cán bộ nòng cốt của đảng. Chỉ cần lấy một ví dụ³: trong số 139 ủy viên Ban Trung ương do Đại hội thứ XVII bầu ra, 98 người (nghĩa là ba phần tư) bị xử bắn. Trong số 1.956 đại biểu của đại hội này, 1.108 người bị bắt và bị khép án "phản cách mạng". Người ta còn nhớ, Bộ Chính trị điều khiển cách mạng tháng Mười năm 1917 gồm có bảy thành viên, trong đó có bốn người bị xử tử, một người (Trotsky) bị ám sát, một người (Lenin) chết bệnh, chỉ còn lại một mình Stalin! Một cuộc tàn sát đại qui mô như thế, một cuộc triệt tiêu đầm máu những người cách mạng như thế, ta không thể đặt cho nó cái tên nào khác là "cuộc phản cách mạng chính trị". Trong cuộc Đại cách mạng Pháp 1789, đã có hiện tượng phản cách mạng tương tự như thế. Các sử gia Pháp gọi nó là "Tháng Nóng" (Thermidor). Từ thanh trừng này đến thanh trừng khác, 10 triệu đảng viên lần thường dân đã bị Stalin và quan liêu giết hại! Ta có thể nói, người giết hại cộng sản nhiều nhất không phải là Hitler, mà là Stalin!

Ấy thế mà chính trong giai đoạn này (giai đoạn những năm 30), ông Hồ Chí Minh và đảng Cộng sản Việt Nam đã du nhập chủ nghĩa xta-lin-nít vào Việt Nam. Cuốn sách đầu tiên ông dịch ra tiếng Việt để huấn luyện đảng viên và cán bộ là cuốn "*Lịch sử của đảng Cộng sản Liên Xô*". Theo hồi ký của đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại, cuốn sách này được coi là "*sách gối đầu giường của đảng viên và cán bộ*". Nhưng ông Giáp quên không nói, nó chứa đầy rẫy những sai lầm và xuyên tạc lịch sử. Năm 1956, ở Đại hội XX, Khrushchev đòi phải viết lại. Một tiểu ban của đảng đã viết lại, sau ba năm cố gắng. Nhưng nó vẫn còn chứa đựng nhiều sai lầm và dối trá (Năm 1981, Nhóm trót-kít Việt Nam chúng tôi đã xuất bản ở Pháp tư liệu nhan đề "*30 câu hỏi, 30 câu trả lời về cuốn 'Lịch sử đảng Cộng sản Liên Xô'*"⁴ vạch ra những sai lầm của cuốn sách và nhấn mạnh cần phải viết lại một lần nữa cho đúng với sự thực!)

Một cuốn sách như thế mà đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu làm " *gương mẫu cách mạng*" cho đảng viên và cán bộ. Trong văn bản chưa sửa chữa, có đoạn nói về những vụ án 1936-37-38 và về "*bọn trót-kít phản cách mạng*", "*kẻ thù của nhân dân*", đảng tự hào đã trừng trị họ một cách đích đáng! Hẳn rằng các ông Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo v.v... đã học

¹- Những yêu sách quốc gia quá khích của xứ Georgia hiện nay, một phần lớn là do hệ quả của chính sách này.

²- Cho đến Đại hội X (1921), đảng Cộng sản Liên Xô vẫn áp dụng nguyên tắc "*đa khuynh hướng*" trong nội bộ. Đứng trước một tình hình vô cùng hiểm nghèo cho sự thống nhất của đảng do cuộc nội chiến gây ra, Đại hội X đã chuẩn y nghị quyết tạm thời đình chỉ việc tranh chấp giữa các khuynh hướng. Sau này, Stalin đã đổi một nghị quyết tạm thời thành một nghị quyết vĩnh cửu.

³- Coi "*Tờ trình bí mật của Khrushchev về Stalin*".

⁴- Của Thanh Sơn, đăng trên tạp chí "*Nghiên cứu*" số 6, tháng 6-1981.

thuộc lòng. Cho nên khi cách mạng tháng Tám nổ ra ở Nam Bộ, hành động trước nhất của các ông ấy là đi lùng bắt và thủ tiêu trót-kít¹.

Xuyên tạc lịch sử, vu khống đối phương, thủ tiêu đối lập, đó là phương pháp của các chế độ độc tài đảng trị. Chế độ phát-xít Hitler cũng đã sử dụng phương pháp này. Nhưng khác với Hitler, Stalin tìm dựa vào chủ nghĩa mác-xít làm tấm màn che đậy. Đồng thời, ông ta sửa đổi chủ nghĩa này cho hợp với nhu cầu chính trị từng giai đoạn. Đó là tính chất "*lường diệm*" của chủ nghĩa xta-lin-nít mà nhiều người ít chú ý, cho nên dễ lẫn lộn nó với chủ nghĩa mác-xít.

Tôi xin nêu ra một số những dẫn chứng:

1. Vấn đề dân chủ:

Thời Lenin, đảng Cộng sản Liên Xô, trong lúc làm bí mật cũng như trong thời kỳ nội chiến, lúc nào cũng hoạt động theo phương pháp dân chủ. Trong nội bộ đảng, các khuynh hướng đối lập được tự do phát biểu, tự do tập hợp chung quanh một lập trường khác với lập trường của ban lãnh đạo. Các nghị quyết quan trọng bao giờ cũng có đa số, thiểu số, ít khi có hiện tượng đồng thanh. Trong nhiều vấn đề cốt tử, như quyết nghị khởi nghĩa, việc ký kết hiệp định Brest-Litovsk, vấn đề nghiệp đoàn v.v... bao giờ cũng có hai, ba khuynh hướng đối lập nhau công khai. Lenin và ban lãnh đạo đảng thường bị thiểu số.

Từ ngày Stalin nắm chính quyền trong tay, hiện tượng nói trên chấm dứt. Từ ngày ấy, chỉ còn một khuynh hướng: khuynh hướng của Stalin. Mọi khuynh hướng khác, dù tả, dù hữu, đều bị coi là "*phản động*", "*chống đảng*" và bị đem ra xử lý. Những cuộc bỏ phiếu dân chủ không còn nữa. Trăm người như một điều "*đồng thanh*" thì nhau ca ngợi "*đường lối đúng đắn của đảng*". Rủi mà đảng sai lầm, mọi người lại "*đồng thanh*" tung hô "*đảng đã sáng suốt phát hiện được những sai lầm*". Nói một cách khác, lúc nào đảng cũng đúng. Trong lúc ấy, nhân dân phải trả giá đắt cho những đổ vỡ.

Thời Lenin, nguyên tắc "*tập trung dân chủ*" được áp dụng theo ý nghĩa đích thực của nó. Đúng trước mỗi vấn đề quan trọng, đảng mở cuộc thảo luận dân chủ, mọi người tự do góp ý kiến rồi bỏ phiếu. Nghị quyết của đa số được đem ra thi hành. Nhưng thiểu số vẫn có quyền bảo lưu ý kiến để rồi có thể trở thành đa số, một khi thực tế chứng tỏ sự sai lầm của đa số. Nhờ sự thảo luận và bỏ phiếu dân chủ, thiểu số có thể trở thành đa số. Đây là một nguyên tắc đã được áp dụng trong hầu hết các tổ chức dân chủ của phong trào lao động.

Stalin và phái xta-lin-nít, với quan niệm độc tài đảng trị của họ, đã biến đổi một nguyên tắc dân chủ thành một nguyên tắc phản dân chủ.

2. Chuyên chính vô sản:

Theo Lenin, chuyên chính là một khái niệm tạo ra phương tiện xóa bỏ bộ máy nhà nước cũ, xây dựng nhà nước mới. Nó không áp dụng đối với đại đa số nhân dân mà chỉ áp dụng với thiểu số chống lại cách mạng. Lenin coi đó là giai đoạn tạm thời, bắt buộc rất ngắn. Một khi nhà nước mới được đặt trên nền móng vững chắc, được sự ủng hộ của đông đảo nhân dân, tức khắc nhà nước phải mở rộng dân chủ, tạo điều kiện cho sự tàn lụi (tiêu biến) của nó. Nhà nước phải dần dần trao trả quyền hành cho xã hội công dân. Theo Lenin: "*Phải làm sao cho một bà nội trợ, ngoài việc trông nom gia đình, có thể có điều kiện cáng đáng công việc của xã hội*".

Stalin đã thực hiện một chính sách hoàn toàn trái ngược. Đối với Stalin, chuyên chính không thể rút ngắn mà phải kéo dài. Nó không những để xây dựng nền tảng chính quyền mới trong thời kỳ cách mạng, nó còn có nhiệm vụ "*xây dựng chủ nghĩa xã hội*" bằng bạo lực trong giai đoạn hòa bình. Mặc dù không tuyên bố chống lại khẩu hiệu "*Nhà nước tàn lụi*" của Lenin, Stalin nêu ra khẩu hiệu "*Càng tiến tới chủ nghĩa xã hội, càng phải gia tăng cuộc đấu tranh giai*

¹ - Theo ông Trần Văn Ân: "64 người [trót-kít], gồm những tinh hoa như Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Phan Văn Chánh, Trần Văn Sĩ, Phan Văn Hoa (em của Hùm), Nguyễn Văn Sô, Trần Văn Tiêu, Huỳnh Văn Soi, Nguyễn Văn Bạch, đều bị bị chở đi Biên Hòa nhốt một đêm rồi đem ra sông Lòng Sông ở Phan Thiết thủ tiêu". (Coi "Chuyện trò với cụ Trần Văn Ân" do Nguyễn Hoài Vân ghi lại, tạp chí "Thế kỷ 21" số 55, tháng 11-1993, trang 32).

cấp". Nói một cách khác: "*Càng phải củng cố nhà nước, củng cố chuyên chính vô sản*". Quan niệm này dẫn đến chính sách "*xây dựng chủ nghĩa xã hội*" bằng phương pháp mệnh lệnh, hành chính, cưỡng bách như ta thấy ở Việt Nam, Liên Xô, Trung Quốc v.v... Nó tạo ra sự thờ ơ, nếu không là đối kháng, của những người sản xuất. Nó làm cho thui chột những sáng kiến của quần chúng.

3. Thực hiện chủ nghĩa xã hội trong một xứ riêng biệt:

Thời Lenin, các chiến sĩ cách mạng đấu tranh cho sự thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga, đều ý thức rằng nước Nga là một xứ nông nghiệp chậm tiến, công nghiệp yếu kém, giai cấp công nhân lao động và nông dân, thông qua đảng Cộng sản, có thể giành chính quyền. Nhưng thực hiện chủ nghĩa xã hội lại là vấn đề khác. Với nền kinh tế thấp kém của mình, nước Nga chỉ có thể tạo lập được một số những cơ sở tiền đề cho sự xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong lúc chờ đợi những cuộc cách mạng thành công ở các nước tư bản kỹ nghệ tiên tiến. Lenin và ban lãnh đạo đặt hi vọng vào những cuộc cách mạng ở châu Âu đang sôi nổi hồi đó. Đối với Lenin, "*chỉ một cuộc thành công thôi ở các xứ này*" cũng đủ làm thay đổi tình hình. Nước Nga sẽ thoát khỏi sự cô lập giữa thế giới tư bản và sẽ có được những viện trợ cần thiết để đứng vững. "*Nước Nga khởi đầu cách mạng, nước Đức tiếp theo, nước Pháp và nước Anh hoàn thành*". Đó là triển vọng của Lenin và ban lãnh đạo đảng Cộng sản Nga khi làm cách mạng tháng Mười.

Nhưng lịch sử lại oái oăm, một loạt các phong trào cách mạng ở châu Âu tiếp tục nhau thất bại. Cách mạng Đức 1918, cách mạng Hung 1919 rồi tới lượt một số các nước tư bản khác. Tiếp theo không những là thoái trào mà còn là thoái hóa của phong trào quần chúng ở Nga. Dưới lá cờ bài trừ những người mà họ cho là "*phản cách mạng*", một đảng cấp quan liêu xuất đầu lộ diện, tập hợp nhau, nhẩy ra sân khấu chính trị. Lợi dụng thời cơ, họ chiếm giữ những vị trí then chốt của đảng và nhà nước, tôn Stalin lên làm lãnh tụ của họ. Năm 1924, Stalin đưa ra khẩu hiệu "*Thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội trong một nước*". Một khẩu hiệu mà không một lãnh tụ nào của đảng Cộng sản Liên Xô, kể cả Stalin, nghĩ tới, cho đến lúc đó. Dưới chiêu bài này, Stalin và quan liêu đã phát động chính sách công hữu hóa và tập thể hóa toàn diện những phương tiện sản xuất một cách đột ngột. Nó gây ra phản ứng bất bình của nhiều tầng lớp nhân dân, đặc biệt là ở nông thôn. Nó làm giảm sút nghiêm trọng lực lượng sản xuất. Nhưng ngược lại, nó củng cố thêm chính quyền độc tài của Stalin, đồng thời nó tăng gia quyền lực và quyền lợi của đám quan liêu.

4. Sáng tác văn nghệ:

Cách mạng tháng Mười Nga, không những đặt ra mục tiêu giải phóng lực lượng sản xuất mà nó còn nhằm sự giải phóng con người, giải phóng sự sáng tạo của con người, trong đó có sự sáng tác tự do của nghệ thuật và văn nghệ. Người ta còn nhớ trong những năm đầu của cách mạng, một bầu không khí hào hứng phấn khởi, tự do sáng tác diễn ra trên đất nước Nga. Mọi trường phái, mọi khuynh hướng được tự do phát biểu. Chính trong giai đoạn này, đã xuất hiện những nhà đạo diễn nổi tiếng như Eisenstein, những nhà thơ lỗi lạc như Mayakovsky, những văn hào hiếm có như Maksim Gorky. Lenin tuy không chuyên môn về vấn đề nghệ thuật và văn nghệ, nhưng ông công nhận sự tự do sáng tác. Ông có nêu ra quan niệm "*đảng tính*" của văn nghệ sĩ. Nhưng quan niệm này chỉ áp dụng cho những ai là đảng viên, tự nguyện theo kỷ luật của đảng.

Trotsky có lập trường rộng rãi hơn Lenin. Theo ông, hết thảy mọi trường phái nghệ thuật và văn nghệ đều được quyền tự do sáng tác, với điều kiện không chống đối cách mạng. Sau này, trong bản tuyên ngôn "*Vì một nền nghệ thuật cách mạng độc lập*" ông viết với nhà văn hào siêu thực André Breton, ông tự tay xóa bỏ điều kiện này. Theo Trotsky, "*văn nghệ phải được trả lại cho sự sáng tác của văn nghệ sĩ*"¹, vì cũng như khoa học, văn nghệ có những qui luật riêng của nó.

¹- Coi cuốn "*Văn học và cách mạng*" của Trotsky.

Tóm lại, đối với những người mác-xít chân chính, nghệ thuật và văn nghệ là một sản phẩm đặc thù, không thể đặt một giới hạn nào cho sự sáng tác của nó. Người trọng tài không phải là đảng, dù là một đảng cách mạng. Người trọng tài là dư luận của quần chúng.

Thế nhưng, sau này, Stalin đã vin vào quan niệm "*đảng tính*" của Lenin, rồi ép buộc những văn nghệ sĩ ngoài đảng cũng phải theo kỷ luật của đảng. Dưới thời Stalin, nghệ thuật và văn nghệ bị nô lệ hóa. Thẩm mỹ và sáng tác bị đặt dưới quyền kiểm soát chặt chẽ của đảng. Nó trở thành một phương tiện tuyên truyền chính trị cho đảng. Nhiều bức họa được vẽ như một bức tranh cổ động. Nhiều văn phẩm của các nhà văn chỉ biết tô hồng chế độ, ca ngợi đảng, ca ngợi lãnh tụ, thù dệt những cảnh thiên đường "*ngày mai ca hát*". Stalin gọi đó là quan niệm "*nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa*", được coi là con đường duy nhất. Trong lúc ấy, các khuynh hướng khác của nghệ thuật và văn nghệ bị cấm đoán nghiêm ngặt. Với một quan niệm như thế, nghệ thuật, văn nghệ bị khô héo, cằn cỗi vì không có đất sống.

5. Vấn đề hợp tác hóa và tập thể hóa ruộng đất:

Đối với những người mác-xít, vấn đề này được đặt ra như một phương tiện để tăng gia sản xuất. Nhưng muốn xây dựng hợp tác xã hoặc tập thể hóa ruộng đất, phải có hai điều kiện: một là sự tình nguyện và chấp thuận của nông dân; hai là sự tăng cường sản xuất của công nghiệp. Nếu nông dân bị cưỡng bách, nếu công nghiệp chưa đủ sức tạo ra được hàng tiêu dùng và nông cụ đáp ứng nhu cầu của nông dân, hợp tác hóa và tập thể hóa sẽ bị thất bại. Nông nghiệp và công nghiệp là hai lưỡi cánh của một cái kéo. Hai bên phải phát triển đồng bộ. Bằng không, sự cách biệt giữa hai cánh kéo sẽ mở rộng. Nông dân bất mãn sẽ phản đối bằng sự đình hãm sản xuất. Lực lượng sản xuất nông nghiệp sẽ giảm sút. Vì vậy, Lenin và Trotsky đã áp dụng N.E.P. (Chính sách Tân kinh tế), công nhận kinh tế thị trường ở nông thôn, khuyến khích sản xuất cá thể, trong lúc chờ đợi sự tăng trưởng của kỹ nghệ.

Dưới chính quyền của Stalin, chính sách cưỡng bách hợp tác hóa và tập thể hóa trong những năm 30 đã gây ra sự phản đối ngầm ngấm và công khai của nông dân. Vì thiếu dụng cụ và hàng tiêu dùng, nông dân không thấy lợi ích gì để sản xuất. Họ từ chối không giao nộp sản phẩm cho nhà nước. Họ đem trâu, bò, gà, lợn ra ăn thịt và đình hãm sản xuất. Phản ứng của Stalin là tổ chức một cuộc đàn áp bằng bạo lực, diệt trừ những người đối lập. Kết quả, hàng vạn, hàng triệu nông dân bị bỏ mạng trong cuộc khủng bố đẫm máu này. Nhưng vấn đề tăng gia sản xuất nông nghiệp vẫn không được giải quyết và cho đến ngày nay vẫn chưa được giải quyết.

Đứng trước một kinh nghiệm đồ vỡ như vậy ở Liên Xô, đảng Cộng sản Việt Nam vẫn không rút ra được bài học nào cả. Hai mươi lăm năm sau, đảng vẫn đi theo con đường mòn của Stalin. Trong những năm 1953-54 ở miền Bắc và 1975-76 ở miền Nam, đảng phát động phong trào hợp tác hóa, tập thể hóa một cách cưỡng bức, vô nguyên tắc. Nông dân hai miền Nam Bắc đã phải trả giá rất đắt cho chính sách phiêu lưu mạo hiểm này.

6. Vai trò của nông dân trong cách mạng:

Ở các xứ chậm tiến, nông dân là một lực lượng cách mạng. Không lôi kéo được nông dân, cuộc cách mạng chống phong kiến không thể thành công. Nhưng không thể coi nông dân là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Càng không thể coi là lực lượng cơ bản của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh dựa vào lực lượng nông dân giành được chính quyền. Hai ông đề cao nông dân như một động lực cốt tử của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Quan niệm này dẫn đến tư tưởng cho rằng có thể tạo lập chế độ xã hội chủ nghĩa trên cơ sở một nền kinh tế nông nghiệp và một nền văn minh nông nghiệp. Nó đã được nhà triết học Trần Đức Thảo lý thuyết hóa trong cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu?*" xuất bản ở Paris năm 1951. Theo tôi, đó là một quan điểm ngược hẳn với các nguyên lý của học thuyết mác-xít. Không làm sáng tỏ điều này, sẽ không phân biệt được sự khác nhau giữa chủ nghĩa xta-lin-nít, chủ nghĩa mao-ít và chủ nghĩa mác-xít.

Trên đây, tôi cố gắng viện dẫn một số luận điểm để chứng tỏ đảng Cộng sản Việt Nam đã lạm dụng mấy chữ "*chủ nghĩa mác-xít - lê-nin-nít*". Thực ra, họ đã noi theo chủ nghĩa xta-lin-nít và chủ nghĩa mao-ít trong những vấn đề căn bản. Tôi cũng cố vạch ra một số sự kiện lịch sử để dẫn chứng chế độ độc tài đảng trị do đâu mà phát sinh, để rồi mới có cơ sở tìm hiểu sự trở nên của nó. Những sự kiện đã viện dẫn là những sự kiện thực tế. Vì nếu sự kiện mà trình bày sai thì kết quả của sự suy luận không thể đúng.

Như tôi đã nói ở trên, chủ nghĩa xta-lin-nít và chủ nghĩa mao-ít có hai "*mặt*". Một mặt, đem học thuyết mác-xít cổ điển ra tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng. Một mặt, sửa đổi, một cách giấu giếm, nhiều nguyên tắc chủ yếu của học thuyết này. Sự lẫn lộn đó khiến mỗi người rút ra tư tưởng hợp với mình. Bọn quan liêu thì dựa vào những điều đã sửa đổi vì nó thích hợp với sự bảo vệ quyền lợi của họ. Những người cộng sản cách mạng thì tìm ở đó những tư tưởng của Marx, Lenin làm "*kim chỉ nam*" cho hành động cách mạng của mình.

Trong hàng chục năm, mặc dầu những sự sửa đổi, mặc dầu sự bành trướng của quan liêu, nhiều đảng Cộng sản trên thế giới, trong đó có đảng Cộng sản Việt Nam, đã khơi dậy và lãnh đạo phong trào đấu tranh đòi độc lập, chống thực dân, đế quốc. Sau cuộc Thế chiến thứ hai, "*ba dòng thác cách mạng*" là có thực, không phải là điều bịa đặt của các đảng Cộng sản. Dòng thác đấu tranh đòi độc lập của các xứ bị trị, dòng thác giành chính quyền của các đảng Cộng sản, lật đổ chế độ tư bản trong nước, dòng thác cao trào đấu tranh của công nhân, lao động trong các xứ đại tư bản. Stalin và Liên Xô đã dựa vào ba dòng thác này, không phải để tìm cách làm lan rộng cách mạng ra các xứ tư bản phát triển ở châu Âu, như đã ghi trong chương trình của đảng Cộng sản Liên Xô năm 1917, mà là để mở rộng thêm ảnh hưởng và bờ cõi quốc gia của Liên Xô. Stalin đã ký kết với hai cường quốc Anh, Mỹ hiệp ước Yalta, Potsdam, Téhéran, chia sẻ các vùng ảnh hưởng trên thế giới. Anh, Mỹ nhượng cho Liên Xô kiểm soát các nước ở vùng Đông Âu. Liên Xô nhượng cho Anh, Mỹ rảnh tay chế ngự các phong trào quần chúng đang sôi sục ở các nước tư bản phát triển ở châu Âu.

Về phần các đảng Cộng sản các nước, dựa vào cao trào quần chúng và hào quang thắng trận của Liên Xô, họ củng cố lực lượng, trở nên những đảng lớn mạnh. Chiều theo tinh thần của các hiệp ước nói trên (Stalin ký kết với các nước Anh, Mỹ), các đảng Cộng sản ở châu Âu (như Pháp, Ý, Hy Lạp...), mặc dầu có đủ lực lượng nhưng không chủ trương lật đổ chế độ tư bản giành lấy chính quyền. Họ chỉ nhắm mục tiêu đấu tranh nghị trường. Có đảng - như hai đảng Pháp, Ý - đã tham gia chính phủ tư bản¹. Chính sách chủ yếu là gây lực lượng, "*làm áp lực*" đối với chính phủ mình để phụng sự cho chính sách ngoại giao của Liên Xô.

Các đảng Cộng sản châu Á có một vị trí hơi khác. Ví dụ như đảng Cộng sản Việt Nam và Trung Quốc. Hai đảng này vừa phải ủng hộ chính sách ngoại giao của Stalin đối với các chính quyền tư bản, vừa phải có một chính sách thích hợp với cuộc cách mạng quần chúng đang bùng nổ trong xứ họ. Buổi đầu, họ tìm cách dung hòa hai quyền lợi: quyền lợi của Stalin và quốc gia Liên Xô và quyền lợi quốc gia của các nước Việt Nam, Trung Quốc. Cuối cùng, Mao Trạch Đông rời bỏ con đường phụng sự cho chính sách của Stalin. Bây giờ, ai cũng biết việc Mao lên nắm chính quyền ở Trung Quốc là một hành động chống lại đường lối của Stalin và Liên Xô. Trường hợp Hồ Chí Minh hơi khác, Hồ Chí Minh phải khôn khéo lắm mới thực hiện chính sách vừa phụng sự cho đường lối của Liên Xô và Stalin, vừa tiếp tục được cuộc kháng chiến chống hai nước tư bản Pháp, Mỹ và rốt cục giành được chính quyền.

Áp dụng khẩu hiệu "*Thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội trong một nước riêng biệt*", Stalin buộc các đảng Cộng sản các nước khác phải gác bỏ quyền lợi quốc gia của mình, phụng sự cho sự "*xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô*". Trớ trêu thay, nhiều đảng Cộng sản cũng bắt chước Stalin, đổi chủ nghĩa cộng sản quốc tế thành chủ nghĩa cộng sản quốc gia. Do đó, đã xảy ra cuộc xung đột giữa Tito (Nam Tư) và Stalin (Liên Xô), giữa Mao và Khrushchev, giữa Polpot (Campuchia) và Việt Nam. Thậm chí đã xảy ra những cuộc bắn giết tương tàn ở biên giới, giữa quân đội Việt Nam và Trung Quốc, giữa Trung Quốc và Liên Xô, chưa kể sự xâm nhập quân đội

¹ - Sau này bị loại ra khỏi chính phủ.

của Trung Quốc vào lãnh thổ Việt Nam, gây ra biết bao thảm họa cửa nát nhà tan, không khác chi một cuộc xâm nhập của đế quốc tư bản. Những cuộc cầu xé đó báo hiệu sự tan vỡ của khối các nước "*xã hội chủ nghĩa hiện thực*"! Một bài học cần được nêu ra: chủ nghĩa xta-lin-nít càng bành trướng, càng chứa chất những ngòi nổ phá hoại nó! Chủ nghĩa cộng sản quốc tế, khi trở thành cộng sản quốc gia, sẽ mang tính phản động.

Cách đây chưa lâu, đứng trước thắng lợi của Stalin, trước hiện tượng Liên Xô ngày càng bành trướng và nhiều đảng Cộng sản các nước giành được chính quyền, nhiều người đi đến kết luận chế độ độc tài đảng trị của quan liêu ở Liên Xô sẽ lan tràn và thành công trên khắp thế giới. Người ta nói đó là một hiện tượng mới mẻ của lịch sử. Quan liêu sẽ thôi không còn là một đẳng cấp ăn bám và nấp bóng giai cấp lao động nữa. Nó trở thành một giai cấp mới, có vai trò độc lập với giai cấp lao động và độc lập với giai cấp tư sản. Thông qua các đảng Cộng sản xta-lin-nít, quan liêu ở mỗi nước sẽ giành được chính quyền theo kiểu Stalin ở Liên Xô.

Riêng chúng tôi, chúng tôi không bao giờ nghĩ rằng quan liêu có thể bành trướng mãi để trở nên một lực lượng quốc tế, đối đầu với giai cấp tư bản. Mỗi bước bành trướng, chế độ quan liêu mang theo trong lòng nó những mâu thuẫn nghiêm trọng, khiến nó không thể đứng vững lâu dài. Cách đây 50 năm, năm 1936, trong cuốn "*Cuộc cách mạng bị phản bội*", Leon Trotsky đã lên án độc tài đảng trị ở Liên Xô và báo hiệu sự sụp đổ của nó. Ông đưa ra ba giả thuyết. Một là giai cấp công nhân Liên Xô nổi dậy, lật đổ quan liêu, lập lại nền dân chủ Xô-viết mà Stalin đã xóa bỏ. Hai là, một đảng tư sản đứng ra lật đổ chính quyền quan liêu. Ở trường hợp này, đại bộ phận quan liêu sẵn sàng tình nguyện nhập hóa với giai cấp tư sản. Ba là, do các mâu thuẫn xã hội và do các mâu thuẫn bản thân, quan liêu sẽ tranh giành nội bộ, loại bỏ lẫn nhau. Họ tự chuyển hóa, sát nhập với giai cấp tư sản. Trường hợp hai và ba giống nhau ở chỗ quan liêu trở thành giai cấp tư sản¹.

Thực tế cho thấy giai cấp công nhân Liên Xô không đủ lực lượng nổi dậy, bởi vì trong hơn 70 năm, chế độ quan liêu đã làm *phân vụn* (atomisé) lực lượng và ý thức đấu tranh của họ. Giai cấp tư sản, sau ba thế hệ bị thủ tiêu, chưa có điều kiện nổi dậy. Kết cục, chỉ còn quan liêu nắm giữ vai trò chủ động. Giả thuyết thứ ba của Trotsky đã trở thành hiện thực!

Sự sụp đổ của Liên Xô và các xứ Đông Âu không những là sự sụp đổ thượng tầng kiến trúc. Nó còn kéo theo sự sụp đổ của hạ tầng cơ sở. Điều này, Trotsky cũng đã dự kiến trong cuốn "*Cuộc cách mạng bị phản bội*" của ông. Sự bành trướng của quan liêu, chính sách độc tài của họ trong sự quản lý đã khiến nền kinh tế bị tê liệt, không phát triển được. Năng suất lao động mỗi ngày một thua kém các nước tư bản. Đã từ lâu, trong lòng chế độ, phát sinh những triệu chứng chuyển hóa của quan liêu sát nhập với giai cấp tư sản. Xét cho cùng, đó là quá trình tốt nhất cho sự bảo vệ quyền lợi và quyền lực của quan liêu. Riêng giai cấp công nhân và nhân dân Nga chưa thấy một dấu hiệu gì thay đổi khả quan trong đời sống của họ. Trái lại, chính sách "*tư hữu hóa*" của chính quyền mới đang làm nảy sinh những mâu thuẫn mới: nạn thất nghiệp tràn lan, nạn phá giá tiền tệ, sự giảm sút lực mua của dân chúng, nạn mafia, nạn tham nhũng mới... Về phương diện dân chủ, buổi đầu có một vài biện pháp lành mạnh như tự do báo chí, tự do lập đảng, tự do lập hội v.v... Nhưng sau những biến động xảy ra gần đây, chính phủ bắt đầu thi hành chính sách thắt chặt và dần dần trở lại những lề thói của chế độ xta-lin-nít cũ: thông tin độc chiều, hạn chế và cấm đoán tự do trên báo chí và trong các lãnh vực truyền thông đại chúng. Người ta làm những việc đó, viện cớ vì phe đối lập đã dùng bạo lực chiếm giữ "Nhà Trắng", tấn công trụ sở truyền thanh, truyền hình, nhưng thực ra, bằng sự giải tán Quốc hội, chính quyền đã gài bẫy đưa đối lập vào lối bí, khiến họ không còn cách nào khác để phản đối ngoài hành động cực đoan, bạo lực! Chính quyền nhân cơ đó, đã giải tán các Hội đồng Dân cử ở các địa phương, đồng thời thi hành chính sách thu hẹp dân chủ. Chính quyền hiện nay ở Nga là một chính quyền dựa trên lực lượng công an và mafia, đằng sau là một bọn tài phiệt thi nhau rút rìa công quỹ của nhà nước và tiền bạc của các xí nghiệp được tư hữu hóa.

Về phương diện đời sống của dân chúng, đây là một bước lùi rõ rệt. Càng ngày, càng đông dân chúng tỏ ý luyến tiếc chế độ cũ mà họ đã ruồng bỏ.

¹ - Coi cuốn "*Cuộc cách mạng bị phản bội*", "Tủ sách Nghiên cứu" ở Paris phát hành năm 1994.

Dầu sao, sự sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu không phải là một điều đáng tiếc vì nó phá bỏ một cách vĩnh viễn chủ nghĩa xta-lin-nít và chế độ xta-lin-nít. Nó mở ra một giai đoạn thuận lợi cho cuộc đấu tranh của các lực lượng đòi đa nguyên, dân chủ. Sở dĩ nền dân chủ Nga còn bấp bênh, chưa có gì bảo đảm khả năng tiếp diễn lâu dài, bởi một lẽ giản dị: sự thay đổi chế độ không kèm theo một sự thay đổi về nhân sự trong giới cầm quyền. Tới đại đa số giới này đều là những người đã từng nắm giữ các chức vụ quan trọng trong chính quyền cũ. Người ta rất khó tưởng tượng, cũng những con người ấy, xưa kia là quan liêu, phản động trong chính quyền cũ, nay đứng trong chính quyền mới lại là dân chủ và tiến bộ! Trong những biến động xảy ra ở Moscow tháng Mười vừa qua, đại đa số nhân dân Nga đã tỏ thái độ thờ ơ trước xung đột bắn giết giữa hai phe Yeltsin và Rutskoi. Họ coi đó là một cuộc tranh giành quyền lợi, xâu xé lẫn nhau giữa hai phe phái quan liêu, không dính líu gì đến họ!

Ở các nước Đông Âu, quá trình biến đổi ít có những nét tiêu cực như ở Nga. Nhưng đại cương, việc áp dụng một cách vội vã và áp đặt nền kinh tế thị trường tự do đã gây ra sự phản kháng của dân chúng bằng những lời phê bình công khai hay bằng những lá phiếu. Ở Ba Lan chẳng hạn, trong cuộc bầu cử vừa qua, dân chúng đã bỏ phiếu cho hai đảng cựu cộng sản. Hiện tượng này có thể lan ra các xứ khác trong vùng. Điều đó chứng tỏ chính sách kinh tế thị trường tràn lan, buông thả, vô nguyên tắc, chính sách bãi bỏ công bằng xã hội, bãi bỏ những bảo đảm về xã hội v.v... là chính sách đi ngược lại nguyện vọng của quần chúng. Khẩu hiệu "*Nhịn ăn để xây dựng một ngày mai ca hát*" đã hết rồi! Không ai có thể làm cho nó sống lại.

Dầu muốn hay không, những gì đã xảy ra ở Nga và các xứ Đông Âu sẽ gây tác động không nhỏ ở Việt Nam. Sự biến đổi tốt hay xấu ở các nước này sẽ có thể làm tiến nhanh hay tiến chậm quá trình biến đổi ở nước ta.

Một câu hỏi được đặt ra: chế độ độc tài đảng trị ở Việt Nam có bị sụp đổ hay không, mau hay chậm, và theo hình thức nào? Nó có giống sự sụp đổ ở Liên Xô và các xứ Đông Âu hay không?

Đối với chúng tôi, sự sụp đổ là chắc chắn. Vấn đề chỉ là thời gian. Ở đây, chúng ta phải công nhận những diễn biến hiện nay của tình hình Việt Nam và tình hình thế giới, những sự việc xảy ra gần đây ở Nga và các xứ Đông Âu, tất cả những yếu tố đó sẽ làm lùi sự sụp đổ của chế độ Việt Nam. Một điều khác nữa cũng quan trọng chẳng kém: mặc dù chế độ Việt Nam và Liên Xô (cũ) có nhiều nét giống nhau, nhưng điều kiện lịch sử tạo ra nó lại khác. Ở Liên Xô, chế độ độc tài đảng trị xuất phát và bành trướng từ hậu quả một cuộc phản cách mạng, trong những điều kiện của một thoái trào quần chúng. Ở Việt Nam, nó nảy sinh và hình thành trên cơ sở một xứ phong kiến hậu tiến, nhưng trong điều kiện những cuộc đấu tranh cách mạng chống thực dân và tiếp sau đó là một cuộc kháng chiến trường kỳ. Khác với đảng Cộng sản Liên Xô, bao gồm tuyệt đại đa số thành phần quan liêu, đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm vừa có những phần tử quan liêu, lại vừa có những đảng viên có tư tưởng cách mạng chân thật. Bắt đầu từ năm 1975, khi đảng trở nên một đảng cầm quyền trên toàn quốc, trong vòng 18 năm, số đảng viên quan liêu tăng lên nhanh chóng, một phần do những phần tử cơ hội gia nhập, một phần do số đảng viên trở nên thoái hóa. Nhưng số đảng viên vào đảng với tinh thần cách mạng vẫn còn nhiều. Do sự khác biệt đó với Liên Xô, sự sụp đổ của chế độ Việt Nam không mau chóng như Liên Xô và có thể mang hình thức khác với Liên Xô.

Khi nói sự sụp đổ của chế độ độc tài đảng trị ở Việt Nam là chắc chắn, chúng tôi nghĩ rằng chính sách "*đổi mới*" của đảng Cộng sản Việt Nam sẽ bị thất bại. Kinh nghiệm đã cho thấy một chế độ độc tài không có khả năng tự cải đổi. Vì mỗi bước cải đổi lại tạo ra những điều kiện gây ra sự thất bại hay tiêu vong của nó.

Hai lần, những người cầm đầu Liên Xô đã muốn cải đổi. Lần thứ nhất là vào năm 1956 với Khrushchev, cải đổi đã kết thúc bằng chế độ "*ngừng đọng*" (stagnation) của Brezhnev! Lần thứ hai, năm 1986, với Gorbachev, cải đổi trong năm năm, đã đi đến sự sụp đổ của chế độ và sự tan rã của Liên bang.

Ở Việt Nam hiện nay, đảng Cộng sản đang ca ngợi chính sách "*đổi mới*" của họ. Nào là sự đình chỉ lạm phát, ổn định giá cả. Nào là sự tràn ngập của những mặt hàng tiêu dùng. Nào là

sự tăng cường sản xuất, đặc biệt là sản xuất lúa gạo. Nào là sự bán buôn sầm uất ở các đô thị, khác với thời kỳ xơ cứng của nền kinh tế chỉ huy nhà nước. Những điều nói trên không sai, và lần đầu tiên người ta thấy đảng nói sự thực. Nhưng đảng đã "*quên*" không nói những kết quả tiêu cực của chính sách "*đổi mới*". Nó không những không giải quyết một số mâu thuẫn cơ bản cũ, mà còn tạo ra những mâu thuẫn mới... Điều đáng chú ý trước nhất là sự xuống cấp ghê gớm của ngành giáo dục và y tế. Vì thiếu sự cấp đỡ của nhà nước, chỉ một vài năm nữa, nếu không có sửa đổi, sự xuống cấp sẽ gây ra những thảm họa mà chưa ai có thể đo lường hết được. Ở các đô thị có sự sầm uất, nhưng sự sầm uất này chỉ là giả tạo. Hàng hóa đầy rẫy nhưng dân chúng không có tiền mua. Và hàng hóa lại toàn là những hàng hóa ngoại quốc nhập cảng, trong lúc hàng nội địa không cạnh tranh nổi. Công nghiệp trong nước sẽ không có điều kiện phát triển. Chẳng chóng thì chày, sản xuất sẽ tập trung tay tư bản ngoại quốc. Việt Nam sẽ trở thành nơi tiêu thụ hàng hóa cho ngoại quốc.

Ngoài những kết quả tiêu cực đó, kinh tế thị trường tự do áp dụng theo đường lối hiện nay của đảng còn tạo ra những mâu thuẫn mới, như đã xảy ra ở Nga và các xứ Đông Âu.

Từ cực nọ nhảy qua cực kia, chính sách kinh tế của đảng biểu lộ một tinh thần dao động. Trước đây, cái gì cũng tập trung trong tay nhà nước. Ngày nay, với kinh tế thị trường, cái gì cũng "*tư nhân hóa*", kể cả y tế, giáo dục và các ngành quan trọng mà ngày nay, trong nhiều nước tư bản, nhà nước của họ có nhiệm vụ phải đứng ra nắm giữ.

Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, trong khung cảnh một nền kinh tế thế giới đã quốc tế hóa, kinh tế thị trường là tất yếu. Nhưng nhà nước phải giữ vai trò điều động, điều chỉnh, điều hướng, nhà nước phải dân chủ hóa. Các cơ quan nhà nước phải được đặt dưới quyền phê bình và kiểm soát của quần chúng, thông qua tự do báo chí, tự do ngôn luận và thông qua các Hội đồng Dân cử. Kinh tế thị trường áp dụng tràn lan, hỗn loạn, vô nguyên tắc, sẽ chỉ đi tới thất bại. Đảng nói đảng thi hành chính sách "*kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa*". Nói thế cho vui tai và để trấn an những đảng viên còn tin tưởng. Sự thực, ban lãnh đạo thừa biết trong điều kiện hiện nay của Việt Nam, đã đi vào quỹ đạo kinh tế thị trường, chóng chày nền kinh tế đó sẽ trở thành nền kinh tế tư bản. Bằng chứng là nhiều lãnh tụ, nhiều cán bộ cao cấp đã xuất vốn đầu tư vào các xí nghiệp sản xuất hay thương mại, dịch vụ. Các ông này đã nghiêm nhiên trở thành những "*tư bản đỏ*"¹.

Việt Nam đang tiến đến một chế độ về mặt kinh tế thì tư sản, về mặt chính quyền thì độc tài đảng trị. Nó giống mô hình một số nước ở Nam Mỹ. Nó sẽ không còn một chút gì có thể gọi là chủ nghĩa xã hội. Đứng trước những diễn biến của tình hình, mặc dù chưa có những nét khả quan như chúng ta muốn, nhưng chúng ta vẫn có thể lạc quan khi nhìn về tương lai.

Đề tạo điều kiện cho sự sụp đổ của chế độ, Việt kiều chúng ta ở hải ngoại, mỗi người, mỗi đoàn thể, mỗi nhóm chính trị, mỗi tờ báo, mặc dù quan điểm khác nhau, có thể nhắm một mục tiêu chung: đấu tranh củng cố cho phong trào dân chủ đa nguyên, đa đảng. Mỗi người, mỗi đoàn thể, mỗi nhóm chính trị, mỗi tờ báo, ở mỗi góc độ khác nhau, có thể góp phần vào công cuộc tranh đấu chung.

Cuộc tranh đấu chỉ mới bắt đầu. Nó sẽ tiến tới kết quả toàn thắng của các lực lượng dân chủ đa nguyên.

¹- Hiện tượng không có ở thời kỳ những năm 20, trong khi đảng Cộng sản Liên Xô thi hành chính sách Tân kinh tế (N.E.P.).

Cái chết của nhà ái quốc Tạ Thu Thâu*

(Hoàng Nguyễn)

Tạ Thu Thâu là một nhà yêu nước, một nhà cách mạng có tầm cỡ lớn ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX. Nhưng, tên tuổi của ông, dù gắn liền với cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp trong hai thập niên 30 và 40, lại ít được giới trẻ Việt Nam biết đến, nhất là những người sinh ra và trưởng thành ở miền Bắc "xã hội chủ nghĩa". Sử đảng¹ và các văn kiện chính thức của đảng Cộng sản Việt Nam chỉ nhắc đến ông và các đồng chí của ông bằng những lời lẽ bỉ thử, miệt thị và tội tệt, như "tay sai cho đế quốc Pháp", "mật thám cho phát-xít Nhật"...

Vậy, sẽ không vô ích nếu chúng ta điểm qua đôi nét về cuộc đời sáng lạn và cái chết bi thảm của một nhà cách mạng ưu tú, đã từng được "Ủy ban nước Pháp của kiều dân, nước Pháp của tự do" (France Des Immigrés, France Des Libertés) chọn để đăng ảnh và tiểu sử trên một bức tường lớn trong một cuộc triển lãm long trọng ở "Vòm trời hữu nghị" (Arche De La Fraternité) tại khu La Défense (Paris) nhân kỷ niệm 200 năm Đại cách mạng Pháp vào năm 1989².

Tiểu sử giản yếu của Tạ Thu Thâu.

Nhà cách mạng Tạ Thu Thâu sinh ngày 5-5-1906 tại Tân Bình (Long Xuyên), là con thứ tư trong một gia đình đông con và nghèo khó. Từ năm 11 tuổi, sau khi thân mẫu qua đời, ông vừa học vừa phụ việc cho cha để nuôi sáu miệng ăn. Sau khi tốt nghiệp phổ thông, Tạ Thu Thâu dạy học ở Sài Gòn và tham gia những tổ, nhóm thanh niên yêu nước, trong đó có đảng Annam Trẻ (Jeune Annam) do ông và các bạn hữu thành lập tháng 8-1925, sau này bị chính phủ thực dân giải tán. Tạ Thu Thâu coi giai đoạn này trong đời ông là "giác mộng liêu mạng của tuổi trẻ".

Năm 1926, Tạ Thu Thâu tổ chức và tham gia nhiều cuộc biểu tình phản đối chính phủ Pháp, đòi các quyền tự do, dân chủ cho dân Việt. Qua Pháp tháng 7-1927 khi mới 21 tuổi, theo học ban Khoa học (Đại học Paris), ông gia nhập đảng Việt Nam Độc lập (P.A.I.) của nhà yêu nước Nguyễn Thế Truyền và đảm nhiệm điều khiển đảng này năm 1928 sau khi Nguyễn Thế Truyền về nước. Năm 1929, sau một thời gian hoạt động tích cực chống thực dân trên lập trường một người quốc gia, ông tiếp xúc với Tả đối lập Pháp và được Alfred Rosmer - một người bạn, người đồng chí của Trotsky - giới thiệu vào tổ chức này. Từ đó trở đi, Tạ Thu Thâu trở thành lãnh tụ trót-kít Việt Nam đầu tiên, cùng các đồng chí của ông là Huỳnh Văn Phương, Phan Văn Chánh v.v...

Ngày 20-5-1930, Tạ Thu Thâu cùng một số kiều dân Việt ở Pháp tổ chức cuộc biểu tình trước Điện Elysée (đình Tổng thống Pháp), phản đối việc thực dân Pháp xử tử các chiến sĩ Việt Nam Quốc dân đảng ở Yên Bái. Sau đó, ông bị bắt cùng 18 Việt kiều khác và bị trục xuất về Việt Nam vào cuối tháng 5-1930.

Trong vòng 15 năm kể từ khi về nước đến khi bị ám hại vào năm 1945, Tạ Thu Thâu là một lãnh tụ ái quốc lừng danh ở Việt Nam. Là người tổ chức và lãnh đạo phong trào Tả đối lập trót-kít, sau đổi thành Đông Dương Cộng sản đảng³, ông hoạt động cách mạng bằng mọi phương tiện như xuất bản tờ "Vô sản" (tháng 5-1932), làm báo Pháp ngữ "La Lutte" (Tranh đấu; tháng 4-

* Đăng trên "Tia sáng" (Đức) số 39.

¹- Tức "Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam", xuất bản lần đầu năm 1946, cuốn sách "gối đầu giường", "cẩm nang" của mỗi đảng viên cộng sản Việt Nam.

²- Cũng trong năm 1989, hơn 100 nhân sĩ nổi tiếng ở Pháp và thế giới đã đồng ký tên trong một bản kêu gọi phục hồi danh dự và nhân phẩm cho Tạ Thu Thâu và các đồng chí của ông như Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, Huỳnh Văn Phương...

³- Xin đừng nhầm với đảng Cộng sản Đông Dương của Hồ Chí Minh.

1933), ứng cử Hội đồng Thành phố Sài Gòn (tháng 5-1933, tranh cử Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ (tháng 4- 1938)... Từ năm 1932 đến 1940, Tạ Thu Thâu bị bắt 6 lần và bị kết án 5 lần, tổng cộng 13 năm tù và 10 năm biệt xứ.

Cuối năm 1944, sau khi được phóng thích từ Côn Đảo, ông dự định thành lập đảng Xã hội Thợ thuyền. Ý định ấy đã không thành: đầu tháng 9-1945, trên đường trở về Nam sau khi đã bắt liên lạc với một số đồng chí ở Bắc Bộ nhằm xuất bản tờ "*Chiến đấu*" (cơ quan ngôn luận của đảng Xã hội Thợ thuyền miền Bắc), Tạ Thu Thâu bị Việt Minh đón đường và sát hại trên một cánh đồng dương liễu bên bờ biển Mỹ Khê (tỉnh Quảng Ngãi) khi mới 39 tuổi.

Chẳng những là một nhà cách mạng kiên cường, Tạ Thu Thâu còn là một cây bút sắc bén (ông có tài viết Việt văn cũng như Pháp văn), một diễn giả xuất sắc, một trí thức có uy tín, tính tình ôn hòa, nhã nhặn. Những người từng biết ông, sau này đều nhắc đến ông với lời lẽ kính trọng. Tên ông đã được đặt cho một con đường ở gần chợ Bến Thành, Sài Gòn; 10 năm sau ngày "*giải phóng miền Nam*", con đường ấy mới bị đổi tên.

Ai là người đã ra lệnh ám sát Tạ Thu Thâu?

Có thể không bao giờ chúng ta có lời giải đáp chính xác cho câu hỏi này. Một chỉ thị như thế, dù có tồn tại trên văn bản, chắc chắn cũng đã bị thiêu hủy. Trên phương diện này, "*người anh lớn*" Liên Xô đã đặt ra một tiền lệ đáng "*noi theo*" cho tất cả các "*chur hầu*" khác trong khối "*xã hội chủ nghĩa*": ngay từ năm 1920 (tức là khi Lenin còn sống và còn tỉnh táo), đã có một chỉ thị được chuẩn y nhằm cấm ngặt việc "*đưa những nghị quyết trong các vấn đề quan trọng nhất của Bộ Chính trị vào biên bản chính thức [của các phiên họp Bộ Chính trị]*". Trong những năm về sau, đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Liên Xô đã đưa ra hàng loạt chỉ thị, nghị quyết để "*mật hóa*" hoặc dấu tịt bằng chứng về những tội lỗi tày trời của họ trước giới sử học và trước hậu thế¹.

Nên nhớ rằng đảng Cộng sản Liên Xô đưa ra quyết định trên vào năm 1920, tức là khi nước Nga - Xô-viết đã thoát khỏi tình thế hiểm nghèo do cuộc can thiệp của các nước "*tư bản*" và sự chống đối của các lực lượng Bạch vệ trong nước gây ra. Ở Việt Nam, vào nửa cuối năm 1945, khi chính quyền Việt Minh còn đang trong cảnh "*trùng nước*" và khi những người trót-kít yêu nước bị coi là "*tay sai đế quốc*", "*tay sai cho phát-xít quốc tế*"..., phải "*triệt ngay*" và "*trùng trị đích đáng*", thì quyết định ám sát Tạ Thu Thâu và các lãnh tụ trót-kít khác hẳn phải được coi là một "*nghị quyết quan trọng*" và đáng để "*mật hóa*" trước hậu thế. Mà cách "*mật hóa*" hữu hiệu nhất, là phi tang, là xóa bỏ mọi chứng từ giấy tờ, là thủ tiêu mọi nhân chứng, thậm chí thủ phạm, trong chừng mực có thể.

Phục hồi lịch sử sau ngàn ấy năm, nhất là lịch sử của một thời kỳ vô cùng rối rắm và phức tạp như những năm 1945-1946, không phải là chuyện dễ. Nhiều khi, chúng ta chỉ có thể dựa vào những nguồn tin "*truyền khẩu*" theo lời thuật lại của dân chúng. Những "*nhân chứng*" thời ấy, nếu có, giờ đây cũng đều trên ngưỡng "*thất thập*". Họ có thể nhớ lại và thuật lại một cách chính xác những gì đã xảy ra không? Dưới tác động và ảnh hưởng của tình hình chính trị ở Việt Nam, những thông tin họ đưa ra có thể coi là xác tín đến mức nào? Đó là những câu hỏi và những nghi ngờ thường lệ mà chúng ta phải đặt ra trước vấn đề cái chết của Tạ Thu Thâu, cũng như bất cứ một "*nghị án*" lịch sử nào, được coi là "*vết trắng*" trong lịch sử Việt Nam cận đại và đương đại.

Đảng Cộng sản Việt Nam, trong các văn kiện chính thức, đều cho rằng việc triệt hạ các chiến sĩ yêu nước trót-kít là một "*thắng lợi lớn*" của đảng. Nhưng, trong khi không tiếc lời xuyên tạc và phi báng hoạt động ái quốc của các tổ chức trót-kít, dường như không bao giờ họ đã động đến việc "*thắng lợi lớn*" ấy đã được thực hiện trong thực tế như thế nào. Một bài báo mang tính tổng kết những "*thắng lợi oanh liệt*" trong năm 1945 của đảng Cộng sản Việt Nam trong việc đàn áp và tiêu diệt các tổ chức trót-kít, cũng chỉ nói rất chung chung: "*Báo chí của ta đã nghiêm khắc lên án bọn trót-kít. Nhân dân ta đã vạch trần bộ mặt phản động của chúng, chính quyền nhân dân*

¹- Về vấn đề này, có thể tham khảo hai cuốn sách của nhà văn, nhà nghiên cứu sử học người Nga Edvard Radzinsky: "*Nga hoàng cuối cùng (Cuộc sống và cái chết của Nicholas Đệ nhị)*" và "*Stalin*".

đã trừng trị đích đáng bọn trót-kít... Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã cuốn đi số lớn phần tử trót-kít thối nát"¹. Không hề có một chữ về những chủ nhân của "thắng lợi oanh liệt" đó!

Lần theo dấu sự thật, sử gia Daniel Hémery, một cựu đảng viên cộng sản Pháp, là người có những cố gắng lớn trong việc tái tạo sự thật về cái chết của Tạ Thu Thâu và các đồng chí của ông. Là một nhà nghiên cứu sử chuyên về đề tài Việt Nam, ông đã viết rất nhiều sách vở về lịch sử Việt Nam; luận án tiến sĩ của ông cũng luận bàn về Tạ Thu Thâu và nhóm trót-kít ở Việt Nam. Tuy nhiên, do gặp nhiều trở ngại về tư liệu và bằng chứng cụ thể (nhất là sự giấu giếm của đảng Cộng sản Việt Nam), trong những năm của thập kỷ 70, ông mới có thể đưa ra các "giả thuyết" và suy luận xem "giả thuyết" nào hợp lý hơn cả.

Trong số các tư liệu Việt ngữ, phải đặc biệt nhấn mạnh những tìm tòi của Nhóm trót-kít Việt Nam tại Pháp, dựa trên các sự kiện mới, các văn bản mới được phanh phui, "bạch hóa", dựa trên lời thuật lại của một số người trót-kít cựu trào còn sống sót. Những tìm tòi ấy được ông Hoàng Khoa Khôi, người đứng đầu Nhóm, tổng kết lại trong bài viết "*Ai đã ám sát Tạ Thu Thâu và những người trót-kít Việt Nam?*", đăng trên "*Hồ sơ số 1 về phong trào Đệ tử Việt Nam*"².

Trong bài viết này, ông Hoàng Khoa Khôi đã lần lượt điếm qua ba "giả thuyết" của sử gia Daniel Hémery về người chủ mưu ám sát Tạ Thu Thâu:

1. Tướng Nguyễn Bình, chỉ huy quân đội miền Nam,
2. Trần Văn Giàu và Dương Bạch Mai, hai lãnh tụ công khai của đảng Cộng sản Việt Nam ở Sài Gòn, đồng thời là những người xta-lin-nít khét tiếng³,
3. Chính ông Hồ Chí Minh, lãnh tụ tối cao của đảng⁴.

Với những lập luận, bằng cứ sắc sảo và đầy tính thuyết phục, tác giả bài viết loại trừ hai khả năng đầu và thiên về khả năng thứ ba vì theo ông, chính ông Hồ Chí Minh là "người cha tinh thần" của tất cả những cuộc thanh trừng, khủng bố các tổ chức trót-kít Việt Nam, kể từ khi ông còn lưu lạc ở nước ngoài và hoạt động dưới sự điều khiển của Đệ tam Quốc tế. Chúng ta cũng được biết rằng sáu năm trước khi Việt Minh tổ chức vụ đại thảm sát toàn bộ các chiến sĩ trót-kít yêu nước, sáu năm trước khi bài "*Phải triệt ngay bọn trót-kít!*"⁵ được đưa ra chính thức trên tờ "*Cờ giải phóng*" của đảng Cộng sản Việt Nam như một lời hô hào chém giết khát máu, thì ông Hồ Chí Minh, ở nước ngoài, đã dùng những lời lẽ hết sức thô bạo và kích động để kêu gọi "tiêu diệt" những người trót-kít, "*tay sai của phát-xít*", "*bất lương*", "*chó săn*", "*bán rẻ tổ quốc*"...

Như thế, ông Hồ Chí Minh và những người nổi nghiệp ông sẽ phải trả lời ra sao khi trong một cuộc hội kiến diễn ra vào năm 1946⁶ với nhà văn Pháp Daniel Guérin, người bạn và đồng chí cũ của Tạ Thu Thâu trong Tả đối lập Pháp, ông đã tuyên bố: "*Tạ Thu Thâu là người yêu nước tâm cỡ lớn. Tôi khóc cái chết của ông ấy*" (Ta Thu Thau était un grand patriote, nous le pleurons!)? Nhưng ngay sau đó, ông Hồ Chí Minh đã bồi thêm: "*Nhưng tất cả những ai không đi theo đường lối do tôi vạch ra sẽ đều bị bẻ gãy*"⁷.

¹- "Nhìn lại chặng đường đấu tranh của đảng chống bọn trót-kít phản động" - Thế Tập ("*Tạp chí Cộng sản*" số 2-1983).

²- "*Tủ sách Nghiên cứu*" (Paris) ấn hành năm 1993.

³- Ông Trần Văn Ân, một nhà cách mạng quốc gia lão thành, cũng cho rằng "*Trần Văn Giàu là chánh phạm*" trong vụ ám hại Tạ Thu Thâu. Xin xem bài "*Nói chuyện với cụ Trần Văn Ân mùa xuân 1993*", bác sĩ Nguyễn Hoài Văn ghi lại, tạp chí "*Thế kỷ 21*" số 55, tháng 11-1993). Ngoài ra, trong cuốn "*Bỏ tất Huỳnh Phú Sổ & Phật giáo thời đại*" (Viện Tư tưởng Việt Phật ấn hành tại Hoa Kỳ năm 1995), tác giả Lê Hiếu Liêm cũng có ý kiến như trên (trang 77).

⁴- Trong hồi ký chính trị "*Việt Nam máu lửa quê hương tôi*" (Nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành năm 1993), tướng Hoàng Linh Đồ Mậu cũng cho rằng "*lãnh tụ Đệ tử Quốc tế, ông Tạ Thu Thâu, bị Hồ Chí Minh ám mưu sắp đặt cho dân quân Quảng Ngãi giết trên đường vào Nam*".

⁵- Của Tân Trào, đăng ngày 23-10-1945, hiện lưu trữ tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương đảng Cộng sản Việt Nam.

⁶- Lúc đó, ông Hồ Chí Minh là người đứng đầu phái đoàn chính phủ Việt Nam ở Pháp.

⁷- Chi tiết này được đăng trong cuốn "*Au Service Des Colonisés 1930 - 1953*", Nhà xuất bản Editions de Minuit, Paris 1954.

Có thể hiểu câu nói thứ hai này - mà ông Trần Văn Giàu, trong một cuộc nói chuyện ở Paris mùa hè năm 1989, đã cho là không đúng sự thật - là một lời thú nhận thành thực về trách nhiệm của ông Hồ Chí Minh về cái chết của Tạ Thu Thâu?¹

Vụ ám sát Tạ Thu Thâu đã diễn ra như thế nào?

Ông Hoàng Khoa Khôi, trong bài báo nói trên, đã có một nhận định xác đáng: "... người cầm dao hay nổ súng chỉ là người thừa hành, không phải thủ phạm chính. Thủ phạm chính phải tìm trong đám người lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam, kể cả Hồ Chí Minh. [...] Thủ phạm chính là kẻ đã mài dao, lắp đạn cho dao thủ phủ".

Tuy nhiên, để lịch sử được rạch ròi, cũng nên tìm hiểu hoàn cảnh Tạ Thu Thâu bị sát hại và "vạch mặt chỉ tên" cả những kẻ đao phủ trực tiếp này.

Trong vấn đề này, nguồn tư liệu mà chúng tôi hiện có cũng hết sức hạn chế. Sau khi đặt câu hỏi "ở Việt Nam, ai đã hạ sát Tạ Thu Thâu và các đồng chí [của ông]?", ông Hoàng Khoa Khôi cho biết: "Sau khi điều tra, chúng tôi biết được ba thủ phạm. Họ đều là những người của đảng Cộng sản Việt Nam. Người thứ nhất là Kiều Đắc Thắng, trách nhiệm Nghiệp đoàn. Người thứ hai là Nguyễn Văn Trán, đã từng được đi học tập ở Moscow. Người thứ ba tên là Nguyễn Văn Tây, cựu bộ trưởng chính phủ Trần Văn Giàu". Cần nói thêm rằng nhân vật Nguyễn Văn Trán được nhắc đến ở đây chính là ông Nguyễn Văn Trán đã qua đời ở Việt Nam ít lâu nay, một người cộng sản "phản tỉnh", tác giả cuốn "Viết cho Mẹ và Quốc hội" được nhiều người ưa thích, trong đó ông vẫn dùng nhiều từ ngữ và luận điệu thô thiển, thậm chí bắt nạt, khi nhắc đến Tạ Thu Thâu và những người yêu nước trót-kít ở Việt Nam.

Trong cuốn sách "Việt Nam 1920 - 1945 (Cách mạng và phản cách mạng dưới thời thuộc địa)"² của ông Ngô Văn, một người trót-kít cựu trào, từng là đồng chí của Tạ Thu Thâu ở Việt Nam, tác giả cũng chỉ viết một cách rất sơ lược: "... Thâu lên đường trở về Nam. [...] Dân chúng kể lại khác nhau về những gì xảy ra sau đó. Chúng ta không biết đích xác nơi Thâu bị bắt, nhưng mọi người đều nói là ở Quảng Ngãi và gán cho Việt Minh chịu trách nhiệm. Họ cũng nói về sự nghi ngại của các vệ quân được lệnh bắn [Tạ Thu Thâu], khi nghe anh tự bảo vệ trong một vụ gọi là xét xử: anh đã biện minh về cuộc đời cách mạng của mình. Lệnh hô bắn ba lần, cả ba lần các tay súng đều hạ xuống, lúc đó viên "thẩm phán" đã kết thúc bằng một phát súng lục vào lưng (người hạ sát tên là Tư Ty). Đó là vào một ngày đầu tháng Chín năm 1945"³. Bác sĩ Trần Nguơn Phiêu, trong bài viết "Những nhân chứng cuối cùng"⁴, cho biết thêm: "... ông [Tạ Thu Thâu] bị bắt khi đi ngang qua Quảng Ngãi ngày 18 tháng Tám năm 1945, bị giam ở đình Xuân Phổ và sau đó bị giết ở cánh đồng Dương, bờ biển Mỹ Khê".

Trong số những tư liệu trong tay chúng tôi, riêng chỉ có bài báo nhan đề "Tôi thấy Tạ Thu Thâu chết" của một người ký tên là Nguyễn Văn Thiệt, đăng trên tờ tuần báo "Hồn nước" của "Tập đoàn công binh Việt Nam" (Rassemblement des travailleurs vietnamiens) vùng Paris trong hai số 7 (ngày 30-7) và số 8 (ngày 7-8) năm 1949, là thuật lại một cách chi tiết và kỹ lưỡng về cái chết của Tạ Thu Thâu. Bài báo này đã được đăng lại trong công trình sử học "Người Việt ở Pháp 1940 - 1954"⁵ của ông Đặng Văn Long, một người trót-kít cựu trào sống ở Pháp. Trong một số cuộc điện đàm với tác giả cuốn sách, chúng tôi được ông cho biết: theo ông, đa phần những thông tin trong bài báo có thể coi là trung thực. Cũng theo lời ông, cách đây vài ba năm, dường như có người còn gặp thủ phạm hạ sát Tạ Thu Thâu ở Việt Nam.

¹- Gần đây nhất, trong một bài viết có tựa đề "Những nhân chứng cuối cùng", tác giả Trần Nguơn Phiêu cho biết: "... khi ông Thâu chết, đã có ký giả hỏi ông Hồ Chí Minh ở Hà Nội về việc này thì ông có trả lời là "địa phương đã giết lầm một người ái quốc".

²- Nguyên tác Pháp ngữ: "Vietnam 1920 - 1945 (Révolution et contre-révolution sous la domination coloniale)". Ấn bản Việt ngữ sẽ được ra mắt vào mùa hè 2000.

³- Trích phần phụ lục của cuốn sách trên ("Những mẫu đời - Tiểu sử của một số nhà cách mạng Việt Nam"), bản Việt ngữ (chưa ấn hành).

⁴- Xin xem "Thế kỷ 21" (Hoa Kỳ), số 121, tháng 5-1999.

⁵- "Tủ sách Nghiên cứu" xuất bản năm 1997.

Chúng tôi xin dẫn nguyên văn bài báo để bạn đọc tham khảo:

Ai đi ngang Quảng Ngãi vào khoảng tháng 9 năm 1945, cũng biết đến không khí hãi hùng của cái thành phố tự cho mình "có tinh thần cách mạng cao" ấy.

Các tín đồ Cao Đài, các nhà trí thức, các nhà phú hộ, các nhà cách mạng quốc gia, tất cả những hạng người ấy cùng với vợ, con, anh em họ được Việt Minh cẩn thận chém giết, chôn sống, thiêu cháy, mổ bụng v.v... mỗi ngày theo chính sách "**Tru di tam tộc để trừ hậu họa**". Người chết nhiều đến nỗi độ ấy ở Hà Nội, tờ báo "**Gió mới**" của "**Tổng hội sinh viên**", một tờ báo rất thiên Việt Minh đã phải lên tiếng rằng "**ở Quảng Ngãi, ngày ngày đầu người rụng như sung**".

Anh Lê Xán, bạn tôi, một đồ đệ của cụ Phan Bội Châu, bị Pháp đày Lao Bảo, vừa được thả ra thì bị Việt Minh Quảng Ngãi bắt lại. Vì sự tình cờ của chiếc xe lửa ngừng lại nghỉ đêm ở Quảng Ngãi (độ ấy đường xe lửa Sài Gòn - Hà Nội bị hư nhiều nơi, xe lửa chạy rất chậm và hay nghỉ dọc đường) nên bắt buộc tôi phải xuống xe định kiếm một quán trọ ở cạnh ga mà nghỉ đêm. Trong lúc ngồi uống nước, sực nhớ đến Lê Xán, tôi tò mò hỏi bà chủ quán tin tức về bạn tôi. Lập tức tôi bị một trinh sát viên mặc áo nâu, đi chân không, đang đứng vờ vẩn ở cửa tóm lấy buộc tôi là đồng lõa với "**tội nhân**" và điệu tôi về Sở Công an.

Bị giam ở Sở Công an hai hôm, nhốt trong một xà-lim cũ của Pháp, tôi dò hỏi thì được biết tin bạn tôi đã bị xử tử rồi. Nhưng tôi cũng lại biết thêm rằng người ta buộc tôi về tội "**định đến Quảng Ngãi giải vây cho Lê Xán**" và ngày hôm ấy tôi bị mang đi để giam ở "**một nơi xa**"...

Tôi đang lo sợ "**một nơi xa**" ấy là cõi âm ti thì chiếc xe ngựa chở tôi và một người lính gác, tay cầm một con dao dài, một quả lựu đạn buộc tòng teng vào giây nịt bằng một sợi lạt, từ từ rẽ vào con đường đi về Phú Thọ. Tôi hết lo bị chém liên vì tôi biết rằng ở làng Phú Thọ, Ủy ban vừa dựng một nhà lao to để chứa cho đủ tội nhân xa thành phố sợ có chuyện bất trắc chẳng. Nhưng tôi lại sợ quả lựu đạn đứt giây buộc nên cứ xem hoài.

Nhà lao Phú Thọ xây trên một khoảng đất rộng, trong cùng là một nhà ngang, hai bên hai dãy nhà dọc, giữa sân trường một cột cờ. Mỗi sáng, mỗi chiều đều có tu-huýt thổi để chào cờ, và lính cũng như phạm nhân đều phải đứng dậy, nắm tay phải đưa lên ngang đầu, sẵn sàng hể ông sếp lao hô "**Việt Nam Dân chủ Cộng hòa!**" thì tất cả đồng hô: "**Muôn năm!**" và "**Hồ Chí Minh!**", thì tất cả "**Muôn năm!**".

Phòng giam tôi vuông vức mỗi bề độ hai thước và cùng giam chung với tôi còn có mười sáu người nữa. Từ bề bít kín, chỉ có một cái cửa để thông với ngoài, nhưng song cửa lại làm bằng mấy cây gỗ lim to quá, gần như khít với nhau, nên khó thở vô cùng. Trong những bạn đồng cảnh ngộ với tôi, tôi còn nhớ có tên Bùi Trọng Lệ trước làm mật thám cho Pháp (sau này y bị xử tám năm tù), và ba người con trai của Tổng đốc Nguyễn Hy. Ba người này bị bắt vì tội "**trong thời kỳ cách mạng toàn dân mà trong nhà chứa đồn và bài ca ủy mị**", và đã bị xử tử một tuần lễ sau khi tôi đến.

Một buổi sáng, tôi đang đứng dựa vào cửa cố thiu thiu ngủ thì bỗng giật mình vì những tiếng "**các bạn**" tôi kêu lên: "**Tạ Thu Thâu! Tạ Thu Thâu!**" Tôi tỉnh hẳn người. Tạ Thu Thâu? Trời ơi! Trong bao lâu, khi tôi còn đi học, tôi đã nghe đến tên Người, đã bị mê hoặc vì cái oai hùng của đời Người, dệt toàn bằng tranh đấu, hy sinh và đau khổ. Dưới thời Pháp thuộc, trong lúc các nhà cách mạng khác trốn ở hải ngoại thì Tạ Thu Thâu dám về trong nước hoạt động chánh trị ngay trong nước và chịu tù, chịu tội. Cái tên Tạ Thu Thâu tự bao nhiêu lâu và ngay cả đến bây giờ, luôn luôn gọi ra trong óc tôi hình ảnh của một người ngang tàng khí phách, coi sự tù tội, sự hình phạt về xác thịt như một sứ mệnh thiêng liêng mà Người phải riêng chịu đựng lấy, để giải thoát cho đồng bào. Trên đời mỗi khi thất bại vì một bất trắc gì, tôi thường hay nghĩ tới Người để tìm nguồn an ủi và lý do phấn khởi cho lòng mình.

Các bạn tù của tôi tranh nhau nhìn qua cửa. Từ một phòng giam phía bên kia sân, độ bảy, tám người dân quân mang súng, gươm, lựu đạn và ông chủ tịch làng - vừa là sếp lao thì phải - kéo ra một người đàn ông ốm lổng không mà tôi nhìn ra ngay là ông Tạ Thu Thâu. Ông mặc

một sơ-mi cụt tay có hai túi trên ngực, một cái quần Tây dài, chân đi giày vàng. Áo quần trắng đã bàu nhàu và bẩn thỉu, đây đó những vết đen đỏ còn đọng, dấu tích của những sự tra tấn vừa qua.

Râu tóc của ông Thâu rối beng, mặt mày hốc hác, nhưng cặp mắt vẫn bình tĩnh nhìn mọi người, mọi vật - không biết tôi có làm chẳng - miệng ông hơi nhếch một nụ cười.

Các bạn tôi lao xao:

- Lần này thì Tạ Thu Thâu phải chết.

Một người nào đó nói nhỏ:

- Quân khốn nạn!

Tôi giằng một con mắt vào khoảng hở giữa hai song cửa, hai tay muốn té ra cho rộng để nhìn cho rõ đám người hùng hổ đi với ông chủ tịch luôn mồm la hét, nạt người này, cho lệnh kẻ kia và ở giữa, một bóng trắng chập choạng, khập khiễng đi... đi... để biến sau một rặng cây mà ở đó tôi biết có một khoảnh đất trống gọi là pháp trường.

Tôi bàng hoàng quá đỗi, không còn biết mình tỉnh hay mê. Tôi biết Tạ Thu Thâu bị Pháp bắt vừa mới ở tù ra, thân thể bị tiêm thuốc cho chết xuội đi một bên, nếu không có Chánh phủ Trần Trọng Kim thì ông đã chết trong khám rồi. Một người như Người suốt đời hy sinh cho dân tộc Việt Nam, bị tạt nguyên vì dân tộc Việt Nam, thì còn có thể phạm tội gì với quốc gia mà đến nỗi khi Việt Nam vừa mới có ít chủ quyền thì dân Việt Nam liền bắt bớ, đọa đầy và xử tử.

Các bạn tôi nói là Tạ Thu Thâu bị buộc về tội phản cách mạng và âm mưu lật đổ chánh quyền, nhưng tra tấn bao nhiêu **"ông ta cũng đêch thêm khai"**. Bùi Trọng Lệ, đứng cạnh tôi, nói một cách nghiêm nghị quá đến nỗi tôi không cho là một lời mỉa mai:

- Tội Tạ Thu Thâu nặng hơn nữa nhiều. Ông phạm cái tội rất lớn là được dân chúng thương yêu.

Nhưng anh lính gác trước cửa phòng chúng tôi (không hiểu vì sao anh ta lại có cảm tình với tôi và thường hay nói chuyện cùng tôi) anh ta lại nói khác. Theo anh ta thì Ủy ban tỉnh Quảng Ngãi cũng không biết ông Tạ Thu Thâu bị bắt vì tội gì. Chỉ được điện tín của Trần Văn Giàu đánh ra cho các tỉnh, ra lệnh hễ ai gặp Tạ Thu Thâu thì bắt lại. Sau khi Ủy ban tỉnh đánh điện cho Sài Gòn biết là mình đã bắt và giam Tạ Thu Thâu thì liền được lệnh trả lời là phải giết ngay lập tức. Nhưng khi đem ra pháp trường thì ông Tạ Thu Thâu **"diễn thuyết cho mấy người lính, ông nói hay quá với lại đúng quá nên ai nấy đều bỏ súng buông lơ, có anh khóc, không ai dám "búng"**. Nên lại đem ông về lao và Ủy ban lại đánh giầy thép vào Sài Gòn hỏi nữa sợ có giết lầm chẳng. Và đã hai lần như thế rồi, Trần Văn Giàu đánh giầy thép ra biểu phải giết, Tạ Thu Thâu đứng trước mũi súng lại diễn thuyết kêu gọi một mấy may lương tâm còn sót lại của đám người chỉ biết có vâng lệnh trên, rồi không ai nỡ bắn. Không dám bắn thì đúng hơn, rồi lại mang về, rồi lại đem đi.

- Hôm nay thì chắc Tạ Thu Thâu phải chết!

Các bạn tôi và cả anh lính cũng bảo thế, **"vì vừa được lệnh riêng của Cụ Hồ ở Hà Nội điện vô khiến trách Ủy ban bắt tuân thượng lệnh"**.

Tôi bàng hoàng lo sợ, ngồi bệt xuống đất, hồi hộp đợi chờ, trong cái im lặng rợn người, một tiếng "đoành".

Bỗng người lính gác kêu lên:

- Châu cha! Tạ Thu Thâu lại về!

Tất cả đều nhao nhao. Quả Tạ Thu Thâu về thiệt. Đám người đi qua rặng cây và đang tiến về phía trái. Nước mắt tôi trào lên, sung sướng khi thấy cái bóng trắng khấp khểnh kia có vẻ vững chắc hơn và trên môi lạt tôi tưởng tượng thoáng thấy một nụ cười ngạo mạn.

Sự sung sướng của tôi không được lâu. Đám người đi vừa đến gần cổng lao thì một người trai trẻ mặc áo nâu quần sọc trắng ra vẻ học trò, tuổi lối mười bảy, mười tám đang đứng ở cạnh cổng, hung hăng nhảy ra, rút cây dao găm dắt ở lưng đâm vào vai Tạ Thu Thâu, miệng vừa hét:

- Đồ Việt gian phản động!

Rồi đạp Tạ Thu Thâu vào bụng cho ngã quay ra đất, đoạn đâm, đá túi bụi.

Câu chuyện xảy ra rất mau, kể lại thì xem ra lâu quá. Thêm chỗ tôi đứng và chỗ tấn kịch rừng rợn đang diễn ra hơi xa nhau, mắt tôi lại đắm lệ nên không thấy được tường tận. Tôi chỉ còn nhớ hình ảnh của một đám người bao quanh một bóng trắng đang quần quai giữa vũng máu. Và tự đó, một giọng the thé rất trong của người thiếu niên vang lên:

- Các đồng chí hèn quá, một thằng Việt gian cũng không dám giết!

Đến nay, bao nhiêu ngày tháng đã trôi qua rồi mà không mấy đêm nằm ngủ tôi không thấy trước mắt cái bóng người quần quai kia và nghe cái giọng nói the thé ấy.

Viết bài này tôi chỉ mong làm tròn một bốn phận với Người mà tuy rằng không cùng một quan niệm chánh trị với tôi, tôi vẫn phụng thờ ý chí hy sinh và tâm hồn cao quý. Những kẻ khốn nạn đã vì đảng phái mà ám sát Người cũng như bao nhiêu kẻ xấu số khác, rồi đây khi hòa bình trở lại Việt Nam, họ sẽ ra trước tòa án quốc dân mà đền tội ác của họ. Chỉ lúc đó thù của Tạ Thu Thâu, quốc dân Việt Nam mới trả được.

*

Tròn nửa thế kỷ kể từ ngày bài báo nói trên ra đời, dường như "quốc dân Việt Nam" vẫn chưa đáp ứng được nguyện vọng tha thiết của người viết bài báo trên, là "trả được cái thù của Tạ Thu Thâu": đưa những thủ phạm trực tiếp và gián tiếp ra trước tòa án quốc dân.

Ở vào thời điểm mà "hòa hợp, hòa giải dân tộc" đang là một khẩu hiệu được nhiều người tán thưởng, nhắc lại sự thực của một số biến cố lịch sử xảy ra đã lâu cũng chỉ nhằm mục đích gột rửa những nhơ nhớp trong quá khứ, phục hồi danh dự cho những người ái quốc đã bị thảm sát oan uổng. "Sự thật, chỉ nói sự thật!", một khẩu hiệu rất hay được nhắc đến trong thời "cải tổ" và "công khai" ở Liên Xô một thập niên trước đây, có thể là một "phép màu" cho một nước Việt Nam tự do, dân chủ trong thiên niên kỷ thứ ba này.

Người viết xin cảm ơn các thành viên của Nhóm Đệ tứ Việt Nam ở Pháp đã cho phép sử dụng một số tư liệu, công trình nghiên cứu của Nhóm.



Sách của Tủ sách Nghiên cứu

Đã xuất bản:

- Quan liêu ở Việt Nam (Nhóm Đệ tứ Việt Nam tại Pháp, 1976)
- Dân chủ xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản (Vũ Gia Minh, 1980; tái bản có sửa chữa năm 1999)
- Vấn đề Ba Lan (Hà Cương Nghị, 1981)
- Cuộc cách mạng bị phản bội (Leon Trotsky, 1993)
- Tờ trình bí mật của Khrushchev về Stalin (1994)
- Người Việt ở Pháp 1940 - 1954 (Đặng Văn Long, 1997)
- Về nạn súng bãi cá nhân và những hậu quả của nó (Nikita Khrushchev, phát hành trên mạng Internet, 1998)
- Đời tôi (Leon Trotsky, hai tập, 1998-1999)
- Lenin, con người, cuộc đời và sự nghiệp (Nguyễn Văn Liên, 1998)
- Văn học và cách mạng (Leon Trotsky, 2000)
- Hồ sơ Đệ tứ Quốc tế Việt Nam tập 2 (2000)
- Việt Nam 1920 - 1945 (Cách mạng và phản cách mạng dưới chế độ thuộc địa) [tiếng Pháp và tiếng Việt] (Ngô Văn, 2000)

Sắp xuất bản:

- Lịch sử cách mạng Nga (Leon Trotsky, hai tập)
- Quốc tế Cộng sản sau thời Lenin (Leon Trotsky, hai tập)
- Cách mạng thường trực (Leon Trotsky)

Địa chỉ liên hệ:

**Tủ sách Nghiên cứu
Boîte Postale 246
75224 Paris Cedex 11
France**

Mục lục

<i>Lời nói đầu (Hoàng Khoa Khôi)</i>	3
<i>Ba lá thư từ Trung Quốc (Hồ Chí Minh)</i>	5
<i>Lê-nin-nít hay tơ-rốt-skit? (Hoàng Trung Thông)</i>	10
<i>Ba mươi câu hỏi, ba mươi câu trả lời về cuốn "Lịch sử đảng Cộng sản Liên Xô" (Nguyễn Văn Liên)</i>	23
<i>Vấn đề dân chủ đa nguyên trong phong trào lao động (Hoàng Khoa Khôi)</i>	50
<i>Quyền con người (Hoàng Khoa Khôi)</i>	57
<i>Người trốn-kết kể chuyện (Đỗ Quỳên)</i>	60
<i>Tôi quý Tạ Thu Thâu (Trần Văn Ân)</i>	69
<i>Một nhận định về Trần Đức Thảo (Hoàng Khoa Khôi)</i>	87
<i>Nói chuyện với ông Hoàng Khoa Khôi, trưởng ban chủ biên dịch thuật cuốn "Cuộc cách mạng bị phản bội" (Vũ Huy Quang)</i>	91
<i>Đệ tam Đệ tứ: Những khác biệt (Hoàng Khoa Khôi)</i>	112
<i>Cái chết của nhà ái quốc Tạ Thu Thâu (Hoàng Nguyễn)</i>	121
<i>Sách của Tủ sách Nghiên cứu</i>	129
<i>Mục lục</i>	130